



# Những rào cản trong công tác thu hồi tài sản

Phân tích những rào cản chính  
và các khuyến nghị thực thi

Kevin M. Stephenson

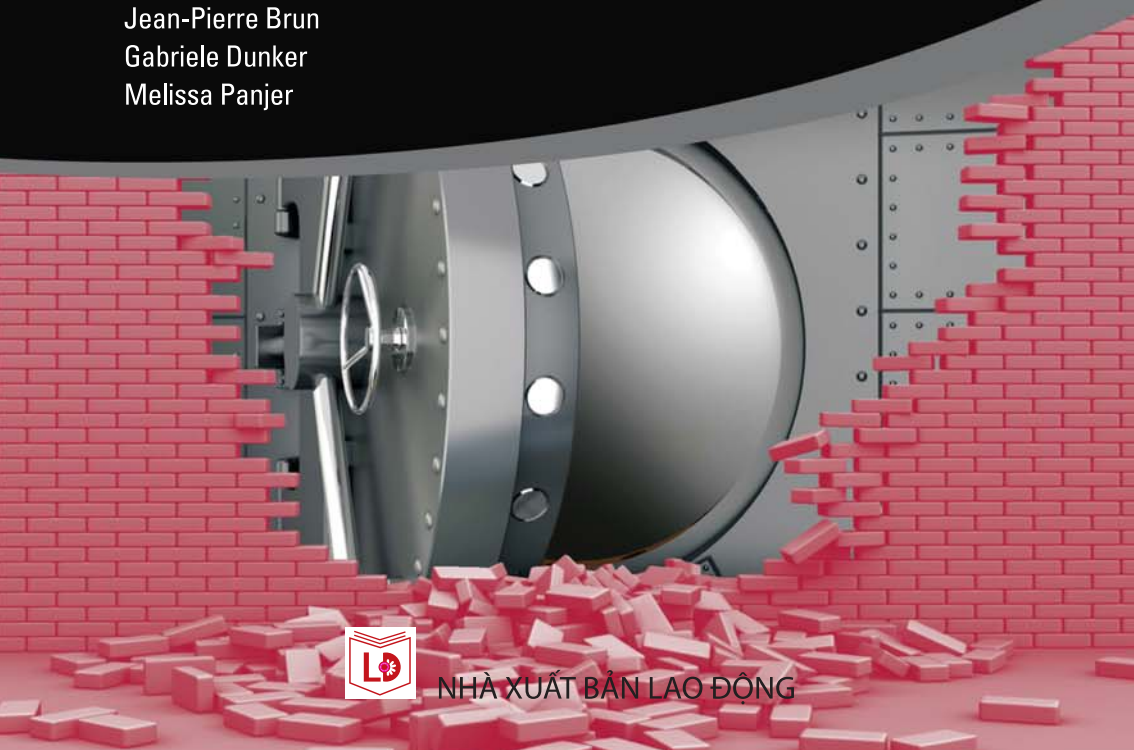
Larissa Gray

Ric Power

Jean-Pierre Brun

Gabriele Dunker

Melissa Panjer



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG



# **Những rào cản trong công tác thu hồi tài sản**

**Nhà xuất bản Lao Động**



# Những rào cản trong công tác thu hồi tài sản

(Sách tham khảo)

Kevin M. Stephenson  
Larissa Gray  
Ric Power  
Jean-Pierre Brun  
Gabriele Dunker  
Melissa Panjer



Sáng kiến Thu hồi tài sản thất thoát

Ngân hàng Thế giới • UNODC



*Barriers to Asset Recovery: An Analysis of the Key Barriers and Recommendations for Action*

©2011 by International Bank for Reconstruction and Development/The World Bank

*Những rào cản trong công tác thu hồi tài sản: Phân tích những rào cản chính và các khuyến nghị thực thi.*

©2014 Ngân hàng Quốc tế cho Tái thiết và Phát triển/Hiệp hội Phát triển Quốc tế/Ngân hàng Thế giới

1818H, Phố NW

Washington DC 20433

ĐT: 202-473-1000

Internet: [www.worldbank.org](http://www.worldbank.org)

Đã được đăng ký tác quyền

1 2 3 4 1 5 1 4 1 3 1 2

This work was originally published by the World Bank in English as *Barriers to Asset Recovery: An Analysis of the Key Barriers and Recommendations for Action* in 2012. This Vietnamese translation was arranged by Government Inspectorate of Vietnam. Government Inspectorate of Vietnam is responsible for the quality of the translation. In case of any discrepancies, the original language will govern.

Công trình này ban đầu được Ngân hàng Thế giới xuất bản bằng tiếng Anh vào năm 2012 với tựa đề **Những rào cản trong công tác thu hồi tài sản: Phân tích những rào cản chính và các khuyến nghị thực thi.** Bản dịch sang tiếng Việt do Thanh tra Chính phủ chủ trì thực hiện. Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm về chất lượng của bản dịch này. Trong trường hợp có cách hiểu không nhất quán, bản gốc của tài liệu sẽ được sử dụng làm căn cứ chính thức.

Các kết quả, chú giải, kết luận trong tập sách không nhất thiết thể hiện quan điểm của Ngân hàng Thế giới, Ban Giám đốc Ngân hàng Thế giới hay các chính phủ mà Ngân hàng Thế giới đại diện.

Ngân hàng Thế giới không bảo đảm tính chính xác của các số liệu nêu trong tài liệu. Các đường biên giới, ký hiệu màu sắc, tên gọi và những thông tin khác thể hiện trên các bản đồ trong cuốn sách không ngụ ý đưa ra bất kỳ chủ kiến nào từ phía Ngân hàng Thế giới về tình trạng pháp lý của bất kỳ vùng lãnh thổ nào, cũng như bất kỳ sự ủng hộ hay chấp thuận nào đối với những đường biên giới đó.

### **Bản quyền**

Mọi câu hỏi về quyền, giấy phép, bao gồm cả quyền đại lý, đề nghị gửi về Văn phòng Tòa soạn, Ngân hàng Thế giới, 1818 H, Phố NW, Washington, DC 20433, Mỹ; fax: 202-522-2422; e-mail: [pubrights@worldbank.org](mailto:pubrights@worldbank.org)

2011010618

# LỜI GIỚI THIỆU

---

“Những rào cản trong công tác thu hồi tài sản: Phân tích những rào cản chính và các khuyến nghị thực thi” là một công trình nghiên cứu được xây dựng trong khuôn khổ Sáng kiến Thu hồi tài sản thất thoát (Sáng kiến StAR) của Ngân hàng Thế giới (WB) và Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm Liên hợp quốc (UNODC). Nghiên cứu này ra đời trong bối cảnh tham nhũng, đặc biệt là tham nhũng quy mô lớn không có dấu hiệu suy giảm bất chấp quyết tâm chính trị, nỗ lực hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật của nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế trên toàn thế giới. Đây cũng là thời điểm mà các quốc gia trên thế giới bắt đầu nhận thức sâu sắc rằng, thu hồi tài sản có nguồn gốc tham nhũng và trả lại chúng cho những quốc gia nạn nhân là một trong những biện pháp phòng ngừa tham nhũng triệt để và hiệu quả nhất.

Công trình nghiên cứu này được xây dựng công phu, với sự tham gia của đông đảo các nhà hoạt động thực tiễn trên thế giới, đại diện đến từ những quốc gia phát triển và đang phát triển, với nhiều kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong thu hồi tài sản tham nhũng. Thông qua việc cung cấp thông tin cho những nhà lập pháp và hoạt động thực tiễn về thu hồi tài sản trên thế giới về những khó khăn, thách thức chính trong quá trình thu hồi tài sản, nghiên cứu đã đề xuất một số khuyến nghị về mặt chính sách và thực thi nhằm hỗ trợ các quốc gia hoàn thiện pháp luật và thực trạng thực thi pháp luật về thu hồi tài sản tham nhũng.

Được sự đồng ý của Ngân hàng Thế giới, Vụ Hợp tác quốc tế, Thanh tra Chính phủ đã chủ trì công tác biên dịch toàn bộ ấn phẩm này sang Tiếng Việt. Đây là một hoạt động trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường năng lực thực thi Công ước của Liên hợp

quốc về chống tham nhũng và vai trò của các chủ thể ngoài khu vực Nhà nước nhằm hỗ trợ công tác phòng, chống tham nhũng của Chính phủ Việt Nam”, giai đoạn 2014-2017, do Thanh tra Chính phủ và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc phối hợp thực hiện. Chúng tôi tin tưởng rằng, công trình nghiên cứu này sẽ là một nguồn tài liệu hữu ích, phục vụ thiết thực cho chu trình đánh giá thực thi Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng lần thứ 2 và công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật và hiệu quả thực thi pháp luật về thu hồi tài sản nói riêng và phòng, chống tham nhũng nói chung ở Việt Nam.

Vụ Hợp tác quốc tế - Thanh tra Chính phủ xin trân trọng giới thiệu./.



# Mục lục

---

|                                                                                                           |                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>Lời cảm ơn</b>                                                                                         | <b><i>xi</i></b> |
| <b>Từ viết tắt</b>                                                                                        | <b><i>xv</i></b> |
| <b>Nội dung khái quát</b>                                                                                 | <b><i>1</i></b>  |
| <b>Những khuyến nghị căn bản</b>                                                                          | <b><i>7</i></b>  |
| Các khuyến nghị                                                                                           | 7                |
| Đặt vấn đề và phương hướng giải quyết                                                                     | 17               |
| Phương pháp luận                                                                                          | 22               |
| Chu trình Lausanne                                                                                        | 24               |
| Phương pháp sử dụng nghiên cứu này                                                                        | 26               |
| <b>Những rào cản chung và các vấn đề về thể chế</b>                                                       | <b><i>30</i></b> |
| Rào cản 1: Thiếu sự tin tưởng                                                                             | 30               |
| Rào cản 2: Thiếu một chính sách thu hồi tài sản toàn diện                                                 | 37               |
| Rào cản 3: Thiếu nguồn lực                                                                                | 47               |
| Rào cản 4: Thiếu sự tuân thủ và thực thi có hiệu quả các biện pháp chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố | 49               |
| Rào cản 5: “Quá nhiều đầu bếp sẽ làm hỏng bữa ăn” - Thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả                        | 55               |
| Rào cản 6: Kích hoạt nhanh thủ tục yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức                                   | 60               |
| <b>Những rào cản và yêu cầu pháp lý làm trì hoãn quá trình tương trợ</b>                                  | <b><i>67</i></b> |
| Rào cản 7: Những khác biệt trong truyền thống pháp luật                                                   | 67               |
| Rào cản 8: Không thể thực hiện tương trợ tư pháp                                                          | 71               |
| Rào cản 9: Không tuân thủ UNCAC và UNTOC                                                                  | 77               |
| Rào cản 10: Không có cơ chế phong tỏa hoặc tịch thu tài sản khẩn cấp                                      | 78               |

|                                                                                                                |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Rào cản 11: Tài sản bị tẩu tán do phải thực hiện nghĩa vụ thông báo thông tin trong trường hợp không cần thiết | 80         |
| Rào cản 12: Luật về bí mật ngân hàng                                                                           | 83         |
| Rào cản 13: Các quy định về thủ tục tố tụng và bằng chứng                                                      | 86         |
| Rào cản 14: Không quy định về phong tỏa và tịch thu tài sản có giá trị tương đương                             | 95         |
| Rào cản 15: Thiếu cơ chế thu hồi không dựa trên phán quyết của tòa án                                          | 95         |
| Rào cản 16: Không thể ký kết Thỏa thuận tự nhận tội                                                            | 100        |
| Rào cản 17: Những quy định về miễn trừ cản trở hoạt động truy tố và tương trợ tư pháp                          | 102        |
| Rào cản 18: Trường hợp hết thời hiệu khởi kiện                                                                 | 107        |
| Rào cản 19: Không công nhận và thi hành phán quyết phong tỏa và tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài          | 110        |
| Rào cản 20: Không thể trả lại tài sản cho quốc gia yêu cầu                                                     | 112        |
| <b>Những rào cản trong quá trình thực thi và những vấn đề liên quan đến cơ chế trao đổi thông tin</b>          | <b>114</b> |
| Rào cản 21: Không có đầu mối hoặc những đầu mối không rõ ràng                                                  | 114        |
| Rào cản 22: Các yêu cầu pháp lý để tương trợ tư pháp khẩn khe và căn cứ từ chối tương trợ tư pháp quá rộng     | 117        |
| Rào cản 23: Thiếu thông tin về những yêu cầu đối với tương trợ tư pháp                                         | 122        |
| Rào cản 24: Thiếu linh hoạt trong giải quyết vấn đề                                                            | 125        |
| Rào cản 25: Các kênh thông tin không rõ ràng và không phản hồi yêu cầu tương trợ                               | 129        |
| Rào cản 26: Những trì hoãn không hợp lý trong tương trợ tư pháp                                                | 130        |
| Rào cản 27: Thiếu hệ thống cơ sở dữ liệu công sẵn có                                                           | 134        |
| Rào cản 28: Xác định tài khoản ngân hàng ở nước ngoài                                                          | 135        |

|                                                                                                                                                                                  |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Rào cản 29: Sử dụng tài sản phong tỏa để trả lệ phí tư pháp;<br>tài sản được thu hồi bị tiêu tán do việc chi trả<br>chi phí không nằm trong kế hoạch; quản lý tài<br>sản yếu kém | 136        |
| <b>Phụ lục A. Bảng các khuyến nghị</b>                                                                                                                                           | <b>142</b> |
| <b>Phục lục B</b>                                                                                                                                                                | <b>163</b> |
| Canada                                                                                                                                                                           | 163        |
| Đảo Cayman                                                                                                                                                                       | 170        |
| Pháp                                                                                                                                                                             | 178        |
| Đức                                                                                                                                                                              | 184        |
| Guersey                                                                                                                                                                          | 189        |
| Đặc khu Hành chính Hồng Kông, Trung Quốc                                                                                                                                         | 199        |
| Nhật Bản                                                                                                                                                                         | 209        |
| Jersey                                                                                                                                                                           | 216        |
| Liechtenstein                                                                                                                                                                    | 223        |
| Singapore                                                                                                                                                                        | 231        |
| Tây Ban Nha                                                                                                                                                                      | 239        |
| Thụy Sĩ                                                                                                                                                                          | 246        |
| Vương quốc Anh                                                                                                                                                                   | 253        |
| Hoa Kỳ                                                                                                                                                                           | 261        |
| <b>Thuật ngữ</b>                                                                                                                                                                 | <b>268</b> |



Công trình nghiên cứu này là kết quả của những nỗ lực hợp tác chung của đồng nghiệp khắp nơi trên thế giới. Thời gian và kinh nghiệm chuyên môn của họ đã giúp chúng ta định hình được những rào cản trong công tác thu hồi tài sản để từ đó đưa ra những khuyến nghị để vượt qua các rào cản này.

Ấn phẩm được biên soạn bởi Ông Kevin M. Stephenson (trưởng nhóm Liêm chính Thị trường Tài chính), Bà Larissa Gray (nhóm Liêm chính Thị trường Tài chính, Ngân hàng Thế giới), Ông Ric Power (Cơ quan chống má túy và tội phạm Liên hợp quốc - UNODC), Ông Jean-Pierre Brun (nhóm Liêm chính Thị trường Tài chính, Ngân hàng Thế giới), Bà Gabriele Dunker (tư vấn dự án) và Bà Melissa Panjer (tư vấn dự án).

Tập thể tác giả đặc biệt cảm ơn Ông Adrian Fozzard (Điều phối viên, Sáng kiến thu hồi tài sản bị thất thoát – StAR), Ông Dimitri Vlassis (Trưởng Bộ phận chống tham nhũng và tội phạm kinh tế - UNODC) và Ông Jean Pesme (Quản lý, nhóm Liêm chính Thị trường Tài chính, Mạng lưới phát triển tài chính và khu vực tư nhân) vì những hỗ trợ và chỉ dẫn trong quá trình xây dựng nghiên cứu.

Trong quá trình dự thảo và tham vấn để hoàn thiện ấn phẩm, chúng tôi đã tổ chức các hội thảo ở Viên, Áo (tháng 5/2009), Casablanca, Morocco (tháng 8/2009), Buenos Aires, Argentina (tháng 8/2009) và Lausanne, Thụy Sĩ (tháng 5/2010). Bên cạnh đó, những chuyến khảo sát thực địa dành cho những nhà hoạt động thực tiễn đã không thể tham gia vào những hội thảo trên cũng được tiến hành tại đảo Cayman, Ý, Nhật Bản và Singapore. Những nhà hoạt động thực tiễn từ những nền tài phán tuân theo hệ thống dân luật và thông luật, từ những quốc gia đã phát triển và đang phát triển, đã chia sẻ những

kinh nghiệm của họ trong việc thu hồi tài sản dựa trên phán quyết tòa án, thu hồi không dựa trên phán quyết của tòa án, thu hồi thông qua các vụ kiện dân sự, quá trình điều tra, truy tìm tài sản, hợp tác quốc tế và quản lý tài sản. Danh sách tên của các cá nhân dưới đây được sắp xếp bên cạnh tên quốc gia hoặc tổ chức mà họ có quốc tịch hoặc hoạt động. Những người đã tham gia một hoặc hơn một hội thảo hoặc khảo sát thực địa bao gồm: Yves Aeschlimann (Thụy Sĩ), Oscar Alberto Del Rio (Colombia), Jorge Alberto Lara Rivera (Mexico), Georgis Taylor Alexander (Saint Lucia), Simon Alexis (Trinidad), Jose Amarilla (Paraguay), Maria Araujo (Brazil), Luis Arocena (Argentina), William Bailhache (Jersey), Gary Balch (Anh), Jaime S.Bautista (Philippines), Kennedy Bosire (Kenya), Robert Broekhuijsen (Hà Lan), Katia Bucaino (Ý), Rachmat Budiman (Indonesia), Ian Bulmer (Canada), Lindsey Cacho (Đảo Cayman), Ricardo Cespedes (Cộng hòa Bolivar Venezuela), Zephyrine A.T.Charles (Grenada), Leong Kok Cheong (Singapore), Jean-Sebastien Conty (Pháp), Mohammed Dauda (Nigeria), Maxence Delorme (Pháp), Jean-Pierre Mvondo Evezoò (Cameroon), Mario Gara (Ý), Pascal Gossin (Thụy Sĩ), Adrian Fajardo (Mexico), Ahmed Yassine Foukara (Morocco), Vernon Francois (Saint Lucia), Clara Garrido (Colombia), Rudolph Gordon (Đảo Cayman), Yoshinobu Goto (Nhật bản), Soh Kee Hean (Singapore), Hay Hung Chun (Singapore), Koji Hayashi (Nhật Bản), Edward Hoseah (Tanzania), Henderson Hunte (Đảo Cayman), Takeshi Hiramatsu (Nhật Bản), Karen Hughes (St.Kitts và Nevis), Giovanni Ilacqua (Ý), Toshifumi Ishida (Nhật bản), Lawrence Iwodi (Nigeria), Shoichi Izawa (Nhật Bản), Elena Jacob (Đảo Cayman), Stephanie Jeavons (Anh), Mathew Joseph (Singapore), Miguel Jurado Fabara (Ecuador), Vitaliy Kasko (Ukraine), Jumpei Kawahara (Nhật Bản), Shuhei Kojima (Nhật Bản), Yoshiyuki Komiya (Nhật Bản), Bibiana Lee (Singapore), Claudio Mascotto (Thụy Sĩ), John Masters (Đảo Cayman), Takashi Miura (Nhật Bản), Winston Cheng Howe Ming (Singapore), Abdul Mobin (Bangladesh), Ruth Molina (Guatemala), Yoshinori Momonoi (Nhật Bản), Enrico Monfrini (Thụy Sĩ), Shoko

Moriya (Nhật Bản), Holly Morton (Anh), Charles Moynot (Pháp), Elnur Musayev (Azerbaijan), Cahyo Rahadian Muzhar (Indonesia), Maxwell Nkole (Zambia), Jean Fils Kleber Ntamack (Cameroon), Mirza Nurhidayat (Indonesia), Arif Havas Oegroseno (Indonesia), Patricia O'Reilly (Argentina), Juan Pavia Cardell (Tây Ban Nha), Dr. Ricardo Perez Blanco (Uruguay), Justice Jean Permanand (Trinidad), Pedro Pereira (Học viện Quản trị công Basel), Amelia Julia Principe Trujillo (Peru), Frederic Raffray (Guernsey), Renato Righetti (Ý), Nuhu Ribadu (Nigeria), Indra Rosandry (Indonesia), LaTeisha Sandy (St. Vincent và Grenadines), Jean-Bernard Schmid (Thụy Sĩ), Maria Schnebli (Thụy Sĩ), Michael Scully (Singapore), Shunsuke Shirakawa (Nhật Bản), Gavin Shiu (Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc), Salim Succar (Haiti), Romina Tello Cortez (Argentina), Takahiro "Taka" Tsuda (Nhật Bản), Akinori Tsuruya (Nhật Bản), Ronald Viquez Solis (Costa Rica), Naotsugu Umeda (Nhật Bản), Valerie Tay Mei Ing (Singapore), Carmen Visuetti (Panama), Masaki Wada (Nhật Bản), Gerhard Wahle (Đức), Dr. Robert Wallner (Liechtenstein), Gary Walters (Anh), Wayne Patrick Walsh (Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc), Paul Whatmore (Anh), Marilyn Williams (Belize), Simon Williams (Canada), Valentin Zellweger (Thụy Sĩ) và Dr. Fausto Zuccarelli (Ý).

Nhóm biên soạn đã nhận được nhiều bình luận sâu sắc trong suốt quá trình thẩm định nghiên cứu, được đồng chủ trì bởi Ông Jean Pesme và Adrian Fozzard. Những người tham gia bình luận bao gồm: Ông Luis Urrutia Corral (Trưởng FIU, Bộ Tài chính và Tín dụng công, Mexico), Ông Augustin Flah (Bộ phận Pháp chế, Ngân hàng Thế giới), Ông Giovanni Gallo (UNODC), Bà Jeanne Hauch (Bộ phận Liêm chính, Ngân hàng Thế giới), Ông Mutembo Nchito (Nhà thực thi pháp luật MNB, Zambia), Bà Heba Shams (Trợ lý đặc biệt, Văn phòng Giám đốc điều hành, Ngân hàng Thế giới) và Ông Simon Whitfield (Nhóm Chống tham nhũng, Vụ Phát triển quốc tế Anh). Nhóm dự án cũng đánh giá cao những lời khuyên của Ông Barry O'Keefe (Chánh án đã nghỉ hưu của Bộ phận Thương mại và

Thẩm phán bổ sung của Tòa Tối cao của New South Wales, Úc) và Ông Stephen Zimmermann (Giám đốc, Bộ phận Liêm chính, Ngân hàng Thế giới) trong suốt quá trình lên ý tưởng cho dự án.

Nhóm biên soạn cũng đánh giá cao những bình luận đối với danh sách kiểm tra và những vấn đề khác liên quan đến nghiên cứu này của Timothy Le Cocq (Jersey), Samuel Bulgin (Đảo Cayman), Jack de Kluiver (Hoa Kỳ), John Roth (Hoa Kỳ), Andrea Tisi (Hoa Kỳ), Robert Leventhal (Hoa Kỳ), Tim Steele (StAR) và Jean Weld (Hoa Kỳ).

Nhóm biên soạn đặc biệt cảm ơn Bà Thelma Ayamel, Bà Maria Orellano và Bà Jocelyn Taylor về những hỗ trợ hành chính, đặc biệt trong việc thu xếp về hậu cần cho các buổi hội thảo tại Viên, Casablanca và Lausanne; và xin trân trọng cảm ơn Miguel Nicolas de la Riva đã hỗ trợ quản lý dự án. Chúng tôi cũng đặc biệt cảm ơn Ông Valentin Zellweger (Thụy Sĩ), Ông Pierre-Yves Morier (Thụy Sĩ) và Bà Meret Adam (Thụy Sĩ) về sự phối hợp và hợp tác trong quá trình lồng ghép hội thảo Lausanne vào chu trình Lausanne (Lausane V).

*Kevin M. Stephenson*

Trưởng nhóm

Bộ phận Liêm chính Thị trường Tài chính

Ngân hàng Thế giới



## Các từ viết tắt

---

|          |                                                                    |
|----------|--------------------------------------------------------------------|
| ARINSA   | Mạng lưới liên ngành thu hồi tài sản khu vực Nam Phi               |
| AML      | Chống rửa tiền                                                     |
| CARIN    | Mạng lưới liên ngành thu hồi tài sản Camden                        |
| CFT      | Chống tài trợ cho khủng bố                                         |
| DEA      | Cơ quan bài trừ ma túy của Mỹ                                      |
| EU       | Liên minh Châu Âu                                                  |
| FATF     | Lực lượng đặc nhiệm tài chính                                      |
| FBI      | Cục Điều tra liên bang Mỹ                                          |
| FIU      | Đơn vị tình báo tài chính                                          |
| IBERRED  | Mạng lưới hợp tác pháp luật quốc tế Ibero-Mỹ                       |
| ICAR     | Trung tâm thu hồi tài sản quốc tế                                  |
| ICE      | Cơ quan Di trú và Hải quan Mỹ                                      |
| IMoLIN   | Mạng lưới thông tin quốc tế về chống rửa tiền                      |
| INTERPOL | Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế                                   |
| IRS      | Sở Thuế vụ Hoa Kỳ                                                  |
| MLA      | Tương trợ tư pháp                                                  |
| MLAT     | Hiệp định tương trợ tư pháp                                        |
| MOU      | Thỏa thuận hợp tác                                                 |
| NCB      | Thu hồi tài sản không dựa trên phán quyết của tòa án               |
| OECD     | Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế                              |
| PEPs     | Những người có thể lực chính trị                                   |
| StAR     | Sáng kiến thu hồi tài sản thất thoát                               |
| UNCAC    | Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng                         |
| UNODC    | Cơ quan chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc                     |
| UNTOC    | Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia |



# Nội dung khái quát

---

Tài sản công bị thất thoát đang trở thành một vấn nạn lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự lớn mạnh của những quốc gia đang phát triển. Tài sản bị thất thoát khiến những nguồn lực công quý giá vốn dành để xóa đói giảm nghèo và củng cố cơ sở hạ tầng bị chệch hướng đầu tư. Mặc dù không thể xác định chính xác số lượng tài sản có nguồn gốc tham nhũng hiện đang luân chuyển trong nền kinh tế toàn cầu, những con số ước tính vẫn có thể cho thấy mức độ nghiêm trọng và quy mô của vấn nạn này. Theo đó, mỗi năm các quốc gia đang phát triển bị thất thoát từ 20 đến 40 tỷ đô-la Mỹ vì tham nhũng<sup>1</sup>. Tuy nhiên, điều mà những con số thống kê này chưa thể hiện được đó là những tổn thất về mặt xã hội mà tham nhũng gây ra cũng như tác động của nó tới các quốc gia bị nạn tham nhũng hoành hành. Những kẻ đánh cắp tài sản công, thường là lãnh đạo cấp cao nhất của chính phủ, đã làm suy giảm lòng tin của công chúng vào các thể chế công, làm tổn hại đến môi trường đầu tư và làm chệch hướng ngân sách cần phân bổ phục vụ công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế cộng đồng, giáo dục và cơ sở hạ tầng<sup>2</sup>.

Sáng kiến Thu hồi tài sản thất thoát (StAR) ước tính, trong vòng 15 năm qua, các quốc gia mới chỉ thu hồi được 5 tỷ đô-la Mỹ tài sản thất thoát. Khoảng cách khổng lồ giữa con số ước tính khiêm tốn này với số tài sản thực tế thất thoát đã cho thấy sự cần thiết phải xóa bỏ những rào cản trong công tác thu hồi tài sản. Hợp tác quốc tế đóng vai trò quan trọng. Những rào cản đối với công tác thu hồi tài

---

<sup>1</sup> Cơ quan chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc (UNODC) và Ngân hàng Thế giới, “Sáng kiến thu hồi tài sản thất thoát (StAR): Thách thức, cơ hội và kế hoạch hành động” (Washington, DC: Ngân hàng Thế giới 2007), tr.10, Raymond Baker trích dẫn, Gót chân Asin của chủ nghĩa tư bản: Tiền bản và Làm thế nào để làm mới hệ thống thị trường tự do (Hoboken, NJ: John Wiley & Sons, Inc., 2005).

<sup>2</sup> UNODC và Ngân hàng Thế giới, “Sáng kiến thu hồi tài sản thất thoát (StAR): Thách thức, cơ hội và kế hoạch hành động”, tr.9

sản đã được thảo luận trong những công trình nghiên cứu trước đây và Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) đã đưa ra giải pháp để xóa bỏ rất nhiều trong số những rào cản này<sup>3</sup>. Tuy nhiên, quá trình thu hồi kéo dài, hiệu quả thực thi pháp luật thấp và những khó khăn thực tiễn cho thấy, còn rất nhiều những rào cản khác chưa được xóa bỏ.

Công trình này được xây dựng trong khuôn khổ Sáng kiến StAR, bởi các nhà hoạt động thực tiễn trên thế giới có nhiều kinh nghiệm trong THTS và kế thừa kết quả của nhiều nghiên cứu độc lập khác. Hơn 50 nhà hoạt động thực tiễn có kinh nghiệm trong thu hồi tài sản, từ những quốc gia yêu cầu thu hồi tài sản và được yêu cầu thu hồi tài sản, đã được tham khảo ý kiến trong nhiều cuộc hội thảo, khảo sát thực địa và tham gia rà soát những kết quả của nghiên cứu trước khi xuất bản.

Đây là ấn phẩm dành cho những nhà lập pháp. Mục đích chính của nó là thông tin cho những nhà lập pháp về những khó khăn trong quá trình thu hồi tài sản thất thoát và thuyết phục họ hành động theo những khuyến nghị được chỉ ra trong nghiên cứu. Việc thực hiện những khuyến nghị sẽ tăng cường năng lực cho các nhà hoạt động thực tiễn để thu hồi tài sản thành công. Chúng tôi cũng cho rằng, các nhà hoạt động thực tiễn cần tận dụng tối đa những công cụ hiện có như đã được chỉ ra trong phần Khuyến nghị thực thi của nghiên cứu này.

Vì thu hồi tài sản đòi hỏi hành động tập thể nên chúng tôi tin rằng, những tổ chức như Nhóm G20, Nhóm làm việc về Thu hồi tài sản của UNCAC, Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền, các tổ chức tài chính, đối tác phát triển và tổ chức xã hội dân sự có thể cùng hợp tác để loại bỏ những rào cản trong thu hồi tài sản. Thêm vào đó, các tổ chức xã hội dân sự có thể sử dụng nghiên cứu này để xây dựng những tiêu chí đo lường sự tiến bộ của các quốc gia trong việc giải quyết và vượt qua những rào cản trong thu hồi tài sản.

---

<sup>3</sup> Ví dụ, “Báo cáo của Nhóm Thịnh vượng chung về Thu hồi tài sản” (London: Commonwealth Secretariat, Marlboro House, tháng 8/2005).

Cả UNCAC và Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) cần cùng hành động để thu hồi những tài sản do tham nhũng mà có và tài sản bị thất thoát. Việc phê chuẩn và thực thi đầy đủ hai công ước này là một hành động cần thiết. Tuy nhiên, điều đó chưa đủ và không thể coi đó là liều thuốc chữa bách bệnh bởi có những rào cản không thể được vượt qua chỉ bằng việc thông qua hai công ước này.

Chúng tôi đã chỉ ra rất nhiều rào cản trong quá trình thu hồi tài sản và chia chúng thành 03 nhóm rào cản riêng biệt, bao gồm các rào cản căn bản, rào cản về thể chế, rào cản pháp lý với những yêu cầu dẫn đến chậm trễ trong tương trợ tư pháp và những rào cản trong quá trình trao đổi thông tin.

Thứ nhất, những rào cản căn bản hoặc rào cản về thể chế có liên quan đến những vấn đề cốt lõi quá trình thu hồi tài sản. Nghiên cứu chỉ ra rằng, “thiếu ý chí chính trị” được cho là trở ngại chính trong thu hồi tài sản tham nhũng. Thiếu ý chí chính trị được nhóm dự án định nghĩa là sự thiếu vắng một chính sách toàn diện, bền vững cùng cơ chế phối hợp thực hiện hoặc một chiến lược trong đó vấn đề thu hồi tài sản được coi là một nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có sự thống nhất của các mục tiêu, công cụ và các nguồn lực để thực hiện. Những rào cản căn bản còn bao gồm sự thiếu tuân thủ và thực thi các biện pháp chống rửa tiền vốn được coi là một biện pháp quan trọng để phòng ngừa và phát hiện tài sản có nguồn gốc tham nhũng.

Nền tảng của một chính sách và thực tiễn thu hồi tài sản thành công và bền vững của bất cứ quốc gia nào đó là một chính sách và chiến lược rõ ràng, toàn diện, bền vững cùng cơ chế phối hợp thực hiện hiệu quả. Các chiến lược không nên chỉ dừng lại ở cam kết của các nhà lập pháp mà phải xác định rõ các mục đích và mục tiêu, các công cụ sẵn có (pháp luật và các quy định cũng như quy trình), việc huy động những nguồn lực cần thiết và cơ chế chịu trách nhiệm giải trình. Một chiến lược như vậy cần được xây dựng dựa trên cơ sở một chính sách và thực tiễn thực thi chính sách chủ động, linh hoạt

và minh bạch, ví dụ như, căn cứ để từ chối tương trợ tư pháp trong các vụ án thu hồi tài sản không thể dựa trên những lập luận mơ hồ, ví dụ như vì “lợi ích kinh tế”.

Chiến lược này cũng cần quy định những biện pháp chống rửa tiền hiệu quả hơn bởi hiện rất nhiều trong số những biện pháp phòng chống rửa tiền chưa được tuân thủ đúng mức hoặc thực thi hiệu quả. Chúng tôi kêu gọi các tổ chức tài chính và những đơn vị giám sát cần khẩn cấp và chủ động hơn trong những vụ việc có liên quan đến những người có thể lực chính trị.

Hầu hết những rào cản pháp lý là những yêu cầu khá phiền phức trong tương trợ tư pháp; đòi hỏi quá mức về bí mật ngân hàng; thiếu cơ chế thu hồi tài sản không dựa trên phán quyết của tòa án; và những quy định khắt khe về quy trình tố tụng hoặc chứng cứ, bao gồm yêu cầu phải thông tin tới người nắm giữ tài sản trong quá trình điều tra. Loại bỏ những rào cản pháp lý hiển nhiên rất cần thiết. Ngay cả trong trường hợp lý tưởng nhất, việc thiếu vắng một khuôn khổ pháp lý rõ ràng và toàn diện cũng sẽ khiến công tác thu hồi tài sản gặp khó khăn, và trong tình huống tồi tệ nhất là không thể thu hồi được tài sản.

Bản chất của các khuyến nghị đó là xây dựng một phương pháp tiếp cận linh hoạt và chủ động hơn khi đề cập tới các nguyên tắc cùng hình sự hóa (việc hình sự hóa tội phạm ở cả hai nền tài phán) và nguyên tắc có đi có lại; để bảo đảm tính liên chính của quá trình điều tra thông qua việc không thông báo tới người nắm giữ tài sản về hoạt động điều tra khi các biện pháp điều tra và bảo quản tài sản đã được bảo đảm, và khi các quyền tố tụng đã được tuân thủ; từng bước giới hạn các căn cứ từ chối yêu cầu tương trợ tư pháp, bao gồm việc gia hạn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; chấm dứt việc mặc định từ chối yêu cầu tương trợ tư pháp vì những lý do liên quan đến lợi ích kinh tế. Thêm vào đó, nghiên cứu này đặc biệt khuyến nghị việc xóa bỏ một cách có hệ thống những quy định về bí mật ngân hàng trong những vụ án quốc tế có liên quan đến những tội phạm được quy định trong UNCAC và UNTOC. Cuối cùng, các

quy định về thu hồi tài sản không dựa trên phán quyết của tòa án cần phải được thông qua và thực thi.

Ngay cả với một hệ thống pháp luật hoàn thiện, công tác thu hồi tài sản vẫn có thể gặp khó khăn bởi những rào cản trong quá trình thực thi - đó là những khó khăn gây ra bởi các thủ tục và cơ chế trao đổi thông tin giữa các bên. Những vấn đề có thể phát sinh trong quá trình trao đổi thông tin chủ yếu bao gồm: khó khăn trong xác định các đầu mối để yêu cầu tương trợ tư pháp, những khó khăn trong việc duy trì liên lạc và phối hợp trong quá trình thu hồi tài sản, những chậm trễ trong xử lý và thực hiện các yêu cầu về tương trợ tư pháp và những thiếu sót trong quá trình dự thảo văn bản yêu cầu tương trợ đã ngăn cản việc thực hiện tương trợ tư pháp. Những rào cản thực thi khác có thể bao gồm những khó khăn trong việc xác định chủ sở hữu tài khoản ngân hàng do thiếu một hệ thống lưu trữ thông tin ngân hàng ở cấp quốc gia cũng như khó khăn trong quản lý và bảo quản tài sản bị tịch thu trước khi việc thu hồi chính thức diễn ra. Việc thiết lập một hệ thống lưu trữ dữ liệu ngân hàng cấp quốc gia bao gồm những thông tin về chủ tài khoản là một công cụ hữu hiệu giúp truy tìm tài sản và hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác quốc tế. Xây dựng những biện pháp quản lý tài sản hiệu quả và đáng tin cậy nhằm phòng ngừa nguy cơ hao mòn tài sản bị thu giữ hoặc phong tỏa là những khuyến nghị quan trọng giúp tăng cường hiệu quả thu hồi tài sản.

Để củng cố lòng tin và cơ chế trao đổi thông tin giữa các quốc gia, tăng cường năng lực chuyên môn cho các nhà hoạt động thực tiễn, nghiên cứu này kêu gọi các quốc gia tăng cường đào tạo các điều tra viên, thẩm phán, công tố viên về những chuẩn mực pháp luật quốc tế, những công cụ thu hồi tài sản sẵn có và những kinh nghiệm thu được từ những vụ án trên thực tế. Thêm vào đó, chúng tôi khuyến nghị các quốc gia cần cải thiện mạnh mẽ quy trình tố tụng để cho phép các quốc gia có thể hợp tác trước khi có yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức, tạo điều kiện cho quá trình trao đổi thông tin và đảm bảo chất lượng của hoạt động tương trợ tư pháp.

Thu hồi tài sản tham nhũng là một vấn đề pháp lý phức tạp và thực tiễn triển khai còn phức tạp hơn bởi nó phụ thuộc vào nỗ lực hợp tác giữa các quốc gia trong từng bước của quá trình thu hồi tài sản. Khó khăn hơn nữa là việc giúp các quốc gia nhận thức và vượt qua được những rào cản mà nghiên cứu này chỉ ra. Chúng tôi đã xác định những khuyến nghị căn bản và tin tưởng rằng, khi những khuyến nghị này được thực hiện, các nhà hoạt động thực tiễn sẽ có thêm những công cụ cần thiết để tăng cường hiệu quả thu hồi tài sản. Chúng tôi hy vọng rằng việc giám sát những tiến triển trong quá trình thực thi sẽ khiến tỷ lệ thu hồi tài sản cao hơn, và đó cũng là mục đích cuối cùng của công trình nghiên cứu này.



# Những khuyến nghị căn bản

---

Nghiên cứu này đề xuất nhiều khuyến nghị để vượt qua các rào cản trong quá trình thu hồi tài sản (THTS); điều quan trọng là các nhà lập pháp và hoạt động thực tiễn cần xác định thứ tự ưu tiên của các khuyến nghị này. Mỗi khuyến nghị được đưa ra trong phần này sẽ bắt đầu bằng việc nêu vấn đề cần giải quyết một cách ngắn gọn, sau đó đưa ra các khuyến nghị về chính sách và thực thi.

Đây được coi là những khuyến nghị căn bản và quan trọng, quyết định thành công của công tác THTS. Trong nhiều trường hợp, các khuyến nghị căn bản có liên quan tới việc phải vượt qua một hay cùng lúc nhiều rào cản hoặc thách thức trong quá trình THTS. Thực hiện đúng đắn các khuyến nghị căn bản sẽ đảm bảo thành công cho quá trình THTS.

## Các khuyến nghị

### *Khuyến nghị 1*

**Thông qua và thực hiện các kế hoạch mang tính chiến lược và toàn diện nhằm thu hồi tài sản; cung cấp đủ nguồn lực để thực hiện và đào tạo tăng cường năng lực (*Cung cấp cho các nhà hoạt động thực tiễn khuôn khổ pháp lý và các công cụ*).**

Rất nhiều quốc gia không dành sự ưu tiên đúng mức hoặc phân bổ đủ nguồn lực cho công tác THTS, dẫn đến hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn của các nhà hoạt động thực tiễn cũng như những công cụ cần thiết để THTS. Kết quả là, những quốc gia này không cam kết mạnh mẽ và huy động được những công cụ hiệu quả để THTS (Rào cản 2). Thêm vào đó, các cơ quan chức năng cũng thiếu năng lực chuyên môn và kinh nghiệm cần thiết để xây dựng

các văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp hoặc sử dụng các công ước quốc tế và các công cụ khác để hợp tác với nhau trong các vụ án THTS ở nước ngoài (Rào cản 1, 3 và 8).

Những nỗ lực THTS thường chỉ đạt kết quả khi các quốc gia xây dựng và thực hiện những kế hoạch mang tính chiến lược một cách hiệu quả. Những kế hoạch này cần quy định cơ chế báo cáo và theo dõi những tiến triển và kết quả đạt được. Thêm vào đó, những cơ quan có liên quan trong quá trình THTS cần được tập huấn về những quy định của pháp luật quốc gia, các công ước và tiêu chuẩn quốc tế; các quốc gia cần thành lập những nhóm cán bộ điều tra hoặc truy tố chuyên trách; đảm bảo cung cấp đủ nguồn lực cho các điều tra viên trong lĩnh vực tài chính, công tố viên, thẩm phán và các cá nhân có liên quan khác.

Đặt ra vấn đề trách nhiệm giải trình đối với kết quả hoạt động cũng là những động lực cần thiết để đảm bảo tính chủ động và trách nhiệm của các lực lượng chuyên trách về THTS.

## ***Khuyến nghị 2***

**Thông qua những chính sách và quy trình hoạt động để tăng cường sự tin tưởng lẫn nhau và cải thiện cơ chế trao đổi thông tin (*Xây dựng mối quan hệ tin tưởng lẫn nhau*).**

Sự thiếu tin tưởng giữa các quốc gia có thể ngăn cản hoặc trì hoãn quá trình thực hiện tương trợ tư pháp, đặc biệt là đối với những vấn đề khẩn cấp hoặc khi có sự khác biệt trong hệ thống pháp luật, chính trị và tư pháp giữa các quốc gia. Nếu không có sự tin tưởng lẫn nhau, các quốc gia sẽ do dự khi phải chia sẻ những thông tin tình báo, hỗ trợ thu thập chứng cứ hoặc phong tỏa, tịch thu, thu hồi hoặc trả lại tài sản (Rào cản 2 và 7). Bên cạnh đó, các yêu cầu tương trợ tư pháp có thể bị từ chối nếu được cho là không thích hợp, không rõ ràng, lan man, hoặc chứa đựng những thông tin không liên quan. Ngoài ra, hợp tác quốc tế có thể bị cản trở do thiếu

thông tin về những hình thức hỗ trợ không chính thức, về các quy định pháp luật hiện hành, quy trình tố tụng, quy định về chứng cứ, những yêu cầu về tương trợ tư pháp và thực trạng xử lý các yêu cầu (Rào cản 4, 23 và 24).

Việc tăng cường cơ chế trao đổi thông tin và sự tham vấn giữa các cơ quan liên quan sẽ giúp cải thiện hiệu quả tương trợ tư pháp và tăng cơ hội thành công trong quá trình truy tìm và THTS thất thoát. Các quốc gia cần thông qua những chính sách và quy trình nhằm tăng cường sự tin tưởng và cải thiện cơ chế trao đổi thông tin, ví dụ như:

- Cơ chế mặc định chia sẻ thông tin với một quốc gia khác;
- Tạo điều kiện trao đổi thông tin ở cấp chuyên viên thuộc các cơ quan chức năng, ví dụ, thông qua việc quy định và bảo đảm hỗ trợ tài chính cho hoạt động của thẩm phán, đơn vị tình báo tài chính, cán bộ đầu mối, tùy viên và cảnh sát, được biệt phái sang hoạt động ở quốc gia nước ngoài;
- Cho phép các quốc gia phát triển cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và các hỗ trợ khác để khắc phục những khó khăn liên quan đến vấn đề trao đổi thông tin mà các quốc gia đang phát triển gặp phải;
- Khuyến khích sự tham gia vào các cuộc hội thảo song phương và đa phương và mạng lưới những nhà hoạt động thực tiễn, bao gồm những mạng lưới THTS khu vực; và
- Xác định những cán bộ đầu mối ở cơ quan trung ương hoặc các cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm xử lý những yêu cầu về tương trợ tư pháp chính thức và không chính thức.

Các quốc gia nên thông qua những chính sách và quy định pháp luật để cải thiện cơ chế chia sẻ thông tin giữa các cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp (cơ quan yêu cầu) và cơ quan tiếp nhận yêu cầu (cơ quan được yêu cầu), bao gồm những thông tin liên quan đến thực trạng thực hiện các yêu cầu. Những thông tin này cần toàn

diện, dễ tiếp cận và công khai trên cổng thông tin điện tử của chính phủ. Những thông tin đó có thể bao gồm:

- Luật tương trợ tư pháp và các quy định có liên quan, các công cụ pháp lý sẵn có;
- Mẫu văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp cùng các hướng dẫn cụ thể;
- Các kỹ thuật điều tra được và không được pháp luật thừa nhận;
- Các tiêu chuẩn về bằng chứng và nghĩa vụ chứng minh;
- Những thông tin có thể được cung cấp mà không cần phải có văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức;
- Những báo cáo về thực trạng xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp; và
- Căn cứ từ chối tương trợ tư pháp.

### ***Khuyến nghị 3***

**Tiến hành cải cách lập pháp nhằm hỗ trợ tăng cường năng lực cho các cơ quan liên quan để thu giữ và tịch thu tài sản thất thoát (Tránh tư duy theo lối mòn).**

Hầu hết các quốc gia yêu cầu phải có phán quyết hình sự của tòa án làm căn cứ để tịch thu tài sản. Việc buộc tội có thể đặc biệt khó khăn nếu kẻ tham nhũng đã lường trước được hoặc trì hoãn quá trình điều tra hình sự (Rào cản 15). Thêm vào đó, để có thể phong tỏa hoặc tịch thu tài sản, nhiều quốc gia yêu cầu các cơ quan công tố phải chứng minh được mối liên hệ giữa tội phạm và tài sản. Vì tài sản thất thoát thường bị trộn lẫn với những tài sản hợp pháp nên việc đáp ứng những tiêu chuẩn về bằng chứng của pháp luật hình sự trong việc chỉ ra mối liên hệ này thường rất khó khăn (Rào cản 13 và 14).

Để hỗ trợ các cơ quan giải quyết được vấn đề này, các quốc gia đã tiến hành cải cách hệ thống pháp luật theo hướng:

- Giảm nghĩa vụ chứng minh trong THTS đối với những tội phạm được quy định trong UNCAC và UNTOC;
- Chuyển nghĩa vụ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản cho kẻ bị tình nghi phạm tội sau khi cơ quan công tố có bằng chứng đáng tin cậy cho rằng tài sản này có nguồn gốc bất hợp pháp;
- Cho phép tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết hoặc khi không chứng minh được tội phạm;
- Cho phép thực hiện một cách trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định THTS không dựa trên phán quyết của tòa án nước ngoài;
- Cho phép phong tỏa hoặc THTS hợp pháp thay thế có giá trị tương đương với tài sản thất thoát.

#### ***Khuyến nghị 4***

##### ***Áp dụng hiệu quả các biện pháp chống rửa tiền (Tận dụng các công cụ hiện có).***

Khi các biện pháp chống rửa tiền không được triển khai hiệu quả, những người có thể lực chính trị hoặc kẻ tham nhũng rất dễ dàng luân chuyển những tài sản do tham nhũng mà có tới các trung tâm tài chính. Nếu các biện pháp phòng chống rửa tiền như kiểm tra thông tin khách hàng hoặc báo cáo giao dịch đáng ngờ được thực hiện hiệu quả, các cơ quan và tổ chức tài chính có thể chặn đứng sự luân chuyển của các tài sản bị thất thoát tới các trung tâm tài chính.

Để tăng cường hiệu quả các biện pháp chống rửa tiền, các quốc gia cần:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp chống rửa tiền được quy định trong các điều ước và chuẩn mực quốc tế (bao gồm UNCAC và các khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm Tài chính về chống rửa tiền); và

- Thực hiện các khuyến nghị của Sáng kiến StAR liên quan đến những người có thể lực chính trị, buộc các trung tâm tài chính phải:
  - o Áp dụng biện pháp kiểm tra thông tin khách hàng đối với tất cả những người có thể lực chính trị, là công dân của nước sở tại hay công dân nước ngoài;
  - o Yêu cầu kê khai về chủ sở hữu hưởng lợi;
  - o Yêu cầu kê khai thu nhập và tài sản;
  - o Tiến hành rà soát định kỳ về các khách hàng là những người có thể lực chính trị; và
  - o Không giới hạn thời gian quy định một cá nhân được coi là người có thể lực chính trị.

### ***Khuyến nghị 5***

#### **Xây dựng cơ sở pháp lý toàn diện cho tất cả các loại hình tương trợ tư pháp (*Ý chí chính trị phải song hành với thực thi pháp luật*)**

Các quốc gia cần một cơ sở pháp lý để thực hiện tương trợ tư pháp; cơ sở đó có thể là các điều ước quốc tế, pháp luật quốc gia, các thỏa thuận song phương về tương trợ tư pháp, hoặc sự đảm bảo nguyên tắc có đi có lại. Hầu hết các quy định pháp luật về tương trợ tư pháp hoặc các thỏa thuận song phương về tương trợ tư pháp đều cho phép quốc gia được yêu cầu tương trợ từ chối tương trợ trong một số trường hợp nhất định. Căn cứ từ chối không thích đáng hoặc quá rộng sẽ là trở ngại cho quá trình THTS (Rào cản 22).

Để vượt qua những rào cản này, các quốc gia cần bảo đảm rằng, pháp luật về tương trợ tư pháp cho phép các cơ quan chức năng áp dụng tất cả các hình thức tương trợ trong lĩnh vực hình sự như quy định trong UNCAC và UNTOC. Các quốc gia cũng nên giới hạn và xác định rõ những căn cứ cho phép từ chối tương trợ tư pháp. Cụ thể, các quốc gia cần:

- Hạn chế quy định những căn cứ từ chối tương trợ đối với những tội phạm được quy định trong UNCAC và UNTOC;
- Tránh quy định những căn cứ bắt buộc phải từ chối tương trợ;
- Thực hiện yêu cầu tương trợ mà không đòi hỏi nguyên tắc cùng hình sự hóa hoặc có đi có lại, cụ thể là trong những vụ án có liên quan đến việc thực hiện các quyết định của tòa án về điều tra, phong tỏa và tịch thu; hoặc cho phép áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên hành vi để áp dụng nguyên tắc cùng hình sự hóa.

### ***Khuyến nghị 6***

#### **Cho phép truy tìm nhanh, tạm thời phong tỏa hoặc tịch thu tài sản trước khi nhận được văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức (*Phong tỏa tài sản trước khi bị tẩu tán*)**

Trì hoãn trong việc thực hiện yêu cầu phong tỏa hoặc tịch thu có thể dẫn đến việc tẩu tán tài sản. Những quy định hiện hành về tương trợ tư pháp đã không đủ chặt chẽ để ngăn cản việc tẩu tán tài sản, đặc biệt là đối với các quốc gia theo hệ thống thông luật thường yêu cầu phải có quyết định của tòa án mới được tiến hành truy tìm hoặc tạm thời phong tỏa, THTS (Rào cản 10). Những quy định có phần thái quá về bí mật ngân hàng cũng gây khó khăn cho việc thu thập thông tin về tài khoản và chủ tài khoản ngân hàng. Việc thu thập những thông tin cần thiết về tài sản thường rất khó khăn khi không có hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia (Rào cản 12). Khi xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp, các quốc gia thường gặp khó khăn trong việc định vị tài sản có liên quan hoặc xác định tài khoản tiền gửi của kẻ tham nhũng trong các ngân hàng ở nước ngoài (Rào cản 27 và 28).

Để vượt qua những khó khăn này, các quốc gia cần thông qua những quy định hoặc thực thi những chính sách cho phép hỗ trợ việc xác định tài sản thất thoát của quốc gia mình, bao gồm những chính sách cho phép:

- Giới hạn và quy định cụ thể những loại hình thông tin được ngân hàng bảo mật;

- Xây dựng những tiêu chí theo hướng có lợi cho việc tiếp cận thông tin của các điều tra viên;
- Cho phép cung cấp một số thông tin nhất định mà không cần có yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức, bao gồm những thông tin liên quan đến hồ sơ nhà đất, hồ sơ công ty, thông tin về ban lãnh đạo và cổ đông công ty.

Các quốc gia cũng cần có những công cụ hỗ trợ cho quá trình xác định và phong tỏa tài sản. Để định vị tài sản, các quốc gia cần xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu công khai sẵn có để các quốc gia khác có thể tiếp cận thông tin mà không cần thông qua các yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức. Hệ thống dữ liệu này bao gồm các hồ sơ công ty, giấy tờ nhà đất và hồ sơ của các tổ chức phi lợi nhuận. Thêm vào đó, các quốc gia cần xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin ngân hàng ở cấp độ quốc gia trong đó bao gồm những thông tin về tài khoản, như tên của những chủ sở hữu hưởng lợi và những người được ủy quyền.

Có một số biện pháp giúp các quốc gia đẩy nhanh tiến độ phong tỏa tài sản, ví dụ như biện pháp phong tỏa tài sản tạm thời (trong vòng ít nhất 72 giờ) và trao thẩm quyền phong tỏa cho thẩm phán, công tố viên hoặc các cơ quan có chức năng khác. Đối với những quốc gia không cho phép thẩm phán hoặc công tố viên ra quyết định phong tỏa tài sản, pháp luật có thể quy định cơ chế tự động phong tỏa sau khi có quyết định bắt giữ hoặc kết án.

### ***Khuyến nghị 7***

**Khuyến khích, tạo điều kiện và duy trì tất cả các biện pháp hỗ trợ không chính thức trước khi có văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức (*Trước tiên, hãy trao đổi với các đồng nghiệp*).**

Không nhất thiết phải có văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức trong tất cả các giai đoạn của quá trình điều tra hoặc trong quá trình thu thập thông tin và dữ liệu tình báo. Các quốc gia có



thể cung cấp hỗ trợ không chính thức cho nhau mà không cần phải thông qua yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức<sup>4</sup>. Mặc dù ưu điểm của hình thức hỗ trợ không chính thức là giúp các quốc gia cần THTS có thể nhanh chóng định hình một chiến lược THTS cụ thể và tạo cơ sở cho việc gửi đi văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức sau đó, hình thức này vẫn hiếm khi được các quốc gia tận dụng tối đa (Rào cản 6).

Các quốc gia cần nỗ lực yêu cầu được hỗ trợ không chính thức trước và trong quá trình gửi văn bản yêu cầu hỗ trợ chính thức, đồng thời phải tôn trọng những thỏa thuận về tính bảo mật thông tin. Quốc gia được yêu cầu THTS cần sẵn sàng cung cấp những hỗ trợ không chính thức và khuyến khích những trao đổi không chính thức trong tất cả các giai đoạn của quá trình hỗ trợ. Các hình thức hỗ trợ không chính thức có thể bao gồm việc trao đổi thông tin trực tiếp giữa các đơn vị tình báo tài chính, cảnh sát, công tố viên và thẩm phán.

### ***Khuyến nghị 8***

**Những quốc gia có kinh nghiệm trong thu hồi tài sản cần hướng dẫn và hỗ trợ đào tạo những nhà hoạt động thực tiễn ở những quốc gia có ít kinh nghiệm hơn (*Hỗ trợ lẫn nhau*).**

Nhiều nhà hoạt động thực tiễn không đủ kinh nghiệm và kiến thức về THTS để có thể xây dựng những văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp rõ ràng, cô đọng trong những vụ án cụ thể. Những văn bản yêu cầu được xây dựng kém chất lượng hoặc không phù hợp chắc chắn sẽ bị các quốc gia được yêu cầu từ chối thực hiện (Rào cản 24).

Để cải thiện chất lượng của các văn bản yêu cầu, các quốc gia có nhiều kinh nghiệm cần:

---

<sup>4</sup> Không chính thức ở đây được hiểu theo nghĩa là thủ tục này không đặt ra nhiều yêu cầu về thủ tục tố tụng nhưng không bao gồm bất cứ một hình thức bất hợp pháp hoặc “thỏa thuận nơi hậu trường” nào.

- Hỗ trợ đào tạo thông qua việc bố trí các thẩm phán, công tố viên, tùy viên hoặc chuyên gia pháp luật làm việc biệt phái tại những quốc gia có năng lực hạn chế hơn;
- Hỗ trợ tài chính cho các quốc gia đang phát triển để cử những cán bộ đầu mối làm việc biệt phái tại các cơ quan có liên quan ở quốc gia được yêu cầu; và
- Tăng cường năng lực của các quốc gia đang phát triển thông qua việc lồng ghép nội dung hỗ trợ về THTS vào các chương trình hỗ trợ kỹ thuật.

## Đặt vấn đề và phương hướng giải quyết

---

Tài sản công bị thất thoát đang trở thành một vấn nạn lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự lớn mạnh của những quốc gia đang phát triển. Tài sản bị thất thoát khiến những nguồn lực công quý giá vốn dành để xóa đói giảm nghèo và củng cố cơ sở hạ tầng bị chệch hướng đầu tư. Cộng đồng quốc tế đã quyết định không thể để những lãnh đạo tham nhũng tiếp tục phạm tội hoặc ung dung tận hưởng các tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp.

Mặc dù không thể xác định chính xác số lượng tài sản có nguồn gốc tham nhũng hiện đang luân chuyển trong nền kinh tế toàn cầu, những con số ước tính vẫn có thể cho thấy mức độ nghiêm trọng và quy mô của vấn nạn này. Theo ước tính, tài sản có nguồn gốc từ hành vi tội phạm, tham nhũng và trốn thuế chiếm khoảng 1 nghìn tỷ đến 1,6 nghìn tỷ đô-la Mỹ hằng năm, một nửa trong số đó là tài sản của các quốc gia đang phát triển<sup>5</sup>. Tuy nhiên, điều mà những con số thống kê này chưa thể hiện được đó là những tổn thất về mặt xã hội mà tham nhũng gây ra cũng như tác động của nó tới các quốc gia bị nạn tham nhũng hoành hành. Những kẻ đánh cắp tài sản công, thường là lãnh đạo cấp cao nhất của chính phủ, đã làm suy giảm lòng tin của công chúng vào các thể chế công, làm tổn hại đến môi trường đầu tư và làm chệch hướng ngân sách cần phân bổ phục vụ công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế cộng đồng, giáo dục và cơ sở hạ tầng<sup>6</sup>.

---

<sup>5</sup> Cơ quan chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc (UNODC) và Ngân hàng Thế giới, “Sáng kiến thu hồi tài sản thất thoát (StAR): Thách thức, cơ hội và kế hoạch hành động” (Washington, DC: Ngân hàng Thế giới 2007), tr.10, Raymond Baker trích dẫn, Gót chân Asin của chủ nghĩa tư bản: Tiền bản và Làm thế nào để làm mới hệ thống thị trường tự do (Hoboken, NJ: John Wiley & Sons, Inc., 2005).

<sup>6</sup> UNODC và Ngân hàng Thế giới, “Sáng kiến thu hồi tài sản thất thoát (StAR): Thách thức, cơ hội và kế hoạch hành động”, tr.9

Trước thực trạng hàng tỷ đô-la bị đánh cắp bởi các nhà chính trị và quan chức cấp cao ở các quốc gia đang phát triển, Ngân hàng Thế giới và Cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc (UNODC) đã phát động Sáng kiến Thu hồi tài sản thất thoát (StAR) vào năm 2007 nhằm hỗ trợ các quốc gia thu hồi và trả lại tài sản bị thất thoát cho các quốc gia nạn nhân. StAR tập trung vào những vụ án mà những nhà lãnh đạo tham nhũng, các quan chức và cộng sự của họ phải chịu trách nhiệm vì đã đánh cắp hàng triệu, thậm chí là hàng tỷ đô-la Mỹ. Tham nhũng lớn thường bắt nguồn từ hành vi ăn cắp, tham ô, hối lộ và các tội phạm hình sự khác. Mặc dù Sáng kiến StAR không chủ ý đề cập đến các hình thức tham nhũng vặt, nhưng một vài trong số những khuyến nghị của Sáng kiến này cũng có thể giúp các nhà hoạt động thực tiễn điều tra và truy tố hiệu quả hơn tất cả các loại hình tham nhũng.

Theo thống kê của StAR, trong vòng 15 năm trở lại đây, chỉ có 5 tỷ đô-la Mỹ được thu hồi. Khoảng cách quá lớn giữa tỷ lệ tài sản được thu hồi với con số tài sản thực sự thất thoát cho thấy những khó khăn nghiêm trọng mà các quốc gia đang phải đối mặt trong cuộc chiến giành lại công lý cho những nạn nhân của tệ tham nhũng. Rõ ràng rằng, những khó khăn này có liên quan đến việc ngăn chặn sự chuyển dịch những tài sản này rời khỏi quốc gia nạn nhân; được tẩy rửa tại các trung tâm tài chính và việc xác định và truy tìm tài sản. Một khó khăn lớn khác là sự hợp tác quốc tế nhằm xác định và thu hồi tài sản thất thoát. Những người có thể lực chính trị (PEPs) hoặc những người có chức vụ cao trong cơ quan nhà nước, những công chức và cộng sự thân cận của họ thường dễ dàng tiếp cận với những “người gác cổng”, đó có thể là những trung tâm tài chính, các nhà cung cấp dịch vụ hoặc các chuyên gia có thể giúp kẻ tham nhũng ngụy trang tài sản có nguồn gốc tội phạm và che giấu chủ sở hữu hưởng lợi thực sự từ khối tài sản đó. Các biện pháp chống rửa tiền không hiệu quả cùng cơ chế thực thi pháp luật yếu kém sẽ tạo điều kiện cho những người có thể lực chính trị tham nhũng và những “người gác cổng” cho họ tẩy rửa tài sản tham nhũng và dịch chuyển những tài sản này từ quốc gia nạn nhân tới các trung tâm tài chính.

Một khi những tài sản này đã rời khỏi quốc gia nạn nhân, việc truy tìm và thu hồi chúng trở nên rất khó khăn. Một cơ chế phối hợp và hợp tác quốc tế hiệu quả, nhanh chóng với những kỹ năng, năng lực, nguồn lực cần thiết là điều kiện cần thiết để xác định, truy tìm, tạm giữ, thu hồi và cuối cùng là trả lại những tài sản này. Công tác THTS tham nhũng đặc biệt khó khăn trong bối cảnh hiện nay. Ngay cả khi có sự hỗ trợ, hợp tác nhanh gọn và hiệu quả giữa các quốc gia thì những khác biệt trong yêu cầu về bằng chứng, nghĩa vụ chứng minh, yêu cầu thông báo thông tin và bí mật ngân hàng vẫn tạo nên những rào cản, thách thức đối với những nhà hoạt động thực tiễn. Nhận diện các rào cản và thực hiện những khuyến nghị được chỉ ra trong nghiên cứu này là những bước quan trọng để các quốc gia có thể thu hồi hàng tỷ đô-la thất thoát và sử dụng chúng cho công cuộc xóa đói giảm nghèo và cải thiện thực trạng thực thi pháp luật tại quốc gia mình.

Trong những năm gần đây, công tác THTS ngày càng được cộng đồng quốc tế quan tâm. Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) đã có 140 quốc gia ký kết và 147 quốc gia phê chuẩn hoặc gia nhập, được coi là công cụ pháp lý đầu tiên trên toàn cầu đặt vấn đề THTS tham nhũng ở một vị trí xứng đáng trong pháp luật quốc tế<sup>7</sup>. UNCAC yêu cầu các quốc gia thành viên hỗ trợ các quốc gia nạn nhân của tham nhũng thông qua việc phong tỏa, tịch thu và trả lại bất kỳ tài sản có nguồn gốc tham nhũng nào trên lãnh thổ của mình. UNCAC cũng cung cấp cơ sở pháp lý để giải quyết những thách thức lớn trong THTS, như việc thực hiện các cuộc điều tra quốc tế và dung hòa những khác biệt trong truyền thống pháp luật ở những nước theo hệ thống dân luật và thông luật, quy định quy trình, thủ tục thu hồi và nguyên tắc cùng hình sự hóa (yêu cầu hành vi tham nhũng được hình sự hóa ở cả hai quốc gia). UNCAC cũng quy định việc trả lại tài sản là nguyên tắc cơ bản của

---

<sup>7</sup> Theo thống kê đến ngày 1/9/2010, UNCAC được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua tại Nghị quyết 58/4 ngày 31/10/2003 và có hiệu lực từ 14/12/2005.

Công ước và yêu cầu các quốc gia thành viên cung cấp hỗ trợ rộng rãi nhất cho nhau trong vấn đề này<sup>8</sup>.

Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hợp quốc (UNTOC) cũng là một công cụ chống tham nhũng hiệu quả. Có hiệu lực kể từ ngày 29/9/2003, UNTOC là công cụ pháp lý quan trọng chống lại những tổ chức tội phạm quốc tế có liên quan đến việc đánh cắp và tẩy rửa tài sản công. Một trong số những quy định mà UNTOC đưa ra đó là yêu cầu các quốc gia thành viên phải xây dựng những cơ chế toàn diện để cung cấp tương trợ tư pháp cho nhau và sự hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật.

Thêm vào đó, Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF), một cơ quan liên chính phủ được thành lập vào năm 1989 nhằm tăng cường và xây dựng các chính sách quốc gia và quốc tế để chống rửa tiền, đã đưa ra một loạt các khuyến nghị quốc tế để thực thi có hiệu quả các biện pháp chống rửa tiền. Mặc dù các khuyến nghị của FATF không có hiệu lực ràng buộc như các điều khoản của một công ước quốc tế nhưng rất nhiều quốc gia vẫn cam kết thực thi những khuyến nghị này. Trong bối cảnh hiện có nhiều quốc gia vẫn chưa tuân thủ đầy đủ những khuyến nghị được đưa ra, gần đây FATF đã xuất bản một nghiên cứu giới thiệu những thực tiễn tốt trong THTS (FATF khuyến nghị 3 và 38) cùng các khuyến nghị mang tính thực tiễn để tăng cường hiệu quả công tác nhận diện, truy nguyên và định giá tài sản là đối tượng phải thu hồi.

Bất chấp nỗ lực của các chính phủ, tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân nhằm biến những cam kết thành hành động, vẫn còn những rào cản lớn đối với công tác THTS. Vì vậy, mục đích của StAR khi xây dựng nghiên cứu này vào năm 2009 là nhằm xác định và phân tích những rào cản đối với công tác THTS. THTS và tương trợ pháp lý là những yếu tố quan trọng trong các nỗ lực quốc tế nhằm chống tham nhũng nhưng thường chưa được đánh giá đúng mức. Một số vấn đề được đặt ra trong nghiên cứu này đã được thảo

---

<sup>8</sup> Điều 51, UNCAC.

luận trong những báo cáo trước đây<sup>9</sup> và được đề cập trong các công ước của Liên hợp quốc; tuy nhiên, các nhà hoạt động thực tiễn đã chỉ ra rằng, mặc dù UNCAC tập trung vào chống tham nhũng với những thể mạnh về phòng ngừa, hình sự hóa, hợp tác quốc tế và THTS nhưng việc thực thi UNCAC chủ yếu phụ thuộc vào việc tuân thủ các hiệp định và pháp luật quốc gia cùng các nỗ lực hợp tác và THTS quốc tế. Các nhà hoạt động thực tiễn cũng cho rằng, các hiệp định song phương thường quy định cụ thể hơn về phương thức hợp tác giữa hai quốc gia; trong khi đó, hệ thống pháp luật quốc gia thường rõ ràng và quen thuộc hơn đối với các nhà hoạt động thực tiễn. Hoạt động tương trợ tư pháp thường bắt đầu bằng một văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp được gửi đến từ một quốc gia nước ngoài, và trong bối cảnh THTS, yêu cầu này thường liên quan đến việc truy tìm, phong tỏa hoặc tịch thu tài sản, công cụ phạm tội. Những nhà hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực tương trợ tư pháp cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu thông tin về quy trình và thủ tục tương trợ tư pháp ở những quốc gia khác nhau. Những thông tin không đáng tin cậy, những kỳ vọng quá cao và không khả thi cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hợp tác quốc tế giữa các quốc gia. Vì thế, mục đích của nghiên cứu này là tăng cường hiệu quả THTS thông qua việc xác định những rào cản gặp phải trong quá trình hợp tác để THTS thất thoát, phân tích ngắn gọn những tác động và đưa ra những khuyến nghị để vượt qua những rào cản đó.

Ở giai đoạn đầu, nghiên cứu này chỉ tập trung vào những rào cản mà 16 trung tâm tài chính gặp phải khi hỗ trợ các quốc gia đang phát triển THTS<sup>10</sup>. Với cách tiếp cận này, nghiên cứu bước đầu cho thấy, để có thể THTS thành công, các trung tâm tài chính này cần

---

<sup>9</sup> Xem, [http://www.coe.int/t/dghl/monitoring/moneyval/Web.../FATF\\_BPR3&38.pdf](http://www.coe.int/t/dghl/monitoring/moneyval/Web.../FATF_BPR3&38.pdf); <http://www.u4.no/themes/uncac/report.cfm>; and <http://www.assetrecovery.org>.

<sup>10</sup> 16 trung tâm tài chính bao gồm: Canada, Đảo Cayman, Pháp, Đức, Guernsey, Hồng Kông, Trung Quốc, Ý, Nhật Bản, Jersey, Liechtenstein, Singapore, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Anh và Mỹ. 09 trong số này đã phê chuẩn UNCAC. (Cần lưu ý rằng mặc dù Trung Quốc là thành viên của Công ước nhưng Hồng Kông thì không. Cũng giống như với các công ước khác, Trung Quốc cũng áp dụng UNCAC với Hồng Kông, Trung Quốc theo cơ chế nội bộ được quy định trong Hiến pháp).

rất chủ động và tích cực thực hiện tương trợ tư pháp cho các quốc gia là nạn nhân của tham nhũng.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, bản thân những trung tâm tài chính này cũng đang kêu gọi sự hợp tác và chia sẻ thông tin từ các trung tâm tài chính khác và thậm chí là các quốc gia nạn nhân để chống tham nhũng ở chính quốc gia của họ. Nghiên cứu sau đó đã ghi nhận rất nhiều rào cản trong THTS ở cả những quốc gia có truyền thống được yêu cầu THTS (những quốc gia thường nhận các yêu cầu về tương trợ tư pháp) và những quốc gia có truyền thống yêu cầu tương trợ tư pháp (quốc gia nạn nhân cần được tương trợ tư pháp).

Thực tiễn cho thấy, các khuyến nghị được đưa ra không nên chỉ xoay quanh hoạt động của các trung tâm tài chính. Thay vào đó, nghiên cứu cần đưa ra cả những khuyến nghị cụ thể giúp các quốc gia đang phát triển vượt qua những rào cản mà họ đối mặt trong quá trình THTS. Cuối cùng, nhóm dự án đã nhất trí với phương pháp tiếp cận được cho là sẽ phản ánh được toàn diện hơn bối cảnh THTS thất thoát. Ngoài ra, cái nhìn từ hai phía sẽ tạo cơ hội tốt hơn để các bên vượt qua được những trở ngại thực sự trong quá trình THTS. Cuối cùng, phương pháp tiếp cận mà nghiên cứu áp dụng đã chuyển từ việc xác định những rào cản đối với THTS trong các trung tâm tài chính sang phương pháp phân tích, tiếp cận toàn diện hơn đối với tất cả các rào cản, ở cả quốc gia nạn nhân và các trung tâm tài chính, của quốc gia yêu cầu và được yêu cầu tương trợ.

## **Phương pháp luận**

Để nghiên cứu mang tính thực tiễn, StAR đã tham khảo ý kiến của một nhóm các nhà hoạt động thực tiễn trong THTS ở các quốc gia phát triển (các trung tâm tài chính truyền thống) và các quốc gia đang phát triển (thường là các quốc gia nạn nhân) để hỗ trợ nhóm nghiên cứu xác định các rào cản trong THTS và đưa ra đánh giá về các khuyến nghị để vượt qua rào cản. Những nhà hoạt động thực tiễn này đến từ các quốc gia đi theo hệ thống dân luật và thông luật, có nhiều kinh nghiệm trong THTS, bao gồm những nhà thực thi



pháp luật, công chức của các cơ quan ngoại giao, các công tố viên, luật sư và thẩm phán điều tra<sup>11</sup>. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành 04 hội thảo: hội thảo thứ nhất có sự tham gia của những nhà hoạt động thực tiễn đến từ các trung tâm tài chính truyền thống<sup>12</sup>, tiếp sau đó là hai cuộc họp cấp khu vực dành cho những nhà hoạt động thực tiễn ở những quốc gia có truyền thống yêu cầu tương trợ tư pháp<sup>13</sup> và hội thảo cuối cùng với sự góp mặt của các nhà hoạt động thực tiễn từ cả các quốc gia yêu cầu và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp<sup>14</sup>. Bên cạnh đó, thành viên của nhóm nghiên cứu còn tiến hành các cuộc khảo sát thực địa tại một số trung tâm tài chính không có đại biểu tham gia hội thảo, gặp gỡ với những nhà hoạt động thực tiễn để trao đổi về những vấn đề nghiên cứu và về những khó khăn họ phải đối mặt trong THTS<sup>15</sup>. Năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và những chia sẻ thẳng thắn của hơn 50 nhà hoạt động thực tiễn đã hình thành nên “trụ cột” của nghiên cứu này. Nghiên cứu độc lập về các quy định về THTS ở một số quốc gia nhất định (xem phụ lục B) cũng đã giúp hình thành nền tảng để phân tích và đưa ra các khuyến nghị.

Để tạo môi trường trao đổi cởi mở, tất cả các hội thảo và khảo sát thực địa đều được tiến hành với sự thống nhất rằng sẽ không đề cập đến một rào cản cụ thể của một quốc gia cụ thể nào trong THTS.

---

<sup>11</sup> Những nhà hoạt động thực tiễn từ Argentina, Bangladesh, Belize, Brazil, Cameroon, Canada, đảo Cayman, Chile, Colombia, Costa Rica, Ecuador, Pháp, Đức, Guatemala, Guernsey, Haiti, Hong Kong, Trung Quốc, Indonesia, Jersey, Kenya; Liechtenstein, Mexico, Hà Lan, Nigeria, the Philippines, Singapore, St. Kitts and Nevis, St. Lucia, Thụy Sĩ, Tanzaniam, Trinidad và Tobago, Anh, Mỹ, Uruguay và Zambia đã tham dự một hoặc nhiều hội thảo hoặc tham gia vào các chuyến khảo sát thực địa cùng các thành viên của nhóm xây dựng nghiên cứu. Có một quốc gia dự định tham gia theo kế hoạch nhưng đã từ chối tham gia.

<sup>12</sup> Những nhà hoạt động thực tiễn này đến từ Pháp, Đức, Guernsey, Hồng Kông, Trung Quốc, Jersey, Liechtenstein, Thụy Sĩ, Anh và Mỹ.

<sup>13</sup> Những nhà hoạt động thực tiễn này đến từ Argentina, Azerbaijan, Bangladesh, Belize, Bolivia, Brazil, Cameroon, Chile, Colombia, Costa Rica, Ecuador, Grenada, Guatemala, Haiti, Indonesia, Mexico, Morocco, Nigeria, Panama, Paraguay, Peru, Philippines, St. Kitts và Nevis, St. Lucia, St. Vincent và the Grenadines, Tanzania, and Trinidad and Tobago.

<sup>14</sup> Các nhà hoạt động thực tiễn đến từ Argentina, Azerbaijan, Bangladesh, Brazil, Cameroon, Đảo Cayman, Chile, Pháp, Guernsey, Haiti, Indonesia, Kenya, Liechtenstein, Mexico, Nigeria, Philippines, Kitts và Nevis, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Tanzania, Anh và Zambia.

<sup>15</sup> Khảo sát thực địa được tiến hành ở Đảo Cayman, Ý, Nhật Bản và Singapore.

Mặc dù trong suốt quá trình phân tích và nghiên cứu, đôi khi vẫn có những điển hình được nhắc tới, nhưng về cơ bản, nghiên cứu được thực hiện mà không chủ ý đề cập trực tiếp đến một quốc gia cụ thể nào. Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn các nhà hoạt động thực tiễn đã nhiệt tình chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn cũng như những cống hiến về công sức và thời gian cho dự án này. Nhìn chung, có sự đồng thuận cao đối với hầu hết các rào cản và khuyến nghị được chỉ ra trong nghiên cứu. Đối với những trường hợp không đạt được sự đồng thuận, nhóm tác giả đã nỗ lực ghi nhận những khác biệt và chỉ ra tất cả những khía cạnh của vấn đề.

Ban thư ký của StAR trân trọng cảm ơn Chính phủ Thụy Sĩ đã đồng chủ trì hội thảo cuối cùng của dự án. Đây cũng là một hoạt động nằm trong sáng kiến đang được triển khai của Chính phủ Thụy Sĩ liên quan đến THTS, còn được gọi là chu trình Lausanne.

### **Chu trình Lausanne**

Những tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp của các quan chức tham nhũng không chỉ ảnh hưởng đến các nền kinh tế đang phát triển mà còn đe dọa sự liêm chính trong hoạt động của các tổ chức tài chính quốc tế. Sau khi phải đối mặt với hàng loạt các vụ án phức tạp liên quan đến tài sản thất thoát được cất giấu trong những nhà băng ở Thụy Sĩ, Chính phủ Thụy Sĩ đã quyết định tìm ra những giải pháp mới và thiết thực để trả lại tài sản cho các quốc gia nạn nhân. Do đến nay vẫn chưa có một diễn đàn quốc tế nào để trao đổi về những khía cạnh pháp lý và chính trị của công tác THTS, Thụy Sĩ đã khởi xướng một loạt những hội nghị chuyên đề trong chu trình Lausanne.

Vào tháng 01/2001, Chính phủ Thụy Sĩ đã mời các chuyên gia và công chức chính phủ từ nhiều trung tâm tài chính khác nhau đến tham dự hội thảo Lausanne đầu tiên để trao đổi về những vấn đề liên quan đến tài sản do tham nhũng mà có của quan chức. Hội thảo cũng chỉ ra tầm quan trọng của cơ chế trao đổi thông tin trực tiếp giữa những chủ thể chính trong các vụ án THTS cũng như sự cần

thiết phải có sự tin tưởng lẫn nhau giữa các quốc gia. Hội thảo tiếp theo đó được tổ chức vào tháng 11 năm 2011 được cho là đã đánh dấu mốc quan trọng trong bối cảnh Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng đã bắt đầu được đàm phán. Sau đó, Điều 57 của UNCAC đã trở thành điều khoản pháp lý đầu tiên ở cấp độ quốc tế quy định việc trả lại và định đoạt tài sản được thu hồi là nghĩa vụ của các quốc gia thành viên.

Vào tháng 10/2006, hội thảo Lausanne III được tổ chức với sự tham gia của những chuyên gia đến từ các quốc gia nạn nhân của tham nhũng (quốc gia yêu cầu tương trợ tư pháp) và quốc gia tiếp nhận, thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp. Đại diện của Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc đã tập trung thảo luận về việc thực thi Điều 57 của UNCAC. Hội thảo đã đề cập đến một số vụ án liên quan đến lãnh đạo cấp cao, bao gồm cựu Tổng thống Philippines Ferdinand Marcos, Tổng thống Nigeria Sani Abacha, Jean Claude Duvalier của Haiti, Sese Seko Mobutu của Cộng hòa Dân chủ Congo và Vladimiro Montesinos của Peru, qua đó cho thấy, cần có sự trao đổi thẳng thắn, mang tính xây dựng về những rào cản pháp lý trong thực tiễn THTS<sup>16</sup>. Các đại biểu nhìn chung thống nhất rằng, quan hệ đối tác sâu sắc và chủ động trong hợp tác tương trợ giữa các quốc gia là những điều kiện tiên quyết đảm bảo thành công của công tác THTS.

Hội thảo Lausanne IV được tổ chức vào tháng 5/2008, tập trung thảo luận về một số trường hợp thành công và không thành công trong THTS. Những cá nhân có liên quan trong những vụ án cụ thể được mời tới để trao đổi về những khó khăn họ đã gặp phải, từ đó đưa ra cái nhìn đa chiều và sự hiểu biết sâu sắc hơn về những rào cản hiện tại. Các đại biểu cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của quyết tâm chính trị của các bên liên quan, về cơ chế liên lạc trực tiếp giữa những nhà hoạt động thực tiễn trong THTS và sự cần thiết

---

<sup>16</sup> Để biết thêm thông tin về Abacha, Duvalier, Mobutu, and Montesinos, xem [http://www.assetrecovery.org/kc;http://online.wsj.com/article/SB1000142405274870395480457530942951459772.html;http://www.baselgovernance.org/fileadmin/docs/.../asset-tracing\\_web-version.pdf;and http://www.gwu.edu/~nsarchiv/NSAEBB/NSAEBB37](http://www.assetrecovery.org/kc;http://online.wsj.com/article/SB1000142405274870395480457530942951459772.html;http://www.baselgovernance.org/fileadmin/docs/.../asset-tracing_web-version.pdf;and http://www.gwu.edu/~nsarchiv/NSAEBB/NSAEBB37).

phải có kênh thông tin rõ ràng, được duy trì liên tục để vượt qua những khác biệt giữa các hệ thống pháp luật – thông luật và dân luật - để tránh những lúng túng trong thực hiện do nhận thức sai hoặc do quá kỳ vọng.

Nhận thấy trách nhiệm chung của cả quốc gia yêu cầu và quốc gia được yêu cầu trong giải quyết các vụ án về THTS, cả Thụy Sĩ và sáng kiến StAR đã quyết định hợp tác với nhau để tổ chức hội thảo cuối cùng để hoàn thiện nghiên cứu này của StAR, với mục đích xác định và phân tích các rào cản đối với công tác THTS. Hội thảo này trở thành Hội thảo Lausanne V (29-30/4/2010) trong chu trình Lausanne.

Cách đây gần 10 năm, hội thảo Lausanne là một trong những diễn đàn toàn cầu đầu tiên trao đổi về những vấn đề có liên quan đến THTS. Cũng từ đó, mục tiêu của Thụy Sĩ là khuyến khích sự trao đổi thông tin ở cấp độ quốc tế, xây dựng nền tảng để chia sẻ kinh nghiệm thông qua kênh không chính thức và để củng cố sự tin tưởng và cơ hội kết nối giữa các nhà hoạt động thực tiễn và các chuyên gia trên thế giới. Trải qua thời gian dài, “Tinh thần Lausanne” đã được hình thành, tạo cơ hội cho những trao đổi cởi mở của các bên và quyết tâm chính trị mạnh mẽ để xây dựng và tăng cường hiệu quả THTS trên toàn thế giới.

### **Phương pháp sử dụng nghiên cứu**

Nghiên cứu này chỉ ra những rào cản trong công tác THTS và đưa ra những khuyến nghị về chính sách, quy trình và cải cách pháp luật, và tin tưởng rằng, nếu những khuyến nghị này được thực hiện, sẽ cung cấp cho những điều tra viên và các nhà thực thi pháp luật trên thế giới các công cụ cần thiết để quản lý hiệu quả các vụ án về THTS<sup>17</sup>. Nghiên cứu cũng đưa ra những khuyến nghị thực tiễn dành cho các nhà quản lý và hoạt động thực tiễn, để cải thiện cơ chế

---

<sup>17</sup> Nhìn chung, nghiên cứu và các khuyến nghị này chỉ liên quan đến những tài sản có nguồn gốc từ hành vi tham nhũng và nỗ lực thu hồi, trả lại chúng cho quốc gia nạn nhân. Tuy nhiên, trong bối cảnh của nghiên cứu, tài sản ở đây còn được hiểu ở ở nghĩa rộng hơn, đó là “tài sản do phạm tội mà có”.

trao đổi thông tin và tăng cường hiểu biết về những khác biệt trong truyền thống pháp luật của các quốc gia.

Những nhà làm luật và hoạt động thực tiễn có thể sử dụng các khuyến nghị và những thực tiễn tốt được chỉ ra trong nghiên cứu này để phục vụ công tác hoàn thiện thể chế và phân bổ nguồn lực thích đáng cho các cơ quan và cá nhân liên quan. Nghiên cứu này, nhất là với những khuyến nghị căn bản, sẽ đặc biệt hữu ích nếu được lồng ghép vào trong các chính sách hoặc chiến lược quốc gia với những mục tiêu được xác định rõ ràng cùng nguồn lực được phân bổ hợp lý. Việc các khuyến nghị được lồng ghép vào các chính sách hoặc chiến lược quốc gia sẽ là bằng chứng cho thấy cam kết chính trị của một quốc gia; đồng thời tăng cường trách nhiệm giải trình của chính phủ khi những chính sách và chiến lược này có quy định về sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự.

Các khuyến nghị căn bản được coi như những tiêu chí để đánh giá việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và chính sách. Thêm vào đó, các bên tham gia UNCAC có thể sử dụng nghiên cứu này để phục vụ cho chu kỳ đánh giá tới đây vào năm 2015 để đánh giá mức độ thành công trong thực thi UNCAC. Trong một số trường hợp, nghiên cứu khuyến nghị các quốc gia thành viên nội luật hóa UNCAC vào trong hệ thống pháp luật quốc gia và trong một số trường hợp khác, nó cũng đề cập đến những thất bại trong thực tiễn triển khai và áp dụng UNCAC.

Mục đích thứ hai của nghiên cứu này đó là tăng cường nhận thức của các nhà hoạt động thực tiễn trên thế giới về những vấn đề mà những đồng nghiệp của họ ở khắp nơi trên thế giới phải đối mặt trong các vụ án về THTS và đề xuất những phương hướng giải quyết vấn đề. Nghiên cứu này, đặc biệt là những khuyến nghị liên quan đến quá trình thực thi và thực tiễn tốt có thể được sử dụng làm cơ sở xây dựng các chương trình giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu này đã được công bố trên trang web của StAR (<http://www.worldbank.org/star>) để tăng cường nhận thức của công chúng về THTS. Thông qua nghiên cứu, các cá nhân và tổ chức xã hội dân sự sẽ hiểu biết

sâu sắc hơn về thực trạng THTS quốc tế và những nỗ lực (nếu có) để loại bỏ những rào cản này.

Mặc dù nghiên cứu đã chỉ ra khá nhiều rào cản và đề xuất nhiều khuyến nghị được cho là một khi được thực thi sẽ tạo ra những biến chuyển to lớn trong công tác THTS, tuy nhiên, những khuyến nghị này vẫn có thể phải tiếp tục được điều chỉnh hoặc thay đổi. Dù hiện nay chúng ta đã có những công cụ và chuẩn mực quốc tế làm khuôn khổ cho công tác THTS như UNCAC, UNTOC và các khuyến nghị của FATE, nhưng việc triển khai và thực thi chúng trên thực tế đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn nữa.

Nghiên cứu này được chia thành 3 phần chính. Phần I xác định những rào cản căn bản và những vấn đề liên quan đến thể chế bao gồm rất nhiều các rào cản khác nhau. Phần II của nghiên cứu tập trung phân tích những rào cản và yêu cầu pháp lý làm trì trệ tiến độ hoặc ngăn cản việc tương trợ tư pháp trong THTS. Phần III của nghiên cứu mang nội dung thực tiễn hơn khi đề cập đến những vấn đề liên quan đến thực thi và cơ chế trao đổi thông tin mà các nhà hoạt động thực tiễn thường gặp phải. Nghiên cứu này cũng bao gồm phần Phụ lục liệt kê ngắn gọn các quy định về THTS của 14 trung tâm tài chính, được xây dựng theo mục tiêu ban đầu của nghiên cứu. Mặc dù, không phải tất cả các trung tâm tài chính đã tham gia ý kiến cho nhóm thực hiện dự án nhưng phần phụ lục về cơ bản đã chứa đựng đầy đủ những thông tin liên quan đến khuôn khổ pháp lý về tương trợ tư pháp, quy trình và những nỗ lực THTS trong quá trình truy tìm, phong tỏa, tạm giữ hoặc thu hồi tài sản tại 14 trung tâm này.

Rất nhiều trong số những khuyến nghị được nêu ra trong báo cáo được xây dựng dựa trên những chuẩn mực quốc tế được quy định trong các công ước của Liên hợp quốc và các khuyến nghị của FATE. Một số khuyến nghị được đưa ra nhằm hỗ trợ việc thực hiện tốt hơn những chuẩn mực hiện có, ví dụ như việc thực hiện các biện pháp chống rửa tiền. Một số khuyến nghị khác đề xuất việc xây dựng những chuẩn mực quốc tế mới, ví dụ như việc xây dựng cơ sở

dữ liệu ngân hàng ở cấp quốc gia, trong đó cung cấp những thông tin về tài khoản bao gồm chủ sở hữu hưởng lợi, việc ủy quyền; xây dựng những công cụ cho phép - trước khi nhận được văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức - phong tỏa tạm thời tài sản trong vòng ít nhất 72 tiếng bởi một cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ chế tự động phong tỏa tài sản sau khi có lệnh bắt giữ hoặc kết án; quy định pháp luật cho phép các cơ quan chức năng phong tỏa và tịch thu những tài sản bị thất thoát; những quy định pháp luật cho phép các cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài được tiếp cận với những thông tin nhất định mà không cần thông qua yêu cầu tương trợ chính thức; yêu cầu các quốc gia phải cung cấp trực tuyến một số thông tin nhất định về tương trợ tư pháp; và yêu cầu các quốc gia thiết lập và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về hồ sơ công ty, nhà đất cũng như hoạt động của những tổ chức phi lợi nhuận.

# Các rào cản chung và những vấn đề về thể chế

---

## ***Rào cản 1: Thiếu sự tin tưởng***

Một mối quan hệ dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau giữa các bên là yếu tố quan trọng đảm bảo thành công và sự chủ động trong hợp tác quốc tế ở tất cả các giai đoạn của quá trình THTS, bất kể đó là việc thu thập và chia sẻ thông tin tình báo, thu thập bằng chứng sử dụng phục vụ điều tra hoặc truy tố, phong tỏa, tạm giữ, tịch thu hay trả lại tài sản có nguồn gốc tham nhũng<sup>18</sup>. Vì thiếu tin tưởng, một quốc gia được yêu cầu THTS có thể trì hoãn hoặc thậm chí từ chối thực hiện tương trợ cho quốc gia yêu cầu THTS. Trong những vụ án liên quan đến những tình huống khẩn cấp hoặc khi có sự khác biệt trong truyền thống pháp luật, hệ thống chính trị hoặc tư pháp, sự thiếu tin tưởng lẫn nhau giữa các bên có thể khiến vụ việc trở nên phức tạp.

Báo cáo của Ủy ban Châu Âu ngày 23/8/2010 đã chỉ ra tác động tiêu cực của sự thiếu tin tưởng đối với các nỗ lực THTS, thậm chí đối với cả những quốc gia đã từng hợp tác với nhau. Báo cáo cho thấy, một nửa số quốc gia thành viên thuộc Liên minh Châu Âu (EU) vẫn chưa có quy định về việc truy tìm và tịch thu những tài sản bất hợp pháp ở nước ngoài mặc dù pháp luật EU cho phép các quốc gia thành viên thực hiện điều này từ năm 2006 (Quyết định khung của

---

<sup>18</sup> Tầm quan trọng của sự tin tưởng lẫn nhau đã được khẳng định nhiều lần tại các Cuộc họp của các quốc gia thành viên UNCAC và Nhóm làm việc liên chính phủ mở rộng về THTS cũng như các hội thảo được tổ chức trong khuôn khổ Quy trình Lausanne. Xem Nghị quyết 1/4, Nghị quyết 2/3 và Nghị quyết 3/3, có thể truy cập tại <http://www.unodc.org/unodc/en/treaties/CAC/working-group2.html>.



Hội đồng 2006/783/JHA90)<sup>19</sup>. Báo cáo chỉ ra rằng, “thực thi pháp luật kém hiệu quả và tệ quan liêu dẫn đến sự mất niềm tin đối với hệ thống tư pháp, khiến công tác THTS trở nên khó khăn hơn”. Kết quả là, ngay cả khi một tổ chức tội phạm đã bị truy tố tại một quốc gia thuộc EU thì tài sản của tổ chức này vẫn có thể được an toàn nếu đang nằm trên lãnh thổ của một quốc gia EU khác. Báo cáo khuyến nghị: “Các quy định của EU.... cần cho phép các cơ quan tư pháp yêu cầu cơ quan đối tác của họ tại các quốc gia thành viên thực thi lệnh thu hồi tài sản”<sup>20</sup>.

Viviane Reding, Phó Chủ tịch Ủy ban Châu Âu về Tư pháp, các Quyền cơ bản và Quyền công dân, tuyên bố trong thông cáo báo chí rằng: “Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, điều đáng tiếc là các quốc gia thành viên của EU đang để tuột mất hàng tỷ euro tài sản do phạm tội mà có. Thực trạng này vẫn diễn ra mặc dù bốn năm trước đây, các chính phủ đã nhất trí về các biện pháp tịch thu”. Ông Reding nhấn mạnh rằng: “Trong tương lai, chúng ta cần phải có những quy định rõ ràng và nhất quán hơn và trên hết là tăng cường sự tin tưởng lẫn nhau giữa các nền tư pháp. Đồng thời, tôi kêu gọi các quốc gia thành viên xây dựng những quy định pháp luật chống lại tội phạm để các cơ quan có thẩm quyền có thể hợp tác và thu hồi có hiệu quả tài sản có nguồn gốc phi pháp”<sup>21</sup>.

Thành công của các vụ án THTS quốc tế thường phụ thuộc vào khả năng áp dụng các biện pháp điều tra khẩn cấp hoặc các biện pháp tạm thời của các cơ quan chức năng để bảo vệ bằng chứng hoặc tài sản, bao gồm việc khám xét, thu giữ, bắt giữ, giám sát hoặc sử dụng

---

<sup>19</sup> “Ủy ban Châu Âu kêu gọi 14 quốc gia thành viên của Châu Âu cần đảm bảo không để cho tội phạm xuyên quốc gia”, thông cáo báo chí IP/10/1063, 23/8/2010, <http://europa.eu/rapid/pressReleasesAction>. Theo các quy định của EU, một quốc gia EU có thể gửi lệnh tịch thu tài sản tới một quốc gia nơi mà đối tượng của lệnh đó sống hoặc có tài sản hoặc thu nhập. Quốc gia đó trực tiếp cho thực thi bản án theo hệ thống pháp luật nội địa mà không cần phải trải qua bất cứ thủ tục nào.

<sup>20</sup> Như trên.

<sup>21</sup> Như trên.

các kỹ thuật điều tra khác và phong tỏa tài sản<sup>22</sup>. Ở những quốc gia cho phép dễ dàng thực hiện các lệnh chuyển tiền điện tử thì tương trợ tư pháp dù bị trì hoãn trong thời gian ngắn cũng có thể khiến công tác thu hồi thất bại. Để giải quyết vấn đề này, một số quốc gia đã cho phép các đơn vị tình báo tài chính hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác phong tỏa tạm thời tài sản trong vòng tối đa 72 tiếng; biện pháp khẩn cấp này được áp dụng dựa trên những thông tin được cung cấp qua điện thoại hoặc fax, với điều kiện là sau đó, các quốc gia yêu cầu THTS phải gửi văn bản yêu cầu chính thức như đã cam kết trước đó. Sau khi thực hiện yêu cầu tương trợ, quốc gia được yêu cầu cần đảm bảo rằng, quốc gia yêu cầu tương trợ sẽ thực hiện các cam kết của mình, bao gồm việc cung cấp đúng thời hạn tất cả những tài liệu cần thiết cùng văn bản yêu cầu tương trợ chính thức; không sử dụng thông tin được cung cấp sai mục đích và đáp ứng các yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung. Tương tự, các quốc gia có thể cung cấp thông tin theo yêu cầu với điều kiện rằng chúng sẽ không được sử dụng để truy tố các tội phạm khác hoặc được sử dụng làm căn cứ để tiến hành một quy trình tố tụng hình sự hoặc hành chính khác<sup>23</sup>. Quốc gia được yêu cầu đôi khi cũng do dự hoặc từ chối cung cấp thông tin khi có quan ngại rằng quốc gia yêu cầu sẽ không thể thực hiện những cam kết của mình. Một khi quốc gia yêu cầu đã từng không thực hiện những cam kết đã tuyên bố thì những yêu cầu được tương trợ tư pháp không chính thức hoặc những yêu cầu tương trợ chính đáng khác sau đó của họ có khả năng sẽ bị từ chối do mất lòng tin. Thực tiễn cho thấy, yêu cầu tương trợ có thể bị từ chối nếu như trong những lần tương trợ trước đó, thông tin cung cấp bị rò rỉ tới giới truyền thông hoặc bị lạm dụng để hạ bệ một chính khách nào đó.

Thiếu sự tin tưởng cũng là một rào cản trong tương trợ tư pháp khi quá trình thu hồi có liên quan đến những quốc gia có sự khác biệt lớn trong hệ thống chính trị, tư pháp và pháp luật. Đôi khi, một hành động được quốc gia yêu cầu cho là đảm bảo các quyền tố tụng

---

<sup>22</sup> Như quy định tại điều 54 (2) của UNCAC.

<sup>23</sup> Như quy định tại Điều 46 (5) của UNCAC.

và quyền con người thì theo quan điểm của quốc gia yêu cầu lại là hành động thái quá và không thể hiện thiện chí hợp tác. Ví dụ, quốc gia được yêu cầu có thể do dự hoặc từ chối thực hiện tương trợ tư pháp khi họ không chắc chắn rằng các quyền tố tụng của bị cáo sẽ được quốc gia yêu cầu bảo đảm. Nhiều yêu cầu về dẫn độ đã từng bị từ chối hoặc trì hoãn vì quốc gia được yêu cầu cho rằng bị cáo có thể sẽ bị quốc gia yêu cầu ngược đãi hoặc đối xử tồi tệ<sup>24</sup>. Trong một số vụ án khác, quốc gia được yêu cầu đã cho phép bị cáo bị kết tội tham ô được tị nạn chính trị trên lãnh thổ của họ. Tương tự, quốc gia được yêu cầu có thể do dự hoặc từ chối thực hiện tương trợ tư pháp khi văn bản yêu cầu tương trợ được gửi đi từ những cơ quan thực thi pháp luật hoặc cơ quan chống tham nhũng mà quốc gia được yêu cầu cho rằng không có thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp. Quốc gia được yêu cầu có thể từ chối yêu cầu tiến hành điều tra trên lãnh thổ của họ nếu cho rằng, hình phạt dành cho tội phạm không được quy định theo pháp luật quốc gia mình, ví dụ như hình phạt tử hình. Khi các quốc gia có khả năng không thể hợp tác với nhau vì những khác biệt trong hệ thống chính trị và pháp luật, quốc gia được yêu cầu cần nỗ lực thẩm định từng yêu cầu tương trợ tư pháp mà họ nhận được và chủ động liên hệ với quốc gia yêu cầu để trao đổi thông tin trên tinh thần hợp tác cao nhất. Sự trao đổi thông tin rõ ràng và kịp thời giữa hai quốc gia trong từng vụ án THTS cụ thể sẽ giúp giảm thiểu những khó khăn trong tương trợ tư pháp xuất phát từ sự khác biệt giữa các quốc gia. Bên cạnh đó, việc quốc gia được yêu cầu hỗ trợ quốc gia yêu cầu rà soát lại dự thảo văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp trước khi văn bản này chính thức được gửi đi cũng thể hiện thiện chí hợp tác của quốc gia được yêu cầu. Tòa án của quốc gia được yêu cầu có thể xem xét, đánh giá khả năng bảo đảm các quyền tố tụng khi thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp. Vì việc bảo đảm quyền tố tụng của bị cáo rất quan trọng nên nếu các

---

<sup>24</sup> Theo nguyên tắc *aut dedere, aut judicare* (một nghĩa vụ trong công pháp quốc tế, theo đó quy định việc dẫn độ hoặc truy tố những tội phạm quốc tế nghiêm trọng), khi một quốc gia từ chối dẫn độ dựa trên những căn cứ không được tập quán pháp thừa nhận, quốc gia đó đó phải tự tiến hành truy tố tội phạm trên lãnh thổ nước họ. Phán quyết của tòa án phải minh bạch và những căn cứ từ chối dẫn độ phải được công khai đối với quốc gia yêu cầu tương trợ.

quyền này không được đảm bảo sẽ là căn cứ thỏa đáng để từ chối tương trợ tư pháp. Tuy nhiên, các quốc gia được yêu cầu cần xem xét tình tiết của từng vụ án cụ thể để có căn cứ nhận định quyền tố tụng có được đảm bảo hay không trước khi quyết định thực hiện hay từ chối yêu cầu tương trợ tư pháp (xem Rào cản 22). Trên cơ sở có sự trao đổi trước giữa hai quốc gia, quốc gia được yêu cầu có thể thực hiện một phần trong số các nội dung yêu cầu tương trợ. Để gây dựng niềm tin giữa các quốc gia, quốc gia được yêu cầu tương trợ chỉ nên từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ nếu có căn cứ pháp lý cụ thể và rõ ràng và không được từ chối yêu cầu tương trợ chỉ vì có sự khác biệt trong hệ thống pháp luật và tư pháp giữa hai quốc gia. Theo yêu cầu của UNCAC<sup>25</sup>, trong trường hợp từ chối tương trợ, quốc gia được yêu cầu cần thông báo cho quốc gia yêu cầu về căn cứ từ chối và tạo điều kiện cho quốc gia yêu cầu có cơ hội phản biện lại các căn cứ này. Khó có sự tin tưởng lẫn nhau khi các quốc gia chưa từng thiết lập quan hệ ngoại giao trước đó. Vì vậy, các nhà hoạt động thực tiễn cho rằng, trước hết cán bộ đầu mối của các cơ quan có thẩm quyền ở cả quốc gia yêu cầu và được yêu cầu cần nỗ lực trao đổi thông tin, thúc đẩy tiến độ xử lý vụ án, qua đó từng bước củng cố mối quan hệ giữa hai quốc gia dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau. Việc thiết lập và duy trì cơ chế trao đổi thông tin giữa các cán bộ đầu mối cũng có thể gặp khó khăn khi không xác định được đầu mối hoặc duy trì cơ chế phối hợp hiệu quả (xem Rào cản 21). Ngoài ra, các quốc gia đang phát triển có thể gặp phải các khó khăn khác như việc thực hiện các cuộc gọi quốc tế, thiếu phương tiện để truy cập internet hoặc thiếu nguồn lực tài chính để tham dự các hội thảo trao đổi thông tin. Cơ chế trao đổi thông tin cũng có thể gặp khó khăn nếu một trong các đầu mối thay đổi hoặc rời bỏ vị trí công tác.

Các chuyên gia cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải duy trì cơ chế trao đổi thông tin ở cấp cơ quan, tổ chức. Việc xây dựng và duy trì cơ chế này sẽ là nền tảng tốt cho mối quan hệ giữa các cơ quan liên quan ngay cả khi những cán bộ đầu mối thay đổi vị trí công tác. Sau khi đã kết nối thành công, các quốc gia cần thống nhất một cơ chế

---

<sup>25</sup> Điều 46 (26) của UNCAC.

liên lạc định kỳ. Trong mỗi quan hệ mà một bên là quốc gia đang phát triển, một bên là quốc gia đã phát triển, quốc gia phát triển cần chủ động hơn trong trao đổi thông tin để giúp quốc gia đang phát triển tiết kiệm chi phí liên lạc và các khó khăn khác. Một cơ chế trao đổi thông tin như vậy sẽ hữu ích cho các bên trong việc cập nhật thông tin cho nhau và thúc đẩy tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ. Các quốc gia phát triển có thể cân nhắc hỗ trợ công nghệ thông tin và thiết bị cho các quốc gia đang phát triển để tăng cường hiệu quả trao đổi thông tin, đặc biệt đối với những cuộc điều tra phức tạp và những vụ án THTS quan trọng.

Các quốc gia có thể biệt phái các thẩm phán, tùy viên và cảnh sát làm việc tại quốc gia yêu cầu THTS để tăng cường hợp tác giữa các cơ quan trung ương và cơ chế trao đổi thông tin trực tiếp giữa các công tố viên, thẩm phán, FIU và các cán bộ thực thi pháp luật. UNCAC cũng quy định, các quốc gia phải hợp tác với nhau, và kể cả thông qua việc bố trí cán bộ biệt phái để nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các cơ quan<sup>26</sup>.

Các nhà hoạt động thực tiễn trên thế giới cần nỗ lực mở rộng phạm vi hợp tác quốc tế, ví dụ, thông qua Nhóm công tác về THTS của UNCAC. Các nhóm và mạng lưới THTS như CARIN, ARINSA và IBERRED<sup>27</sup> tạo điều kiện cho việc thiết lập các mạng lưới thông tin liên lạc và đóng vai trò là các nhóm tư vấn cho các cơ quan có thẩm quyền và tăng cường hiệu quả hợp tác giữa các cơ quan. Cơ chế trao đổi thông tin trực tiếp hay mặc định chia sẻ thông tin, dữ liệu tình báo được cho là những phương thức hiệu quả để gây dựng sự tin

---

<sup>26</sup> Điều 48 (1) (e) UNCAC.

<sup>27</sup> CARIN (Mạng lưới liên ngành về thu hồi tài sản Camden) là một mạng lưới và nhóm làm việc không chính thức với hầu hết thành viên là các quốc gia Châu Âu, hoạt động nhằm tăng cường hiệu quả của những nỗ lực của các nước thành viên trong việc tước đoạt lại tài sản bất hợp pháp của tội phạm. Được khởi xướng từ năm 2009, ARINSA (Mạng lưới liên cơ quan về THTS của Nam Phi) là một mạng lưới tương tự như CARIN. Nó hoạt động như một cửa ngõ trao đổi thông tin và phối hợp không chính thức giữa các cơ quan trong THTS. IBERRED là một mạng lưới về THTS hoạt động đầu tiên ở Mỹ La Tinh, Tây Ban Nha, Andorra và Bồ Đào Nha.

tưởng giữa các quốc gia<sup>28</sup>. Thông tin được mặc định chia sẻ đó là khi một quốc gia cung cấp thông tin về một cuộc điều tra tiến hành trên lãnh thổ của họ cho một quốc gia khác vì cho rằng tài sản trong vụ án có được từ hành vi vi phạm pháp luật được thực hiện ở quốc gia này mà không đòi hỏi quốc gia yêu cầu phải gửi văn bản yêu cầu chính thức. Cơ chế mặc định chia sẻ thông tin là một phương pháp hiệu quả để gây dựng niềm tin giữa hai quốc gia có ít hoặc chưa từng có cơ hội hợp tác với nhau; các quốc gia có thể quy định, ví dụ thông qua một thỏa thuận hợp tác, cho phép việc mặc định chia sẻ thông tin như trên, và cân nhắc việc đưa quy định này thành một nghĩa vụ bắt buộc. Các quốc gia nên tăng cường cơ chế liên lạc trực tiếp giữa các nhà hoạt động thực tiễn ở cấp độ cơ quan, tổ chức và xây dựng, cập nhật hồ sơ thông tin về các nhà hoạt động thực tiễn. Các quốc gia cần đưa ra các quy định cho phép các quốc gia nước ngoài tiếp cận với những thông tin này để tăng cường hợp tác và xây dựng niềm tin giữa các quốc gia.

### **Các khuyến nghị chính sách**

- a. Quốc gia được yêu cầu không nên từ chối thực hiện tương trợ tư pháp vì những lý do liên quan đến thủ tục tố tụng trừ khi có bằng chứng cụ thể và chắc chắn để cho rằng quốc gia yêu cầu đã không đảm bảo quyền tố tụng của bị cáo.
- b. Các quốc gia phát triển cần cân nhắc việc hỗ trợ chi phí liên lạc cho các quốc gia đang phát triển khi nhận được yêu cầu về tương trợ tư pháp trong THTS; các quốc gia phát triển cũng có thể hỗ trợ công nghệ thông tin và thiết bị liên lạc cho các quốc gia đang phát triển.

---

<sup>28</sup> Phiên họp lần thứ ba của Hội nghị các quốc gia thành viên của UNCAC vào tháng 11/2009 khuyến nghị rằng, các quốc gia cần có sự chủ động trong hợp tác quốc tế về THTS, trong đó, cần yêu cầu được tương trợ và có cơ chế mặc định chia sẻ thông tin với các quốc gia thành viên khác về tài sản phạm tội; Nghị quyết 3/3 có thể tìm thấy tại trang web: [www.unodc/en/treaties/CAC/CAC-COSP.html](http://www.unodc/en/treaties/CAC/CAC-COSP.html)

## Các khuyến nghị thực thi

- a. Các quốc gia được yêu cầu cần thực hiện các chính sách và quy định nhằm đảm bảo tính minh bạch trong quá trình hợp tác với quốc gia yêu cầu và phải thông báo cho quốc gia yêu cầu về căn cứ từ chối thực hiện tương tự pháp; quốc gia yêu cầu cần có cơ hội để chứng minh rằng các quyền tố tụng của bị cáo đã được bảo đảm.
- b. Để củng cố lòng tin, các quốc gia phát triển cần xây dựng những chính sách và thủ tục nhằm tạo điều kiện cho việc thiết lập những đầu mối liên lạc giữa cơ quan yêu cầu và cơ quan được yêu cầu. Cụ thể, các quốc gia cần bố trí các thẩm phán, cán bộ thuộc đơn vị tình báo tài chính, tùy viên an ninh<sup>a</sup> làm việc biệt phái tại quốc gia yêu cầu để tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trung ương và cơ chế liên lạc trực tiếp giữa các công tố viên, thẩm phán và cán bộ thực thi pháp luật.
- c. Các quốc gia cần bố trí nguồn lực cho phép cán bộ của mình tham gia các cuộc họp và các diễn đàn, mạng lưới quốc tế có liên quan trong khuôn khổ hợp tác song phương.
- d. Các quốc gia cần tham gia và tận dụng triệt để các mạng lưới và nhóm công tác như CARIN, ARINSA và IBERRED để xây dựng mối quan hệ hợp tác với các nhà hoạt động thực tiễn trên thế giới.
- e. Các quốc gia cần xây dựng các chính sách và thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ chế trao đổi thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm việc duy trì và cập nhật các đầu mối thông tin liên lạc cụ thể.

a. Ví dụ, Mỹ có các tùy viên là người của FBI, Cơ quan phòng chống ma túy, Cơ quan thực thi di trú và hải quan, Sở thuế vụ Mỹ, Sở mật vụ Mỹ trong nhiều đại sứ quán ở nước ngoài. Các quốc gia như Pháp, Đức, Nhật Bản và Anh cũng có những thẩm phán, cán bộ an ninh, hải quan và thẩm phán làm việc biệt phái ở nước ngoài.

## Rào cản 2: Thiêu một chính sách thu hồi tài sản toàn diện

“Quyết tâm chính trị” là một khái niệm khó nắm bắt và mơ hồ nhất thường được thảo luận tại các diễn đàn quốc tế. Trong bối cảnh của nghiên cứu, khái niệm này chỉ ý chí được cam kết thể hiện rõ nét của các chính trị gia, đội ngũ công chức và các cơ quan nhà nước nhằm đấu tranh chống tham nhũng và thu hồi, trả lại tài sản thất thoát. Mặc dù khó định nghĩa chính xác, quyết tâm chính trị chắc chắn là điều kiện tiên quyết cho thắng lợi của công tác hợp tác quốc



tế trong THTS. Một quốc gia được coi là có một chiến lược chống tham nhũng và THTS hiệu quả khi cung cấp đầy đủ nguồn lực cho các cơ quan có thẩm quyền liên quan thực hiện nhiệm vụ của mình và coi THTS là một ưu tiên trong xây dựng chính sách. Theo đó, các nhà hoạt động thực tiễn sẽ được tạo điều kiện để dễ dàng vượt qua các rào cản mang tính hệ thống.

Các nhà hoạt động thực tiễn đều cho rằng việc thiếu vắng một chính sách toàn diện là một rào cản mà nhiều quốc gia đang và đã phát triển, quốc gia được yêu cầu và quốc gia yêu cầu THTS đang gặp phải. Nhiều quốc gia hiện không cam kết sẽ khởi tố vụ án hoặc chuyển giao vụ án hình sự hoặc thực hiện thỏa đáng yêu cầu tương trợ tư pháp hoặc yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung. Nhiều quốc gia, bao gồm cả những trung tâm tài chính, chỉ xem xét các vụ án THTS một cách qua loa. Họ thường chỉ muốn truy tố hành vi buôn bán ma túy trong nước dưới tội danh rửa tiền hơn là thực hiện yêu cầu tương trợ của một quốc gia khác trong những vụ án tham nhũng lớn. Thực tiễn cho thấy, những lợi ích kinh tế cũng là một lý do làm giảm quyết tâm chính trị để chống tham nhũng của một quốc gia. Các cơ quan chức năng tại quốc gia được yêu cầu có thể do dự trước một cuộc điều tra nghi án tham nhũng và THTS có liên quan đến những công ty lớn và có tầm ảnh hưởng tại quốc gia mình bởi những lợi ích kinh tế mà họ nhận được từ hoạt động của công ty. Đó phản ánh những khía cạnh chính trị nhạy cảm xoay quanh vấn đề THTS; không đặt THTS là một chính sách ưu tiên (dẫn đến tâm lý thờ ơ); không xây dựng các công cụ THTS, các chương trình tăng cường năng lực, nghiệp vụ và bố trí nguồn lực thỏa đáng để đảm bảo tính khả thi của công tác THTS.

Khi gặp phải những thách thức như vậy, các vụ án THTS quốc tế quan trọng thường không được ưu tiên giải quyết so với các vụ án trong nước. Các nhà hoạt động thực tiễn ở các quốc gia phát triển thường khá dè dặt với các vụ án THTS. Sự thận trọng này khiến cho quá trình quản lý và trả lại tài sản thất thoát tốn nhiều thời gian và không hiệu quả.



Một số quốc gia lại coi THTS như một hình phạt dành cho tội phạm gốc (tội phạm mà từ tội phạm đó xuất hiện tài sản bất chính); lối tiếp cận này dẫn đến quan ngại về tính phù hợp của việc coi THTS là một hình phạt. Nhiều thẩm phán thậm chí không nhận thức được rằng tài sản phạm tội có thể được thu hồi và cả thẩm phán và công tố viên đều không hiểu rõ triết lý đằng sau công tác THTS. Vì thế, các vụ án THTS không được ưu tiên thụ lý và giải quyết. Cũng vì vậy, các quốc gia này sẽ không mạnh mẽ cam kết thực hiện các yêu cầu phong tỏa, tịch thu tài sản thất thoát, đặc biệt là không sẵn sàng bố trí nguồn lực thích đáng để đào tạo và tăng cường năng lực của các cán bộ thực thi pháp luật trong lĩnh vực THTS. Điều đó gây nhiều khó khăn cho công tác THTS.

Việc thiếu một chính sách toàn diện dẫn đến những hậu quả khác nhau ở quốc gia yêu cầu và được yêu cầu hoặc ở những trung tâm tài chính và các nước đang phát triển. Các nhà hoạt động thực tiễn chỉ ra rằng, các quốc gia truyền thống nhận yêu cầu tương trợ và các trung tâm tài chính thường đối diện những khó khăn sau:

- Quốc gia được yêu cầu thường duy trì một cơ chế tương trợ tư pháp không kịp thời và thiếu hiệu quả, làm nản lòng các quốc gia muốn đề nghị được tương trợ.
- Các quốc gia có trung tâm tài chính cung cấp không đầy đủ hoặc không đưa ra phản hồi đối với các yêu cầu tương trợ về THTS. Sau khi gửi văn bản yêu cầu tương trợ, các quốc gia yêu cầu phải chờ đợi hàng tháng để nhận được phản hồi đầu tiên của quốc gia được yêu cầu, điều này ảnh hưởng lớn đến các nỗ lực và tiến độ điều tra và truy tìm tài sản.
- Một số trung tâm tài chính không sẵn sàng thực hiện tương trợ tư pháp nên có tâm lý thờ ơ, làm việc không hiệu quả và không chú tâm đến vấn đề đào tạo.
- Các trung tâm tài chính thường tỏ ra bị động khi xử lý các yêu cầu tương trợ tư pháp, ngay cả khi họ có nguồn lực tài chính dồi

dào và trình độ chuyên môn cao, khả năng truy tìm, phong tỏa, tạm giữ và tịch thu tài sản tốt hơn các quốc gia đang phát triển.

- Các trung tâm tài chính thường nhanh chóng tìm ra những lý do, thậm chí là nhỏ nhặt để từ chối thực hiện tương trợ tư pháp trong THTS.
- Các trung tâm tài chính thường giải thích theo hướng chủ quan để từ chối các yêu cầu tương trợ <sup>29</sup>.
- Các trung tâm tài chính thường ưu tiên xử lý các vụ án trong nước hơn là các vụ án có liên quan đến tương trợ tư pháp, điều này ảnh hưởng lớn đến hiệu quả tương trợ tư pháp khi quốc gia yêu cầu chỉ có nguồn lực hạn chế.

Các nhà hoạt động thực tiễn cũng chỉ ra những vấn đề thực sự nhức nhối tại các quốc gia đang phát triển và quốc gia yêu cầu.

- Vì các quốc gia có truyền thống yêu cầu tương trợ, chủ yếu là quốc gia đang phát triển, thường không có đội ngũ cán bộ đủ năng lực và kinh nghiệm cũng như hiểu biết về các công ước và các chuẩn mực quốc tế nên khó đảm bảo tính hợp lệ của văn bản yêu cầu tương trợ (legally sufficient requests).
- Các quốc gia yêu cầu thường không đủ năng lực tiến hành các cuộc điều tra phức tạp nên văn bản yêu cầu tương trợ không có đủ căn cứ chứng minh cần thiết.
- Một số quốc gia gặp khó khăn khi không thể tiến hành điều tra độc lập.
- Các quốc gia yêu cầu tương trợ đôi khi thể hiện sự thiếu cam kết khi phản hồi thiếu tích cực đối với các đề nghị hợp tác của một trung tâm tài chính truyền thống.

---

<sup>29</sup> Điều 46 (21) UNCAC quy định việc tương trợ tư pháp “có thể” bị từ chối chứ không quy định việc “phải” từ chối khi yêu cầu tương trợ có liên quan đến 4 nooin dung được quy định trong mục này.

- Một số quốc gia đang phát triển cố tình gửi văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp để “ngụy trang” cho những động cơ chính trị quốc gia hoặc quốc tế vì họ tin chắc rằng, vụ việc sẽ không được xử lý một cách triệt để.
- Các quốc gia đang phát triển không phải lúc nào cũng có phản hồi tích cực khi nhận được thông báo từ các quốc gia phát triển về việc phát hiện ra những tài sản được cho là có nguồn gốc bất hợp pháp. Việc cố tình không hành động của quốc gia đang phát triển khiến các quốc gia phát triển cho rằng những quốc gia này thiếu quyết tâm chính trị để theo đuổi những vụ án đó. Một chuyên gia cho rằng, các quốc gia đang phát triển cần “thực sự bước vào cuộc chơi”.

Các nhà hoạt động thực tiễn nhận thấy, các quốc gia đang phát triển không thể THTS hiệu quả vì những nguyên nhân giống nhau, đó là năng lực chuyên môn hạn chế của đội ngũ cán bộ, thiếu nguồn lực và quan trọng hơn cả là thiếu cam kết thực sự. Trong khi đó, vấn đề mà các quốc gia phát triển gặp phải đó là họ thường không quyết tâm THTS trong những vụ án mà việc xử lý nó có thể ảnh hưởng tới lợi ích kinh tế của quốc gia.

Các quốc gia yêu cầu có thể khắc phục những khó khăn liên quan đến nguồn lực và năng lực bằng cách sử dụng những nguồn lực hợp pháp sẵn có như các đơn vị tình báo tài chính, đơn thư tố cáo và truyền thông để tự tiến hành các cuộc điều tra; thành lập và cấp kinh phí hoạt động cho các đơn vị điều tra-truy tố chuyên trách về THTS. Thêm vào đó, các quốc gia được yêu cầu có thể thực hiện tương trợ thông qua việc chủ động hỗ trợ đào tạo cho các quốc gia yêu cầu để có đủ năng lực tự tiến hành các cuộc điều tra tài chính. Các hình thức tương trợ khác có thể bao gồm việc xây dựng các chương trình hỗ trợ kỹ thuật song phương, hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ và hỗ trợ các tổ chức quốc tế có năng lực thực hiện tương trợ. Những hỗ trợ dưới hình thức tăng cường năng lực có thể được lồng ghép với hình thức hỗ trợ trong khuôn khổ hoạt động của các tổ chức đa phương.

Việc xác định mục tiêu và hành động rõ ràng, cụ thể, hệ thống pháp luật tạo điều kiện để vượt qua các rào cản trong THTS, nguồn lực đầy đủ, đội ngũ cán bộ được đào tạo, và việc tận dụng các công cụ pháp lý hiện có một cách sáng tạo, nhất quán với cam kết chính trị mạnh mẽ là tất cả những yếu tố quyết định thành công của chiến lược THTS ở bất cứ quốc gia nào. Những hành động cụ thể mà quốc gia nào cũng có thể thực hiện được, ví dụ như việc thành lập các đơn vị chuyên trách về điều tra, sẽ được phân tích cụ thể hơn trong các khuyến nghị được đề xuất để vượt qua những rào cản cụ thể trong THTS.

Về mặt lý tưởng, chiến lược về THTS cần được phản ánh trong một chính sách, chiến lược quốc gia tổng thể, được các nhà lãnh đạo cấp cao thông qua, với mục đích chống tham nhũng, phát hiện tội phạm và không chỉ dừng lại ở mục tiêu THTS. Theo đó, các công cụ tài chính được sử dụng càng thường xuyên trong điều tra và truy tố tội phạm hình sự, tỷ lệ THTS thành công càng cao. Các quốc gia sẽ THTS dễ dàng hơn nếu có thể huy động khu vực tư nhân và các đối tác quốc tế cùng hành động vì những mục tiêu chung. Trách nhiệm giải trình, thể hiện trong các cam kết và tiêu chí rõ ràng, là một yếu tố quan trọng khác đảm bảo thành công của công tác THTS. Các cơ quan, đơn vị, dù có hay không hoạt động chuyên trách cũng cần xác định những mục tiêu, nhiệm vụ rõ ràng và phải chịu trách nhiệm về hoạt động của mình. Chiến lược tổng thể cũng cần quy định cơ chế báo cáo rõ ràng để giám sát tiến độ và kết quả triển khai các hoạt động. Trách nhiệm giải trình được quy định rõ ràng sẽ khích lệ những cá nhân có liên quan trong việc truy tìm tài sản có nguồn gốc tham nhũng.

## Một số thực tiễn tốt: Các kế hoạch mang tính chiến lược

Một số quốc gia đã chủ động xây dựng các chiến lược hiệu quả và có hiệu lực để chống tham nhũng thông qua việc xác định, thu hồi và trả lại tài sản thất thoát. Những kế hoạch mang tính chiến lược này xác định những ưu tiên trong chính sách công và đảm bảo việc thực thi chính sách và các thủ tục trong đó THTS được coi là một mục tiêu không thể thiếu của các cuộc điều tra và truy tố hành vi tham nhũng. Dưới đây là một trong những yếu tố chính mà các kế hoạch mang tính chiến lược thường đề cập<sup>a</sup>.

- Sự đồng lòng của các lãnh đạo cấp cao: tổng thống, bộ trưởng, nghị sĩ để công khai đề xướng và thông qua chiến lược quốc gia;
- Cam kết chính thức của các nhà lãnh đạo cấp cao nhằm ủng hộ và khẳng định quyết tâm và trách nhiệm thực thi chiến lược.
- Sự chủ động tham gia của xã hội dân sự nhằm giám sát việc thực hiện có hiệu quả và đúng đắn chiến lược quốc gia;
- Thiết lập các nhóm công tác xây dựng nội dung chiến lược trong đó đảm bảo huy động được năng lực của tất cả các cơ quan liên quan trong chương trình hoành động. Nhóm công tác này bao gồm đại diện của tất cả các cơ quan liên quan và cá nhân tham gia vào quá trình thu hồi tài sản.
- Tiến hành đánh giá nhu cầu và huy động nguồn lực thích đáng để thực hiện chiến lược.
- Đề ra những sáng kiến để tận dụng những công cụ tài chính hiện có trong quá trình điều tra và truy tố, đặc biệt là liên quan đến THTS phạm tội.
- Thành lập các đơn vị điều tra chuyên trách đối với những vụ án THTS.
- Những sáng kiến hành động và lập pháp mới nhằm tăng cường sự chủ động và áp dụng hiệu quả biện pháp phong tỏa tài sản.
- Xác định các mục tiêu hoạt động rõ ràng cho các cơ quan, đơn vị liên quan trong đó nhấn mạnh cơ chế phối hợp hiệu quả và trách nhiệm giải trình.
- Xây dựng văn hóa có sự tham gia của khu vực tư nhân cũng như của các đối tác quốc tế.
- Tăng cường khuyến khích các ý tưởng mới ở cấp độ quốc tế, tăng cường hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau, đào tạo cho các quốc gia có năng lực kém hơn.

a. Một số quốc gia đã công bố các chiến lược của họ trên website. Ví dụ, xem <http://www.justice.gov/criminal/afmls/pubs/pdf/strategicplan.pdf>; hoặc <http://www.ustreas.gov/offices/enforcement/teof/publications/strategic-plan-2007-2012.pdf>.

## Những thực tiễn tốt

### Ví dụ 1

Anh và Mỹ đã cam kết hỗ trợ các đơn vị chuyên trách trong hệ thống các cơ quan thực thi pháp luật có liên quan của mình để điều tra, xác định, truy tìm và THTS tham nhũng của những người có thể lực chính trị ở các quốc gia khác. Hoạt động của các đơn vị này hướng tới những người có thể lực chính trị, bị cáo buộc về việc đã hoặc đang sở hữu những tài sản có nguồn gốc tham nhũng hoặc đã tẩy rửa những tài sản này trên lãnh thổ Anh và Mỹ. Những đơn vị chuyên trách này phối hợp chặt chẽ với các quốc gia khác, cung cấp những hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ và hỗ trợ năng lực cho các quốc gia nước ngoài để tiến hành các cuộc điều tra nhằm truy tìm dấu vết tài sản. Cơ chế phối hợp và hợp tác này có hiệu quả ngay cả đối với những quốc gia thiếu quyết tâm chính trị trong THTS. Trong những vụ án như thế, song song với việc tiếp nhận những thông tin và đầu mối do quốc gia yêu cầu tương trợ cung cấp, các đơn vị chuyên trách vẫn có thể tự tiến hành các cuộc điều tra trên lãnh thổ của họ<sup>a</sup>.

### Ví dụ 2

Thụy Sĩ gặp khó khăn trong THTS khi không nhận được sự hợp tác như mong muốn từ các quốc gia là nạn nhân của tham nhũng, bị thất thoát nhiều tài sản vì tham nhũng quy mô lớn. Tuy nhiên, pháp luật Thụy Sĩ không cho phép các cơ quan chức năng của họ được tiến hành truy tìm những tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp mà không có yêu cầu chính thức từ quốc gia nạn nhân. Nhu cầu sửa đổi pháp luật trở nên tất yếu khi có những vụ việc liên quan tới tài khoản ngân hàng của những người từng là nguyên thủ ở quốc gia nước ngoài và thành viên gia đình của một nhà tài phiệt ở nước ngoài. Theo quy định pháp luật hiện hành của Thụy Sĩ, nếu không nhận được sự hợp tác của quốc gia nạn nhân, các cơ quan chức năng của Thụy Sĩ rất khó chứng minh mối liên hệ giữa tài sản và hành vi phạm tội. Để thay đổi điều này, chính phủ Thụy Sĩ đã dự thảo một đạo luật mới cho phép các tòa án hành chính liên bang của họ được tịch thu những tài sản bị phong tỏa có nguồn gốc bất hợp pháp nếu như quốc gia nạn nhân không thể khởi tố vụ án. Những tài sản này sau đó sẽ được sử dụng để tài trợ cho những chương trình mà đối tượng hưởng lợi là người dân của quốc gia là nạn nhân của tham nhũng.

Theo luật mới, trách nhiệm chứng minh nguồn gốc hợp pháp của số tiền trong tài khoản được cho là bất hợp pháp thuộc về chủ sở hữu tài khoản chứ không phải là nguyên đơn của vụ kiện. Đạo luật này được dự thảo để bổ sung cho những hạn chế của quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt là khi các quốc gia nạn nhân không chủ động trong yêu cầu tương trợ tư pháp – nền tảng để THTS<sup>b</sup>.

a. <http://www.ice.gov/doclib/pi/cornerstone/pdf/cs1008.pdf>; <http://www.justice.gov/ag/speeches/2010/ag-speech-100725.html>; [http://www.met.police.uk/scd/specialist\\_units/economic\\_specialist\\_crime.htm](http://www.met.police.uk/scd/specialist_units/economic_specialist_crime.htm)  
b. <http://www.eda.admin.ch/eda/en/home/topics/finec/intcr/poexp.html>.

## Ví dụ về Thiếu quyết tâm chính trị và Chiến lược

Trong một vụ án có liên quan đến một chính trị gia bị tình nghi tham nhũng, quốc gia nơi tài sản được định vị đã mất một vài năm để giúp quốc gia nạn nhân THTS nhưng không có kết quả. Vấn đề này sinh khi chính phủ của vị chính trị gia này yêu cầu tương trợ tư pháp trong vụ án. Quốc gia được yêu cầu đã phong tỏa một phần tài sản được yêu cầu như một biện pháp khẩn cấp tạm thời do yêu cầu tương trợ họ nhận được từ quốc gia yêu cầu chưa xác lập đủ căn cứ để phong tỏa toàn bộ tài sản. Hiệu lực của quyết định phong tỏa kéo dài hơn sáu năm trong khuôn khổ tương trợ tư pháp giữa hai quốc gia. Trong suốt quá trình này, quốc gia được yêu cầu đã cố gắng làm việc với cơ quan các cấp của quốc gia yêu cầu nhằm làm rõ thêm về yêu cầu tương trợ nhưng không thành công.

Vì không muốn tài sản được thu hồi sẽ rơi vào tay những người thừa kế của vị chính trị gia tham nhũng, trên cơ sở tuân thủ hiến pháp, quốc gia được yêu cầu đã quyết định phong tỏa tài sản trong ba năm. Sau đó, dù vụ án không có tiến triển gì mới nhưng quốc gia được yêu cầu vẫn quyết định kéo dài lệnh phong tỏa thêm hai năm nữa.

Sáu tháng trước khi thời hạn phong tỏa kết thúc, quốc gia được yêu cầu đã cảnh báo quốc gia yêu cầu rằng lệnh phong tỏa có thể bị gỡ bỏ nếu như quốc gia yêu cầu không hợp tác để tìm ra giải pháp. Trong khi đó, quốc gia yêu cầu sau những nỗ lực gia hạn thời hạn giải quyết vụ án chống lại những người thừa kế của vị chính trị gia và cộng sự của ông ta, cuối cùng họ đã bỏ cuộc và quyết định sẽ tiến hành đàm phán với những người kế vị.

Để ngăn chặn không để cho những người thừa kế của vị chính trị gia được sở hữu khối tài sản được cho là có nguồn gốc bất hợp pháp, quốc gia được yêu cầu đã đề nghị sẽ trả phí để thuê một luật sư chuyên về THTS để hỗ trợ cho quốc gia yêu cầu. Sau khi nhận được sự chấp thuận vào phút chót của quốc gia yêu cầu, quốc gia được yêu cầu đã kéo dài thời hạn phong tỏa tài sản lần thứ hai, trong khi chờ luật sư của quốc gia yêu cầu chuẩn bị cho quá trình tố tụng.

Trong khi luật sư khởi kiện vụ án hình sự ở quốc gia được yêu cầu và các cơ quan chức năng xem xét đơn khởi kiện, quốc gia được yêu cầu đã gia hạn lệnh phong tỏa lần thứ ba. Tòa án sau đó bác bỏ quyết định phong tỏa tài sản. Quốc gia được yêu cầu đã đề nghị vị luật sư kháng cáo quyết định của tòa án, nhưng trái với trông đợi, quốc gia yêu cầu đã đề nghị luật sư không kháng cáo, từ đó xóa bỏ mọi hy vọng về việc sẽ thu hồi lại số tài sản bị phong tỏa cho người dân của quốc gia nạn nhân. Bất chấp nỗ lực THTS kéo dài 12 năm, quốc gia được yêu cầu không còn cách nào khác ngoài việc gỡ bỏ lệnh phong tỏa tài sản và trả lại tài sản cho những người thừa kế của vị chính trị gia.

## Khuyến nghị chính sách

- a) Các quốc gia cần xây dựng và thực thi một chính sách minh bạch và toàn diện về THTS. Một chính sách như vậy cần quy định THTS là một phần không thể thiếu trong các nỗ lực PCTN; sự phân công nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan và đảm bảo nguồn lực thỏa đáng và năng lực cần thiết để truy tìm, phong tỏa và tịch thu tài sản thất thoát, hỗ trợ hiệu quả cho các cơ quan liên quan thông qua tương trợ tư pháp. Các quốc gia cần thành lập các cơ quan hoặc đơn vị chuyên trách về THTS thuộc các cơ quan này (xem Rào cản 3).
- b) Các quốc gia cần thành lập các cơ quan chuyên trách về THTS hoặc các đơn vị chuyên trách về THTS trong các cơ quan nhà nước, trong đó xác định rõ nhiệm vụ hỗ trợ công tác THTS (xem Rào cản 3).
- c) Các quốc gia cần đảm bảo rằng, các công chức, bao gồm các thẩm phán, công tố viên được đào tạo bài bản về THTS (xem Rào cản 3).
- d) Những quốc gia hiện chưa quy định về cơ chế THTS không dựa trên phán quyết của tòa án cần thông qua và thực thi những điều khoản cho phép thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp nhằm THTS được cho là có nguồn gốc bất hợp pháp (xem Rào cản 15).
- e) Các quốc gia cần xác định rõ và hạn chế quy định các căn cứ từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp (Xem Rào cản 22).

## Khuyến nghị thực thi

- a) Các quốc gia cần tận dụng các nguồn lực hợp pháp sẵn có (các đơn vị tình báo tài chính, đơn thư khiếu nại hoặc phương tiện truyền thông) để tự tiến hành các cuộc điều tra về THTS; xây dựng các chương trình hỗ trợ kỹ thuật trong khuôn khổ hợp tác song phương; cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho từng vụ án; thành lập và phân bổ nguồn lực hợp lý cho các đơn vị điều tra-truy tố chuyên trách về THTS; hỗ trợ các tổ chức quốc tế có khả năng cung cấp hỗ trợ kỹ thuật (như quy định tại Điều 60 (2) (3) của UNCAC).
- b) Đối với các yêu cầu liên quan đến nguyên tắc cùng hình sự hóa, các quốc gia cần giải thích thuật ngữ chỉ tội phạm của quốc gia yêu cầu theo nghĩa rộng, để có thể mở rộng tối đa khả năng tương trợ, và khi cần thiết, cần áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên hành vi khi xác định một hành vi có phải là tội phạm ở cả hai quốc gia hay không (xem Rào cản 22).



### ***Rào cản 3: Thiếu nguồn lực***

Nhóm nghiên cứu sau khi làm việc với các nhà hoạt động thực tiễn đã xác nhận rằng, quốc gia yêu cầu và được yêu cầu THTS thường không cam kết dành đủ nguồn lực để thực hiện tương trợ tư pháp về THTS. Các chuyên gia của các nước phát triển và đang phát triển xác nhận rằng, các cơ quan có thẩm quyền ở hai nhóm quốc gia này thường không có đủ cán bộ được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm trong việc xử lý các yêu cầu tương trợ tư pháp có liên quan đến THTS. Thêm vào đó, khi có nhiều hơn một cơ quan liên quan đến vụ việc, vai trò và chức năng cụ thể của các cơ quan và đơn vị liên quan thường không được xác định rõ ràng. Một nghiên cứu tại 21 quốc gia Châu Âu đã mô tả phương thức làm việc của các cơ quan có thẩm quyền là trì trệ, không minh bạch, mập mờ và chỉ ra rằng, một trong những khó khăn lớn đó là các quốc gia này không có các điều tra viên đủ năng lực. Cũng theo nghiên cứu, việc thiếu và không thể tuyển dụng cán bộ có năng lực và kinh nghiệm trong điều tra tài chính thường do nguồn lực tài chính dành cho đào tạo không thỏa đáng, không có quyết tâm chính trị và chủ trương, chính sách quốc gia không đặt THTS và công tác điều tra tài chính ở vị trí ưu tiên. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, các quốc gia nhìn chung chưa đầu tư đúng mức cho công tác đào tạo công tố viên, thẩm phán phục vụ công tác THTS<sup>30</sup>.

Vì vậy, các quốc gia cần phân bổ nguồn lực cần thiết cho công tác đào tạo công tố viên, thẩm phán, điều tra viên thuộc các cơ quan trung ương có trách nhiệm liên quan trong THTS<sup>31</sup>. Các cơ quan hoặc đơn vị chuyên trách về THTS trong bộ máy các cơ quan nhà nước cần được cung cấp đủ nguồn lực để hỗ trợ công tác THTS và cần lưu ý rằng, bản thân các cơ quan trung ương thường không

---

<sup>30</sup> Matthias Borgers và Hans Moors, “Hướng tới tài sản tội phạm: Bottlenecks trong hợp tác quốc tế”, Tạp chí Châu Âu về Tội phạm, Luật Hình sự và Tư pháp hình sự 15, số 2 (2007), tr.10, 42, 43.

<sup>31</sup> Tháng 11/2009, Hội nghị các quốc gia thành viên UNCAC đã kêu gọi các quốc gia thành viên đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền có đủ nguồn lực cần thiết để thực hiện các yêu cầu tương trợ. Xem [www.unodc.org/unodc/en/treaties/CAC/CAC-COSP.html](http://www.unodc.org/unodc/en/treaties/CAC/CAC-COSP.html).

trực tiếp tiến hành điều tra hoặc tham gia vào các sáng kiến THTS mà trước tiên họ là cơ quan quản lý hành chính.

Nỗ lực THTS thường tốn kém và có thể không đem lại kết quả. Ở nhiều quốc gia, đặc biệt là những nước đang phát triển, nguồn lực phân bổ cho THTS thường rất hạn chế. Một số quốc gia được yêu cầu có điều kiện hơn đã hỗ trợ các quốc gia khác các lệ phí tư pháp để thúc đẩy quá trình THTS. Một số quốc gia cũng dành riêng những quỹ đặc biệt để thực hiện tương trợ tư pháp. Các quốc gia phát triển cần cân nhắc việc gây quỹ riêng hoặc hỗ trợ tài chính cho các quốc gia đang phát triển để họ khắc phục được những hạn chế về nguồn lực. Thêm vào đó, một phần tài sản được thu hồi thành công cần được sử dụng để đào tạo năng lực chuyên môn cho các cơ quan, đơn vị liên quan trong THTS. Điều này cũng có thể áp dụng đối với những quốc gia thường thực hiện tương trợ thông qua khuôn khổ hợp tác đa phương.

Ở một số quốc gia được yêu cầu tương trợ, đặc biệt là những nước nhỏ với ngân sách hạn chế, nguồn lực là một vấn đề quan trọng. Quốc gia được yêu cầu có thể hỗ trợ quốc gia yêu cầu xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ hoặc các thủ tục khác, với điều kiện rằng hai quốc gia cùng chia sẻ lệ phí tư pháp. Một số quốc gia được yêu cầu có nguy cơ phải trả lệ phí tư pháp cho quốc gia yêu cầu trong những vụ án THTS không dựa trên kết án hoặc khi lệnh phong tỏa tài sản bị gỡ bỏ. Khi đó, việc phải cồng đáng lệ phí tư pháp cho một quốc gia khác sẽ là một rào cản trong thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp. Có những quốc gia lại đòi hỏi quốc gia yêu cầu phải ký kết thỏa thuận bồi thường trong đó quốc gia yêu cầu cam kết phải trả cho quốc gia được yêu cầu bất cứ chi phí nào mà nước được yêu cầu có khả năng phải chi trả cho nguyên đơn. Nhiều quốc gia yêu cầu có thể không nhất trí để ký kết một thỏa thuận như vậy và phương án giải quyết vấn đề này cần tiếp tục được nghiên cứu.

Để khắc phục những khó khăn về nguồn lực, quốc gia yêu cầu và được yêu cầu cần trao đổi thẳng thắn về khả năng chia sẻ chi phí hoặc khi thích hợp, chia sẻ tài sản được thu hồi. Để tránh việc một

quốc gia phải trả lệ phí tư pháp cho vụ kiện của một quốc gia khác, các nước cần ban hành các quy định trong đó nêu rõ rằng, chính phủ sẽ không chịu trách nhiệm chi trả lệ phí tư pháp trong quá trình tố tụng khi nghĩa vụ quốc tế của họ chỉ là thực hiện tương trợ tư pháp. Nhiều quốc gia đã quy định vấn đề chi trả lệ phí tư pháp trong các hiệp định tương trợ tư pháp. Theo một số hiệp định tương trợ hiện nay, quốc gia yêu cầu phải trả tất cả các chi phí phát sinh, trong đó bao gồm việc trả lệ phí tư pháp của một quốc gia khác. Rất nhiều hiệp định tương trợ tư pháp hiện nay yêu cầu phải có sự tham vấn trước giữa các bên trong những vụ việc đòi hỏi việc chi trả các chi phí phát sinh. Tuy nhiên, các hiệp định lại không định nghĩa thế nào là chi phí thông thường, nên nếu có thể, các quốc gia cần sớm làm rõ vấn đề này.

#### **Khuyến nghị chính sách**

- a. Các quốc gia cần có chính sách ưu tiên để đảm bảo có được các điều tra viên tài chính, công tố viên và thẩm phán được đào tạo bài bản về pháp luật trong nước cũng như các công ước và chuẩn mực quốc tế về THTS.
- b. Các quốc gia cần thông qua những quy định để đảm bảo rằng, một quốc gia không bị buộc phải trả chi phí tố tụng cho một quốc gia khác khi nghĩa vụ quốc tế của họ chỉ là thực hiện tương trợ tư pháp.

#### **Khuyến nghị thực thi**

- a. Các quốc gia cần đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền được cung cấp đầy đủ nhân sự, được đào tạo phù hợp và có kinh nghiệm và hiểu biết về pháp luật quốc gia, cũng như những chuẩn mực, công ước quốc tế về THTS.
- b. Quốc gia yêu cầu và quốc gia được yêu cầu cần trao đổi thẳng thắn với nhau để giải quyết những khó khăn về nguồn lực, bao gồm những vấn đề liên quan đến chia sẻ chi phí và chia sẻ tài sản sau thu hồi nếu có thể.

### ***Rào cản 4: Thiếu sự tuân thủ và thực thi hiệu quả các biện pháp chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố***

Những tài sản có nguồn gốc tham nhũng thường được chuyển từ quốc gia nạn nhân sang các quốc gia khác. Trong nhiều trường hợp,

“những người gác cổng” cho những tài sản này - có thể là những chuyên gia pháp luật và tài chính - sẽ thay mặt những kẻ tham nhũng chuyển những tài sản này vào các trung tâm tài chính, nơi mà những tài sản sẽ được “tẩy rửa” và sử dụng để mua những tài sản hợp pháp khác. Những biện pháp hiệu quả nhằm kiểm soát sự lưu chuyển của luồng tiền bất hợp pháp chảy vào các trung tâm tài chính và các biện pháp chống rửa tiền hiệu quả sẽ giúp gỡ bỏ nhiều rào cản được nêu trong nghiên cứu. Theo các chế định về chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố (AML/CFT), các cơ quan và trung tâm tài chính cần ngăn chặn nguy cơ những tài sản tham nhũng được chuyển vào các trung tâm tài chính để tẩy rửa. Chương II, Điều 14 của UNCAC tập trung vào những hành động chống rửa tiền và Điều 52 mô tả những biện pháp cụ thể để ngăn chặn và phát hiện các tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp. Việc một chính phủ không thể thực thi có hiệu quả Điều 14 và 52 của UNCAC là một rào cản đối với THTS. Một số khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm Tài chính cũng tập trung vào các biện pháp phòng ngừa và cung cấp hướng dẫn rõ ràng cho các quốc gia về những tiêu chí cần thiết để đảm bảo tính hiệu quả của chế định chống rửa tiền<sup>32</sup>. Điểm yếu trong thực thi các khuyến nghị của FATF, đặc biệt là các khuyến nghị 5,9,12,33 và 34 đã tạo điều kiện cho các quan chức tham nhũng tiếp cận được các trung tâm tài chính. Thêm vào đó, FATF khi phân tích các xu hướng rửa tiền đã chỉ ra rằng, những tội phạm tham nhũng đang có xu hướng sử dụng các chuyên gia - bao gồm các luật sư, kế toán, công chứng viên và các nhà cung cấp dịch khác - để dễ dàng thực hiện hành vi phạm pháp của mình<sup>33</sup>.

Lý do khiến các tài sản thất thoát dễ dàng được chuyển vào các trung tâm tài chính để tẩy rửa cho thấy, không chỉ các trung tâm tài

---

<sup>32</sup> FATF là một cơ quan liên chính phủ được thành lập với mục đích xây dựng và tăng cường các chính sách quốc gia và quốc tế để chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố. Các khuyến nghị từ 5 đến 9, 12, 20, 33 và 34 và các khuyến nghị khác liên quan đến các biện pháp phòng ngừa; Quỹ Tiền tệ Quốc tế, FATF 40+9 Khuyến nghị (Washington, DC: IMF Legal Department, 2009).

<sup>33</sup> FATF, Báo cáo về các thủ đoạn rửa tiền 2003-2004, tr.24-26. <http://www.fatfgafi.org/dataoecd/19/11/33624379.pdf>.

chính đã không thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng ngừa mà ngay các cơ quan giám sát hoạt động của các trung tâm tài chính này đã không thể đảm bảo rằng các ngân hàng và trung tâm tài chính tuân thủ các quy định về chống rửa tiền. Một nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Thế giới và Cơ quan chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc (UNODC), được xây dựng trong khuôn khổ của Sáng kiến StAR, cho thấy mức độ tuân thủ nghĩa vụ quốc tế đối với khuyến nghị số 6 về việc giám sát các tài khoản của những người có thể lực chính trị - những cá nhân đã và đang được giao một nhiệm vụ công, cùng với thành viên trong gia đình và những cộng sự thân thiết của họ<sup>34</sup> - của FATF là rất thấp. Trên 3/5 trong tổng số 124 quốc gia được xếp hạng là không tuân thủ khuyến nghị này. Nghiên cứu cũng cho thấy các cơ quan và ngân hàng quốc gia đã không thể thực thi hiệu quả các chuẩn mực PEPs quốc tế<sup>35</sup>. Những kết luận tương tự cũng được đưa ra trong cuộc họp của Tiểu ban Thường trực Thượng viện Mỹ về điều tra<sup>36</sup>. Trong hầu hết các vụ án, các quy định quốc gia về tài chính đã không giám sát hiệu quả những người có vị thế chính trị hoặc ngăn ngừa việc tẩy rửa các tài sản tham nhũng.

---

<sup>34</sup> Theodore S. Greenberg, Larissa Gray, Delphine Schantz, Michael Latham, and Carolin Garder, Những người có thể lực chính trị: Nghiên cứu chính sách nhằm tăng cường các biện pháp phòng ngừa trong lĩnh vực ngân hàng (Washington, DC: World Bank, 2010), tr. 13. Các khuyến nghị của FATF khẳng định các trung tâm tài chính cần, bên cạnh việc thực hiện các biện pháp kiểm tra khách hàng thông thường, có một hệ thống quản lý rủi ro phù hợp để xác định liệu một người có phải là PEPs hay không; phải được ban lãnh đạo cấp cao chấp thuận về việc thiết lập một quan hệ kinh doanh với những khách hàng như vậy; có những biện pháp hợp lý để xác định nguồn gốc tài sản và tiền; và tiến hành việc giám sát mối quan hệ kinh doanh của khách hàng. Xem Tổ chức tiền tệ quốc tế, FATF 40+9 Recommendations (Washington, DC; Bộ phận pháp chế của IMF, 2009), tr.35.

<sup>35</sup> Nt.

<sup>36</sup> Trong suốt phiên chất vấn, Thượng nghị sĩ Carl Levin đã nhấn mạnh rằng: “Những người có thể lực chính trị - còn được gọi là PEPs – đang tận dụng hệ thống tài chính của Mỹ. Đối với mỗi vụ việc, điểm yếu trong các quy định về tài chính đã cho phép các PEPs vận chuyển hàng triệu đô-la vào hoặc thông qua các tài khoản của Mỹ, thường bằng cách sử dụng các tài khoản của công ty vỏ bọc, các tài khoản luật sư - khách hàng, tài khoản vô danh hoặc các tài khoản khác hoặc thông qua hình thức chuyển tiền điện tử trước khi ngân hàng của chúng ta có bất cứ động thái nào”. Phát biểu khai mạc của ông Sen. Carl Levin được trích dẫn trong Đây là những nước ngoài ra khỏi Mỹ: Bốn vụ án lịch sử (Washington, DC: Tiểu ban Thường trực Thượng viện Mỹ về điều tra, 2010), tr.1.

Một trong số những nguyên nhân cho thực trạng trên đó là các trung tâm tài chính và các cơ quan liên quan khác đã không kịp thời báo cáo về hoạt động và các giao dịch đáng ngờ của PEPs với các cơ quan có thẩm quyền. Trong khi đó, các giám sát viên đã không kịp thời chỉ ra việc không thực hiện nghĩa vụ báo cáo của các trung tâm tài chính và cơ quan liên quan. Các trung tâm tài chính cần phải có những biện pháp hiệu quả để xác định nguồn gốc tài sản trong tài khoản ngân hàng của khách hàng và các chủ sở hữu hưởng lợi như PEPs. Tuy nhiên, khi lượng tài sản bất hợp pháp được lưu thông qua các trung tâm tài chính một cách dễ dàng đã cho thấy những vi phạm nghiêm trọng trong quản lý và hoạt động của các trung tâm tài chính.

Tổ chức Nhân chứng Toàn cầu, một tổ chức phi chính phủ quốc tế hoạt động nhằm khai thác các tài nguyên thiên nhiên cũng cho biết, có một hạn chế nghiêm trọng trong chính các khuyến nghị của FATF, đặc biệt là các khuyến nghị có liên quan đến việc bảo đảm tính minh bạch đối với quyền của chủ sở hữu hưởng lợi<sup>37</sup>. Một số nhóm xã hội dân sự cũng yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phải duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu lưu trữ hồ sơ doanh nghiệp làm căn cứ xác định các chủ sở hữu hưởng lợi. Một nghiên cứu tới đây của StAR về việc sử dụng trái phép các pháp nhân cho rằng, để hoạt động hiệu quả, thông tin trước khi được đưa vào hệ thống cơ sở dữ liệu cần được kiểm chứng. Đây được coi là một nhiệm vụ khá nặng nề. Dù sao, báo cáo cũng chỉ ra rằng, để chống rửa tiền hiệu quả, các thông tin được đưa vào hệ thống cơ sở dữ liệu cần đảm bảo đáp ứng những chuẩn mực thông tin tối thiểu và những thông tin liên quan đến các pháp nhân - các công ty, quỹ tín thác, các đối tác có trách nhiệm hữu hạn, các tổ chức v.v... cần dễ dàng có thể tiếp cận và được cung cấp cho các trung tâm tài chính và cơ quan thực thi pháp luật khi cần thiết và kịp thời. Nhóm công tác của FATF về Chống tài trợ cho khủng bố và rửa tiền gần đây đã ghi nhận những thách thức mà các trung tâm tài chính phải đối mặt trong những vụ

---

<sup>37</sup> Tổ chức Nhân chứng Toàn cầu, *Undue Diligence: How Banks Do Business with Corrupt Regimes*; November 3, 2009, tr.106, truy cập tại: [www.globalwitness.org](http://www.globalwitness.org)

việc có liên quan tới các PEPs. Nghiên cứu này cho thấy, định nghĩa về PEPs hiện chưa rõ ràng và có thể gây nhầm lẫn. Ví dụ, trong khi UNCAC yêu cầu các trung tâm tài chính phải tăng cường áp dụng các biện pháp kiểm tra khách hàng mà không phân biệt rằng họ sinh sống ở đâu thì các khuyến nghị của FATF chỉ áp dụng đối với những khách hàng ở nước ngoài. Việc FATF thông qua định nghĩa của UNCAC về PEPs có thể làm rõ thêm và hỗ trợ cho những nỗ lực thi thi các biện pháp phòng ngừa. Cũng đã có những tranh luận về tính hợp pháp của việc sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro trong việc giám sát hoạt động của PEPs và phương án chỉ nên giám sát hoạt động của PEPs trong một thời hạn nhất định. Bởi vì một số PEPs vẫn duy trì được sự ảnh hưởng rất lâu sau khi họ rời khỏi vị trí công tác, nên một phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro được cho là một công cụ giám sát hiệu quả hơn.

Để khắc phục điều này, các trung tâm tài chính cần đảm bảo thực hiện các biện pháp phòng ngừa hiệu quả, bao gồm biện pháp kiểm tra thông tin khách hàng. Nghiên cứu chính sách của StAR về PEPs cũng đề xuất một vài khuyến nghị nhằm cải thiện những nỗ lực phòng ngừa và “cơ chế đánh giá với trách nhiệm cao nhất”, một số trong những khuyến nghị này sẽ được đề cập dưới đây. Bên cạnh đó, nghiên cứu tới đây của StAR về Áp dụng pháp nhân sẽ đưa ra những khuyến nghị chính sách bổ sung.

Thêm vào đó, các trung tâm tài chính cần có những biện pháp thích hợp để đảm bảo khả năng tiếp cận các hồ sơ tài chính liên quan đến PEPs. Việc truy tố PEPs có thể bị trì hoãn trong nhiều năm nếu tham nhũng xảy ra ở cấp cao nhất của chính phủ. Kết quả là, các hồ sơ ngân hàng được hủy bỏ theo quy định về lưu trữ hồ sơ thông thường và điều này có thể ảnh hưởng đến việc truy tố các PEPs vì tội rửa tiền và các tội phạm tham nhũng khác. Để đảm bảo các hồ sơ ngân hàng liên quan đến PEPs vẫn có thể được sử dụng để truy tố PEPs, các quốc gia cần yêu cầu các trung tâm tài chính lưu giữ các hồ sơ liên quan đến các PEPs trong một thời hạn lâu hơn thông thường. Thời hạn này có thể phụ thuộc vào mức độ ảnh hưởng của PEPs. Ví dụ, hồ sơ liên quan đến PEPs là người đứng



đầu nhà nước có thể được lưu giữ lâu hơn bởi việc truy tố ông ta gần như là không thể khi ông vẫn còn tại vị.

Yêu cầu bảo quản hồ sơ tài liệu thông qua tương trợ tư pháp có thể là một biện pháp hữu ích. Việc bảo quản hồ sơ là cần thiết, thậm chí trước khi có căn cứ để phong tỏa hồ sơ. Việc yêu cầu bảo quản hồ sơ sẽ giảm thiểu nguy cơ hồ sơ bị phá hủy trước khi điều tra. Các yêu cầu bảo quản hồ sơ có thể được thực hiện như một hình thức thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp không chính thức<sup>38</sup>.

### Khuyến nghị chính sách

- a. FATF cần tuân thủ định nghĩa về PEPs của UNCAC. Các quốc gia và những chủ thể có liên quan cũng cần thông qua định nghĩa này<sup>a</sup>.
- b. Các quốc gia cần yêu cầu các trung tâm tài chính tiến hành rà soát thông tin về khách hàng là PEPs ít nhất mỗi năm một lần, với phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và cần lưu trữ các kết quả rà soát.
- c. Vì các PEPs có thể duy trì ảnh hưởng của mình trong nhiều năm, thậm chí sau khi bị truy tố về hành vi tham nhũng, các quốc gia cần yêu cầu các trung tâm tài chính lưu giữ các hồ sơ ngân hàng có liên quan đến các PEPs trong một thời hạn dài hơn thông thường, khoảng từ 8 đến 10 năm.

a. Theodore S. Greenberg, Larissa Gray, Delphine Schantz, Michael Latham, and Carolin Garder, những người có vị thế, chính trị: Nghiên cứu chính sách nhằm tăng cường các biện pháp phòng ngừa trong ngành ngân hàng. (Washington, DC: World Bank, 2010), tr. 26.

### Khuyến nghị thực thi

- a. Các quốc gia cần đảm bảo thực thi các khoản của Điều 14 và 52 của UNCAC, các khuyến nghị của FATF và các khuyến nghị trong Báo cáo của StAR về Những người có thể lực chính trị: Nghiên cứu chính sách nhằm tăng cường các biện pháp phòng ngừa trong ngành ngân hàng.

<sup>38</sup> Nhìn chung, “yêu cầu bảo quản” tự nguyên có thể hữu ích trong các tranh chấp nội địa và quốc tế. Các trung tâm tài chính thường có thiện chí hợp tác khi nhận được yêu cầu này. Yêu cầu về tính bảo mật có thể được đưa ra trong đơn yêu cầu. Cùng với yêu cầu về bảo quản, yêu cầu về bảo mật sẽ đề nghị ngân hàng không được thông tin cho khách hàng của họ rằng hồ sơ của họ đang được bảo quản. Đây cũng là một ý tưởng tốt và có thể được các trung tâm tài chính tôn trọng.



- b. Khi một báo cáo giao dịch đáng ngờ (STR) có liên quan đến một PEPs là người nước ngoài, các cơ quan có thẩm quyền sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng cần chia sẻ thông tin này với cơ quan có thẩm quyền ở quốc gia mà PEPs có quốc tịch và các quốc gia có liên quan.
- c. Các quốc gia cần thông báo về các hành vi tội phạm và những thông tin đáng ngờ được phát hiện trong báo cáo rà soát hàng năm về PEPs nước ngoài cho cơ quan tình báo quốc gia thông qua các báo cáo về giao dịch đáng ngờ, hoặc thông tin tới một cơ quan có thẩm quyền thông qua một thủ tục thích hợp.
- d. Các quốc gia cần cân nhắc triển khai hệ thống đánh giá rủi ro trong việc nhận dạng các PEPs. Các hệ thống này có thể bao gồm:
- Các tiêu chí chung và nguồn thông tin, ví dụ như những rủi ro liên quan đến các quốc gia nhất định, thâm niên công tác cũng như loại hình kinh doanh của một người được cho là PEPs.
  - Thu thập những thông tin liên quan đến khách hàng, thẩm tra, xác minh thông tin khách hàng trước khi cho phép đăng ký tài khoản.
  - Yêu cầu kê khai tài sản bằng văn bản về quyền sở hữu hưởng lợi và áp dụng chế tài hình sự trong trường hợp vi phạm.
  - Chia sẻ thông tin giữa các trung tâm tài chính;
  - Kê khai thu nhập và tài sản.
  - Các phương tiện truyền thông có thể giúp các ngân hàng nhận dạng PEPs và cập nhật thông tin khách hàng.
  - Những thông tin có liên quan đến quốc gia mà khách hàng có quốc tịch;
  - Công cụ tìm kiếm trên internet, bao gồm các công cụ lớn và nhỏ.
  - Sử dụng cơ sở dữ liệu về PEPs của các nhà cung cấp dữ liệu.
- e. Các quốc gia cần đảm bảo rằng, các cá nhân chịu trách nhiệm giám sát PEPs thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp thông tin, báo cáo và vận hành hệ thống quản lý rủi ro liên quan đến PEPs.

### ***Rào cản 5: “Quá nhiều đầu bếp sẽ làm hỏng bữa ăn” - Thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả***

Tương trợ tư pháp trở nên cần thiết khi tài sản đã bị chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác. Nếu không được tương trợ tư pháp kịp thời, công tác THTS sẽ không thể thành công. Trong quá trình xử lý văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp, sự trao đổi thông tin giữa các

bên liên quan đóng vai trò rất quan trọng. Trong những vụ án trọng điểm, THTS sẽ thuận lợi nếu cán bộ tại các cơ quan có thẩm quyền có thể trao đổi thông tin trực tiếp và nhanh chóng với nhau.

Một trở ngại quan trọng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đó là việc văn bản yêu cầu tương trợ sẽ đi qua rất nhiều cơ quan chính phủ một cách không cần thiết. Trong những trường hợp sử dụng đơn thỉnh cầu (letters rogatory), việc trao đổi thông tin phải thông qua các kênh ngoại giao, và điều này có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện yêu cầu tương trợ. Trong những trường hợp không sử dụng đơn thỉnh cầu, đầu mối tiếp nhận và cung cấp thông tin về tương trợ tư pháp giữa các bên là bộ ngoại giao. Ở một số quốc gia khác, cơ quan trung ương sẽ hoạt động như một “hòm thư” để chuyển các yêu cầu nhận được, đôi khi phải qua ba hoặc bốn cơ quan khác yêu cầu mới đến được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền. Các chuyên gia cũng cho rằng, sự kiểm soát ở cấp độ trung ương là cần thiết nhưng sự thận trọng này không được khiến việc thực hiện yêu cầu tương trợ bị chậm trễ hoặc không hiệu quả.

Thực tiễn cho thấy, trong những vụ việc nhạy cảm có liên quan đến PEPs, có quan ngại về tính liêm chính của bộ ngoại giao trong việc tiếp nhận và chuyển tiếp văn bản yêu cầu tương trợ. Một chuyên gia cho biết, bộ ngoại giao của một quốc gia đã cố tình giữ lại văn bản yêu cầu tương trợ cho đến khi cuộc bầu cử ở quốc gia họ kết thúc. Trong một tình huống khác, một số thông tin trong văn bản yêu cầu tương trợ bị rò rỉ tới truyền thông vào thời điểm cuộc điều tra chưa kết thúc và thông tin bị rò rỉ có lợi cho một số thành viên của chính phủ. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, việc gửi văn bản yêu cầu tương trợ thông qua bộ ngoại giao cũng có những thuận lợi nhất định vì bộ ngoại giao có thể xác định được đầu mối tốt nhất để thực hiện yêu cầu và về nguyên tắc, họ không thể cố tình giữ lại yêu cầu mà không dựa trên một cơ sở pháp lý nào. Vì vậy, các quốc gia cần thống nhất với nhau rằng, cần giảm thiểu số lượng các cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận và gửi đi các văn bản

yêu cầu tương trợ để công tác tương trợ tư pháp không phải chịu bất cứ áp lực chính trị nào.

Một số quốc gia cho rằng, việc trao đổi thông tin không chính thức và trực tiếp giữa các cán bộ thuộc các cơ quan có thẩm quyền tại hai quốc gia về yêu cầu tương trợ có thể dẫn đến quan ngại về tính hợp pháp của hoạt động tương trợ. Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, cơ chế trao đổi thông tin trực tiếp và những hình thức hỗ trợ không chính thức trong quá trình tương trợ tư pháp là những công cụ có giá trị khi không thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế và có thể giúp các bên hiểu rõ hơn về yêu cầu tương trợ.

### **Thực tiễn tốt**

#### **Cho phép các cán bộ có liên quan trực tiếp trao đổi thông tin**

Liên minh Châu Âu cho phép (cơ quan tư pháp ở mỗi quốc gia) trao đổi thông tin trực tiếp với nhau khi có yêu cầu tương trợ không chính thức, liên quan đến việc điều tra, phong tỏa và tịch thu tài sản. Cơ chế trao đổi trực tiếp giữa những nhà hoạt động thực tiễn ở các quốc gia khi xử lý các yêu cầu tương trợ không chính thức được pháp luật thừa nhận<sup>a</sup>. Điều 48 của UNCAC và một số hiệp định song phương về tương trợ tư pháp cũng ghi nhận những cơ chế trao đổi thông tin và gửi yêu cầu tương trợ trực tiếp.

a. Quyết định 2003/577/JHA của Hội đồng Châu Âu ngày 22/7/2003 và Quyết định 2006/783/JHA của Hội đồng Châu Âu ngày 6/10/2006.

Một trong số những trở ngại được báo cáo nhận định đó là cơ chế phối hợp ở cấp độ quốc gia và quốc tế chưa thực sự hiệu quả. Một số nhà hoạt động thực tiễn cho rằng, việc thiếu cơ chế phối hợp ở cấp độ quốc tế có thể ảnh hưởng đến kết quả THTS đặc biệt là khi tài sản tham nhũng nằm rải rác ở nhiều quốc gia khác nhau. Ví dụ, việc bị cáo đồng ý ký kết một “thỏa thuận tự nhận tội” về một tội phạm ít nghiêm trọng ở quốc gia này có thể gây khó khăn cho quá trình điều tra ở các quốc gia khác; hoặc có thể gây trở ngại cho các quốc gia khác khi cần thu thập chứng cứ cần thiết trong quá trình điều tra. Các tội phạm đều biết rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay, những tài sản có nguồn gốc tham nhũng có thể dễ dàng được chuyển qua biên giới và tẩu tán tới các quốc gia khác

nhau. Chúng cũng hiểu rằng, chừng nào các quốc gia còn gặp khó khăn trong cơ chế hợp tác và phối hợp để xác định, truy tìm, thu hồi và trả lại tài sản, tài sản của chúng vẫn có thể yên vị trong những “vùng an toàn”<sup>39</sup>.

Rất nhiều nhà hoạt động thực tiễn cho rằng cần thành lập các lực lượng đặc nhiệm quốc tế để cùng giải quyết những khó khăn khi xử lý một yêu cầu tương trợ tư pháp cụ thể. Theo đó, các lực lượng này cần đề ra những mục tiêu hoạt động chung, cùng nhau điều tra và THTS. Các lực lượng này có thể được thành lập để phục vụ cho những vụ án cụ thể nhằm tận dụng năng lực và kinh nghiệm chuyên môn của cả hai quốc gia hoặc để giải quyết những vấn đề về tương trợ tư pháp. Chắc chắn rằng, việc cả quốc gia yêu cầu và được yêu cầu đều thống nhất được với nhau về các mục tiêu hoạt động chung sẽ giúp các bên hiểu hơn về những thách thức có thể gặp phải và tạo cơ hội để chia sẻ và thống nhất về những cách tiếp cận mang tính chiến lược đối với vụ án. Lực lượng đặc nhiệm khi được thành lập sẽ gây sự chú ý và quan tâm xử lý của các cơ quan chức năng. (Nếu quốc gia được yêu cầu đã thành lập lực lượng đặc nhiệm về THTS, quốc gia yêu cầu có thể gửi văn bản yêu cầu tương trợ cho lực lượng này và thông qua họ, đề nghị quốc gia được yêu cầu có sự ưu tiên hơn trong xử lý yêu cầu tương trợ). Một số chuyên gia cũng cho rằng các lực lượng đặc nhiệm cần nỗ lực tìm ra các giải pháp để đổi mới và cải thiện công tác THTS.

Thiếu cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chống tham nhũng trong cùng một quốc gia cũng có thể cản trở quá trình tương trợ tư pháp và THTS. Khi đó, lực lượng đặc nhiệm quốc tế cần kêu gọi sự tham gia của nhóm các cán bộ liên ngành ở cấp độ quốc gia. Các thành viên trong nhóm cần thống nhất một cơ chế phối kết hợp để tránh

---

<sup>39</sup> UNCAC và FATF đều có khuyến nghị về cơ chế hợp tác quốc tế hiệu quả và có quy định quy yêu cầu các quốc gia hợp tác đối với các vấn đề về hình sự. UNCAC cung yêu cầu các cơ quan thực thi pháp luật phải hợp tác với nhau (Điều 40), tương trợ pháp (Điều 46), điều tra chung (Điều 49) và thu hồi tài sản (Chương V). Khuyến nghị của FATF số 36 (tương trợ tư pháp), 37 (nguyên tắc cùng hình sự hóa), 38 (phong tỏa, tịch thu và thu hồi tài sản) và 40 (các hình thức hợp tác khác) đã xác định các chuẩn mực mà FATF đề ra trong hợp tác quốc tế.

trùng lập hoạt động cũng như cơ hội để trao đổi và thống nhất với nhau về chiến lược hành động để thực hiện tương trợ tư pháp. Lực lượng đặc nhiệm có thể hỗ trợ các cuộc điều tra trong nước và truy tố tội phạm. Các quốc gia có thể thành lập nhóm liên ngành thường trực để xử lý các yêu cầu về tương trợ tư pháp hoặc đột xuất trong những vụ án quan trọng. Không nhất thiết phải quy định các nhóm liên ngành cần hoạt động chuyên trách hay kiêm nhiệm. Điều quan trọng là phải có một cơ quan chịu trách nhiệm điều phối, giám sát tiến độ công việc và báo cáo về thực trạng xử lý yêu cầu tương trợ. Cần có bản mô tả công việc, trong đó chỉ ra vai trò và trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm công tác liên ngành cũng như cơ chế trao đổi thông tin và báo cáo.

### **Tầm quan trọng của cơ chế trao đổi thông tin**

Trong quá trình xây dựng nghiên cứu này, một số quốc gia yêu cầu tương trợ cho rằng không phải quốc gia được yêu cầu nào cũng thiện chí hợp tác với họ trong quá trình THTS. Quan điểm này không có căn cứ. Trên thực tế, một quốc gia yêu cầu có thể đã không hiểu đúng về yêu cầu cung cấp thông tin từ phía quốc gia được yêu cầu, nên cho rằng quốc gia được yêu cầu không muốn thực hiện tương trợ. Cũng có những quốc gia lại tin tưởng một cách không thực tế rằng, quốc gia nào cũng có những quy trình và tiếp cận thông tin và nguồn lực như nhau trong công tác THTS. Khi quốc gia được yêu cầu không thể thực hiện tương trợ như mong đợi, quốc gia yêu cầu có thể phản nản về sự thiếu hợp tác, ngay cả khi việc trì hoãn và không thể thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp xuất phát từ những khác biệt trong quy trình và nguồn lực.

Tại các hội nghị quốc gia thành viên UNCAC và trong các cuộc họp của Nhóm công tác liên chính phủ mở rộng về THTS, cơ chế trao đổi thông tin là vấn đề thường xuyên được đem ra trao đổi, thảo luận và được coi như một yếu tố rất quan trọng trong THTS. Để hợp tác hiệu quả, các bên liên quan cần trao đổi rõ ràng và cụ thể, với ngôn ngữ phù hợp, để thống nhất được về nội dung của yêu cầu tương trợ, tránh việc diễn giải yêu cầu thiếu chính xác và không có căn cứ. Thêm vào đó, các quốc gia có thể tổ chức các đợt tập huấn kỹ năng, thiết lập các mạng lưới hoạt động giữa các bên liên quan để trao đổi và tránh việc diễn giải sai lệch thông tin.

a. Điều 46 (14) và (15) UNCAC yêu cầu rằng yêu cầu tương trợ tư pháp phải được lập thành văn bản hoặc, nếu có thể, bằng những cách có khả năng tạo ra văn bản.

## Khuyến nghị thực thi

- a. Để tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế, các quốc gia có liên quan cần tham gia vào các lực lượng đặc nhiệm quốc tế hoặc các cuộc họp quốc tế được tổ chức định kỳ, khi có từ hai quốc gia trở lên có liên quan đến một vụ án THTS quan trọng.
- b. Các quốc gia cần rà soát các thỏa thuận về tương trợ tư pháp đã ký kết và có những biện pháp nhằm đảm bảo một cơ chế phối hợp và hợp tác hiệu quả. Các quốc gia có thể thành lập các lực lượng đặc nhiệm liên ngành hoặc các nhóm công tác chung, được nhóm họp định kỳ để trao đổi về chiến lược hành động.
- c. Khi một cơ quan trung ương được chỉ định là đơn vị đầu tiên tiếp nhận yêu cầu tương trợ, hệ thống pháp luật quốc gia cần cho phép, khuyến khích và tạo điều kiện cho cơ chế liên lạc cấp chuyên viên; khi cần thiết, có thể báo cáo thông tin về tiến độ xử lý vụ việc cho cơ quan đầu mối. Tuy nhiên, các quốc gia cần ban hành các chính sách và thủ tục nhằm tránh sự tham gia không cần thiết của quá nhiều cơ quan trong quá trình tương trợ tư pháp.

### ***Rào cản 6: Kích hoạt nhanh thủ tục yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức***

Trong bối cảnh của nghiên cứu này, thuật ngữ “tương trợ tư pháp chính thức” được hiểu là việc yêu cầu tương trợ tư pháp bằng văn bản, một thủ tục pháp lý trong đó đòi hỏi phải tuân thủ những quy trình, yêu cầu và điều kiện nhất định. Những yêu cầu này, như được mô tả rất cụ thể trong nghiên cứu, khiến các quốc gia yêu cầu tương trợ phải đối mặt với nhiều khó khăn để có thể nhận được tương trợ kịp thời và hiệu quả. Phụ thuộc vào nội dung yêu cầu tương trợ, các yêu cầu pháp lý mà quốc gia được yêu cầu đưa ra có thể liên quan đến sự tồn tại của các cáo buộc hình sự (Rào cản 10), nguyên tắc cùng hình sự hóa (Rào cản 22) và căn cứ bắt buộc từ chối tương trợ (Rào cản 22). Quá trình tương trợ thường kéo dài và bị trì hoãn bởi nhiều nhân tố, ví dụ như việc phải đảm bảo các quyền tố tụng của đối tượng bị điều tra (thường là những lý do hợp pháp nhưng đôi khi cũng bị lạm dụng) hoặc việc thiếu nguồn lực để đáp ứng yêu cầu (xem Rào cản 3). Những yêu cầu

trên có thể cần thiết trong nhiều trường hợp nhưng các quốc gia có thể thực hiện yêu cầu tương trợ mà không nhất thiết phải thông qua hình thức tương trợ chính thức.

Thông thường, tương trợ tư pháp chính thức chỉ cần thiết khi yêu cầu tương trợ có liên quan đến việc phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế, ví dụ, quyết định buộc công khai thông tin về giao dịch của tài khoản hoặc thực hiện lệnh khám xét hoặc thu giữ tài sản. Trong khi đó, các quốc gia không nhất thiết phải sử dụng các biện pháp cưỡng chế trong giai đoạn đầu của quá trình điều tra và trong suốt quá trình thu thập thông tin và dữ liệu tình báo và vì vậy, tương trợ tư pháp giữa các quốc gia không nhất thiết phải thông qua kênh chính thức. Ở giai đoạn này, việc tương trợ có thể được thực hiện một cách không chính thức, được hiểu là sự hỗ trợ thông qua các kênh mà không đòi hỏi phải có văn bản yêu cầu tương trợ chính thức – đây là một hình thức hỗ trợ được quy định trong nhiều hiệp định và pháp luật nhiều quốc gia về tương trợ tư pháp<sup>40</sup>. Tương trợ tư pháp không chính thức có thể là khả năng trao đổi thông tin trực tiếp hoặc hỗ trợ lẫn nhau giữa các đơn vị tình báo tài chính, cảnh sát, công tố viên hoặc các thẩm phán ở cả hai quốc gia, với điều kiện rằng, quốc gia yêu cầu tương trợ sẽ sớm gửi lại văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức cho quốc gia được yêu cầu<sup>41</sup>.

Hỗ trợ không chính thức đóng vai trò quan trọng trong quá trình THTS. Khi không phải đáp ứng ngay các yêu cầu khẩn khe của thủ tục tương trợ chính thức, các các nhà hoạt động thực tiễn có thể thu thập thông tin nhanh chóng và đầy đủ hơn,

---

<sup>40</sup> Ít chính thức với ý nghĩa là ít các yêu cầu liên quan đến thủ tục; hỗ trợ không chính thức không nên được hiểu theo nghĩa là bao gồm bất cứ một phương thức bất hợp pháp hoặc “một sự thỏa thuận sân sau” nào.

<sup>41</sup> Nhóm các đơn vị tình báo tài chính Egmont, trong Tuyên bố về Mục đích và Nguyên tắc trao đổi thông tin đã khuyến khích các quốc gia thành viên chia sẻ những thông tin tài chính liên quan đến rửa tiền và tài sản phạm tội. Tháng 11/2004, nhóm Egmont đã ban hành tài liệu về Những thực tiễn tốt trong trao đổi thông tin giữa các đơn vị tình báo tài chính; Xem: <http://www.egmontgroup.org/library/egmont-documents>.

có cơ sở để dự thảo văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp có chất lượng và xây dựng được một chiến lược hành động hiệu quả. Tầm quan trọng của các kênh hỗ trợ không chính thức giữa các cơ quan trong tương trợ tư pháp được đề cập nhiều trong UNCAC và FATF<sup>42</sup>.

Một số nhà hoạt động thực tiễn cho biết, cơ chế liên lạc không chính thức luôn là điểm khởi đầu của bất cứ yêu cầu tương trợ nào. Có quan ngại đối với việc sử dụng các thủ tục không chính thức khi quốc gia yêu cầu sử dụng những thông tin được cung cấp làm chứng cứ trong quá trình tố tụng của họ. Trong trường hợp này, quốc gia cung cấp thông tin không chính thức cần nêu rõ yêu cầu quốc gia được cung cấp thông tin phải tuân thủ những thủ tục pháp luật nhất định trước khi sử dụng những thông tin được cung cấp làm chứng cứ trước tòa. Trước khi cung cấp thông tin, quốc gia được yêu cầu cần làm rõ với quốc gia yêu cầu tương trợ về việc cho phép hoặc không cho phép sử dụng thông tin làm chứng cứ trước tòa.

---

<sup>42</sup> Điều 48 UNCAC đã yêu cầu các quốc gia thành viên sẽ tăng cường hiệu quả của hoạt động thực thi pháp luật. Điều 50 UNCAC cũng đề cập đến các kỹ thuật điều tra đặc biệt và Điều 46 (4) và 56 đề cập đến việc cung cấp thông tin liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp hoặc THTS mà không cần phải có đề nghị trước. Các quốc gia thành viên của UNCAC đã trao đổi về cơ chế thông tin trực tiếp trong Nghị quyết 3/3, khuyến nghị rằng các quốc gia cần tự động chia sẻ thông tin về tài sản phạm tội cho các quốc gia khác và tăng cường các kênh trao đổi thông tin không chính thức thông qua việc chỉ định cán bộ hoặc cơ quan có nhiệm vụ làm đầu mối liên lạc và hỗ trợ thực hiện có hiệu quả các yêu cầu đối với yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức. Nhóm công tác liên chính phủ mở rộng về THTS được thành lập tại Hội nghị các quốc gia thành viên cũng đã khuyến nghị việc tăng cường mạng lưới hợp tác trao đổi thông tin chính thức và không chính thức (xem COSP/WG.2/2009/3).

Tương tự như thế, UNTOC cũng yêu cầu các quốc gia thành viên cung cấp “những biện pháp tương trợ tư pháp rộng rãi nhất trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các tội phạm được quy định bởi Công ước”. Các quốc gia thành viên có nghĩa vụ “mở rộng cho nhau những hỗ trợ tương tự” khi quốc gia yêu cầu “cơ sở chính đáng để nghi ngờ” rằng một trong số những tội phạm về bản chất là tội phạm xuyên quốc gia và chúng đã phát triển thành nhóm tội phạm có tổ chức.

Xem thêm Khuyến nghị 40 của FATF: “Các quốc gia cần đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền của họ đã cung cấp rộng rãi nhất sự hợp tác quốc tế tới các đối tác của họ. Cần có phương thức rõ ràng và hiệu quả để tạo điều kiện cho sự chia sẻ thông tin mang tính xây dựng và kịp thời giữa các đối tác, ngay cả khi có đề nghị trước hoặc theo yêu cầu, về những thông tin có liên quan đến rửa tiền và những tội phạm gốc”.



Không chỉ phục vụ quá trình thu thập thông tin, hình thức hỗ trợ không chính thức cũng mở ra cơ hội đối thoại cho các bên liên quan, là bước chuẩn bị cho việc gửi văn bản yêu cầu tương trợ chính thức sau đó và có thể giúp các quốc gia hiểu rõ hơn về các yêu cầu của nhau. Trên cơ sở đó, quốc gia yêu cầu có thể dự thảo một văn bản yêu cầu tương trợ chính thức có chất lượng. Trong trường hợp yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức bị từ chối vì những thiếu sót hoặc bị trả lại để bổ sung thêm thông tin, việc thực hiện tương trợ có thể bị trì hoãn. Như một hình thức hỗ trợ không chính thức, có quốc gia được yêu cầu đã dự thảo văn bản yêu cầu cho quốc gia yêu cầu. Đối với những vụ án khó khăn và phức tạp, một số quốc gia đã khuyến khích các quốc gia yêu cầu gửi bản dự thảo văn bản yêu cầu tương trợ nhưng quốc gia yêu cầu thường không thực hiện việc này<sup>43</sup>.

Nếu tiền lượng trước được những khó khăn có thể gặp phải khi gửi văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức, trước tiên, các quốc gia yêu cầu có thể xin ý kiến của quốc gia được yêu cầu về việc sử dụng các kênh hỗ trợ không chính thức, và khả năng được nhận những hỗ trợ không chính thức trước khi chính thức gửi đi văn bản yêu cầu tương trợ.

Các cơ quan tại quốc gia được yêu cầu cần cung cấp thông tin và hỗ trợ không chính thức cho các đối tác nước ngoài mà không yêu cầu phải có văn bản yêu cầu tương trợ chính thức. Hiện nay, nhìn chung các quốc gia đều sẵn sàng cung cấp cho nhau những hỗ trợ không chính thức trước khi nhận được văn bản yêu cầu tương trợ chính thức. Thông thường, các tương trợ và hợp tác mở rộng, đòi hỏi nhiều kỹ thuật đặc biệt cũng có thể được thực hiện nhưng không chắc chắn. Ví dụ, trong một vụ án phức tạp, nếu một quốc gia không thể thực hiện yêu cầu tương trợ khi chưa nhận được văn bản yêu cầu tương trợ chính thức, sẽ rất hữu ích nếu các quốc gia có thể trao đổi sơ bộ với nhau về các tình huống giả định có thể

---

<sup>43</sup> Combating Money Laundering and Recovery Looted Gains: Raising the UK's Game (*Chống rửa tiền và thu hồi tài sản thất thoát: Cuộc chiến tại Anh Quốc*) (London: Transparency International UK, 2009), tr.44

xảy ra. Qua trao đổi trước, quốc gia yêu cầu có thể đề nghị quốc gia được yêu cầu bảo quản những chứng cứ cụ thể của vụ án, qua đó, trong trường hợp không thể thực hiện yêu cầu tương trợ thì quốc gia được yêu cầu ít nhất vẫn có thể cân nhắc về những hỗ trợ có thể thực hiện bằng nỗ lực tối thiểu của họ. Tuy nhiên, quốc gia yêu cầu cần tận dụng triệt để tất cả các kênh hỗ trợ không chính thức trước khi gửi đi văn bản yêu cầu tương trợ chính thức.

Các quốc gia cần đảm bảo rằng hệ thống pháp luật nội địa cho phép việc trao đổi thông tin trực tiếp giữa các cơ quan trong nước – bao gồm các cơ quan thực thi pháp luật, đơn vị tình báo và cơ quan tố tụng – và các cơ quan đồng cấp ở nước ngoài, như theo quy định của UNCAC. Để tạo điều kiện hợp tác hiệu quả, một số quốc gia đã cho phép các cơ quan của mình trao đổi thông tin với các quốc gia nước ngoài mà không yêu cầu sự trao đổi này phải trên cơ sở đồng cấp. Ví dụ, một quốc gia đã cho phép các trung tâm tài chính của họ, thông qua các đơn vị tình báo tài chính, để cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các cơ quan thực thi pháp luật trong Liên minh Châu Âu. Quy định này cho phép các quốc gia thực thi pháp luật của EU có được những thông tin liên quan đến một tài khoản trong một trung tâm tài chính nhất định hoặc về một giao dịch của một cá nhân mà có cơ sở để tin rằng có liên quan đến một hành động khủng bố hoặc rửa tiền nghiêm trọng. Dù những thông tin được cung cấp là có giới hạn nhưng cùng với các công cụ điều tra sẵn có khác, các cơ quan thực thi pháp luật vẫn có thể sử dụng những thông tin quan trọng đó để phục vụ quá trình điều tra. Một văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp có thể đưa ra yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin. Ngay cả khi không tìm thấy bất cứ thông tin nào liên quan đến tài khoản và giao dịch đáng ngờ tại các trung tâm tài chính thì quy định này vẫn có ích vì đã giúp các cơ quan thực thi pháp luật không phải tiếp tục huy động nguồn lực một cách không cần thiết.

Tối thiểu, quốc gia được yêu cầu phải cung cấp thông tin cho quốc gia yêu cầu về những biện pháp điều tra không cưỡng chế có thể được áp dụng. Bên cạnh đó, để tránh khả năng tài sản bị tẩu tán, quốc gia được yêu cầu cần ra quyết định phong tỏa tạm thời tài sản

trong vòng 72 tiếng hoặc ít hơn, như một biện pháp hỗ trợ không chính thức, ngay cả khi hành động phong tỏa được coi là biện pháp cưỡng chế. Một nghiên cứu gần đây của Tổ chức Minh bạch Quốc tế cũng đề xuất rằng, các quốc gia cần sẵn sàng cung cấp những loại thông tin sau cho quốc gia yêu cầu mà không đòi hỏi phải có văn bản yêu cầu chính thức:

- Cơ sở dữ liệu công, ví dụ như hồ sơ về đăng ký quyền sở hữu nhà đất, hồ sơ công ty, thông tin liên quan đến ban lãnh đạo, cổ đông, và tài khoản công ty (xem Rào cản 27);
- Liên lạc với các nhân chứng tiềm năng để xác định liệu nhân chứng đó có sẵn sàng hợp tác và cung cấp lời khai, nếu việc làm này được pháp luật cho phép;
- Thông tin chi tiết về những nhà cung cấp dịch vụ và lưu trữ hồ sơ, dữ liệu công mà không đòi hỏi lệnh của tòa án<sup>44</sup>.

### Thực tiễn tốt

Để tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế, các quốc gia có liên quan cần chủ động xác định nhu cầu hỗ trợ của quốc gia yêu cầu ở giai đoạn đầu của quá trình điều tra và cần quan tâm tới các biện pháp hỗ trợ không chính thức. Các quốc gia này khuyến khích việc áp dụng các hình thức hỗ trợ không chính thức vì khi một yêu cầu tương trợ được thực hiện qua các kênh không chính thức (mà vẫn giúp thu thập được chứng cứ được tòa án chấp nhận) sẽ đẩy nhanh tiến độ tương trợ tư pháp và giảm tải cho các cơ quan thực hiện tương trợ.

Nhiều quốc gia thực hiện yêu cầu tương trợ không chính thức thông qua cơ chế trao đổi thông tin trực tiếp giữa cảnh sát hai quốc gia nhằm xác định và tìm hiểu những thông tin liên quan đến các cá nhân, tài khoản ngân hàng và bảng quyết toán thu chi, tài sản thực tế, phi vụ làm ăn, các lãnh đạo doanh nghiệp, cổ đông và những địa chỉ công ty được đăng ký. Nếu gửi một văn bản yêu cầu tương trợ để cung cấp những thông tin kể trên sẽ tốn rất nhiều thời gian. Thay vì thế, các quốc gia yêu cầu có thể xin ý kiến các quốc gia được yêu cầu về khả năng được hỗ trợ không chính thức, và nếu có thể, được cung cấp thông tin về các yêu cầu của hình thức tương trợ này.

<sup>44</sup> Combating Money Laundering and Recovery Looted Gains: Raising the UK's Game (*Chống rửa tiền và thu hồi tài sản thất thoát: Cuộc chiến tại Anh Quốc*) (London: Transparency International UK, 2009), tr.45.

Một số quốc gia khuyến khích việc sớm gửi văn bản yêu cầu tương trợ lên trang web của tổ chức Egmont nếu một quốc gia muốn tìm hiểu thông tin về một tài khoản ngân hàng cụ thể hay việc tiếp cận hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, hơn là việc gửi một văn bản yêu cầu phong tỏa “bất kỳ hoặc tất cả tài khoản hoặc tài sản của...”. Các quốc gia này cũng khuyến khích các cơ quan thực thi pháp luật trao đổi trực tiếp với nhau về khả năng được tương trợ thông qua các kênh hỗ trợ không chính thức.

### **Khuyến nghị chính sách**

- a. Các quốc gia cần xây dựng và thực thi những chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo khả năng thực hiện các hỗ trợ không chính thức cho các đối tác nước ngoài thông qua việc áp dụng những biện pháp không phải sử dụng cưỡng chế nhà nước hoặc phong tỏa tài sản tạm thời trong vòng 72 tiếng hoặc ít hơn, với những điều kiện hợp lý và thỏa đáng.
- b. Các quốc gia cần xây dựng các chính sách và thủ tục để cung cấp hỗ trợ không chính thức ở tất cả các giai đoạn: trước, trong và sau khi hoàn thiện văn bản yêu cầu tương trợ chính thức.

### **Khuyến nghị thực thi**

- a. Quốc gia yêu cầu cần tận dụng triệt để các kênh hỗ trợ không chính thức trước khi gửi đi văn bản yêu cầu tương trợ chính thức.
- b. Quốc gia được yêu cầu cần sớm thông báo cho quốc gia yêu cầu về những thông tin được phép cung cấp mà không phải thông qua yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức. Những hướng dẫn cụ thể cần được công khai trên trang web của chính phủ quốc gia đó (xem Rào cản 23).
- c. Các quốc gia không nên đòi hỏi phải nhận được văn bản yêu cầu tương trợ chính thức khi hệ thống cơ sở dữ liệu công của họ chưa được công khai, ví dụ như hồ sơ đăng ký sở hữu nhà đất, hồ sơ đăng ký công ty, thông tin về lãnh đạo doanh nghiệp và cổ đông. Các quốc gia cần cung cấp bản sao báo cáo năm và các văn bản có liên quan mà không cần phải có văn bản yêu cầu chính thức.
- d. Khi được yêu cầu, các quốc gia cần sẵn sàng liên lạc với các nhân chứng tiềm năng mà không cần phải có văn bản yêu cầu chính thức, để xác định khả năng tự nguyện hợp tác của nhân chứng với quốc gia yêu cầu. Các quốc gia cần lấy lời khai của nhân chứng tự nguyện mà không cần văn bản yêu cầu chính thức, với điều kiện rằng việc liên lạc với nhân chứng được pháp luật nước này cho phép.

# Những rào cản và yêu cầu pháp lý làm trì hoãn quá trình tương trợ

---

## ***Rào cản 7: Những khác biệt trong truyền thống pháp luật***

Sự khác biệt trong truyền thống pháp luật giữa các quốc gia gây ra những khó khăn và vướng mắc cho quá trình THTS. Các nhà hoạt động thực tiễn cho rằng, những sự khác biệt này là một lý do khiến nhiều yêu cầu đã bị gửi lại cho quốc gia yêu cầu, để nghị cung cấp thông tin bổ sung. Những sự khác biệt này có thể dẫn đến khó khăn cho những nhà hoạt động thực tiễn vốn không quen với hệ thống pháp luật của một quốc gia khác, để biết một quốc gia cụ thể áp dụng hệ thống dân luật, thông luật hay hỗn hợp. Ví dụ, pháp luật các quốc gia có thể quy định khác nhau về thời hạn để thực hiện một yêu cầu tương trợ cụ thể. Các nhà hoạt động thực tiễn có thể lúng túng khi không biết rằng một số kỹ thuật điều tra có thể áp dụng rất nhanh chóng ở quốc gia này nhưng lại không được pháp luật cho phép ở những quốc gia khác.

Những sự khác biệt được chỉ ra dưới đây giữa các quốc gia theo hệ thống dân luật và thông luật có thể dẫn đến những rào cản đối với quá trình THTS.

- **Thuật ngữ:** Các quốc gia có cách sử dụng những thuật ngữ khác nhau đối với tên gọi của các tội phạm (làm cơ sở để xác định việc có tuân thủ nguyên tắc cùng hình sự hóa hay không) và cơ chế thu hồi. Trong hệ thống dân luật, thuật ngữ “search and seizure order” được sử dụng để chỉ lệnh của tòa án cho phép tiếp cận hồ sơ ngân hàng; trong khi đó, thuật ngữ được sử dụng trong hệ thống thông luật là “production order” hoặc “subpoena”. Một số nhà hoạt động thực tiễn trong hệ thống dân luật cho rằng thuật ngữ “thu hồi dân sự” trong thông luật dễ gây hiểu lầm vì thuật ngữ này mặc định

việc thu hồi phải thực hiện theo thủ tục tố tụng dân sự mặc dù vụ án có yếu tố hình sự. Tương tự như thế, việc thuật ngữ “civil forfeiture” hoặc “civil confiscation” được sử dụng ở những quốc gia theo hệ thống thông luật để mô tả việc tịch thu đối vật (tịch thu hướng tới tài sản) mà không dựa trên phán quyết hình sự của tòa án, có thể xung đột với cách sử dụng thuật ngữ ở các quốc gia theo hệ thống dân luật yêu cầu việc tịch thu phải dựa trên phán quyết của tòa án và pháp luật tương trợ tư pháp quốc gia không quy định về thu hồi dân sự. Các nhà hoạt động thực tiễn cần nhận thức được những khác biệt và tránh sử dụng những thuật ngữ dễ gây nhầm lẫn trong văn bản yêu cầu. Ví dụ, các chuyên gia nên sử dụng thuật ngữ “thu hồi không dựa trên phán quyết” hoặc “thu hồi không dựa trên buộc tội” khi muốn đề cập đến “thu hồi dân sự” hoặc “tịch thu dân sự”.

- *Các công cụ hiện có nhằm tịch thu hoặc thu hồi:* Ngay cả đối với các quốc gia có cùng truyền thống pháp luật vẫn có thể có các công cụ pháp lý khác nhau nên ở những quốc gia có truyền thống pháp luật khác nhau, sự khác biệt lại càng rõ nét. Các nhà hoạt động thực tiễn theo dân luật có thể áp dụng hình thức tịch thu mở rộng (tịch thu tài sản không trực tiếp có được từ tội phạm) và thu hồi sau khi kết án tội làm giàu bất chính. Không giống như các quốc gia theo hệ thống dân luật, các quốc gia thông luật có thể THTS dựa trên các tiêu chuẩn về bằng chứng dễ dàng hơn, ví dụ như thông qua thỏa thuận tự nhận tội và các giả định pháp lý. Căn cứ để tòa án ban hành các quyết định trong vụ kiện dân sự theo thông luật hay dân luật khác nhau do những khác biệt trong yêu cầu về bằng chứng (trong thông luật đòi hỏi bằng chứng có xác suất phải chăng hoặc có xác suất đúng nhiều hơn sai, trong khi theo hệ thống dân luật đòi hỏi những bằng chứng không có lý do chính đáng để nghi ngờ - niềm tin nội tâm của thẩm phán).
- *Yêu cầu về bằng chứng:* Yêu cầu về bằng chứng và nghĩa vụ chứng minh được quy định khác nhau trong thông luật và dân luật. Ví dụ, theo thông luật, việc khám xét phải được sự cho phép của

thẩm phán và đòi hỏi phải có bằng chứng có cơ sở để tin rằng một tội phạm đã được thực hiện và hiện bằng chứng đang ở nơi cần khám xét; trong khi dân luật cho phép thẩm phán điều tra hoặc công tố viên tiến hành tất cả các thủ tục cần thiết để xác định sự thật<sup>45</sup>. Các quốc gia quy định khác nhau về tiêu chuẩn đối với bằng chứng. Nếu các nhà hoạt động thực tiễn không có kiến thức pháp lý về quy trình thu thập bằng chứng trong các hệ thống pháp luật, họ có thể sẽ thu thập những bằng chứng không được chấp nhận tại tòa.

- *Yêu cầu để được chấp nhận*: Các nước theo hệ thống thông luật nhìn chung yêu cầu những bản khai có tuyên thệ và sự chứng nhận đối với những tài liệu được sử dụng làm bằng chứng trước tòa, trong khi các nước theo hệ thống dân luật không đặt ra yêu cầu này.
- *Thủ tục để nhận được hỗ trợ*: Do các điều tra viên và công tố viên trong hệ thống dân luật thường có thể quyết định việc phong tỏa tài sản nên biện pháp này thường được thực hiện nhanh chóng; trong khi đó, theo hệ thống thông luật, họ thường phải được sự cho phép của tòa án trước khi hành động.

Vượt qua những khó khăn do những khác biệt trong truyền thống pháp luật đòi hỏi sự thận trọng của cả quốc gia yêu cầu và được yêu cầu cũng như thiện chí của quốc gia được yêu cầu nhằm đảm bảo tính minh bạch trong suốt quá trình thực hiện yêu cầu. Xem Rào cản 23 về những khuyến nghị cụ thể nhằm tăng cường tính minh bạch và tạo điều kiện trao đổi thông tin giữa quốc gia yêu cầu và được yêu cầu.

---

<sup>45</sup> Ví dụ về lý do chính đáng (probable cause): Cảnh sát nhận được tố cáo nặc danh rằng có người đang bán ma túy bên ngoài một dinh thự ở một khu vực vốn nổi tiếng về buôn bán ma túy và có một người bán hàng chuyên đội mũ bóng chày và kính râm thường đến ngôi nhà này vào 7 đến 8 giờ sáng. Cảnh sát đã theo dõi và nhận thấy rằng, trong vòng ba buổi sáng liên tiếp, một người đàn ông như được mô tả trong tố cáo đều đến ngôi nhà mang theo một túi rất to vào 7 đến 8 giờ sáng; và hàng ngày có ít nhất 20 người đến ngôi nhà, gõ cửa, bước vào và rời khỏi ngôi nhà sau 5 phút, tay cầm một cái túi nhỏ. Không có dấu hiệu về một hành vi vi phạm pháp luật trong ngôi nhà. Nhưng các dấu hiệu kể trên đủ để có căn cứ chính đáng để ban hành lệnh khám xét ngôi nhà.

Do những khác biệt trong hệ thống pháp luật có thể gây khó khăn cho công tác tương trợ tư pháp nên để vượt qua những khó khăn này, các quốc gia được yêu cầu cần giải thích và áp dụng các quy định về quy trình tố tụng theo hướng tạo điều kiện để có thể thực hiện yêu cầu tương trợ. Một số công ước đa phương cho phép áp dụng linh hoạt các thủ tục tố tụng. UNCAC cũng kế thừa những điều khoản từ các công ước trước đó về vấn đề này và quy định văn bản yêu cầu sẽ phải thực hiện trên cơ sở phù hợp với pháp luật của quốc gia thành viên được yêu cầu<sup>46</sup>. Tuy nhiên, cùng lúc UNCAC cũng quy định rằng, trong chừng mực có thể, yêu cầu sẽ được thực hiện theo trình tự thủ tục được nêu cụ thể trong văn bản yêu cầu. Trong bối cảnh này, Hiệp định mẫu của UNODC về Tương trợ tư pháp trong các vấn đề về hình sự cũng cho phép các văn bản yêu cầu được thực hiện theo trình tự thủ tục được chỉ ra bởi quốc gia yêu cầu trong chừng mực không trái với pháp luật và thực tiễn thực thi luật của quốc gia được yêu cầu<sup>47</sup>.

### Khuyến nghị thực thi

- a. Để tăng cường nhận thức của các quốc gia về các truyền thống pháp luật, các quốc gia cần công khai những quy định của họ về THTS; bao gồm những quy định về tiêu chuẩn bằng chứng, năng lực hành vi, các kỹ thuật điều tra được chấp nhận và những kỹ thuật điều tra không được cho phép. Một số hình thức công khai thông tin:
  - i) Một website cung cấp những thông tin kể trên và thông qua những vụ án thực tế về THTS để hướng dẫn về những kỹ thuật điều tra hợp pháp và cách áp dụng chúng;
  - ii) Các hội thảo với sự tham dự của các nhà hoạt động thực tiễn trong nước và quốc tế để cung cấp thông tin về phương thức gửi văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp, năng lực hành vi, các loại kỹ thuật điều tra được pháp luật cho phép và không cho phép.

<sup>46</sup> Điều 46 (17) UNCAC. Xem Công ước Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần, Điều 7 (12) và UNTOC, Điều 18 (17).

<sup>47</sup> Xem [http://www.unodc.org/pdf/model\\_treaty\\_mutual\\_assistance\\_criminal\\_matters.pdf](http://www.unodc.org/pdf/model_treaty_mutual_assistance_criminal_matters.pdf)



- b. Các quốc gia nên sử dụng những thuật ngữ rõ ràng, chính xác và phổ biến khi xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp theo quy định tại Điều 2 của UNCAC và UNTOC và giải thích cụ thể về ý nghĩa của mỗi thuật ngữ sử dụng.
- c. Các quốc gia cần thực thi các chính sách và thủ tục để chủ động thông báo cho quốc gia yêu cầu về những vấn đề liên quan đến sử dụng thuật ngữ và những nội dung khác trong văn bản yêu cầu.
- d. Quốc gia được yêu cầu cần cân nhắc việc xây dựng và thực hiện các chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo rằng, họ có thể sử dụng bất kỳ hoặc tất cả những thủ tục cần thiết để đáp ứng một cách tích cực yêu cầu tương trợ tư pháp, bao gồm cả những thủ tục theo yêu cầu của quốc gia họ cũng như những thủ tục được chỉ rõ trong văn bản yêu cầu.

### ***Rào cản 8: Không thể thực hiện tương trợ tư pháp***

Nhìn chung các quốc gia dựa trên một trong bốn căn cứ pháp lý để thực hiện tương trợ tư pháp trong các vụ án hình sự và THTS, đó là: các công ước quốc tế với những điều khoản về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự, như UNCAC và UNTOC; pháp luật quốc gia cho phép hợp tác quốc tế trong các vụ án hình sự; các thỏa thuận song phương về tương trợ tư pháp; hoặc một cam kết đảm bảo nguyên tắc có đi có lại thông qua các kênh ngoại giao (được một số quốc gia gọi là đơn thỉnh cầu). Yêu cầu tương trợ tư pháp không thể được thực hiện nếu không dựa trên một trong số các căn cứ kể trên.

### ***Các công ước quốc tế***

Các nhà hoạt động thực tiễn cho thấy thất bại trong thực thi và sử dụng các điều khoản của các công ước như UNCAC và UNTOC là một rào cản trong THTS. Ví dụ, chương IV và V của UNCAC và Điều 18 UNTOC yêu cầu các quốc gia thành viên phải hợp tác trong cuộc chiến chống tội phạm và hỗ trợ lẫn nhau trong việc THTS có nguồn gốc tội phạm. Cả hai công ước đều quy định những hình thức tương trợ cụ thể mà các quốc gia cần cung cấp cho nhau cũng

như những yêu cầu về tố tụng và bằng chứng trong quá trình hợp tác đó.

Phụ thuộc vào quy định của hiến pháp, các quốc gia thường theo đuổi một trong hai phương thức để thực hiện các nghĩa vụ quốc tế<sup>48</sup>. Một số quốc gia phải nội luật hóa các quy định của công ước quốc tế trước khi các công ước này có hiệu lực. Nếu pháp luật quốc tế và quốc gia không tương thích, yêu cầu tương trợ tư pháp, như được chỉ ra trong các công ước quốc tế như UNCAC và UNTOC, có thể không thực hiện được. Phạm vi và điều kiện để cung cấp tương trợ phụ thuộc hoàn toàn vào quy định của pháp luật quốc gia.

Ngược lại, ở một số quốc gia, việc phê chuẩn một công ước quốc tế như UNCAC và UNTOC đồng nghĩa với việc các quy định của công ước trở thành một phần của pháp luật quốc gia và có thể được các thẩm phán và các cơ quan trong nước áp dụng trực tiếp. Các quốc gia này cho phép trực tiếp thực hiện tương trợ tư pháp theo quy định trong các điều khoản của công ước. Hệ thống pháp luật quốc gia không cần có quy định tương ứng trong vấn đề này.

Một rào cản được nghiên cứu chỉ ra đó là khi các quy định của công ước không được nội luật hóa đầy đủ và chính xác như yêu cầu của Công ước. Theo đó, các quy định về tương trợ tư pháp trong pháp luật quốc gia không cho phép áp dụng tất cả các hình thức hỗ trợ các công ước như UNCAC và UNTOC quy định; đưa ra quá nhiều căn cứ để có thể từ chối thực hiện tương trợ hoặc áp đặt các tiêu chuẩn về bằng chứng quá khắt khe. Một số ít quốc gia như vậy không hề có khuôn khổ pháp luật về tương trợ tư pháp. Các quốc gia khi nội luật hóa các điều ước quốc tế cần đảm bảo rằng các quy định về tương trợ tư pháp phải thực sự toàn diện và hoàn toàn phù hợp với các quy định của UNCAC, UNTOC và các công ước quốc tế khác.

Theo các nhà hoạt động thực tiễn, một điều đáng ngạc nhiên là, những quốc gia không nội luật hóa các công ước quốc tế thì các

---

<sup>48</sup> Alfred Verdross và Bruno Simmar, *Universelles Voelkerrecht: Theorie und Praxis* (Berlin: Duncker & Humblot, 1984), tr. 54 ff., tr. 539 ff.; Hans Kelsen, *Principles of International Law* (Clark, NJ: Lawbook Exchange, 2003), tr. 195 ff.

công ước này cũng hiếm khi được sử dụng như một công cụ để hợp tác quốc tế trong THTS. Việc áp dụng UNCAC và UNTOC không thành công và hiệu quả bắt nguồn từ cách trình bày một quy phạm pháp luật quá khái quát dẫn đến nhận thức không đầy đủ của các nhà hoạt động thực tiễn về các công ước<sup>49</sup>. Nhiều quốc gia không nội luật hóa các công ước cũng đã xây dựng các quy định pháp luật về tương trợ tư pháp để tạo điều kiện cho quá trình hợp tác với các quốc gia không là thành viên của Công ước; cho phép tương trợ tư pháp trong những vụ án nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của các công ước; và quy định những nguyên tắc, thủ tục và yêu cầu cụ thể hơn các công ước quốc tế. Khi làm việc với các quốc gia thành viên UNCAC, các quốc gia cũng cần áp dụng các quy định của pháp luật quốc gia nếu cho rằng việc áp dụng này có lợi hơn trong việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp.

Để đảm bảo rằng các công ước quốc tế được khai thác và sử dụng đầy đủ, các quốc gia áp dụng trực tiếp các công ước như UNCAC và UNTOC cần bảo đảm rằng, các nhà hoạt động thực tiễn có thể sử dụng các công ước đa phương này làm cơ sở pháp lý để thực hiện và yêu cầu tương trợ tư pháp; nhận thức và biết cách áp dụng đúng đắn các quy định của công ước, bao gồm những vấn đề liên quan đến THTS. Để tạo điều kiện và trang bị cho các nhà hoạt động thực tiễn những kiến thức cần thiết về vấn đề này, những hạn chế về nguồn lực như được chỉ ra trong Rào cản thứ 3 cần được giải quyết<sup>50</sup>.

## **Pháp luật quốc gia**

Trong khi hệ thống pháp luật quốc gia về tương trợ tư pháp đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các nghĩa vụ quốc gia theo pháp luật quốc tế, các nhà hoạt động thực tiễn cũng nhấn mạnh tầm quan

---

<sup>49</sup> Hội nghị các quốc gia thành viên của UNCAC và các nhóm công tác của nó đã thông qua nghị quyết kêu gọi các quốc gia thành viên và các quốc gia ký kết tuyên truyền những thông tin về những khía cạnh nội dung của UNCAC và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia yêu cầu.

<sup>50</sup> Thêm vào đó, một sản phẩm kiến thức trong khuôn khổ StAR sắp được xuất bản, UNCAC Knowledge Management Consortium and Legal Library, sẽ là một nguồn tài nguyên hữu ích.

trọng của pháp luật quốc gia trong những vụ án đòi hỏi tương trợ tư pháp nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của các công ước như UNCAC và UNTOC. Tất cả các quốc gia, bao gồm cả những quốc gia không có nghĩa vụ pháp lý phải nội luật hóa các công ước quốc tế, cần ban hành những quy định về tương trợ tư pháp, phù hợp với Chương IV và V của UNCAC và Điều 18 của UNTOC. Các cơ quan chưa thực hiện điều này cần gia nhập hoặc phê chuẩn và thực hiện đầy đủ UNCAC, UNTOC và các công cụ quốc tế và khu vực khác nhằm tạo điều kiện cho việc thực hiện tương trợ tư pháp càng sớm càng tốt.

### ***Các hiệp định tương trợ tư pháp song phương***

Bên cạnh hệ thống pháp luật quốc gia và công ước quốc tế, các hiệp định song phương về tương trợ tư pháp (MLATs) cũng được coi là một cơ sở pháp lý bổ sung cho hoạt động hợp tác quốc tế trong các vụ án hình sự. Khác với các công ước đa phương, đối tượng điều chỉnh của các hiệp định song phương thường không giới hạn phạm vi điều chỉnh của nó đối với những tội phạm nhất định mà áp dụng đối với tất cả các hành vi phạm tội được hiệp định điều chỉnh. Các hiệp định quy định rõ về nghĩa vụ hợp tác của hai quốc gia và các biện pháp đảm bảo thực hiện hiệu quả và toàn diện các nghĩa vụ được quy định trong hiệp định. MLATs thường tạo nên mối quan hệ gần gũi giữa các quốc gia ký kết hơn là các công ước đa phương và thường được điều chỉnh cho phù hợp trong quá trình hợp tác. Thêm vào đó, các hiệp định thường được đàm phán và sửa đổi nhanh hơn các công ước đa phương.

Tuy nhiên, quá trình đàm phán MLATs đôi khi cũng kéo dài và tốn kém. Trong nhiều trường hợp, đặc biệt đối với những vụ án liên quan đến những quốc gia có nguồn lực hạn chế. Các quốc gia không nhất thiết phải thông qua MLATs vẫn có thể thực hiện tương trợ cho nhau, đó có thể là việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật quốc gia<sup>51</sup> hoặc các điều khoản của

---

<sup>51</sup> Luật mẫu về tương trợ tư pháp được UNODC xây dựng vào năm 2007. [http://www.unodc.org/pdf/legal\\_advisory/Model%20Law%20on%20MLA%202007.pdf](http://www.unodc.org/pdf/legal_advisory/Model%20Law%20on%20MLA%202007.pdf).

các công ước quốc tế như UNCAC<sup>52</sup>. Các nhà hoạt động thực tiễn cũng lưu ý rằng các quy định về tố tụng và bằng chứng của các công ước như UNCAC gần đây đã không yêu cầu các quốc gia phải có hiệp định tương trợ tư pháp song phương trong nhiều trường hợp. Các quốc gia cần định kỳ đánh giá hiệu quả hợp tác quốc tế thông qua các hiệp định song phương về tương trợ tư pháp so với các công ước quốc tế.

Tuy nhiên, các nhà hoạt động thực tiễn cũng cho rằng các hiệp định song phương đóng vai trò quan trọng trong trường hợp không thể sử dụng các điều ước đa phương. Ví dụ, khi quốc gia yêu cầu hoặc quốc gia được yêu cầu chưa phê chuẩn một công ước nhất định, khi yêu cầu có liên quan đến những nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh của công ước hay khi văn bản yêu cầu được xây dựng bởi một cơ quan được coi là không có thẩm quyền theo quy định của công ước, khi đó, một hiệp định song phương về tương trợ tư pháp sẽ quy định thủ tục và trình tự để cung cấp hỗ trợ một cách hiệu quả. Trong những trường hợp đó, việc thiếu vắng một hiệp định song phương về tương trợ tư pháp sẽ khiến quốc gia được yêu cầu không thể cung cấp một số hình thức hỗ trợ nhất định hoặc văn bản yêu cầu sẽ phải được xử lý thông qua các kênh tương trợ tư pháp chính thức, đôi khi còn rắc rối hoặc phải thông qua đơn thỉnh cầu<sup>53</sup>.

Quốc gia yêu cầu, đặc biệt là những nước đang phát triển cần cân nhắc kỹ trước khi quyết định đàm phán để ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với một quốc gia khác; cần lựa chọn các quốc gia mà

---

<sup>52</sup> Trong trường hợp không tồn tại một hiệp định tương trợ tư pháp, Điều 46 của UNCAC đã quy định cơ chế để chuyển tiếp transmitting và thực hiện yêu cầu theo hình thức trợ giúp như được đề cập trên đây. Nếu một hiệp định có hiệu lực đối với các quốc gia liên quan, các quy định của hiệp định sẽ được áp dụng thay thế, trừ khi các quốc gia nhất trí áp dụng Điều 46 (9) tới (29). Trong bất cứ trường hợp nào, các quốc gia thành viên cũng được khuyến khích áp dụng các điều khoản này để tăng cường hợp tác. Ở một số quốc gia, pháp luật cần phải quy định để các điều khoản này có hiệu lực đầy đủ.

<sup>53</sup> Nhằm cung cấp hướng dẫn về kết luận hoặc cập nhật các hiệp định tương trợ tư pháp, UNODC đã xây dựng Hiệp định mẫu về tương trợ tư pháp trong các vấn đề về hình sự (Nghị quyết Đại hội đồng 45/117, phụ lục 53/112 và phụ lục I) giới thiệu những kinh nghiệm quốc tế thu được trong quá trình thực hiện các hiệp định tương trợ tư pháp, cụ thể là giữa các quốc gia có truyền thống pháp luật khác nhau. Có thể truy cập mẫu hiệp định tại địa chỉ: [http://www.unodc.org/pdf/model\\_treaty\\_mutual\\_assistance\\_criminal\\_matters.pdf](http://www.unodc.org/pdf/model_treaty_mutual_assistance_criminal_matters.pdf).

sự hợp tác dựa trên pháp luật nội địa hoặc công ước quốc tế không bị hạn chế hoặc quá phức tạp, cần lựa chọn các quốc gia dựa trên cơ sở cân nhắc tầm quan trọng của quan hệ hợp tác (thường là bởi các điều kiện kinh tế hoặc địa lý). Những hiệp định song phương về tương trợ tư pháp hiện có cần được rà soát và định kỳ cập nhật để đảm bảo tính phù hợp.

Quốc gia được yêu cầu cần nhận thức rằng, việc đàm phán một MLAT có thể không khả thi trong một số trường hợp. Khi đó, quốc gia được yêu cầu cần cân nhắc việc áp dụng những công cụ hiện có, ví dụ như Công ước của Hội đồng Châu Âu về Tương trợ tư pháp trong các vấn đề về hình sự và Công ước về chống rửa tiền, khám xét, thu giữ và tịch thu tài sản tội phạm và tài trợ cho khủng bố, Công ước Liên Mỹ về chống tham nhũng và Hiệp định ASEAN về tương trợ tư pháp<sup>54</sup>.

### **Nguyên tắc có đi có lại thông qua các kênh ngoại giao (Đơn thỉnh cầu)**

Như một cứu cánh cuối cùng, tương trợ tư pháp có thể được thực hiện sau khi có đơn thỉnh cầu (letters rogatory) trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại thông qua các kênh ngoại giao. Tuy nhiên biện pháp này cũng có nhiều bất lợi. Những trao đổi thông qua các kênh ngoại giao thường làm chậm quá trình thực hiện tương trợ. Hơn nữa, đơn thỉnh cầu chỉ giới hạn phạm vi hỗ trợ giữa các tòa án với nhau và vì thế không thể áp dụng trong quá trình điều tra hoặc giai đoạn đầu của quá trình truy tố nếu chưa thể buộc tội.

#### **Khuyến nghị chính sách**

- a. Các quốc gia nên gia nhập hoặc phê chuẩn và thực hiện UNCAC, UNTOC và các công ước khu vực và quốc tế khác nhằm tạo điều kiện cho hoạt động tương trợ tư pháp.
- b. Các quốc gia khi nội luật hóa các công ước quốc tế cần đảm bảo rằng hệ thống pháp luật quốc gia đã tuân thủ đầy đủ và toàn diện chương IV và V của UNCAC và Điều 18 của UNTOC.

<sup>54</sup> Cả hai công ước đều để mở cho các quốc gia không phải là thành viên của Hội đồng Châu Âu. Xem, ví dụ, Điều 28 của Công ước về tương trợ tư pháp trong các vấn đề về hình sự.

- c. Các quốc gia được áp dụng trực tiếp các công ước quốc tế cần đảm bảo cho đội ngũ cán bộ của mình nhận thức được rằng, các công ước quốc tế như UNCAC và UNTOC có thể được sử dụng làm cơ sở pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và cần nắm vững các điều khoản của công ước. Các quốc gia cũng cần cân nhắc thông qua pháp luật về tương trợ tư pháp đối với những vấn đề mà công ước quốc tế không điều chỉnh.
- d. Các quốc gia cần cân nhắc việc ký kết các hiệp định song phương về tương trợ tư pháp hoặc các thỏa thuận hợp tác với các quốc gia khác mà hệ thống pháp luật nội địa của họ cũng như quy định của các công ước như UNCAC, UNTOC chỉ cho phép cung cấp có giới hạn một số hình thức tương trợ tư pháp, hoặc các quốc gia mà sự hợp tác với họ sẽ trở nên rất phức tạp nếu không có các thỏa thuận song phương. Cần ưu tiên hợp tác song phương với các nước có chủ trương và đặt thu hồi tài sản là vấn đề ưu tiên trong chính sách của họ.
- e. Các hiệp định song phương về tương trợ tư pháp hiện tại cần được rà soát, và khi được yêu cầu, cần rà soát định kỳ để đảm bảo tính đúng đắn của nó.

### ***Rào cản 9: Không tuân thủ UNCAC và UNTOC***

Một số quốc gia tham gia vào nghiên cứu này không hình sự hóa tất cả các tội phạm được quy định trong UNCAC và UNODC hoặc không mở rộng khuôn khổ pháp luật về tịch thu tài sản tới tất cả các tội phạm này. Kết quả là, những quốc gia này gặp khó khăn trong việc bảo đảm hoặc tịch thu tài sản khi một yêu cầu tương trợ có liên quan đến một tội phạm được quy định trong UNCAC và UNTOC nhưng lại chưa được nội luật hóa trong pháp luật quốc gia của họ.

Một số quốc gia không cho phép phong tỏa và thu hồi theo quy định của UNCAC với tất cả các loại tài sản. Các quốc gia cần hỗ trợ nhau trong việc phong tỏa, thu hồi và trả lại tài sản tội phạm và công cụ phạm tội. Thuật ngữ “tài sản có nguồn gốc tội phạm” bao gồm cả những tài sản đã bị biến đổi hoặc hòa trộn với khối tài sản khác cũng như những thu nhập và lợi ích khác thu được từ tài sản bất hợp pháp. “Tài sản” được định nghĩa khá rộng, bao gồm “mọi loại tài sản, vật chất hay phi vật chất, động sản hay bất động sản, hữu hình hay trừu tượng, và các văn bản pháp lý hay giấy tờ chứng

minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó...”. Ngay cả đối với những quốc gia không quy định việc phong tỏa và thu hồi đối với mọi loại tài sản trong pháp luật quốc gia sẽ gặp khó khăn nếu muốn thực hiện yêu cầu tương trợ của các quốc gia khác trong các vụ án về THTS.

### **Khuyến nghị chính sách**

- a. Các quốc gia nên tiến hành rà soát hệ thống pháp luật hình sự quốc gia về phong tỏa và tịch thu tài sản để đảm bảo rằng, khuôn khổ pháp luật này đủ rộng để điều chỉnh tất cả các tội phạm được quy định trong UNCAC và UNTOC.
- b. Các quốc gia cần áp dụng các điều khoản trong hệ thống pháp luật nội địa về phong tỏa và thu hồi mọi loại tài sản được quy định trong UNCAC.

### ***Rào cản 10: Không có cơ chế phong tỏa hoặc tịch thu tài sản khẩn cấp***

Vì các tài sản có thể được chuyển đi trong vòng vài phút với một cú click chuột, các điều tra viên cần ứng phó kịp thời trong tình huống nhạy cảm về thời gian này. Bất cứ trì hoãn nào trong việc thực thi yêu cầu phong tỏa sau khi kẻ tình nghi bị bắt giữ hoặc tố cáo sẽ ảnh hưởng đến sự thành bại của công tác thu hồi. Đáng tiếc là, các thủ tục tương trợ tư pháp hiện nay đã không đáp ứng được thực tiễn này, đặc biệt là trong phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản. Mặc dù nhiều quốc gia cho phép tương trợ tư pháp trong quá trình điều tra hoặc khi có căn cứ để cho rằng vụ án sẽ được khởi tố, một số ít quốc gia yêu cầu rằng tội phạm phải được khởi tố trước khi thực hiện yêu cầu phong tỏa tài sản. Các nhà hoạt động thực tiễn cho rằng, cách làm này đã ảnh hưởng đến nỗ lực bảo quản tài sản bởi đã thông tin cho chủ sở hữu tài sản trước khi tiến hành các biện pháp tạm thời. Thời điểm thực hiện yêu cầu phong tỏa tài sản cũng là lúc tài sản đã kịp được chuyển đi.

Để vượt qua rào cản này, các quốc gia không nên quy định điều kiện phải có phán quyết buộc tội của tòa án làm căn cứ thực hiện tương



trợ tư pháp<sup>55</sup>. Thay vào đó, quốc gia yêu cầu cần cung cấp căn cứ để chứng minh rằng, tội phạm hình sự sẽ bị truy tố sau đó. Tuy nhiên, cần phân biệt yêu cầu phong tỏa tạm thời với yêu cầu tịch thu tài sản vì tịch thu tài sản có hiệu lực chính thức và đòi hỏi phải thông báo thông tin cho người nắm giữ tài sản ở hầu hết các quốc gia.

Dựa vào bản chất của từng vụ án về THTS, các quốc gia cần thông qua những cơ chế cho phép phong tỏa khẩn cấp tài sản. Việc này có thể được thực hiện thông qua một đơn vị tình báo tài chính hoặc một cơ quan có thẩm quyền khi ban hành một lệnh phong tỏa hành chính tạm thời trong vòng 72 tiếng, cho phép thẩm phán điều tra hoặc công tố viên ban hành lệnh phong tỏa (nếu có cơ sở tin rằng lệnh thu hồi sớm muộn sẽ được ban hành hoặc rằng tài sản sẽ sớm bị tẩu tán), hoặc cho phép phong tỏa tự động sau khi có phán quyết buộc tội hoặc lệnh bắt giữ được ban hành). Ví dụ, ở một quốc gia, sau khi có phán quyết buộc tội của tòa án hoặc lệnh bắt giữ được ban hành, tài sản sẽ bị phong tỏa trong vòng 30 ngày. Hành động tạm thời này sẽ ngăn cản khả năng tẩu tán tài sản trong khi chờ đợi các cơ quan chức năng nỗ lực duy trì một lệnh phong tỏa trong thời hạn dài hơn. Các quốc gia cũng nên cho phép phong tỏa tài sản trong trường hợp khẩn cấp mà không cần có các giấy tờ gốc. Thậm chí văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp có thể được ký và chuyển đi sau khi phong tỏa trong những trường hợp khẩn cấp, trên cơ sở những thông tin nhận được qua fax hoặc qua các kênh đáng tin cậy, trên cơ sở liên lạc trực tiếp, thông qua thư điện tử hoặc điện thoại. Trong những trường hợp như thế, việc phong tỏa ban đầu có thể được thực hiện theo pháp luật quốc gia.

---

<sup>55</sup> UNCAC ghi nhận sự cần thiết phải cho phép tương trợ tư pháp trước khi tiến hành thủ tục tố tụng hình sự thông qua việc cho phép các quốc gia thành viên mở rộng phạm vi hợp tác không chỉ đối với các vấn đề về hình sự mà còn các vấn đề dân sự và hành chính có liên quan đến tham nhũng. Sự hợp tác này có thể bao gồm, ví dụ, những vụ được đem ra bởi các cơ quan hành chính đối với những hành vi phải bị xử lý theo pháp luật nội địa của cả quốc gia yêu cầu và được yêu cầu, nơi mà quyết định của tòa án có thể dẫn đến việc khởi tố hình sự đối với hành vi tham nhũng. Để so sánh, Nghị định thư bổ sung thứ hai cho Công ước Châu Âu về tương trợ tư pháp về các vấn đề về hình sự (2001) đã mở rộng phạm vi điều chỉnh của nó tới các quy trình tố tụng hành chính được cho là có thể dẫn đến những cáo buộc đối với các tội phạm hình sự (Điều 1, khoản 3 của công ước). Một quy định tương tự như vậy cũng được ghi nhận Công ước của Liên minh Châu Âu về tương trợ tư pháp trong các vấn đề về hình sự năm 2000 (Điều 3, đoạn 1).

Một số quốc gia cần được đảm bảo rằng một lệnh phong tỏa sẽ được ban hành ở quốc gia yêu cầu và lệnh đó sẽ được gửi cùng văn bản yêu cầu chính thức. Cách thức này có thể sẽ không thực hiện được nếu như trong quá khứ, quốc gia yêu cầu đã từng không tuân thủ các yêu cầu này. Bởi vì lòng tin là một yếu tố quan trọng trong những tình huống khẩn cấp, quốc gia yêu cầu không nên lạm dụng thủ tục này và chỉ nên viện đến giải pháp này khi thực sự cần thiết (xem Rào cản 1).

Phong tỏa hoặc thu giữ tài sản vi phạm quyền sở hữu tài sản của người nắm giữ tài sản nhưng hành động này cần được thực hiện khi lợi ích của nó cân bằng với quyền lợi của nạn nhân có tài sản bị đánh cắp và sự cần thiết phải bảo quản tài sản trước khi người nắm giữ tài sản được báo tin<sup>56</sup>. Thêm vào đó, cũng cần có các biện pháp để bảo đảm rằng người nắm giữ tài sản sẽ có cơ hội để khiếu nại quyết định phong tỏa. Một bảo đảm khác đó là việc yêu cầu gửi văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức để phong tỏa tài sản trong một thời hạn nhất định.

#### **Khuyến nghị chính sách**

- a. Các quốc gia cần thực hiện tương trợ tư pháp ngay cả khi quá trình điều tra một hành vi được cho là phạm tội mới chỉ bắt đầu, hoặc khi vụ án chưa được khởi tố.
- b. Các quốc gia cần xây dựng các cơ chế cho phép truy tìm nhanh chóng và phong tỏa tạm thời tài sản trước khi nhận được văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức được gửi đi sau đó để duy trì lệnh phong tỏa.

#### ***Rào cản 11: Tài sản bị tẩu tán do phải thực hiện nghĩa vụ thông báo thông tin trong trường hợp không cần thiết***

Pháp luật một số quốc gia yêu cầu phải thông báo cho người nắm giữ tài sản về yêu cầu tương trợ tư pháp, trao cho người nắm giữ tài sản cơ hội để khiếu nại quyết định thực hiện tương trợ trước khi bắt cứ thông tin nào về người nắm giữ tài sản được gửi tới quốc gia yêu

---

<sup>56</sup> Trên thực tế, tòa án ở một số quốc gia yêu cầu công tố viên phải đưa ra căn cứ thỏa đáng cho lệnh phong tỏa trước khi chính thức truy tố.

cầu. Các nhà hoạt động thực tiễn cho rằng, những yêu cầu thông báo thông tin, cụ thể là yêu cầu ngân hàng hoặc các trung tâm tài chính thông báo cho người nắm giữ tài sản về cuộc điều tra sẽ tạo điều kiện để họ che giấu và tẩu tán những tài sản là đối tượng của cuộc điều tra hoặc thông qua tài sản đó có thể lẫn ra thông tin về các tài sản của các nhân liên quan. Các nhà hoạt động thực tiễn cũng cho rằng việc thông báo này có thể trì hoãn quá trình tương trợ vì người nắm giữ tài sản có thể tận dụng tất cả những biện pháp có thể để ngăn cản việc cung cấp các bằng chứng theo yêu cầu, bao gồm khả năng kháng án kéo dài hàng tháng hoặc hàng năm.

Nghĩa vụ thông báo hoặc công khai thông tin là một yêu cầu quan trọng trong quá trình tố tụng nhằm bảo vệ quyền của người nắm giữ tài sản, đặc biệt là khi tài sản bị phong tỏa. Nghĩa vụ thông báo thường được thực hiện trong quá trình tố tụng vì tài sản có thể bị tước đoạt vĩnh viễn khỏi người nắm giữ tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, việc công khai thông tin cũng cần phải được cân nhắc cho tương xứng với nhu cầu bảo quản bằng chứng và chống tham nhũng. Các biện pháp điều tra và bảo quản tài sản có hiệu lực tạm thời và được cho là có thể bảo đảm các quyền của người nắm giữ tài sản cũng như không gây phương hại lâu dài đến quyền của người nắm giữ tài sản. Vì tài sản có khả năng bị tẩu tán hoặc chuyển đi nếu người giữ tài sản được thông báo hoặc công khai thông tin về vụ việc, các quốc gia không nên công khai thông tin cho người nắm giữ tài sản cho đến khi tài sản bị phong tỏa hoặc thu giữ. Tương tự, để tránh việc bị cáo biết rằng họ đang bị điều tra, các quốc gia không nên yêu cầu ngân hàng phải thông báo cho khách hàng về việc ngân hàng đã cung cấp thông tin được yêu cầu trong quá trình điều tra; thay vào đó, họ nên cho phép trì hoãn việc thông báo thông tin cho đến khi có những biện pháp mang tính cưỡng chế hơn được áp dụng, ví dụ như biện pháp phong tỏa tài sản.

Đối với những quốc gia phải thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin tài chính, cơ chế trao đổi thông tin và phối hợp trong điều tra giữa quốc gia yêu cầu và được yêu cầu đóng vai trò quan trọng. Khi nhận được yêu cầu tương trợ tư pháp, hoặc khi thông tin được yêu cầu

chuẩn bị được gửi tới quốc gia yêu cầu, quốc gia được yêu cầu nên thông báo cho quốc gia yêu cầu rằng người nắm giữ tài sản sẽ được thông báo khi thông tin được chuyển đi. Trên cơ sở đó, quốc gia yêu cầu sẽ cân nhắc và quyết định xem yêu cầu tương trợ cần thực hiện tại thời điểm đó hay chỉ yêu cầu giám sát tài khoản và cân nhắc việc phong tỏa các giao dịch. Trong các trường hợp khác, quốc gia yêu cầu cần biết rằng, mặc dù việc phong tỏa tài sản mà không thông báo cho người nắm giữ tài sản có thể được thực hiện, nhưng sau đó bị cáo vẫn có quyền được biết về những căn cứ của quyết định phong tỏa.

Một số quốc gia mặc dù quy định nghĩa vụ thông báo thông tin nhưng vẫn cho phép phong tỏa tài sản tạm thời mà không phải thông báo cho người nắm giữ tài sản. Theo đó, tòa án nhìn chung cho phép phong tỏa tài sản tạm thời trong vòng 06 tháng mà không cần thông báo cho người nắm giữ tài sản. Tuy nhiên, biện pháp phong tỏa tạm thời cũng có vấn đề của nó. Khi một tài khoản bị phong tỏa trong thời gian dài, đối tượng điều tra sẽ phát hiện ra điều này khi tiến hành giao dịch. Đối tượng điều tra sau đó sẽ cố gắng chuyển tiền sang các tài khoản khác chưa bị phát hiện và phong tỏa. Vì thế, nếu quá trình điều tra thông tin về tài khoản ngân hàng hoặc những tài sản nhất định hé lộ thông tin về lợi ích của đối tượng điều tra trong những tài khoản hoặc tài sản khác tại quốc gia được yêu cầu, phạm vi của yêu cầu tương trợ tư pháp cần mở rộng tới những tài khoản và tài sản đó. Việc sử dụng hình thức hỗ trợ không chính thức, ví dụ như cơ chế tự động chia sẻ thông tin hoặc khả năng chia sẻ thông tin thông qua các đơn vị tình báo tài chính có thể giúp xác định các tài khoản có liên quan khác để tiến hành phong tỏa.

### **Khuyến nghị chính sách**

- a. Các quốc gia cần cho phép thực hiện tương trợ tư pháp mà không yêu cầu phải thông tin tới người nắm giữ tài sản trong quá trình điều tra và khi các biện pháp bảo quản tài sản đã được bảo đảm, với điều kiện cần đảm bảo cho người nắm giữ tài sản được hưởng các quyền tố tụng cần thiết ở những giai đoạn tố tụng có liên quan đến các biện pháp cưỡng chế hoặc các biện pháp mang tính xâm nhập.

- b. Các quốc gia không nên buộc các trung tâm tài chính phải thông báo cho các khách hàng của họ về việc trao đổi những thông tin được cơ quan nước ngoài yêu cầu trong quá trình điều tra. Tối thiểu, các quốc gia cần trì hoãn việc thông báo này tới một thời điểm thích hợp khác trong quá trình điều tra (thông thường đó là khi cơ quan điều tra nhận thấy rủi ro của việc công khai thông tin không còn).

### **Khuyến nghị thực thi**

- a. Các quốc gia có quy định phải công khai thông tin cho người nắm giữ tài sản cần trao đổi với quốc gia yêu cầu trước khi thực hiện yêu cầu, để chắc chắn rằng liệu quốc gia yêu cầu vẫn mong muốn nhận được thông tin hay sẽ lựa chọn biện pháp khác để tránh tiết lộ thông tin tới người nắm giữ tài sản. Theo đó, các quốc gia cần công khai yêu cầu này trên cổng thông tin chính phủ hoặc trên các diễn đàn quốc tế.
- b. Các quốc gia yêu cầu công khai thông tin khi thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức cần cho phép tạm thời phong tỏa tài sản trong quá trình điều tra mà không cần thông báo cho người nắm giữ tài sản.

### ***Rào cản 12: Luật về bí mật ngân hàng***

Pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới không cho phép các ngân hàng và trung tâm tài chính tiết lộ thông tin cá nhân và tài khoản của khách hàng, ngoại trừ một số trường hợp được pháp luật quy định. Theo đó, các công tố viên có quyền được cung cấp thông tin về sự tồn tại và các giao dịch của một tài khoản, với điều kiện phải được tòa án chấp thuận trước đó. Ở một số quốc gia, một ngân hàng không được tiết lộ bất cứ thông tin nào cho một công tố viên về một tài khoản ngân hàng mà không được sự cho phép của tòa án. Thậm chí việc cung cấp thông tin về khách hàng của ngân hàng cho một bên thứ ba – bao gồm các cơ quan trong nước và nước ngoài - bị coi là tội phạm nghiêm trọng, trừ khi đáp ứng được những điều kiện đặc biệt. Những người tham gia vào nghiên cứu này cho rằng, đây là những trở ngại đối với công tác điều tra, phong tỏa và THTS. Họ lưu ý rằng các điều tra viên khó có thể thu thập được thông tin

về những tài khoản, tài sản bất hợp pháp với những quy định ngặt nghèo về bí mật ngân hàng. Sẽ không thể phong tỏa và tịch thu tài sản nếu không thu thập được những thông tin như vậy.

Các quy định về bí mật ngân hàng không nên cản trở quá trình điều tra những tội phạm được hình sự hóa ở cả quốc gia yêu cầu và được yêu cầu. Theo đó, một quốc gia có thể cung cấp cho quốc gia được yêu cầu thông tin cần thiết về tài khoản ngân hàng trên cơ sở tuân thủ và áp dụng các điều ước đa phương, hiệp định song phương hoặc hệ thống pháp luật quốc gia về tương trợ tư pháp<sup>57</sup>.

Luật về bí mật ngân hàng có thể ngăn cản các cơ quan thực thi pháp luật chia sẻ những thông tin và hồ sơ ngân hàng với các đối tác nước ngoài, mặc dù cơ quan này có thiện chí hỗ trợ. Trong một số trường hợp, các quốc gia được yêu cầu sẽ không cung cấp các tài liệu thuộc phạm vi điều chỉnh của luật bí mật ngân hàng khi một số hành vi cụ thể (như trốn thuế) được coi là tội phạm ở quốc gia yêu cầu nhưng không phải là tội phạm ở quốc gia được yêu cầu. Để vượt qua trở ngại này, thông tin có thể được cung cấp mà không cần có yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức. Ví dụ, các đơn vị tình báo tài chính có thể cung cấp thông tin cho nhau hoặc thông qua việc truy cập vào website của nhóm với tư cách thành viên, các thành viên của nhóm các đơn vị tình báo tài chính Egmont có thể thu thập thông tin cần thiết. Tuy nhiên, thông tin cung cấp theo phương thức này không phải lúc nào cũng được chấp nhận là bằng chứng trước tòa. Ở một số quốc gia, những thông tin thu thập không chính thống từ FIU không được coi là bằng chứng trước tòa vì bị cáo có quyền được biết về nguồn gốc thông tin. Sự hạn chế này cũng có nghĩa là ngay cả khi tài sản tham nhũng đã được xác định nhưng nếu không thể chứng minh trước tòa thì không thể tiến hành phong tỏa hoặc tịch thu.

---

<sup>57</sup> Cụ thể, Điều 46 (8) của UNCAC cũng quy định rằng các quốc gia thành viên sẽ không từ chối tương trợ tư pháp vì lý do đảm bảo bí mật ngân hàng. Điều 40 của UNCAC cũng quy định mỗi quốc gia thành viên đảm bảo rằng, quá trình điều tra hình sự trong nước về những tội phạm được quy định theo Công ước này sẽ có các cơ chế thích hợp quy định trong hệ thống pháp luật quốc gia để giúp khắc phục những cản trở có thể nảy sinh từ việc áp dụng các quy định pháp luật về bí mật ngân hàng. Điều 31 UNCAC quy định các quốc gia thành viên không được từ chối phong tỏa, thu giữ hoặc sung công tài sản vì lý do đảm bảo bí mật ngân hàng.

Quốc gia được yêu cầu có thể cho rằng yêu cầu tương trợ không chứa đựng đủ thông tin hoặc bằng chứng làm cơ sở để ra quyết định truy tìm tài sản hoặc thu thập thông tin thuộc phạm vi điều chỉnh của luật bí mật ngân hàng. Có những quốc gia sẵn sàng thay mặt cho quốc gia khác thu thập chứng cứ, tìm hiểu thông tin về các cá nhân, tài khoản ngân hàng hoặc các giao dịch tài chính, ngay cả khi nhận được văn bản yêu cầu không đầy đủ thông tin hoặc chứng cứ. Cũng có các quốc gia sẽ từ chối tìm hiểu về thông tin tài khoản ngân hàng nếu quốc gia yêu cầu không cung cấp bằng chứng vững chắc về mối liên hệ giữa thông tin được yêu cầu với hành vi phạm tội. Các quan chức tham nhũng và đối tượng bị điều tra khác thường không để lại dấu vết của hành vi phạm tội. Khi việc thu thập thông tin hoặc bằng chứng đòi hỏi quá trình tương trợ tư pháp phức tạp, có quốc gia yêu cầu đã kết thúc điều tra ngay ở những giai đoạn đầu tiên.

Một số quốc gia chỉ thực hiện những nội dung được đề cập trong văn bản yêu cầu tương trợ mặc dù biết rằng còn có những thông tin hữu ích khác có thể được cung cấp. Điều này gây khó khăn cho các điều tra viên khi dòng tiền bất hợp pháp đã kịp thời được chuyển tới các tài khoản ngân hàng không được đề cập trong văn bản yêu cầu ban đầu. Trong tình huống này, quốc gia được yêu cầu có thể chỉ cung cấp những thông tin liên quan đến tài khoản được chỉ ra ban đầu. Quốc gia yêu cầu sau đó có thể sẽ phải gửi một văn bản yêu cầu mới nhưng khả năng tương trợ lúc này có thể kém hiệu quả vì dòng tiền có thể đã lại được chuyển đi một nơi khác. Thay vào đó, các quốc gia cần cho phép tiếp tục điều tra từ kết quả của những cuộc điều tra trước đó. Nếu việc điều tra một tài khoản ngân hàng hoặc tài sản cho thấy kẻ tội phạm còn có lợi ích liên quan trong các tài khoản và tài sản khác tại quốc gia được yêu cầu, quốc gia được yêu cầu sẽ tiếp tục điều tra các tài khoản và tài sản này mà không cần nhận được văn bản yêu cầu lần thứ hai.



## Quyền miễn trừ luật định

Một rào cản tương tự như các quy định về bí mật ngân hàng đó là khi yêu cầu đảm bảo đặc quyền luật sư-khách hàng có thể ngăn cản các nhà điều tra tìm hiểu thông tin về các giao dịch có liên quan đến các luật sư. Quyền miễn trừ là một quyền quan trọng và cần được các quốc gia thừa nhận. Tuy nhiên, không nên áp dụng đặc quyền này đối với những luật sư chuyên cung cấp dịch vụ tài chính thay vì các dịch vụ pháp lý hoặc những luật sư hoạt động như một nhà môi giới tài chính.

## Các khuyến nghị chính sách

- a. Các quốc gia không được coi những quy định về bí mật ngân hàng là căn cứ để từ chối hợp tác (không chính thức và chính thức) với các quốc gia khác trong những vụ án quốc tế có liên quan đến những tội phạm được quy định trong UNCAC và UNTOC.
- b. Các quốc gia cần ban hành những quy định nhằm giới hạn và xác định rõ “những thông tin cần được bảo vệ”. Cần hạn chế phạm vi của những thông tin này. Trong trường hợp các điều tra viên hoặc công tố viên ở quốc gia yêu cầu có căn cứ xác đáng về sự cần thiết phải kiểm tra những thông tin kể trên, các quy định quốc gia về bí mật ngân hàng cần có phạm vi đủ rộng để có thể đáp ứng những yêu cầu đó.
- c. Quy định quốc gia về bí mật ngân hàng không nên ngăn cản nỗ lực thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp mở rộng của quốc gia đó trong những trường hợp việc điều tra những giao dịch đáng ngờ của những tài khoản theo yêu cầu ban đầu lại cho thấy có sự liên quan đến những tài khoản khác chưa được yêu cầu điều tra.

## ***Rào cản 13: Các quy định phức tạp về thủ tục tố tụng và bằng chứng***

Quy định về các tiêu chuẩn pháp lý khác nhau trong quá trình phong tỏa và thu hồi tài sản có thể gây khó khăn và trì hoãn hoạt động tương trợ tư pháp. Để có thể THTS tham nhũng, một quốc gia thường đòi hỏi quốc gia yêu cầu phải cung cấp bằng chứng được tòa án của họ chấp nhận hoặc để yêu cầu phong tỏa tài sản có thể được thực hiện, quốc gia yêu cầu cần cung cấp các bằng chứng hợp pháp theo quy định của pháp luật quốc gia được yêu cầu. Các quốc gia



quy định khác nhau về bằng chứng phải cung cấp và phụ thuộc vào đó là bằng chứng làm căn cứ thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp quốc tế hay bằng chứng phục vụ để giải quyết những vụ án trong nước<sup>58</sup>. Thông thường, những biện pháp đòi hỏi sự xâm nhập đến tài sản sẽ đòi hỏi tiêu chuẩn về bằng chứng cao hơn.

Yêu cầu phải có bằng chứng đầy đủ là một yếu tố quan trọng trong tất cả các vụ án; tuy nhiên, các yêu cầu quá khắt khe có thể cản trở đáng kể quá trình THTS. Một quốc gia muốn truy tìm tài sản chỉ cần có căn cứ hợp lý để tin rằng tài sản đang nằm trên lãnh thổ của quốc gia được yêu cầu. Các yêu cầu về bằng chứng trong giai đoạn đầu của quá trình điều tra, khi các điều tra viên thu thập chứng cứ, truy tìm tài sản và xác định tài sản nào cần bị phong tỏa hoặc tịch thu, cần ít khắt khe hơn là những yêu cầu về bằng chứng khi chính thức tiến hành THTS. Đối với những hỗ trợ không liên quan đến các biện pháp cưỡng chế theo quy định của UNCAC, nguyên tắc cùng hình sự hóa không phải là một điều kiện tiên quyết<sup>59</sup>.

### ***Các biện pháp điều tra và biện pháp khẩn cấp tạm thời***

Các quốc gia được yêu cầu thường khắt khe hơn đối với những yêu cầu liên quan đến hoạt động điều tra hoặc tiến hành các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Việc cung cấp những chứng cứ đầy đủ, hợp lệ theo quy định của quốc gia được yêu cầu là một trong những khía cạnh khó khăn trong quá trình gửi văn bản yêu cầu chính thức, nhất là giữa các quốc gia theo hệ thống dân luật và thông luật. Ở các nước theo thông luật, lệnh khám xét, phong tỏa và tịch thu tài sản thường được quyết định dựa trên những bằng chứng có xác suất phải chăng (probable cause) hoặc các căn cứ thỏa đáng. Ví dụ, một thẩm phán sẽ ban hành quyết định khám xét nếu có căn cứ thỏa đáng để tin rằng tội phạm đã được thực hiện và bằng chứng đang ở nơi sẽ được khám xét và không còn biện pháp nào khác mang tính ít cưỡng chế (xâm nhập) hơn để đạt được mục đích. Tương tự như

---

<sup>58</sup> Ví dụ, tiêu chuẩn về bằng chứng ở một quốc gia cho các yêu cầu tương trợ tư pháp sẽ thấp hơn so với tiêu chuẩn về bằng chứng sử dụng cho các vụ án trong nước. Đối với các yêu cầu tương trợ tư pháp, các tội phạm phải được mô tả một cách hợp lý nhưng không cần phải cung cấp bằng chứng; đối với các vụ án trong nước, tội phạm phải được chứng minh trước tòa.

<sup>59</sup> Điều 46 (9)(b) UNCAC.

vậy, phần lớn quốc gia quy định phải được sự chấp thuận của tòa án nếu muốn thu thập thông tin về các tài khoản ngân hàng. Một số nước theo thông luật có thể từ chối thực thi quyết định phong tỏa tài sản của tòa án nước ngoài nếu quốc gia yêu cầu không cung cấp cho họ quyết định tịch thu đã có hiệu lực.

Ngược lại, các nước theo dân luật thường cho phép các thẩm phán hoặc công tố viên tiến hành tất cả những hành động cần thiết để tìm ra bằng chứng. Vì vậy, việc khám xét tài sản, yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản hoặc phong tỏa tài sản đều không đòi hỏi phải có quyết định của tòa án. Tuy nhiên ở một số quốc gia, chỉ những tài sản có mối liên hệ với tội phạm, chứ không phải tất cả các tài sản cần phải thu hồi, mới có thể bị phong tỏa hoặc tịch thu trong quá trình điều tra. Ở một số nước khác, những tài sản thay thế hoặc có giá trị tương đương có thể bị phong tỏa hoặc tịch thu nếu các cơ quan chức năng không thể định vị được tài sản thực sự có nguồn gốc từ hành vi phạm tội. Trong giai đoạn đầu của quá trình điều tra, yêu cầu chứng minh mối liên hệ giữa tài sản và tội phạm có thể gây trở ngại cho quá trình điều tra và rò rỉ thông tin tới bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo dịch chuyển hoặc tẩu tán những tài sản phạm tội chưa bị phát hiện.

Một số quốc gia được yêu cầu trước khi tiến hành phong tỏa tài sản thường đề nghị quốc gia yêu cầu sớm khởi tố vụ án. Việc quốc gia yêu cầu chính thức gửi văn bản xác nhận sẽ sớm khởi tố vụ án cho quốc gia được yêu cầu được coi là căn cứ hợp lệ để thực hiện tương trợ. Tuy nhiên, nếu tòa án của quốc gia yêu cầu không khởi tố vụ án trong thời hạn nhất định, quốc gia được yêu cầu sẽ gỡ bỏ lệnh phong tỏa tài sản. Đối với những vụ án phức tạp, khi các quốc gia yêu cầu phải tiến hành thu thập các chứng cứ ở các quốc gia nước ngoài để đủ căn cứ tiến hành khởi tố vụ án, thời hạn theo giao ước sẽ kết thúc trong khi các cuộc điều tra chưa được hoàn tất. Việc gỡ bỏ lệnh phong tỏa tài sản trong những trường hợp như thế sẽ tạo cơ hội cho bị cáo dễ dàng dịch chuyển và tẩu tán tài sản. Vì vậy các quốc gia không nên đặt ra những yêu cầu về bằng chứng quá khắt khe làm cơ sở để tiến hành phong tỏa tài sản. Các quốc gia cũng cần cho phép gia hạn lệnh phong tỏa tài sản khi cần thiết.

Thêm vào đó, một số quốc gia, đặc biệt là các quốc gia theo hệ thống thông luật, có thể từ chối thực hiện tương trợ tư pháp đối với những yêu cầu vượt quá phạm vi của những tội phạm được điều tra, không cung cấp đủ những thông tin cần thiết, không đủ chi tiết hoặc không chứng minh được mối liên hệ giữa tài sản và hành vi phạm tội hoặc giữa tài sản và kẻ phạm tội. Các nhà hoạt động thực tiễn ở các quốc gia được yêu cầu đã giải thích rằng việc đánh giá nghiêm ngặt các yêu cầu, ví dụ như yêu cầu phong tỏa tài sản (có thể coi là một biện pháp cưỡng chế) là một sự bảo đảm dành cho bị cáo và những hành động tương xứng của quốc gia được yêu cầu.

Tuy nhiên, khó có thể đáp ứng những yêu cầu này khi không thể xác định những thông tin chi tiết về tài sản. Trong một văn bản từ chối tương trợ của một quốc gia đã chỉ ra rằng, họ chỉ có thể thực hiện những yêu cầu có liên quan đến “những tài sản có thể xác định được”. Yêu cầu tương trợ đã bị từ chối vì quốc gia yêu cầu đã không thể cung cấp những thông tin đủ chi tiết về tài sản được cho là đang nằm trên lãnh thổ của quốc gia được yêu cầu. Trong thực tế, việc thu thập hồ sơ về tài khoản ngân hàng tại quốc gia được yêu cầu thường rất khó khăn nếu quốc gia đó không có hệ thống lưu trữ thông tin về tài khoản ngân hàng hoặc khi tên của chủ tài khoản được lưu trong hồ sơ lưu trữ nhưng không được sắp xếp theo thứ tự abc (Xem Rào cản 27).

### Thực tiễn tốt

Một số quốc gia coi phong tỏa tài sản là một biện pháp “cưỡng chế” bởi nó cho phép các cơ quan chức năng kiểm soát hiệu quả tình trạng tài chính của bị cáo trong khi các quốc gia khác cho rằng, phong tỏa tài sản chỉ là một biện pháp điều tra hoặc biện pháp khẩn cấp tạm thời. Các quốc gia có thể cân nhắc và coi phong tỏa tài sản là biện pháp cưỡng chế vì yêu cầu về bằng chứng làm cơ sở để ban hành quyết định phong tỏa tạm thời thường dễ dàng hơn yêu cầu về bằng chứng làm căn cứ để tịch thu tài sản. Ví dụ, khi một quốc gia coi phong tỏa tài sản là một biện pháp cưỡng chế, nghĩa vụ chứng minh căn cứ để phong tỏa sẽ dễ dàng hơn việc đưa ra những bằng chứng làm căn cứ thực hiện những biện pháp có hiệu lực lâu dài (những vụ án ngay từ đầu đã thấy có những căn cứ xác đáng).

## Thu hồi tài sản theo thủ tục hình sự

Để thu hồi tài sản theo thủ tục hình sự, các quốc gia theo thông luật nhìn chung yêu cầu phải có phán quyết của tòa án dựa trên những bằng chứng được cho là không còn lý do chính đáng để nghi ngờ. Để chứng minh mối liên hệ giữa tài sản và tội phạm, một số quốc gia theo thông luật đòi hỏi các bằng chứng theo tiêu chuẩn “có xác suất phải chăng” hoặc căn cứ xác thực; trong khi một số quốc gia khác lại đòi hỏi bằng chứng được cho là không còn lý do chính đáng để nghi ngờ. Tiêu chuẩn về bằng chứng “có xác suất phải chăng” (xác suất đúng nhiều hơn là không đúng) được áp dụng trong các vụ án thu hồi theo thủ tục dân sự. Ở các quốc gia theo hệ thống dân luật yêu cầu phải kết án hình sự trước khi THTS đòi hỏi bằng chứng về niềm tin nội tâm của thẩm phán.

Chứng minh tội phạm theo các chuẩn mực hình sự có thể gây khó khăn cho các vụ án tham nhũng. Cụ thể, rất khó để chứng minh tội phạm hối lộ. Ở một số quốc gia, các công tố viên phải chứng minh rằng hành vi hối lộ được thực hiện để tạo điều kiện cho một thỏa thuận tham nhũng giữa người đưa hối lộ và một công chức; bằng chứng trong một vụ án như vậy rất khó xác định. Tiêu chuẩn về chứng cứ được thừa nhận giữa các quốc gia thành viên của UNCAC linh hoạt hơn: Điều 20 của UNCAC yêu cầu các quốc gia thành viên đảm bảo rằng “ý thức, ý định hoặc mục đích là các yếu tố cấu thành của một tội phạm được quy định theo Công ước này có thể được suy đoán từ hoàn cảnh thực tế khách quan”. Dù sao, yêu cầu tòa án phải kết án hình sự để THTS là một rào cản đáng kể, đặc biệt là khi bị cáo đã chết hoặc chạy trốn.

Thêm vào đó, việc đưa ra chứng cứ để khẳng định chắc chắn hoặc thuyết phục thẩm phán tin tưởng hoàn toàn rằng có mối liên hệ giữa tài sản và một tội phạm cụ thể (các quốc gia theo thông luật) rất khó khăn. Các nhà hoạt động thực tiễn chỉ ra rằng việc không đáp ứng được những yêu cầu này khiến công tác THTS thường đi đến thất bại.

Để THTS hiệu quả, cụ thể là đối với những tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của UNCAC và UNTOC, các quốc gia cần tiến hành hai bước. Thứ nhất, các quốc gia cần đảm bảo rằng các tiêu chuẩn về bằng chứng nhằm chứng minh mối liên hệ giữa hành vi phạm tội và tài sản không quá khắt khe. Thứ hai, một khi quốc gia đã chứng minh được mối liên hệ giữa tài sản và hành vi tội phạm nói chung mà không nhất định là một tội phạm hình sự cụ thể nào, cần giả định (có thể bác bỏ) rằng tài sản đó là tài sản do phạm tội mà có.

Một số quốc gia cùng lúc cho phép thu hồi dựa trên và không dựa trên phán quyết của tòa án đã quyết định hạ thấp tiêu chuẩn bằng chứng làm căn cứ THTS và chỉ đòi hỏi “bằng chứng có xác suất phải chăng” hay “căn cứ hợp lý để tin rằng” hoặc thậm chí là “có căn cứ hợp lý để nghi ngờ” rằng tài sản cần được phong tỏa<sup>60</sup>. Tiêu chuẩn này tạo điều kiện cho quá trình điều tra và bảo quản các tài sản ở nước ngoài của các quốc gia yêu cầu. Hệ thống pháp luật quốc gia về tương trợ tư pháp cần quy định rất cụ thể và rõ ràng về các tiêu chuẩn của bằng chứng để tránh những cách hiểu khác nhau.

Ở ngày các nhiều quốc gia, các tòa án dân sự cũng có thể tiến hành THTS nếu các công tố viên có thể đưa ra những chứng cứ xác thực rằng tài sản là công cụ hoặc do phạm tội mà có. Quy trình THTS này chỉ đòi hỏi phải chứng minh sự tồn tại của một hành vi tội phạm mà không cần phải buộc tội một cá nhân nào. Cách xử lý tình huống này đặc biệt hữu ích khi không thể kết án theo thủ tục hình sự, hoặc khi tài sản được nằm giữ bởi một người đã chạy trốn hoặc đã chết.

Các nhà hoạt động thực tiễn cho rằng, việc áp dụng những suy đoán (có thể được phản bác) là rất hữu ích. Theo đó, quốc gia yêu cầu chỉ cần chứng minh rằng tài sản của vụ án không thể có được từ một nguồn thu nhập hợp pháp của một cá nhân, và buộc người nắm giữ tài sản phải chứng minh theo các tiêu chuẩn chứng cứ được

---

<sup>60</sup> Để có thêm thông tin về các tiêu chuẩn khác nhau về bằng chứng trong tố tụng hình sự và dân sự nhằm tịch thu tài sản, xem Theodore S. Greenberg, Linda M. Samuel, Wingate Grant, and Larissa Gray, *Stolen Asset Recovery: A Good Practices Guide for Non-conviction-based Asset Forfeiture* (Washington, DC: World Bank, 2009), [www.worldbank.org/star](http://www.worldbank.org/star).

quy định (thường là chứng cứ xác thực hoặc bằng chứng có nhiều xác suất đúng hơn là sai) để chứng minh tài sản có được một cách hợp pháp. Nếu bị cáo không thể chứng minh được điều này, tài sản nghiễm nhiên được coi là có nguồn gốc bất hợp pháp.

Cả UNCAC và UNTOC đều kêu gọi các quốc gia thành viên cân nhắc việc yêu cầu tội phạm phải chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản là đối tượng của lệnh tịch thu<sup>61</sup>. Thêm vào đó, UNCAC cũng khuyến khích các quốc gia thành viên hình sự hóa hành vi làm giàu bất chính, được định nghĩa là “việc tài sản của một công chức tăng lên đáng kể so với thu nhập hợp pháp của công chức mà công chức này không giải thích được một cách hợp lý về lý do tăng lên đáng kể ấy<sup>62</sup>”. Trong những vụ án về làm giàu bất chính, một công tố viên chỉ cần chỉ ra rằng thu nhập hợp pháp của một công chức không thể giải thích cho sự tăng lên của khối tài sản hoặc mức chi tiêu của người đó. Để bào chữa cho mình, công chức có nghĩa vụ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản<sup>63</sup>.

Để đảm bảo rằng những giả định này không vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội, các cơ quan công tố có nghĩa vụ phải xác định những yếu tố cấu thành tội phạm và căn cứ để suy đoán, trong khi đó, nguyên đơn được phép đưa ra những lời giải thích hợp lý và đáng tin cậy để phản bác lại các suy đoán<sup>64</sup>. Những quốc gia nhất trí với phương pháp tiếp cận này nhìn chung đã thể chế hóa cơ chế thu hồi tài sản dựa trên kết án.

---

<sup>61</sup> UNCAC, Điều 31(8), UNTOC, Điều 12 (7). Vì các quốc gia có thể có các quy định hiến pháp hoặc hạn chế khác nhằm bảo vệ bị cáo trong những trường hợp này, các quốc gia thành viên của UNCAC được yêu cầu thực hiện biện pháp này trong chừng mực mà yêu cầu này phải tuân theo các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia.

<sup>62</sup> Điều 20, UNCAC.

<sup>63</sup> Hình sự hóa hành vi làm giàu bất chính cũng là một yêu cầu của Công ước Liên Mỹ về chống tham nhũng và hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia đã điều chỉnh vấn đề này.

<sup>64</sup> Để biết thêm thông tin, xem Greenberg, Samuel, Grant, and Gray, *Stolen Asset Recovery: A Good Practices Guide for Non-Conviction Based Asset Forfeiture*, tr.58–63.

## Thực tiễn tốt

Ở một số quốc gia, pháp luật cho phép THTS do phạm tội hình sự mà có của các tổ chức. Năm 2005, các cơ quan của Thụy Sĩ đã vận dụng sáng tạo các quy định pháp luật của mình để tuyên bố, một cựu nguyên thủ quốc gia cùng các thành viên gia đình và cộng sự của ông ta là một tổ chức tội phạm. Kết quả là, tòa án đã ra lệnh tịch thu và trả lại 458 triệu đô-la Mỹ tài sản tham nhũng của ông ta cho quốc gia nạn nhân mà không cần chứng minh đó là tài sản do phạm tội mà có. Chỉ cần chỉ ra rằng khối tài sản này thuộc quyền định đoạt của tổ chức tội phạm. Theo quy định của pháp luật, bất cứ tài sản nào thuộc về một người có liên quan đến một tổ chức tội phạm “được giả định rằng thuộc quyền định đoạt của tổ chức đó cho đến khi chứng minh được điều ngược lại”<sup>a</sup>.

Một số quốc gia còn cho phép giả định dựa trên “lối sống của tội phạm”. Một bị cáo bị buộc tội rửa tiền nghiêm nhiên được coi là có lối sống tội phạm và tất cả tài sản do phạm tội mà có phải bị tịch thu. Để lượng hóa lợi ích thu được từ hành vi phạm tội, tòa án sẽ xem xét các tài sản đã được chuyển nhượng cho bị cáo hoặc tất cả các khoản chi tiêu của bị cáo trước khi quá trình tố tụng bắt đầu. Tương tự như vậy, các món quà dành tặng các bên thứ ba, bao gồm cả những tài sản được bán hạ giá vào ngày chuyển nhượng có thể được coi là tài sản phạm tội. Tất cả những tài sản đó có thể bị thu hồi như tài sản do phạm tội mà có trừ khi bị cáo chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của tài sản. Để chứng minh nguồn gốc hợp pháp của những tài sản được cho là có được từ tài sản phạm tội đòi hỏi bị cáo phải cung cấp những chứng cứ đáng tin cậy<sup>b</sup>.

Pháp luật của Pháp quy định rằng, khi một tội phạm không thể chứng minh thu nhập hợp pháp của họ đủ để chi trả cho lối sống của anh ta hoặc không chỉ ra được nguồn gốc của tài sản và lợi nhuận thu được từ một mối quan hệ thường xuyên với (một hay nhiều) người đã thực hiện một tội nghiêm trọng hoặc một tội bị trừng phạt ít nhất năm năm. Tội phạm này có thể bị kết án từ 3 đến 7 năm tù, và nhà nước được quyền tịch thu toàn bộ tài sản của anh ta. Hơn thế nữa, với một tội phạm có thể bị kết án ít nhất 5 năm tù do đã hưởng lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp từ hành vi phạm tội của bị cáo, tất cả tài sản của anh ta có thể bị tịch thu trừ khi chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của nó.

a. Bộ luật Hình Thụy Sĩ (Điều 72).

b. Ở Nam Mỹ, giả định sẽ kéo dài trong vòng 7 năm trước khi khởi tố vụ án: Luật Phòng ngừa tội phạm có tổ chức được sửa đổi năm 1999, điều 22. Ở Anh, giai đoạn này là 6 năm để xác định lối sống hình sự của bị cáo. Tài sản do phạm tội mà có (Anh), điều 10 (8). Xem Bộ luật hình sự (Pháp), Điều 131-21.

c. Luật Hình sự (Pháp), Điều 321-6.



## Khuyến nghị chính sách

- a. Các quốc gia cần ban hành các quy định pháp luật cho phép có các suy đoán (có thể bác bỏ) để đáp ứng các tiêu chuẩn về chứng cứ cho việc tịch thu tài sản dựa trên phán quyết của tòa án, đặc biệt là đối với những tội phạm được quy định trong UNCAC và UNTOC.
- b. Các quốc gia cần đảm bảo rằng, các tiêu chuẩn chứng cứ trong những vụ án đòi hỏi phải có lệnh phong tỏa tài sản tạm thời sẽ ít khắt khe hơn những chứng cứ cần có trong những vụ án sử dụng các biện pháp có hiệu lực chính thức hoặc những biện pháp được tiến hành khi chính thức THTS.
- c. Trên cơ sở bảo đảm các quyền hiến định và quyền tố tụng, các quốc gia cần ban hành những quy định để tạo điều kiện đáp ứng các yêu cầu về bằng chứng, ví dụ như xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về các tài khoản ngân hàng (xem Rào cản 27), qua đó tạo điều kiện thúc đẩy việc xử lý các yêu cầu về tương trợ tư pháp có liên quan đến các biện pháp điều tra.
- d. Ở cả những quốc gia theo cơ chế thu hồi tài sản dựa trên hoặc không dựa trên phán quyết của tòa án, cần đảm bảo rằng, các tiêu chuẩn về bằng chứng để chứng minh mối liên hệ giữa tài sản và hành vi phạm tội không được quá khắt khe và được quy định rõ ràng trong pháp luật quốc gia. Các quốc gia cần tiếp tục đảm bảo rằng các công tố viên chỉ cần chỉ ra mối liên hệ giữa tài sản và hành vi phạm tội nói chung, chứ không nhất thiết là mối liên hệ giữa tài sản với một tội phạm cụ thể nào.

## Khuyến nghị thực thi

- a. Các quốc gia cần quy định rõ về những nội dung cần phải có trong văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp và cung cấp các mẫu văn bản yêu cầu trên cổng thông tin điện tử, trong đó cung cấp những căn cứ thỏa đáng để yêu cầu tương trợ.
- b. Các văn bản yêu cầu tương trợ dù không đầy đủ thông tin nhưng chỉ ra được mối liên hệ rõ ràng giữa kẻ phạm tội và tài sản, cần được chấp nhận nếu quốc gia được yêu cầu có khả năng định vị được tài sản dựa trên những thông tin nhận được hoặc những thông tin hiện có.
- c. Các quốc gia cần xác định những vấn đề cần ưu tiên và giới hạn số lượng các văn bản yêu cầu bằng cách tập trung vào những vấn đề thật cần thiết và cụ thể để đảm bảo yêu cầu tương trợ có thể được thực hiện.



### ***Rào cản 14: Không quy định về phong tỏa và tịch thu tài sản có giá trị tương đương***

Phong tỏa và tịch thu tài sản có giá trị tương đương có nghĩa là phong tỏa và tịch thu những tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản do phạm tội mà có hoặc các công cụ tội phạm trong những trường hợp tài sản hoặc công cụ thực tế do phạm tội mà có không còn hoặc không thể xác định (còn được gọi là “tài sản thay thế”). Các quốc gia không cho phép phong tỏa và tịch thu tài sản có giá trị tương đương sẽ tạo ra một rào cản lớn đối với THTS<sup>65</sup>. Ngày càng nhiều quốc gia cho phép áp dụng nguyên tắc thu hồi này. Một trong số đó cho phép phong tỏa và tịch thu tài sản dựa trên giá trị thay vì chỉ phong tỏa và tịch thu chính tài sản có được trực tiếp từ hành vi phạm tội.

Các nhà hoạt động thực tiễn nhấn mạnh rằng, biện pháp tịch thu tài sản có giá trị tương đương có thể rất hữu ích trong các vụ án mà tài sản và công cụ phạm tội đã được trộn lẫn với các tài sản hợp pháp. Thiết lập mối quan hệ giữa một tài sản cụ thể và tội phạm hình sự là một trong những thách thức lớn nhất trong THTS (Rào cản 13).

#### **Khuyến nghị chính sách**

Các quốc gia cần ban hành những quy định cho phép phong tỏa và thu hồi tài sản thay thế hoặc tài sản có giá trị tương đương. Tối thiểu, pháp luật cần cho phép tịch thu những tài sản đã được trộn lẫn với tài sản hợp pháp theo yêu cầu của UNCAC.

### ***Rào cản 15: Thiếu cơ chế thu hồi không dựa trên phán quyết của tòa án***

Theo các nhà hoạt động thực tiễn, việc yêu cầu THTS phải dựa trên phán quyết của tòa án sẽ cản trở đáng kể những nỗ lực THTS trong các vụ án tham nhũng. Mặc dù cơ chế THTS không dựa trên phán

<sup>65</sup> Điều 31 (5) và (6) UNCAC quy định rằng nếu tài sản do phạm tội mà có đã bị trộn lẫn với các tài sản khác thì tài sản có nguồn gốc hợp pháp sẽ bị tịch thu phần giá trị được định giá là có từ tài sản do phạm tội mà có.

quyết (NCB) không thể thay thế cho việc kết án hình sự nhưng trong nhiều trường hợp, cơ chế THTS không dựa trên phán quyết là phương thức duy nhất để thu hồi được tài sản tham nhũng và đảm bảo công lý được thực thi. Các quốc gia không được phép THTS mà không dựa trên phán quyết sẽ gặp khó khăn trong THTS vì thiếu những công cụ quan trọng để THTS. Thu hồi không dựa trên phán quyết là một biện pháp hiệu quả vì trên thực tế, ảnh hưởng của các quan chức tham nhũng thường ngăn cản toàn bộ quá trình điều tra hình sự hoặc trì hoãn điều tra cho đến khi người đó chết hoặc đã chạy trốn để tránh bị truy tố. Quan chức tham nhũng cũng có thể được hưởng quyền miễn trừ khỏi tố tại một số quốc gia. Bởi không đòi hỏi kết án hình sự, nên thông qua cơ chế THTS không dựa trên phán quyết, các quốc gia có thể THTS mặc dù kẻ tham nhũng đã chết, chạy trốn hay được hưởng quyền miễn trừ (xem Rào cản 17). Ngày càng nhiều quốc gia quy định về cơ chế thu hồi này<sup>66</sup> và hiện cơ chế này đang được các điều ước đa phương và văn kiện quốc tế khuyến khích thực hiện<sup>67</sup>.

Thu hồi không dựa trên phán quyết của tòa án thường diễn ra dưới một trong hai hình thức sau. Cách thứ nhất là thu hồi trong khuôn khổ một vụ kiện hình sự nhưng không đòi hỏi phải kết án hoặc chứng minh tội phạm. Theo đó, thu hồi không dựa trên phán quyết của tòa án được quy định trong bộ luật hình sự và luật chống rửa tiền và chống buôn bán ma túy; được coi như một vụ kiện “hình sự” và áp dụng quy trình tố tụng hình sự. Cách thứ hai đó là việc tịch thu không diễn ra trong khuôn khổ một vụ kiện dân sự mà thông

---

<sup>66</sup> Để xem danh sách các quốc gia và hệ thống pháp luật liên quan, xem Greenberg, Samuel, Grant và Gray, *Stolen Asset Recovery: A Good Practices Guide for NCB Asset Forfeiture*. Cần lưu ý rằng có một số quốc gia (đặc biệt là Caribbean) đã ban hành các biện pháp THTS không dựa trên phán quyết sau khi nghiên cứu này được xuất bản),

<sup>67</sup> Điều 54 (1) (c) UNCAC yêu cầu các quốc gia xem xét tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép tịch thu tài sản mà chưa có bản án hình sự trong trường hợp không thể truy tố người vi phạm vì lý do người này đã chết, lẩn trốn hoặc vắng mặt, hoặc trong các trường hợp thích hợp khác. Khuyến nghị số 3 của FATF 40+9 yêu cầu các quốc gia cân nhắc việc cho phép thu hồi không dựa trên phán quyết. FATF cũng giới thiệu những thực tiễn tốt trong công tác THTS không dựa trên phán quyết, bao gồm việc thừa nhận các bản án THTS không dựa trên phán quyết của nước ngoài: FATF, Best practices Paper on Confiscation (Khuyến nghị 3 và 38), được thông qua tại phiên họp FATF vào tháng 2/2010.

qua một vụ kiện dân sự hoặc hành chính. Đây là một quy trình riêng biệt, có thể diễn ra độc lập hoặc song song với vụ kiện hình sự có liên quan. Ở một số quốc gia, cơ chế này được gọi là “thu hồi dân sự” hoặc “tịch thu dân sự”.

Kể cả ở những quốc gia cho phép THTS không dựa trên phán quyết của tòa án, cơ chế hợp tác quốc tế trong những vụ án này vẫn gặp khó khăn bởi những khác biệt đáng kể trong hệ thống pháp luật của các quốc gia, ví dụ như trong việc xác định thẩm quyền tòa án (dân sự hay hình sự) và các quy định về luật nội dung và luật hình thức, quy định về tiêu chuẩn của bằng chứng (bằng chứng có xác suất đáng tin, bằng chứng không có lý do chính đáng để nghi ngờ hoặc niềm tin nội tâm). Ở một số quốc gia, quyết định THTS không dựa trên phán quyết nhằm hướng tới tài sản (vụ kiện đòi quyền sở hữu tài sản), trong khi ở một số quốc gia khác, quyết định THTS không dựa trên phán quyết lại hướng tới kẻ phạm tội (hướng tới việc kết án tội phạm vì đã vi phạm một nghĩa vụ pháp lý). Đối với các vụ kiện đối vật, chỉ cần tài sản vẫn nằm trên lãnh thổ quốc gia là đủ căn cứ để xác định thẩm quyền tài phán để tiến hành thu hồi không dựa trên phán quyết. Một số quốc gia khác chỉ cho phép THTS không dựa trên phán quyết sau khi vụ kiện hình sự bị bãi nại hoặc không đem lại kết quả, trong khi một số khác lại cho phép tiến hành thu hồi song song với vụ kiện hình sự liên quan.

Các quốc gia cần cân nhắc quy định cơ chế này trong hệ thống pháp luật của mình. Những quy định như vậy không chỉ giúp tăng cường hiệu quả của công tác chống tham nhũng và rửa tiền mà còn hỗ trợ các quốc gia yêu cầu đã quyết định chuyển giao vụ án cho quốc gia được yêu cầu. Các nhà hoạt động thực tiễn nhấn mạnh lợi thế của cơ chế thu hồi không dựa trên phán quyết vì đây được coi là một biện pháp nhanh chóng, hiệu quả và có thể là cách duy nhất để THTS khi kẻ phạm tội đã chết, chạy trốn hoặc được hưởng quyền miễn truy tố.

Mặc dù không nên giới hạn phạm vi áp dụng cơ chế THTS không dựa trên phán quyết, nhưng chỉ nên áp dụng cơ chế này trong trường

hợp tội phạm đã chết, chạy trốn, vắng mặt hoặc không thể xác định, cũng như trong “các trường hợp thích hợp khác”. Mỗi quốc gia sẽ tự quyết định cách thức vận hành cơ chế THTS không dựa trên phán quyết trong bối cảnh của một vụ kiện hình sự hay không. Việc thu hồi diễn ra trong một quy trình tố tụng riêng biệt cũng có ưu điểm ở sự độc lập và có thể được khởi tố bởi một tòa án riêng, qua đó tránh được những tác động không cần thiết đối với một vụ kiện hình sự thông thường.

Mặc dù THTS không dựa trên phán quyết được coi là một công cụ hữu hiệu trong nhiều vụ án, nhưng nếu có thể truy tố tội phạm thì cơ chế thu hồi không dựa trên phán quyết không phải là lựa chọn tốt nhất. Hợp tác quốc tế có thể gặp khó khăn nếu quốc gia được yêu cầu không cho phép THTS không dựa trên phán quyết<sup>68</sup>. Thêm vào đó, THTS sau kết án có ưu điểm là các quốc gia có thể thu hồi toàn bộ tài sản của kẻ phạm tội, dù là có nguồn gốc hợp pháp hay bất hợp pháp, căn cứ vào sự buộc tội dựa trên lối sống của tội phạm.

Bên cạnh đó, các quốc gia phải cần có năng lực để thực thi quyết định THTS của một quốc gia khác. Hệ thống pháp luật quốc gia cần linh hoạt khi xử lý các khác biệt trong hệ thống pháp luật. Một vài quốc gia cho phép thực thi trực tiếp bản án của tòa án nước ngoài nếu đáp ứng được điều kiện về cùng hình sự hóa hoặc khi bản án được ban hành bởi một cơ quan tương đương tại quốc gia yêu cầu. Những giới hạn này không nên quá rộng và khắt khe (xem Rào cản 22).

Pháp luật về thu hồi không dựa trên phán quyết cần quy định cụ thể quy trình thực thi bản án và các tội danh được phép áp dụng, bao gồm cả khả năng kháng cáo lại quyết định bản án của chủ sở hữu tài sản. (Để có thêm thông tin và hướng dẫn về những khái niệm quan trọng, xem cuốn *Stolen Asset Recovery: A Good Practice Guide*

---

<sup>68</sup> Một số chuyên gia cho rằng THTS không dựa trên phán quyết có thể là một vấn đề ở những quốc gia quy định bên thua kiện phải trả lệ phí tư pháp cho bên thắng kiện, kết quả là rủi ro chi phí sẽ thuộc về quốc gia mà không thể định vị được tài sản sau khi kết án hình sự. Một số quốc gia cũng yêu cầu có cam kết hoặc thỏa thuận trước về vấn đề trả chi phí hoặc thiệt hại. Greenberg, Samuel, Grant và Gray, *Stolen Asset Recovery: A Good Practices Guide to NCB Asset Forfeiture*, tr.79, hộp 23.

*for Non-Conviction Based Asset Forfeiture* xuất bản năm 2009 trong khuôn khổ Sáng kiến StAR).

### Thực tiễn tốt

Phụ thuộc vào bối cảnh của từng vụ án, quy định cho phép THTS không dựa trên phán quyết cung cấp thêm các công cụ THTS cho các công tố viên. Một số quốc gia quy định đồng thời hai cơ chế THTS: thu hồi theo thủ tục hình sự trong đó yêu cầu phải có kết án và thu hồi không dựa trên kết án. Để THTS dựa trên giá trị, không nhất thiết phải chứng minh mối liên hệ giữa hành vi phạm tội và tài sản; thay vào đó, pháp luật đòi hỏi phải có bằng chứng cho thấy có mối liên hệ giữa tài sản và một cá nhân đã bị buộc tội hoặc kết án. Theo cơ chế thu hồi không dựa trên phán quyết, phải thiết lập mối liên hệ giữa hành vi phạm tội nói chung và tài sản đang cần thu hồi, nhưng không cần thiết phải kết án hình sự.

Một quốc gia khác cho phép thực thi trực tiếp lệnh thu hồi của tòa án nước ngoài căn cứ vào mục đích thu hồi mà không quan tâm đến việc quyết định này được ban hành bởi tòa án dân sự hay hình sự. Để cho phép thu hồi tài sản bằng cả hai hình thức kết án hoặc không kết án, quốc gia này định nghĩa quyết định của một tòa án nước ngoài là “quyết định của tòa án nhằm thu hồi tài sản do phạm tội mà có hoặc giá trị tài sản tương đương với số tài sản do phạm tội mà có”.

Một số quốc gia cho phép THTS không dựa trên kết án ngay cả khi pháp luật quốc gia chỉ cho phép việc thu hồi dựa trên kết án<sup>a</sup>. Ở một số quốc gia Mỹ La tinh, thực tiễn này được biết đến với tên gọi “sự tán thành”, và lệnh THTS không dựa trên phán quyết được thực thi bởi một tòa án dân sự. Một số quốc gia vùng Caribe cho phép thực thi lệnh THTS không dựa trên kết án nếu vụ kiện hình sự bị đình chỉ hoặc khi lệnh này được ban hành trong quá trình điều tra hình sự.

a. Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc: Jersey-Civil Asset Recovery (International Cooperation) Luật 2007; và Pháp, Các tòa án của Pháp công nhận và cho phép thực thi lệnh thu hồi tài sản không dựa trên kết án của Ý căn cứ vào Công ước của Hội đồng Châu Âu về chống rửa tiền, khám xét, tịch thu tài sản do phạm tội mà có mặc dù hệ thống pháp luật Pháp không quy định về biện pháp tịch thu này: Cour de cassation 13 November 2003, No.303-80371, vụ án Crisafulli. Các tòa án của Pháp đã dựa trên hai yếu tố. Thứ nhất, bằng chứng có được cho thấy tài sản là kết quả của hành vi phạm tội là một căn cứ thỏa đáng để tòa án đưa ra phán quyết hình sự. Thứ hai, hậu quả về tài sản cũng tương tự như một chế tài hình sự.

## Khuyến nghị chính sách

- a. Các quốc gia cần ban hành các quy định cho phép THTS không dựa trên phán quyết. Về mặt tối thiểu, cơ chế này cần được phép áp dụng trong trường hợp người phạm tội đã chết, chạy trốn, vắng mặt hoặc được hưởng quyền miễn trừ hoặc trong các trường hợp thích hợp khác.
- b. Các quốc gia cần cho phép thực thi lệnh THTS không dựa trên phán quyết của tòa án nước ngoài.

### ***Rào cản 16: Không thể ký kết Thỏa thuận tự nhận tội***

Ở các quốc gia theo hệ thống thông luật, thông qua thỏa thuận tự nhận tội, cơ quan công tố cho phép bị cáo được nhận một tội nhẹ hơn hoặc giảm số tội danh so với cáo trạng để đổi lấy một hành động hợp tác cụ thể<sup>69</sup>. Đó có thể là việc bị cáo sẵn sàng tiết lộ địa điểm và phương thức cất giấu tài sản bất hợp pháp, qua đó rút ngắn thời gian điều tra; công tác THTS sẽ nhanh chóng và hiệu quả hơn; đồng thời vẫn bảo toàn được nguồn lực cho các cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan tư pháp. Một số chuyên gia cho rằng việc không cho phép ký kết thỏa thuận tự nhận tội để khuyến khích sự hợp tác của bị cáo là một rào cản đối với THTS. Vấn đề còn ở chỗ, khi một quốc gia không cho phép ký kết thỏa thuận tự nhận tội trong hệ thống pháp luật nội địa, quốc gia này sẽ không thể thừa nhận hiệu lực của thỏa thuận tự nhận tội của các quốc gia khác.

Có nhiều quốc gia không đồng tình với quy định về thỏa thuận tự nhận tội vì cho rằng sự thật sẽ bị bóp méo sẽ dẫn đến những kết quả không đúng đắn. Dù sao, các quốc gia không chính thức cho phép công nhận thỏa thuận tự nhận tội cũng cần cân nhắc ban hành quy định cho phép các cơ quan thực thi pháp luật khuyến khích bị cáo hợp tác nhằm định vị và phong tỏa tài sản. Thậm chí những chuyên gia ở các quốc gia không thừa nhận ý tưởng về thỏa thuận nhận tội cũng công nhận rằng thỏa thuận tự nhận tội có thể là một công cụ điều tra hiệu quả. Hơn thế nữa, một số chuyên gia cũng thừa

<sup>69</sup> Ít nhất một quốc gia theo hệ thống dân luật đã cho phép áp dụng thỏa thuận nhận tội đối với tội phạm có tổ chức. Để có thêm thông tin, xem phần Những thực tiễn tốt trong hợp thông tin về Thực tiễn tốt.

nhận rằng, những thỏa thuận như thế vẫn diễn ra trên thực tiễn mà không cần dựa trên căn cứ chính thức nào.

Nhìn chung, các tòa án cần xem xét và thừa nhận các thỏa thuận tự nhận tội để làm căn cứ tuyên án hoặc xác định hình phạt. Thông thường, tòa án sẽ cân nhắc các khuyến nghị của cơ quan công tố về nội dung của thỏa thuận nhận tội. Trong các vụ án quốc tế về THTS, các quốc gia cần trao đổi và đi đến thống nhất về nội dung của thỏa thuận nhận tội, bao gồm các biện pháp thu hồi. Nếu một hình phạt đã được xác định, các quốc gia cần trao đổi về phương thức chấp hành hình phạt đó. Những thỏa thuận này cần được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định khác nhau trong hiến pháp và pháp luật ở các quốc gia. Ví dụ, trong vụ án mà việc chấp hành hình phạt theo thỏa thuận nhận tội được coi là không phù hợp với hiến pháp của một trong số những quốc gia liên quan, tòa án đã chứng minh rằng việc ký kết thỏa thuận đã tuân thủ pháp luật của các quốc gia liên quan và các quốc gia đã thống nhất rằng mục tiêu của hình phạt là để THTS và hình phạt được quyết định dựa trên đề xuất của cơ quan công tố để bảo vệ công lý<sup>70</sup>.

Trên thực tế, các thỏa thuận tự nhận tội có thể có ảnh hưởng khác nhau tới các cuộc điều tra đang diễn ra ở một quốc gia khác. Ví dụ, việc một thỏa thuận nhận tội cho phép hồ sơ vụ án được đóng lại sẽ ảnh hưởng đến cuộc điều tra đang diễn ra ở một quốc gia khác, từ đó dẫn đến sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa các quốc gia. Vì vậy, nếu đang cân nhắc ký kết một thỏa thuận tự nhận tội, trước tiên một quốc gia cần trao đổi với các quốc gia nước ngoài đang tiến hành điều tra và cần đảm bảo rằng quốc gia nước ngoài đã có đủ bằng chứng để tự tiến hành điều tra và truy tố tội phạm.

---

<sup>70</sup> Ví dụ, khi một bị cáo bị dẫn độ từ quốc gia A sang quốc gia B và chấp nhận thỏa thuận nhận tội tại quốc gia B liên quan đến tài sản hiện đang ở quốc gia A. Nếu bị cáo thừa nhận rằng tài sản này thuộc về anh ta và không phải một bên thứ ba và đồng ý tự nguyện từ bỏ lợi ích của mình đối với một trong số các tài sản bị tịch thu, công tố viên của quốc gia B có thể sẽ đồng ý trả lại một trong số các tài sản lại cho bị cáo hoặc gia đình anh ta, cụ thể là nếu tài sản đó không trực tiếp liên quan đến tội phạm. Tuy nhiên, một thỏa thuận như thế lại vi phạm các quy định hiến pháp hoặc pháp luật của quốc gia B, mà theo đó, tài sản vẫn phải bị tịch thu.

## Thực tiễn tốt

Một trong những bước đi mang tính chiến lược của chính phủ Peru trong giai đoạn đầu của quá trình điều tra về Vladimiro Montesinos, cựu chỉ huy lực lượng tình báo Peru dưới thời của Tổng thống Alberto Fujimori, đó là việc thông qua Đạo luật 27.738. Montesinos khi đó là cựu chỉ huy lực lượng tình báo, bị kết án vì tội tham ô, lạm dụng quyền lực, mua chuộc ảnh hưởng, buôn bán vũ khí trái phép và hối lộ các kênh truyền hình. Montesinos cũng bị điều tra vì tội rửa tiền, buôn bán ma túy, tham nhũng và các hoạt động tội phạm khác. Đạo luật này khi đó quy định về cơ chế thỏa thuận nhận tội trong các cuộc điều tra về tội phạm có tổ chức, đã rất có giá trị bởi khái niệm “lời nhận tội của bị can” và thỏa thuận nhận tội trước đó không tồn tại không hệ thống pháp luật Peru hay các nước theo dân luật. Đạo luật này cho phép truy tố các thành viên của tổ chức tội phạm, trừ các lãnh đạo và một số quan chức đã thỏa thuận nhận tội với công tố viên, đổi lại họ phải cung cấp thông tin để được giảm án. Các thỏa thuận nhận tội được quy định trong đạo luật đã giúp tạo ra bằng chứng để kết án Montesinos và tránh việc kiện tụng kéo dài. Điều quan trọng là, nhờ có sự khước từ quyền của bị cáo, các cơ quan của Peru nhanh chóng thu thập thông tin và thu hồi tài sản ở nước ngoài với giá trị trên 175 triệu đô-la Mỹ.

## Khuyến nghị chính sách

Các quốc gia cần ban hành các quy định tạo điều kiện cho sự hợp tác tương xứng của bị cáo trong các vụ án về THTS.

## Khuyến nghị thực thi

Trước khi ký kết một thỏa thuận tự nhận tội hoặc một thỏa thuận tương tự, các quốc gia cần nỗ lực phối hợp với các quốc gia liên quan khác có quan tâm tới quá trình điều tra để tránh ảnh hưởng tới cuộc điều tra đang diễn ra tại quốc gia đó.

## ***Rào cản 17: Những quy định về miễn trừ cản trở hoạt động truy tố và tương trợ tư pháp***

Các nhà hoạt động thực tiễn cho rằng, quyền miễn trừ của các quốc gia và công chức nước ngoài gây ra những rào cản cho quá trình tương trợ tư pháp và quá trình truy tố các công chức nước ngoài có tài sản bất hợp pháp trong các trung tâm tài chính trong những vụ án tham nhũng. Một số quốc gia cho phép công chức nước ngoài



được hưởng quyền miễn trừ theo chức năng, nhiệm vụ để bảo đảm rằng họ không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc dân sự từ những hành vi mà họ thực hiện trong quá trình thực hiện công vụ và ngay cả khi họ đã rời khỏi vị trí công tác. Theo quan điểm của các cơ quan xét xử, việc khởi kiện, bao gồm khởi kiện dân sự, những cá nhân vì những hành vi công vụ mà họ thực hiện, cũng giống như việc khởi kiện chính quốc gia mà họ đại diện. Các quốc gia cũng cho phép một nhóm công chức nước ngoài (thường là nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu và những thành viên cao cấp của chính phủ, bộ trưởng ngoại giao, nhân viên ngoại giao) được hưởng quyền miễn trừ truy tố hình sự đối với những hành vi được thực hiện trong quá trình thi hành công vụ và cả đối với các hoạt động cá nhân. Quyền miễn trừ này có thể được áp dụng trong các vụ kiện dân sự nhưng sẽ chấm dứt ngay khi công chức rời khỏi vị trí công tác.

Việc quy định bất cứ loại quyền miễn trừ quốc tế nào cũng ảnh hưởng tới khả năng truy cứu trách nhiệm của các công chức, đặc biệt là những người đứng đầu quốc gia hoặc chính phủ, bộ trưởng ngoại giao và các nhà ngoại giao ở nước chủ nhà<sup>71</sup>. Thêm vào đó, các công chức nước ngoài có thể đòi hỏi quyền miễn trừ đối với những hoạt động liên quan đến chủ quyền quốc gia (khác với các hoạt động kinh doanh). Ví dụ, một tài khoản ngân hàng được tạo ra dưới tên của một quốc gia để thực hiện những hoạt động liên quan đến chủ quyền quốc gia nhưng lại được quan chức tham nhũng sử dụng để chi trả cá nhân.

Quyền miễn trừ một mặt tạo điều kiện cho công chức nước ngoài được tự do thi hành công vụ; mặt khác cũng khiến các quốc gia không thể truy cứu trách nhiệm hình sự của các công chức bị tình nghi là tham nhũng. Khi không thể tiến hành điều tra hình sự sẽ không có căn cứ để yêu cầu tương trợ tư pháp và không thể phong tỏa tài sản. Vấn đề ở chỗ các vụ án về THTS thường liên quan đến những người (đã hoặc đang là) chính trị gia và lãnh đạo cao cấp

---

<sup>71</sup> Một số quốc gia còn cho phép các bộ trưởng quốc phòng và tài chính được hưởng quyền miễn trừ.

của chính phủ. Những cán bộ này có thể sử dụng quyền miễn trừ để tránh bị truy cứu trách nhiệm hình sự cho đến khi thời hạn áp dụng quyền này chấm dứt. Thêm vào đó, những tội phạm tham nhũng, bao gồm cả thành viên gia đình hoặc những cộng sự của họ, thường cũng được hưởng quyền miễn trừ khi họ có được vị trí trong cơ quan công quyền hoặc hộ chiếu ngoại giao, từ đó họ có thể tổ chức hoặc thực hiện tội phạm mà vẫn được hưởng quyền miễn trừ.

Các tòa án trong nước và quốc tế đã xác định nội dung và giới hạn của các quyền miễn trừ quốc tế, tuy nhiên, trong những năm gần đây đã hạn chế việc áp dụng quyền này trong các vụ án tham nhũng. Kết quả là, các cơ quan chức năng vẫn có thể truy tố các công chức nước ngoài và thực hiện tương trợ tư pháp trong một số trường hợp nhất định<sup>72</sup>. Thứ nhất, các công chức nước ngoài, trừ những nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu chính phủ, các bộ trưởng ngoại giao và cán bộ ngoại giao ở nước chủ nhà, sẽ không được hưởng quyền miễn trừ quốc tế đối với những hành vi họ thực hiện với tư cách cá nhân. Thêm vào đó, những người từng là nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu chính phủ và các bộ trưởng ngoại giao cũng có thể bị kiện ra các tòa án nước ngoài vì những hành vi họ thực hiện trước hoặc sau khi rời khỏi vị trí công tác cũng như đối với những hành vi cá nhân mà họ thực hiện trong quá trình công tác. Các cơ quan và tòa án ở quốc gia được yêu cầu không gặp trở ngại pháp lý nào trong việc thực hiện tương trợ tư pháp hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự các công chức nước ngoài trong những trường hợp như vậy.

Thứ hai, các công chức bị truy cứu trách nhiệm hình sự bởi chính quốc gia mà họ mang quốc tịch không được hưởng quyền miễn trừ quốc tế. Người có chức vụ hoặc từng là nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu chính phủ, bộ trưởng bộ ngoại giao và các nhà ngoại giao ở nước ngoài có thể bị khởi kiện ở tòa án tại quốc gia mà họ là công dân theo các quy định của pháp luật quốc gia. Các công chức cũng

---

<sup>72</sup> Lệnh bắt giam vào 11/4/2000 (Cộng hòa Công-gô v. Bỉ), phán quyết của Tòa án quốc tế 2002, 3.

có thể bị truy cứu trách nhiệm nếu quốc gia mà họ đã hoặc đang đại diện quyết định tước bỏ quyền miễn trừ của họ. Trong những tình huống như vậy, quốc gia nước ngoài có thể thực hiện tương trợ tư pháp cho các cơ quan có thẩm quyền để truy cứu trách nhiệm hình sự tại quốc gia mà người đó là công dân.

Thứ ba, quyền miễn trừ quốc tế có thể không được áp dụng khi tài sản của quốc gia nước ngoài được nắm giữ bởi các công ty tư nhân hoặc bị thay thế và quản lý như tài sản cá nhân hoặc tài sản kinh doanh. Tương tự như thế, tài sản có nguồn gốc tham nhũng hoặc nhờ tham ô mà có, được nắm giữ bởi các pháp nhân ở nước ngoài hoạt động dưới danh nghĩa nhà nước, có thể bị phong tỏa kể cả khi người nắm giữ tài sản được hưởng quyền miễn trừ. Trong những trường hợp như vậy, cần điều tra tính chất hoạt động của pháp nhân và kiểm tra xem thực sự pháp nhân đó có hoạt động trên danh nghĩa nhà nước hay không. Hơn nữa, tài sản của các thành viên gia đình của một vị nguyên thủ quốc gia thường không thuộc phạm vi bảo vệ của quyền miễn trừ quốc tế.

Việc áp dụng khắt khe những nguyên tắc này theo thông lệ và công ước quốc tế có thể hỗ trợ các quốc gia nạn nhân vượt qua hoặc làm giảm bớt những khó khăn gây ra bởi quy định về quyền miễn trừ, như được trình bày trong phần về những thực hiện tốt trong mục này. Bên cạnh đó, khi đề cập đến những tội phạm chịu sự điều chỉnh của UNCAC và UNTOC, các quốc gia cần cân nhắc xem liệu những quyền miễn trừ này có cần thiết phải áp dụng hoặc bị tước bỏ trong từng vụ án cụ thể<sup>73</sup>. Mặc dù quyền miễn trừ là cần thiết để bảo vệ các công chức khỏi các vụ kiện phù phiếm và không có căn cứ, việc bảo vệ quyền lợi của họ cũng cần phải tương xứng với lợi ích của nhà nước trong cuộc chiến chống tham nhũng. Trong những vụ án như thế, tước bỏ quyền miễn trừ để truy cứu trách nhiệm hình sự là vì lợi ích chung và chống tham nhũng.

---

<sup>73</sup> Tại phiên họp lần thứ ba của Hội nghị các quốc gia thành viên UNCAC vào tháng 11/2009, các quốc gia thành viên được khuyến khích giới hạn áp dụng quyền miễn trừ, trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc của hiến pháp và pháp luật nước họ.

## Thực tiễn tốt

Ở Mỹ, các tòa án đã ban hành lệnh tạm thời phong tỏa tài sản của các pháp nhân do Ferdinand Marcos, cựu Tổng thống Philippines kiểm soát. Các thẩm phán đã quyết định không áp dụng học thuyết về hành vi quốc gia sau khi chính phủ (mới) của Philippines yêu cầu Chính phủ Mỹ tiến hành điều tra Marcos do những cáo buộc cho rằng, khi còn là tổng thống, Marcos đã lạm dụng vị trí của mình để phạm tội kinh tế. Một vụ kiện dân sự đã diễn ra ở Philippines chống lại Marcos, vợ ông ta, Imelda Marcos và những cá nhân khác có liên quan đến khối tài sản bị đóng băng. Một năm sau, tòa án có thẩm quyền đã bác bỏ kháng cáo của cựu tổng thống và ra phán quyết rằng cần chỉ định một người quản lý tài sản. Những tài sản thế chấp được đem bán và số tiền có được sẽ được trả lại cho quốc gia yêu cầu<sup>a</sup>.

Ở Philippines, việc tước bỏ quyền miễn trừ của cựu tổng thống Marcos đã tạo điều kiện cho Chính phủ Thụy Sĩ phong tỏa và trả lại số tiền Marcos đã gửi ở ngân hàng Thụy Sĩ cho nhà nước Philippines.

a. **Republic of Philippines v. Marcos**, 806 F.2d 244 (CA 2d Cir. 1986).

## Khuyến nghị chính sách

- a. Các quốc gia, khi cần thiết, cần ban hành các quy định đảm bảo rằng phạm vi của quyền miễn trừ quốc tế được quy định trong hệ thống pháp luật quốc gia không rộng hơn phạm vi được quy định theo pháp luật và thông lệ quốc tế. Quy định pháp luật cần cho phép việc truy cứu trách nhiệm hình sự, tịch thu tài sản và tương trợ tư pháp khi:
  - i) Hành vi có liên quan được thực hiện với tư cách cá nhân;
  - ii) Những công chức nước ngoài đang bị truy tố tại quốc gia mà họ có quốc tịch; hoặc
  - iii) Những công chức nước ngoài là chủ sở hữu hưởng lợi của khối tài sản hiện đang được quản lý bởi các công ty tư nhân hoặc dưới tên của các thành viên gia đình hoặc cộng sự của họ.
- b. Các quốc gia cần ban hành các quy định cho phép tạm đình chỉ thời hiệu khởi kiện cho đến khi các công chức nước ngoài được hưởng quyền miễn trừ rời khỏi vị trí công tác hoặc bị tước bỏ quyền miễn trừ.

## Khuyến nghị thực thi

- a) Các quốc gia không nên coi các quyền miễn trừ là một rào cản khi các quyền này bị quốc gia mà công chức có quốc tịch tước bỏ.
- b) Các quốc gia cần thận trọng kiểm tra tình tiết của từng vụ án có liên quan đến tội phạm tham nhũng để xác định xem có thể áp dụng quyền miễn trừ hay tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu có thể áp dụng quyền miễn trừ và quyền này không thể bị tước bỏ, các công tố viên cần cân nhắc thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm công lý, bao gồm việc khởi kiện dân sự, thu hồi không dựa trên phán quyết hoặc buộc tội đối với những người hoặc cá nhân liên quan đến tội phạm.

### ***Rào cản 18: Trường hợp hết thời hiệu khởi kiện***

Ở hầu hết các quốc gia, việc khởi tố vụ án sau khi kết thúc thời hạn theo luật định tính từ ngày thực hiện hành vi phạm tội bị pháp luật nghiêm cấm. Đó là những quy định có liên quan đến “thời hạn được khởi kiện” hay “thời hiệu”. Nếu thời hiệu khởi kiện tại quốc gia yêu cầu hoặc được yêu cầu đã hết, các cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia được yêu cầu có thể từ chối gia hạn thực hiện tương trợ tư pháp, không thể khởi tố vụ án rửa tiền và tham nhũng, hoặc thực thi bản án của tòa án nước ngoài. Quy định thời hiệu khởi kiện có lợi cho những tội phạm đã kịp che giấu hành vi hoặc chưa kịp bị điều tra. Tham nhũng là hành vi rất khó phát hiện, điều tra và truy tố khi kẻ phạm tội vẫn đang tại vị. Các chuyên gia cho rằng việc quy định thời hiệu khởi kiện quá ngắn sẽ là một trở ngại đối với công tác THTS.

Trên thực tế, các quốc gia có quy định khác nhau về thời hiệu khởi kiện và đối với từng tội danh. Sự khác biệt trong hệ thống pháp luật các quốc gia cho thấy tính phức tạp của vấn đề. Có quốc gia không quy định về thời hiệu khởi kiện đối với tội phạm về rửa tiền. Ngược lại có quốc gia lại quy định thời hiệu khởi kiện cho tội phạm này là 7 năm và có thể dài hơn (15 năm) nếu hoạt động rửa tiền có liên quan đến những tài sản có được từ tội phạm gốc (bao gồm lạm dụng tín nhiệm, gian lận và trộm cắp) hoặc khi các tội phạm rửa tiền được thực hiện bởi một tổ chức tội phạm, một băng đảng hoặc khi thực

hiện một hoạt động chuyên nghiệp nào đó. Ở một quốc gia khác, không thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội rửa tiền nếu tài sản được tẩy rửa sau khi thời hiệu khởi kiện tội phạm gốc đã hết.

Khi thời hiệu khởi kiện đã hết, quốc gia được yêu cầu có thể không coi hành vi phạm tội này là tội phạm và có thể từ chối tương trợ tư pháp do không đáp ứng yêu cầu về cùng hình sự hóa. Tuy nhiên trong trường hợp này, thời hiệu khởi kiện theo quy định của quốc gia yêu cầu sẽ được áp dụng vì việc truy cứu hình sự sẽ được thực hiện ở quốc gia yêu cầu.

Vì những lý do liên quan đến tố tụng, hết thời hiệu khởi kiện đồng nghĩa với việc không thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội rửa tiền và không thể thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp ở quốc gia được yêu cầu; điều này không thể được chấp nhận trong những vụ án tham nhũng lớn hoặc các vụ án có liên quan đến các chính thể hoặc những cá nhân đã làm thất thoát một lượng lớn tài sản của nhà nước, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia hoặc y tế cộng đồng. Tham nhũng quy mô lớn không chỉ tổn hại đến nền tài chính công ở các quốc gia đang phát triển do làm chệch hướng những nguồn lực công, dẫn đến nạn nghèo đói và hạn chế khả năng tiếp cận của người dân với những dịch vụ y tế tối thiểu. Tham nhũng cũng góp phần củng cố quyền lực của các chế độ độc tài, gây ra bạo loạn chính trị hoặc các cuộc chiến tranh bất chính. Vì vậy, tham nhũng cần được coi là sự vi phạm các quyền cơ bản của con người. Những công chức sử dụng trái phép hoặc không thực hiện chức trách, nhiệm vụ và phạm tội cần phải chịu trách nhiệm giải trình nghiêm khắc hơn. Vì những lý do này, các quốc gia cần thông qua hoặc sửa đổi các quy định pháp luật để loại bỏ quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trong những vụ án tham nhũng lớn, đối với những tội phạm mà tác động của nó có thể ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng. Nếu việc loại bỏ quy định về thời hiệu khởi kiện gặp khó khăn do những nguyên nhân liên quan đến nguyên tắc truyền thống, tối thiểu các quốc gia cần kéo dài thời hiệu khởi kiện đối với tội phạm tham nhũng và rửa tiền.

Các quốc gia cần xem xét kỹ từng trường hợp cụ thể để quyết định sẽ tạm hoãn hoặc làm gián đoạn thời hiệu khởi kiện trong một khoảng thời gian, hoặc xác định xem liệu có phải trường hợp tội phạm tiếp diễn. Ở hầu hết các quốc gia, “đồng hồ” tính thời hiệu có thể bị tạm dừng hoặc thậm chí khởi động lại trong một số thời điểm nhất định, ví dụ như trong quá trình điều tra của các cơ quan thực thi pháp luật hoặc các công tố viên hoặc khi đối tượng liên quan đã chạy trốn. Khi quyền miễn trừ làm ảnh hưởng đến việc truy tố tội phạm, thời gian áp dụng quyền miễn trừ không nên được tính vào thời hiệu và chỉ bắt đầu tính lại thời hiệu kể từ khi hết thời gian áp dụng quyền miễn trừ, quyền miễn trừ bị tước bỏ và có thể tiến hành truy tố tội phạm. Thậm chí, thời điểm tính thời hiệu chỉ nên bắt đầu khi tội phạm đã hoàn thành hoặc có kết quả điều tra. Nguyên tắc này đã được áp dụng ở nhiều quốc gia. Ví dụ, pháp luật quốc gia có thể quy định, thời hiệu khởi kiện trong những vụ án liên quan đến tội lạm dụng tín nhiệm, tham ô ngân sách nhà nước sẽ bắt đầu được tính kể từ thời điểm tội phạm đã bị các cơ quan thực thi pháp luật hoặc công tố viên phát hiện. Có quốc gia quy định thời hiệu 5 năm đối với những tội phạm liên quan đến rửa tiền, tính từ ngày tội phạm đã hoàn thành. Tuy nhiên, trong trường hợp là tội phạm tiếp diễn, thời hiệu này sẽ được kéo dài. Ví dụ, thời hiệu đối với hành vi phạm tội tiếp diễn sẽ được tính từ thời điểm hành động công khai phạm tội cuối cùng được hoàn thành.

Khi thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự kết thúc, các cơ quan cần xem xét liệu có tội phạm liên quan nào khác cần bị truy tố hoặc có khả năng khởi kiện dân sự hay không. Khi kết thúc quá trình điều tra một tội phạm hình sự đã hết thời hiệu khởi kiện, các cơ quan chức năng có thể phát hiện ra một tội phạm khác, ít nghiêm trọng hơn. Ví dụ, không thể truy tố tội phạm tham nhũng khi đã hết thời hiệu. Tuy nhiên, qua kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán, các cơ quan chức năng phát hiện thấy các hóa đơn giả đã che đậy những khoản hối lộ trả cho người môi giới, dấu hiệu cho thấy có sự gian dối hoặc tham ô thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu sẽ được lùi lại và tính từ ngày xuất hóa đơn giả.

## Khuyến nghị chính sách

- a. Khi có thể, các quốc gia cần cân nhắc hủy bỏ các quy định liên quan đến thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm tham nhũng quy mô lớn. Ví dụ, thời hiệu khởi kiện có thể bị hủy bỏ đối với những tội phạm liên quan đến khối tài sản có giá trị quá lớn.
- b. Nếu không thể hủy bỏ quy định về thời hiệu, các quốc gia cần kéo dài thời hiệu truy tố các tội phạm được UNCAC quy định.
- c. Các quốc gia cần ban hành hoặc áp dụng những quy định cho phép trì hoãn thời điểm tính thời hiệu cho đến khi quyền miễn trừ không còn cản trở việc truy tố.
- d. Các quốc gia cần ban hành hoặc áp dụng những quy định trì hoãn thời điểm bắt đầu tính thời hiệu cho đến khi phát hiện ra tội phạm.

## Khuyến nghị thực thi

- a. Đối với những vụ án mà thời hiệu khởi kiện là một rào cản đối với THTS, các quốc gia cần khuyến khích các công tố viên xác định những tội danh có thể buộc tội (ví dụ như tham ô, rửa tiền và chiếm đoạt tài sản) hoặc các cơ chế thu hồi - bao gồm khởi kiện dân sự và thu hồi không dựa trên kết án - để có thể áp dụng một thời hiệu có lợi nhất.
- b. Quốc gia được yêu cầu cần thực hiện tương trợ tư pháp mà không cần cân nhắc tới thời hiệu theo quy định pháp luật của quốc gia họ vì thời hiệu theo quy định trong pháp luật của quốc gia yêu cầu sẽ được áp dụng.

### ***Rào cản 19: Không công nhận và thi hành phán quyết phong tỏa và tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài***

Theo UNCAC, các quốc gia thành viên phải công nhận và thi hành phán quyết của tòa án nước ngoài về việc phong tỏa, tạm giữ hoặc tịch thu tài sản<sup>74</sup>. Trên thực tế, phán quyết của tòa án nước ngoài nhìn chung sẽ được cho phép thi hành tại quốc gia được yêu cầu sau khi tòa án quốc gia được yêu cầu xác nhận rằng quyết định của tòa án nước ngoài đáp ứng các yêu cầu của luật pháp quốc gia. Vì tòa án quốc gia sẽ không phải xem xét lại các tình tiết của vụ án nên không cần thiết phải tiến hành quá trình tố tụng trong nước và

---

<sup>74</sup> Điều 54 (2) (a) UNCAC.



lập lại các thủ tục trình chứng cứ nên việc thực thi bản án thường nhanh chóng và hiệu quả. Vì thế, nếu quốc gia được yêu cầu không thừa nhận hiệu lực của phán quyết của tòa án nước ngoài, tương trợ tư pháp và THTS sẽ gặp khó khăn vì khi đó quốc gia yêu cầu một lần nữa phải chứng minh căn cứ để phong tỏa và thu giữ tài sản.

Hệ thống pháp luật của một số quốc gia không truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân (đối lập với thể nhân), ví dụ như các công ty, nên không thể thực thi các quyết định tịch thu tài sản của họ. Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền khuyến nghị rằng các quốc gia cần quy định trách nhiệm hình sự của các pháp nhân<sup>75</sup>. Tối thiểu, các quốc gia cần truy cứu trách nhiệm hình sự của các pháp nhân khi cần công nhận và thực thi phán quyết của tòa án nước ngoài. Nếu không thể, các pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự hoặc hành chính.

Đa số các quốc gia tham gia vào nghiên cứu này đều công nhận hiệu lực của bản án nước ngoài về phong tỏa và thu giữ tài sản. Một số quốc gia chỉ thừa nhận hiệu lực của quyết định tịch thu tài sản của nước ngoài nếu quyết định tịch thu tài sản đã hoặc sẽ được tòa án tại quốc gia yêu cầu ban hành. Có quốc gia chỉ công nhận hiệu lực của bản án nước ngoài của quốc gia mà họ đã ký hiệp định hợp tác song phương về tương trợ tư pháp nhằm giới hạn số lượng các quốc gia có quyền yêu cầu tương trợ.

Để THTS hiệu quả và nhanh chóng, các quốc gia cần công nhận hiệu lực của bản án nước ngoài về phong tỏa và thu giữ tài sản theo yêu cầu của UNCAC<sup>76</sup>. Cho phép công nhận và thực thi trực tiếp phán quyết của tòa án nước ngoài là cách nhanh nhất để THTS và cần được áp dụng với cả pháp nhân cũng như thể nhân tại tất cả các quốc gia.

---

<sup>75</sup> Khuyến nghị 2 (2.3), các khuyến nghị FATF 40+9

<sup>76</sup> Kết luận tại phiên họp toàn thể lần thứ ba của Hội nghị các quốc gia thành viên UNCAC vào tháng 11/2009 khẳng định các quốc gia thành viên cần mở rộng hợp tác trong thực thi phán quyết của tòa án nước ngoài: Nghị quyết 3/3, [www.unodc.org/unodc/treaties/CAC/CAC-COSP.html](http://www.unodc.org/unodc/treaties/CAC/CAC-COSP.html)

## Khuyến nghị chính sách

Các quốc gia cần công nhận hiệu lực của bản án nước ngoài yêu cầu phong tỏa, thu giữ và tịch thu tài sản, bao gồm cả những tài sản có giá trị tương đương các vụ án hình sự. Cần xóa bỏ các quy định hạn chế việc thực thi trực tiếp bản án của tòa án nước ngoài. Pháp luật phải cho phép việc tịch thu tài sản thay thế hoặc có giá trị tương đương.

### ***Rào cản 20: Không thể trả lại tài sản cho quốc gia yêu cầu***

Theo Điều 57 của UNCAC, các quốc gia thành viên cần áp dụng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp cần thiết khác để cho phép các cơ quan có thẩm quyền của mình trả lại tài sản bị tịch thu (sau khi khấu trừ các khoản chi phí phát sinh) cho quốc gia bị thất thoát tài sản<sup>77</sup>. Điều 14 (3b) của UNTOC chỉ đơn thuần yêu cầu các quốc gia cân nhắc ký kết một thỏa thuận về chia sẻ tài sản thu hồi với quốc gia yêu cầu.

Mặc dù các điều khoản của UNCAC rõ ràng đã vượt quá yêu cầu của UNTOC, thông qua một thỏa thuận chia sẻ tài sản hoặc quyết định của chính phủ, nhiều quốc gia quyết định giữ lại một phần từ khối tài sản được thu hồi và chỉ chia sẻ một phần tài sản bị tịch thu cho quốc gia yêu cầu mà không trả lại các tài sản này. Chỉ một số ít quốc gia có quy định về việc trả lại toàn bộ tài sản thất thoát trong những vụ án có liên quan đến các tội phạm được quy định trong UNCAC.

Chỉ các quốc gia có chủ quyền mới có thể tiến hành đàm phán các thỏa thuận song phương về chia sẻ tài sản. Áp dụng yêu cầu này đối với các lãnh thổ được bảo hộ hoặc lãnh thổ hải ngoại ví dụ như quần đảo Channel làm hạn chế số lượng quốc gia có thể được chia sẻ tài sản và đây được coi là một rào cản quan trọng trong THTS.

---

<sup>77</sup> Điều 57 (2) UNCAC yêu cầu mỗi quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp cần thiết khác để cho phép các cơ quan có thẩm quyền của mình trả lại tài sản bị tịch thu, khi hành động theo yêu cầu của quốc gia thành viên khác. Quy định này được diễn giải rằng các biện pháp lập pháp và các biện pháp khác được đề cập trong mục 2 được hiểu là hệ thống pháp luật và quy định trong nước cho phép việc thực thi điều khoản này của các quốc gia thành viên: A/58/422/Add.1, para.68.

Một khó khăn khác là các thỏa thuận chia sẻ tài sản, trên cơ sở từng vụ án, có chiều hướng chỉ được đàm phán sau khi tài sản đã được tịch thu. Đó cũng là thời điểm mà quốc gia được yêu cầu đã nắm giữ hoặc sở hữu tài sản được tịch thu, ngay cả trong các vụ án mà việc tịch thu tài sản được thực hiện theo yêu cầu của một quốc gia khác và trên cơ sở một phán quyết của tòa án nước ngoài. Quốc gia yêu cầu có thể nhận thấy họ ở một vị trí yếu thế hơn trong đàm phán, ngay cả sau khi đã cung cấp tất cả những bằng chứng cần thiết để ra quyết định tịch thu tài sản.

Quá trình đàm phán để chia sẻ tài sản có thể kéo dài dẫn đến việc trả lại tài sản bị chậm trễ. Thêm vào đó, các quốc gia yêu cầu không phải lúc nào cũng có đủ nguồn lực cần thiết để tiến hành đàm phán. Để loại bỏ rào cản này, các quốc gia cần ban hành các quy định cho phép trả lại tài sản bị tịch thu theo quy định của UNCAC hoặc căn cứ trực tiếp theo pháp luật quốc gia.

#### **Khuyến nghị chính sách**

- a. Đối với những tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của UNCAC, các quốc gia cần ban hành các quy định về việc trả lại tất cả các tài sản bị tịch thu theo yêu cầu của quốc gia nước ngoài (sau khi khấu trừ các chi phí phát sinh) theo Điều 57 của UNCAC.
- b. Đối với những tội phạm khác, bao gồm cả những tội phạm được UNTOC quy định, trong trường hợp hai quốc gia không có thỏa thuận song phương về chia sẻ tài sản, các quốc gia cần ban hành các quy định cho phép cơ chế chia sẻ tài sản này. Các hiệp định song phương về chia sẻ tài sản có thể quy định rằng, phương thức chia sẻ và định đoạt tài sản sẽ được hai bên thông nhất theo từng vụ án.

# Những rào cản trong quá trình thực thi và những vấn đề liên quan đến cơ chế trao đổi thông tin

---

## ***Rào cản 21: Không có đầu mối hoặc những đầu mối không rõ ràng***

Thiếu thông tin về cán bộ đầu mối thích hợp hoặc được chỉ định tại quốc gia được yêu cầu khiến các quốc gia yêu cầu gặp khó khăn khi muốn gửi văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp hoặc các hình thức tương trợ khác. Hiện có ngày càng nhiều các hiệp định tương trợ tư pháp và các điều ước đa phương về tương trợ tư pháp yêu cầu các quốc gia thành viên phải chỉ định một cơ quan cấp trung ương (thường là Bộ Tư pháp) là cơ quan tiếp nhận các văn bản yêu cầu, như một hình thức tương trợ thay thế cho các kênh ngoại giao<sup>78</sup>. Một số quốc gia có đến hai cơ quan cấp trung ương và rất nhiều đầu mối liên lạc chịu trách nhiệm về các yêu cầu tương trợ. Tại một số quốc gia khác, rất khó hoặc không thể xác định đầu mối thông tin hoặc không thể nhanh chóng thu thập những thông tin đáng tin cậy vì các thông tin liên quan đến tài sản nằm rải rác và được quản lý bởi quá nhiều cơ quan khác nhau.

Thông tin không rõ ràng về các đầu mối liên lạc ở giai đoạn đầu của quá trình THTS có thể ảnh hưởng đến sự hợp tác giữa các quốc gia, làm trì hoãn hoạt động tương trợ không chính thức. Xác định được đầu mối liên lạc cá nhân là một hình thức hiệu quả để trao đổi thông tin với các cơ quan nước ngoài. Tuy nhiên, nếu các cá nhân không còn ở vị trí công tác cũ hoặc được điều chuyển sang vị trí công tác mới có thể sẽ gây khó khăn đáng kể cho các nhà hoạt động thực tiễn.

---

<sup>78</sup> Điều 46 (13) UNCAC yêu cầu mỗi quốc gia thành viên sẽ chỉ định một cơ quan trung ương. Hội nghị các quốc gia thành viên của UNCAC đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chỉ định các cơ quan trung ương với đầu mối liên lạc thông tin và các đầu mối này cần hợp tác chặt chẽ để trao đổi thông tin nhanh chóng.

Xem Nghị quyết 1/4, 2/3 và 3/3, [www.unodc.org/unodc/en/treaties/CAC/CAC-COSP.html](http://www.unodc.org/unodc/en/treaties/CAC/CAC-COSP.html)

Để tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế, các quốc gia cần chỉ định một cơ quan cấp trung ương làm đầu mối ở cả quốc gia yêu cầu và được yêu cầu. Các cơ quan tư pháp tại quốc gia yêu cầu sau đó có thể trực tiếp liên lạc với cơ quan trung ương tại quốc gia được yêu cầu. Ngày nay, các quốc gia có xu hướng tận dụng hình thức liên lạc trực tiếp, ví dụ, cán bộ ở quốc gia yêu cầu có thể trực tiếp gửi văn bản yêu cầu tới một cán bộ khác ở quốc gia được yêu cầu. Xu hướng này cho thấy sự cần thiết phải có một cơ quan trung ương đủ năng lực để đảm trách hoạt động tương trợ tư pháp được hiệu quả. Hơn nữa, các cơ quan trung ương cần có các cán bộ am hiểu, có kinh nghiệm và thường xuyên được cập nhật thông tin về pháp luật và thể chế.

Các cuộc thảo luận với những nhà hoạt động thực tiễn đi đến thống nhất rằng, giải pháp hiệu quả nhất đó là mỗi cơ quan trung ương sẽ chỉ định một cán bộ làm đầu mối và cần đảm bảo rằng các cơ quan trung ương và những nhà hoạt động thực tiễn ở nước ngoài có thể tiếp cận những thông tin cần thiết về đầu mối này. Để đạt được hiệu quả cao nhất, những cán bộ này cần có kỹ năng xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp. Các quốc gia có thể và cần cung cấp thông tin về các cán bộ đầu mối dưới nhiều hình thức, ví dụ như công bố trên website hoặc thông qua INTERPOL<sup>79</sup> và các mạng lưới quốc tế và khu vực khác. Các thông tin cần được cập nhật thường xuyên để đạt được hiệu quả tối đa. Có thể phân công trách nhiệm xử lý một văn bản yêu cầu tương trợ cho một cán bộ đầu mối cụ thể.

Bên cạnh đó, các mạng lưới THTS có thể chỉ định đầu mối đại diện để tư vấn chuyên môn cho các cơ quan liên quan, nhằm tăng cường trao đổi thông tin và thực tiễn tốt, và về lâu dài, các cán bộ đầu mối có thể thành lập các nhóm chuyên môn để giúp tháo gỡ những rào

---

<sup>79</sup> INTERPOL đã phối hợp với sáng kiến StAR thiết lập cơ sở dữ liệu đầu mối nhằm tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thực thi pháp luật, chịu trách nhiệm điều tra và truy tố những cá nhân và tổ chức có liên quan tới việc làm thất thoát các tài sản công. Vào bất cứ thời điểm nào trong ngày và bất cứ ngày nào trong tuần, cơ sở dữ liệu này cung cấp thông tin liên lạc của những cán bộ chịu trách nhiệm giải quyết những yêu cầu tương trợ khẩn cấp từ quốc gia yêu cầu ([http://www.worldbank.org/publicsector/star\\_site/law\\_enforcement.html](http://www.worldbank.org/publicsector/star_site/law_enforcement.html))

cản trong THTS<sup>80</sup>. Những mạng lưới này cũng có thể tư vấn cho các nhà hoạt động thực tiễn về những vấn đề liên quan đến THTS và khuyến khích cơ chế hợp tác hiệu quả với khu vực tư nhân đối với những vấn đề liên quan đến tài sản do phạm tội mà có. Các quốc gia cần tận dụng các mạng lưới này khi cần thiết. Bên cạnh đó, các quốc gia cần cân nhắc xây dựng những mạng lưới nếu chưa có mạng lưới nào được thiết lập.

Bên cạnh việc cung cấp thông tin về cơ quan trung ương, các quốc gia cần phổ biến cả những thông tin liên quan đến những đầu mối không chính thức, có thể không trực thuộc cơ quan trung ương. Những đầu mối này có thể là các đơn vị tình báo tài chính, cơ quan điều tra, cán bộ tòa án, thanh tra viên và các cơ quan chức năng có liên quan trong THTS. Phiên họp lần thứ ba của Hội nghị các quốc gia thành viên của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng đã khuyến khích các quốc gia thành viên tăng cường các kênh liên lạc không chính thức, đặc biệt là trước khi chính thức gửi văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp, trong đó có thể chỉ định các cán bộ hoặc cơ quan có kinh nghiệm chuyên môn làm đầu mối trong hợp tác quốc tế về THTS. Vai trò của các đầu mối là hỗ trợ các đối tác nước ngoài để quá trình tương trợ tư pháp chính thức được hiệu quả và đáp ứng yêu cầu.

### **Khuyến nghị thực thi**

- a. Các quốc gia cần chỉ định một đầu mối chính và đầu mối phụ trong cơ quan trung ương, chịu trách nhiệm cung cấp những hỗ trợ ban đầu trong xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ. Các quốc gia cũng cần xác định các cơ quan có thẩm quyền liên quan khác làm đầu mối chịu trách nhiệm xử lý các yêu cầu không chính thức. Các thông tin liên quan đến đầu mối cần được cập nhật, bao gồm tên và địa chỉ của cơ quan trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền, vị trí hoặc chức danh của đầu mối, thông tin về cán bộ đầu mối (địa chỉ e-mail, số điện thoại, số fax) và ngôn ngữ sử dụng.

---

<sup>80</sup> Một số mạng lưới về THTS hiện nay: Mạng lưới liên ngành THTS Camden (CARIN), Mạng lưới THTS Liên ngành khu vực Nam Phi (ARINSA) và Mạng lưới hợp tác pháp luật quốc tế Ibero - Mỹ (IBERRED).

- b. Các quốc gia cần thực thi các chính sách và thủ tục để đảm bảo rằng các đầu mối tại cơ quan trung ương có đủ năng lực và kiến thức để cung cấp thông tin cho quốc gia nước ngoài về cách thức xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ.
- c. Các quốc gia cần sử dụng các cách thức khác nhau để cung cấp thông tin về các đầu mối quốc gia và đảm bảo rằng những thông tin chi tiết đều được cập nhật; những thông tin này có thể được đăng tải trên các trang web của chính phủ, INTERPOL và các mạng lưới quốc tế hoặc khu vực như CARIN, ARINSA và IBERRED.
- d. Các quốc gia cần củng cố các mạng lưới THTS hiện tại hoặc lồng ghép vấn đề THTS vào chương trình hoạt động của các mạng lưới khu vực hiện có. Nếu chưa có một mạng lưới như vậy, các quốc gia cần hỗ trợ xây dựng mạng lưới, yêu cầu các tổ chức quốc tế hỗ trợ khi cần thiết.

## ***Rào cản 22: Các yêu cầu pháp lý để tương trợ tư pháp khẩn khe và căn cứ từ chối tương trợ tư pháp quá rộng***

Hầu hết các quốc gia đều đặt ra yêu cầu về điều kiện cùng hình sự hóa và có đi có lại như là điều kiện tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp. Việc không thể đáp ứng các yêu cầu này có thể ảnh hưởng đến quá trình tương trợ và tạo ra các rào cản đối với THTS. Điều kiện về cùng hình sự hóa yêu cầu tội phạm phải được hình sự hóa tại cả quốc gia yêu cầu và được yêu cầu. Đây được coi là một rào cản đối với tương trợ tư pháp. Làm giàu bất chính, hành vi tham nhũng của công chức nước ngoài và các vi phạm luật kiểm soát ngoại hối là những ví dụ về những hành vi không được hình sự hóa ở hầu hết các quốc gia. Hơn nữa, các quốc gia thường sử dụng những thuật ngữ khác nhau đối với các tội danh và đặt ra những yêu cầu khác nhau đối với tiêu chuẩn về bằng chứng; vì vậy, việc đánh giá điều kiện cùng hình sự hóa trở nên khó khăn nếu các quốc gia chỉ đơn thuần căn cứ vào nhóm tội danh và tên gọi của tội phạm mà không cân nhắc đến bản chất của hành vi được hình sự hóa. Cơ quan trung ương tại quốc gia được yêu cầu có thể từ chối yêu cầu tương trợ vì quốc gia yêu cầu không đáp ứng được điều kiện có đi có lại của quốc gia được yêu cầu<sup>81</sup>.

<sup>81</sup> Đối với những quốc gia chưa phê chuẩn UNCAC, điều kiện có đi có lại không được coi là một căn cứ hợp lệ để từ chối tương trợ tư pháp; xem Điều 46 (21) UNCAC.

Một số quốc gia đã bỏ quy định về điều kiện hình sự hóa và có đi có lại để tạo điều kiện cho quá trình tương trợ tư pháp. Các quốc gia khác cũng cân nhắc bỏ điều kiện này trong một số trường hợp nhất định hoặc giả định rằng điều kiện có đi có lại mặc nhiên được đáp ứng trừ khi có quy định khác. Khi thấy phù hợp, các quốc gia cần cân nhắc về vấn đề này. Thêm vào đó, một số quốc gia được yêu cầu có thể sẽ không thực hiện tương trợ tư pháp nếu quốc gia yêu cầu coi tham nhũng là một tội phạm có thể chịu hình phạt tử hình<sup>82</sup>. Những quốc gia quan ngại về khả năng áp dụng hình phạt tử hình cần được đảm bảo rằng, trong trường hợp họ đồng ý tương trợ, quốc gia yêu cầu sẽ không áp dụng hình phạt tử hình đối với tội phạm trong vụ án hoặc đưa ra một hình phạt không vượt quá khung hình phạt tối đa cho phép theo luật của quốc gia được yêu cầu. Bởi đây là những biện pháp hỗ trợ để vượt qua một số rào cản đối với các yêu cầu về tương trợ tư pháp, các quốc gia cần cân nhắc áp dụng khi thích hợp.

UNCAC và Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền cũng khuyến nghị rằng, khi điều kiện về cùng hình sự hóa không được đáp ứng, các quốc gia cần sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên hành vi để xác định liệu điều kiện này có được thỏa mãn không, không căn cứ vào tội danh của tội phạm<sup>83</sup> mà chỉ tập trung xác định liệu hành vi có mang bản chất hình sự theo luật của cả hai quốc gia hay không. Các tiếp cận này sẽ tránh được việc đòi hỏi một cách máy móc điều kiện về cùng hình sự hóa khiến hoạt động tương trợ tư pháp bị cản trở một cách không cần thiết. Ví dụ, giả định rằng quốc gia yêu cầu đang tiến hành truy tố tội hối lộ của một công chức chính phủ và hành vi này không được coi là tội phạm ở quốc gia được yêu cầu. Với phương pháp tiếp cận dựa trên hành vi, điều kiện về cùng hình sự hóa được coi là được đáp ứng nếu hệ thống pháp luật của quốc gia được yêu cầu có hình sự hóa hành vi hối lộ của một công chức quốc gia.

---

<sup>82</sup> Xem Điều 46 (21) (c) UNCAC.

<sup>83</sup> Điều 43 (2) UNCAC yêu cầu các quốc gia áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên hành vi. Xem Khuyến nghị số 37, FATF 40+9.



Một số quốc gia được yêu cầu có quy định về thời hiệu áp dụng điều kiện hình sự hóa và từ chối cung cấp tương trợ tư pháp khi thời hiệu kết thúc. Tuy nhiên, việc kết thúc thời hiệu áp dụng điều kiện hình sự hóa theo pháp luật của quốc gia được yêu cầu không thể được coi là căn cứ để từ chối tương trợ tư pháp. Quốc gia yêu cầu chỉ muốn được cung cấp thông tin hoặc hỗ trợ phong tỏa tài sản và không đòi hỏi quốc gia được yêu cầu phải truy cứu trách nhiệm hình sự của bị cáo tại quốc gia được yêu cầu. Vì bị cáo sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại quốc gia yêu cầu nên thời hiệu được áp dụng sẽ là thời hiệu theo quy định của quốc gia yêu cầu.

Thêm vào đó, một số quốc gia cũng giới hạn đối tượng thụ hưởng tương trợ tư pháp trong phạm vi một số quốc gia nhất định. Các nhà hoạt động thực tiễn cho biết, những quốc gia này chỉ thực hiện tương trợ tư pháp cho những quốc gia đã được quy định hoặc “chỉ định” theo luật quốc gia hoặc đối với những cơ quan trong nước nhất định như bộ ngoại giao. Một số khác sẽ chỉ tương trợ “những quốc gia có chủ quyền”, có nghĩa là việc hỗ trợ sẽ không thể được mở rộng tới các quốc gia phụ thuộc vào nhà vua (crown dependencies)<sup>84</sup>. Các quốc gia cần tránh việc giới hạn đối tượng thụ hưởng tương trợ tư pháp là những cơ quan cụ thể hoặc sử dụng các thuật ngữ nhằm giới hạn các quốc gia được tương trợ tư pháp. Thêm vào đó, các quốc gia cần ban hành những quy định về tương trợ tư pháp cho phép thực hiện tương trợ ngay cả khi không có các hiệp định song phương hoặc đa phương giữa hai quốc gia.

Hầu hết các thỏa thuận và quy định pháp luật quốc gia về tương trợ tư pháp, cũng như UNCAC, cho phép hoặc yêu cầu quốc gia được yêu cầu từ chối tương trợ trong một số trường hợp nhất định. Những trường hợp này có thể là khi các yêu cầu có thể phương hại đến quyền lợi thiết yếu của quốc gia được yêu cầu; khi yêu cầu có liên quan đến những tài sản có giá trị không đáng kể (a de minimis value) (theo quy định của quốc gia); khi yêu cầu có thể tác động đến

---

<sup>84</sup> Các quốc gia phụ thuộc vào nhà vua bao gồm Quần đảo Channel của Jersey và Guernsey ở Eo biển Manche và Đảo Man trong vùng biển Ailen. Đây là những lãnh thổ độc lập, không phải là một phần của nước Anh và Liên minh Châu Âu.

một vụ kiện hay các cuộc điều tra đang diễn ra tại quốc gia được yêu cầu; hoặc khi yêu cầu có thể dẫn đến những hình phạt được cho là quá hà khắc tại quốc gia được yêu cầu (ví dụ như hình phạt tử hình); và trong những trường hợp khi tội phạm được hưởng quyền miễn trừ truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi các quyền tố tụng của tội phạm bị xâm phạm. Những căn cứ này, nếu quá rộng, có thể gây trở ngại cho hoạt động tương trợ. Ví dụ, “lợi ích thiết yếu” có thể được hiểu ở nghĩa rộng là chủ quyền quốc gia, trật tự công cộng, an ninh hoặc đòi hỏi nguồn lực quá lớn. Nếu quốc gia được yêu cầu từ chối dẫn độ tội phạm trong một vụ án có liên quan đến tội phạm chính trị, quốc gia được yêu cầu vẫn nên cố gắng hỗ trợ các khía cạnh khác của yêu cầu tương trợ tư pháp nếu pháp luật quốc gia cho phép<sup>85</sup>.

Để các căn cứ từ chối yêu cầu tương trợ tư pháp không quá rộng, các cơ quan cần đảm bảo rằng các căn cứ này không mang tính bắt buộc và các quốc gia có thể tự quyết định việc áp dụng các căn cứ này trong từng trường hợp cụ thể. Một số quốc gia đã lựa chọn giải pháp này. Thêm vào đó, căn cứ để từ chối chỉ nên áp dụng trong các trường hợp thực sự cần thiết hoặc quan trọng đối với quốc gia được yêu cầu; trong đó có tính tới tính hợp lý của yêu cầu và không thể vượt quá những căn cứ được quy định trong UNCAC<sup>86</sup>. Nói cách khác, các yêu cầu không nên quá rộng; đối với các yêu cầu về dẫn độ tội phạm, các căn cứ từ chối cần phải được diễn giải một cách kỹ lưỡng vì có liên quan đến tự do của con người. Liên quan đến tương trợ tư pháp, các biện pháp điều tra được yêu cầu tương trợ đòi hỏi đáp ứng các điều kiện và sự linh hoạt khác nhau ở các giai đoạn của vụ án, từ phong tỏa, thu giữ tới tịch thu tài sản. Cuối cùng, các quốc gia cũng cần quy định rõ các căn cứ từ chối tương trợ và xác định các tiêu chí đánh giá cụ thể.

---

<sup>85</sup> Điều 44 (4) UNCAC quy định rằng nếu pháp luật quốc gia cho phép, các quốc gia thành viên của Công ước sẽ không được coi bất kỳ tội phạm nào được quy định trong Công ước này là tội phạm chính trị. Điều 46 (17) về tương trợ tư pháp cũng chỉ ra rằng, các yêu cầu “sẽ được thực hiện trên cơ sở phù hợp với pháp luật của quốc gia thành viên được yêu cầu”. Điều 46 (21) (d) quy định tương trợ tư pháp có thể bị từ chối nếu “việc thực hiện tương trợ trái với quy định của hệ thống pháp luật quốc gia được yêu cầu”.

<sup>86</sup> Điều 46(9)(b) và (21) UNCAC.

Khi cân nhắc việc từ chối tương trợ tư pháp vì những lý do liên quan đến quyền tố tụng của bị cáo, các quốc gia cần xem xét các tình tiết cụ thể của từng vụ án và không chỉ dựa trên những quy định của pháp luật quốc gia. Ví dụ, qua xem xét các tình tiết của vụ án có thể xác định quyền tố tụng của bị cáo có được đảm bảo hay không mặc dù luật pháp không yêu cầu như vậy. Mặc dù pháp luật không yêu cầu phải thông báo cho người nắm giữ tài sản về hoạt động tố tụng nhưng nếu một quốc gia đã thực hiện điều này và cho phép bị cáo được khiếu nại, điều này có nghĩa là các quyền tố tụng của bị cáo đã được đảm bảo. Tương tự như vậy, xét xử vắng mặt tại quốc gia được yêu cầu không nên được coi là căn cứ để từ chối thực hiện tương trợ tư pháp khi các quyền tố tụng của bị cáo đã được đảm bảo tại quốc gia yêu cầu.

Lợi ích kinh tế của quốc gia không thể được coi là căn cứ từ chối yêu cầu tương trợ. Các nhà hoạt động thực tiễn chỉ ra rằng, mặc dù lợi ích kinh tế không được quy định là căn cứ để từ chối tương trợ, các quốc gia vẫn có thể không muốn tương trợ tư pháp cho một quốc gia khác khi yêu cầu tương trợ có liên quan đến một công ty lớn tầm cỡ quốc gia. Một nhà hoạt động thực tiễn cho biết, tại một quốc gia thuộc EU, cấm nang truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân quy định, việc truy tố có thể không được tiến hành nếu việc kết án có khả năng đem lại những bất lợi theo pháp luật châu Âu. Điều này có nghĩa là một doanh nghiệp không thể bị truy tố về những tội mà nếu bị kết án, doanh nghiệp này sẽ bị cấm tham gia đấu thầu thực hiện các dự án mua sắm công theo pháp luật châu Âu; điều này được coi là có thể ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế, vấn đề việc làm căn cứ tính thuế. Những chính sách và thực tiễn như vậy cần bị nghiêm cấm.

Một số quốc gia nghiêm cấm tương trợ tư pháp nếu yêu cầu tương trợ có liên quan, thậm chí chỉ một phần đến tội phạm về thuế như trốn thuế hoặc gian lận về thuế. Trong một số trường hợp, ngay cả khi tội trốn thuế không phải là đối tượng của yêu cầu, người nắm giữ tài sản sẽ khiếu nại quyết định thực hiện tương trợ vì cho rằng

tội phạm này có liên quan đến tội phạm về thuế. Cả Điều 46 (22) của UNCAC và Khuyến nghị số 40 của FATF đều nghiêm cấm từ chối tương trợ tư pháp chỉ dựa trên cơ sở là tội phạm có liên quan đến những vấn đề về thuế. Các quốc gia cần đảm bảo rằng những yêu cầu không thể bị từ chối dựa trên những căn cứ này.

### **Khuyến nghị chính sách**

- a. Khi đặt ra điều kiện có đi có lại, các quốc gia cần giả định rằng điều kiện này mặc định được đáp ứng trừ khi pháp luật có quy định khác.
- b. Các quốc gia không được từ chối tương trợ chỉ vì không thỏa mãn điều kiện cùng hình sự hóa do thời hiệu đã kết thúc tại quốc gia được yêu cầu.
- c. Khi đặt ra yêu cầu cùng hình sự hóa, các quốc gia cần sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên hành vi khi xác định liệu yêu cầu có được đáp ứng hay không.
- d. Khi có quan ngại về hình phạt tử hình, quốc gia được yêu cầu cần được đảm bảo rằng sau khi thực hiện tương trợ tư pháp, quốc gia yêu cầu sẽ không áp dụng hình phạt tử hình trong vụ án.
- e. Các quốc gia cần tránh giới hạn phạm vi cung cấp tương trợ tư pháp cho một số quốc gia cụ thể.
- f. Các quốc gia cần giới hạn các căn cứ để từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp theo quy định của UNCAC và UNTOC, và khi được yêu cầu, các quốc gia cần xác định rõ từng căn cứ từ chối, trên cơ sở xem xét bản chất của yêu cầu.
- g. Các quốc gia không nên quy định những căn cứ từ chối tương trợ mang tính bắt buộc, thay vào đó cần làm rõ các tiêu chí để cân nhắc và quyết định tương trợ phụ thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể.
- h. Các quốc gia cần đảm bảo rằng các yêu cầu tương trợ tư pháp không thể bị từ chối vì tội phạm có liên quan đến các vấn đề về thuế.
- i. Các quốc gia cần đảm bảo rằng các yêu cầu tương trợ tư pháp không thể bị từ chối chỉ vì những lý do liên quan đến lợi ích kinh tế.

### ***Rào cản 23: Thiếu thông tin về những yêu cầu đối với tương trợ tư pháp***

Các nhà hoạt động thực tiễn cho rằng, việc không thể tiếp cận được hoặc không được giải thích thỏa đáng về các quy định pháp luật, thu

tục, các yêu cầu về bằng chứng và các yêu cầu liên quan đến tương trợ tư pháp có thể cản trở hoạt động hợp tác quốc tế trong THTS. Một cơ chế hợp tác hiệu quả yêu cầu khả năng tiếp cận thông tin và hiểu biết sâu về hệ thống và tổ chức bộ máy của các quốc gia có liên quan.

Một số quốc gia đã ban hành và công bố những quy định pháp luật về tương trợ tư pháp trên cổng thông tin điện tử của cơ quan trung ương hoặc chính phủ. Trong một số trường hợp, các quy định pháp luật được đưa lên các cổng thông tin điện tử của bên thứ ba, ví dụ như cơ sở dữ liệu của Mạng lưới Thông tin về chống rửa tiền quốc tế (iMoLIN)<sup>87</sup> và Thư viện pháp lý của UNCAC do UNODC quản lý sẽ được xây dựng trong thời gian tới. Việc cho phép tiếp cận với những văn bản mẫu có liên quan là một yếu tố quan trọng hỗ trợ các quốc gia xây dựng và gửi các văn bản yêu cầu hợp lệ. Mức độ cung cấp và hướng dẫn sử dụng thông tin trực tuyến của 16 trung tâm tài chính được đánh giá trong nghiên cứu này không giống nhau. Nghiên cứu trực tuyến cho thấy 07 trong số các định chế cho phép tiếp cận các quy định về hợp tác quốc tế; 05 định chế ban hành luật, quy định và hướng dẫn thực thi; và chỉ có 2 định chế cung cấp các mẫu văn bản yêu cầu tương trợ.

Người đại diện của một trong số 16 trung tâm tài chính cho biết, trong khi chính phủ công bố những bộ luật và hiệp định có liên quan lên cổng thông tin điện tử của chính phủ, hướng dẫn xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp không được công khai trên mạng internet với quan ngại rằng bọn tội phạm có thể sẽ tìm thấy những thông tin này và sử dụng theo hướng có lợi cho chúng. Tuy nhiên, quan ngại này không thể so sánh với những lợi ích thu được từ việc công bố hướng dẫn cụ thể về cách thức xây dựng và gửi văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp. Tóm lại, việc cung cấp những thông tin như vậy hỗ trợ quá trình tương trợ tư pháp và góp phần đấu tranh chống tội phạm. Nghiên cứu này không ghi nhận bất cứ ví dụ thực tiễn nào cho thấy việc tiếp cận với các hướng dẫn này có lợi cho tội phạm và cản trở quá trình THTS. Các nhà hoạt động thực tiễn cho

---

<sup>87</sup> Xem [www.imolin.org](http://www.imolin.org)

rằng, những thông tin này có thể được “kiểm soát” trước khi công khai và vẫn hỗ trợ những nhà hoạt động thực tiễn hiểu thêm về quy trình tương trợ tư pháp ở một quốc gia. Thay vào đó, thông tin có thể được để ở chế độ bảo mật và cho phép một số đối tượng nhất định có thể tiếp cận. Các quốc gia đã cho phép tiếp cận trực tuyến các quy định pháp luật nhưng chưa đưa ra hướng dẫn thực hiện có thể cung cấp thông tin chi tiết về đầu mối để quốc gia yêu cầu có thể nhanh chóng xác định và liên lạc được với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn chi tiết (xem Rào cản 21). Thêm vào đó, StAR đã xuất bản cuốn Cẩm nang về Thu hồi tài sản trong đó có đưa ra mẫu văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp và UNODC hiện đang nỗ lực cập nhật phần mềm Công cụ xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp.

### Thực tiễn tốt

Một số quốc gia đã xây dựng cẩm nang “hướng dẫn” về THTS trong đó quy định những nội dung cần có của một văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp, văn bản mẫu, đầu mối liên lạc và quy trình yêu cầu tương trợ. Có quốc gia còn cung cấp tên của các cán bộ đầu mối trong từng giai đoạn của quá trình tương trợ<sup>a</sup> trong cẩm nang hướng dẫn.

a. The United Kingdom and Hong Kong SAR, China, have guides available upon request; Singapore provides guidance on a Web site: [http://www.agc.gov.sg/criminal/mutual\\_legal\\_asst.htm](http://www.agc.gov.sg/criminal/mutual_legal_asst.htm).

### Khuyến nghị hành động

- a. Các quốc gia và tổ chức cần sử dụng các cổng thông tin điện tử của chính phủ, các đầu mối tương trợ tư pháp và hệ thống cơ sở dữ liệu của bên thứ ba để công khai các quy định pháp luật và công cụ tương trợ tư pháp, các hướng dẫn thực hiện và các văn bản mẫu yêu cầu tương trợ, bằng ít nhất một ngôn ngữ được quốc tế thừa nhận. Ví dụ như cổng thông tin của UNODC IMOLIN, Thư viện Pháp luật của UNCAC, Sáng kiến StAR và ICAR (Trung tâm quốc tế về THTS).
- b. Các cơ quan được chỉ định làm đầu mối tương trợ tư pháp cần phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan để:
  - i) cho phép tiếp cận với các đạo luật và quy định liên quan đến tương trợ tư pháp trên mạng internet;

- ii) ban hành và thường xuyên cập nhật các hướng dẫn dành cho các cơ quan nước ngoài về những yêu cầu đặt ra đối với các yêu cầu tương trợ tư pháp hoặc các yêu cầu khác, trong đó bao gồm các văn bản yêu cầu mẫu được cập nhật thường xuyên;
- iii) ban hành những chính sách và thủ tục tương trợ tư pháp để hỗ trợ xây dựng văn bản yêu cầu, chuyển tiếp đơn yêu cầu tương trợ tư pháp và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xử lý yêu cầu tương trợ của các quốc gia nước ngoài; và
- iv) tiến hành các khóa đào tạo chính thức và đào tạo tại chỗ cho đội ngũ cán bộ về các quy định liên quan đến tương trợ tư pháp, các chính sách và thủ tục xây dựng và xử lý văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp nhận được.

### ***Rào cản 24: Thiếu linh hoạt trong giải quyết vấn đề***

Một số nhà hoạt động thực tiễn lưu ý rằng, các quốc gia được yêu cầu thường không phản hồi hoặc thực hiện những yêu cầu tương trợ khi nhận được những văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp thiếu thông tin hoặc không đạt chất lượng. Đó có thể là những yêu cầu không thích hợp, chứa đựng những thông tin không liên quan, yêu cầu không rõ ràng, lan man và chất lượng dịch thuật kém. Tuy nhiên, nhiều quốc gia yêu cầu cho rằng các quốc gia phát triển có thể hỗ trợ họ tăng cường năng lực và hỗ trợ về nguồn lực để vượt qua những khó khăn trên.

Một số quốc gia đã thực hiện tương trợ tư pháp cho các quốc gia khác thông qua việc hướng dẫn trực tuyến cách thức xây dựng văn bản yêu cầu, cung cấp các mẫu văn bản yêu cầu, cho phép tiếp cận các cán bộ đầu mối đại diện (nếu quốc gia được yêu cầu có đại diện ở quốc gia yêu cầu) và giúp rà soát các dự thảo văn bản yêu cầu trước khi gửi đi chính thức. Khi nhận được một văn bản yêu cầu không đạt chất lượng, quốc gia được yêu cầu cần trao đổi với quốc gia yêu cầu về các thiếu sót, qua đó giúp cải thiện chất lượng của các văn bản yêu cầu được gửi trong các lần sau, và để đảm bảo rằng yêu cầu sẽ được thực hiện hiệu quả. Văn bản yêu cầu tương trợ cần rõ ràng, có trọng tâm và không sử dụng những thuật ngữ pháp lý mà không có giải thích.



Hướng dẫn của chuyên gia về THTS cũng là một hình thức hỗ trợ hiệu quả. Qua việc hỗ trợ tăng cường năng lực và hoàn thiện kỹ năng, lợi thế của hình thức hỗ trợ này nằm ở tính hiệu quả bền vững trong một khoảng thời gian dài. UNODC, Ngân hàng Thế giới và một số quốc gia phát triển cũng có những chương trình hướng dẫn hoạt động tại một số quốc gia đang phát triển để tư vấn và tập huấn về những vấn đề liên quan đến chống tham nhũng và rửa tiền, bao gồm việc xử lý tài sản do phạm tội mà có và các khía cạnh khác của hợp tác quốc tế. Vì những lợi ích rõ ràng mà các quốc gia đang phát triển nhận được, các tổ chức quốc tế và quốc gia phát triển cần mở rộng phạm vi của các chương trình hướng dẫn này. Các quốc gia phát triển có thể lồng ghép nội dung của các chương trình hướng dẫn và tăng cường năng lực này vào các hoạt động hỗ trợ của các tổ chức đa phương.

Một số nhà hoạt động thực tiễn gợi ý rằng, các tổ chức quốc tế có năng lực như Ngân hàng Thế giới hay UNODC, thông qua sáng kiến StAR, có thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho các quốc gia đang phát triển, qua đó tạo điều kiện cho quá trình tương trợ tư pháp. Để tránh làm ảnh hưởng đến quá trình thu thập bằng chứng và khả năng rò rỉ thông tin, nội dung hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế chỉ nên gói gọn trong các hoạt động tăng cường năng lực và hoàn thiện kỹ năng xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ chính thức. Trên thực tế, các tổ chức quốc tế này không tham gia vào quá trình điều tra của bất cứ vụ án cần tương trợ nào. Các nhà hoạt động thực tiễn cũng cho rằng, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế sẽ góp phần cải thiện chất lượng các văn bản yêu cầu, cung cấp các đợt tập huấn có chất lượng cho cán bộ của các quốc gia đang phát triển. Thêm vào đó, UNODC gần đây đang nâng cấp công cụ Xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ, bổ sung thêm nội dung về THTS.

Một số quốc gia thực hiện tương trợ tư pháp trong khuôn khổ hợp tác song phương. Ví dụ, một quốc gia có thể giúp trả chi phí tư vấn pháp lý cho một quốc gia đang phát triển để hỗ trợ họ THTS. Một quốc gia khác có thể tương trợ tư pháp cho các quốc gia đang phát triển thông qua mạng lưới các cơ quan thực thi pháp luật.



Đến nay, các nhà hoạt động thực tiễn vẫn chưa thống nhất được với nhau về việc văn bản yêu cầu sẽ được quốc gia yêu cầu dịch sang ngôn ngữ của quốc gia được yêu cầu hay một ngôn ngữ được quốc tế thừa nhận. Các quốc gia được yêu cầu cho rằng các bản dịch văn bản yêu cầu không đảm bảo chất lượng gây nhiều khó khăn cho quốc gia được yêu cầu khi muốn phân tích nội dung cụ thể của văn bản yêu cầu. Vấn đề này lại càng khó khăn khi chính văn bản yêu cầu trước khi được dịch cũng đã không đảm bảo chất lượng<sup>88</sup> hoặc khi văn bản yêu cầu sử dụng quá nhiều biệt ngữ pháp lý. Một cách để giải quyết vấn đề này đó là quốc gia được yêu cầu có thể giúp quốc gia yêu cầu rà soát lại bản dịch của dự thảo văn bản yêu cầu tương trợ. Bản dịch này cần đảm bảo tính chuyên nghiệp để quốc gia được yêu cầu có thể giúp làm rõ hơn hoặc đề nghị điều chỉnh khi thấy cần thiết.

Chi phí dịch thuật có thể là một khó khăn lớn đối với các quốc gia đang phát triển. Để đảm bảo có được bản dịch chất lượng, các quốc gia yêu cầu cần sử dụng các nhà cung cấp dịch vụ dịch thuật có uy tín, chuyên nghiệp; đó có thể là cán bộ làm việc ở cơ quan trung ương, cơ quan chính phủ hoặc từ các nguồn lực bên ngoài. Bản dịch có chất lượng đặc biệt quan trọng vì không phải lúc nào cũng tìm được những thuật ngữ tương đương ở các ngôn ngữ khác nhau. Bản dịch kém chất lượng có thể dẫn đến cách hiểu không đúng, bỏ qua hoặc dịch sang một thuật ngữ thay thế làm thay đổi nghĩa gốc của thuật ngữ. Để đảm bảo tối đa chất lượng bản dịch, quốc gia được yêu cầu cần hỗ trợ bằng cách chi trả cho các dịch vụ dịch thuật chuyên nghiệp cho dự thảo văn bản yêu cầu cũng như và văn bản yêu cầu chính thức

Cuối cùng, như đã lưu ý trong Rào cản 23, các quốc gia cần xuất bản các hướng dẫn và cung cấp các mẫu văn bản yêu cầu tương trợ tư

---

<sup>88</sup> Điều 46 (14) UNCAC quy định rằng, các văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp phải được xây dựng bằng ngôn ngữ mà quốc gia được yêu cầu chấp nhận và Tổng thư ký Liên hợp quốc phải được thông báo về ngôn ngữ được chấp nhận tại thời điểm mỗi bên gửi lưu văn kiện thông qua, chấp nhận, phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước. Có thể tìm thêm thông tin tại địa chỉ: <http://www.unodc.org/unodc/en/treaties/CAC/signatories-declarations-reservations.htm>

pháp. Các công cụ và thông tin này sẽ hỗ trợ quốc gia yêu cầu hoàn thiện văn bản yêu cầu, đảm bảo về cả thể thức và nội dung.

### Thực tiễn tốt

Estonia đã thành lập một trung tâm dịch thuật quốc gia, đảm trách việc dịch thuật các văn bản pháp lý của cơ quan trung ương. Các dịch thuật viên pháp lý rất quan trọng bởi quá trình tương trợ thường kéo dài<sup>a</sup>.

Vương quốc Anh đã thực hiện rất thành công các chương trình đào tạo năng lực của mình. Thông qua việc trực tiếp cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho quốc gia yêu cầu tương trợ, các chuyên gia tại Trung tâm Dịch vụ Cảnh sát Metropool-itan của London đã đồng thời giúp tăng cường năng lực cho chính những cán bộ sẽ tham gia thực hiện yêu cầu tương trợ.<sup>b</sup>

a. [www.just.ee](http://www.just.ee).

b. The experts are funded by the UK Department for International Development.

### Khuyến nghị chính sách

- a) Các quốc gia yêu cầu và được yêu cầu cần có thỏa thuận về hỗ trợ đào tạo và tăng cường năng lực thông qua việc cử cán bộ là thẩm phán, công tố viên, tùy viên hoặc chuyên gia pháp luật làm việc biệt phái tại các quốc gia yêu cầu, đặc biệt là đối với những yêu cầu liên quan đến các vấn đề quan trọng. Các quốc gia phát triển cần cân nhắc hỗ trợ tài chính, trực tiếp hoặc thông qua các hỗ trợ của các tổ chức đa phương, cho các quốc gia đang phát triển, thông qua việc cử các cán bộ làm việc biệt phái tại quốc gia được yêu cầu.
- b) Các quốc gia cần xây dựng các chính sách và thủ tục để cung cấp và công bố công khai những nguồn lực có thể dành cho các quốc gia yêu cầu để hỗ trợ họ xây dựng văn bản yêu cầu có chất lượng. Đó có thể là những thông tin trực tuyến, tên và thông tin của cán bộ đầu mối sẽ giúp rà soát dự thảo của văn bản yêu cầu.

### Khuyến nghị hành động

- Quốc gia yêu cầu cần sử dụng dịch vụ dịch thuật chuyên nghiệp để tăng cường chất lượng bản dịch và tránh việc lạm dụng những biện pháp lý trong văn bản yêu cầu.
- Nếu văn bản yêu cầu phải được xây dựng bằng tiếng nước ngoài, các quốc gia yêu cầu cần hỗ trợ chi trả chi phí dịch thuật.
- Nếu có khả năng cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, căn cứ đề nghị của quốc gia yêu cầu, và trên cơ sở từng vụ án, quốc gia được yêu cầu có thể cung cấp các cán bộ đào tạo cho các quốc gia yêu cầu nhằm tăng cường năng lực và chuyển giao kiến thức về tương trợ tư pháp và hợp tác quốc tế.

### ***Rào cản 25: Các kênh thông tin không rõ ràng và không phản hồi yêu cầu tương trợ***

Trên thực tế, các nhà hoạt động thực tiễn thường gặp khó khăn khi muốn biết thực trạng xử lý văn bản yêu cầu tương trợ cũng như đầu mối để kịp thời cung cấp thông tin bổ sung về yêu cầu khi cần thiết. Cả quốc gia yêu cầu và được yêu cầu đều coi đây là một rào cản đối với công tác THTS. Việc công khai và cập nhật tên, địa chỉ hòm thư điện tử và số điện thoại của các đầu mối ở cả quốc gia yêu cầu và được yêu cầu là rất cần thiết để có thể trao đổi thông tin kịp thời. Thêm vào đó, quốc gia được yêu cầu khi từ chối yêu cầu tương trợ cần nhanh chóng thông báo cho quốc gia yêu cầu về sự từ chối này để quốc gia yêu cầu tìm kiếm phương thức THTS khác. Để giúp quốc gia yêu cầu tránh gặp phải những vấn đề có liên quan đến văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp, các căn cứ để từ chối tương trợ cần được thông tin cho quốc gia yêu cầu dưới hình thức văn bản. Văn bản này cần giải thích các căn cứ để từ chối yêu cầu; việc giải thích này sẽ khuyến khích các quốc gia được yêu cầu chỉ từ chối yêu cầu vì những lý do hợp pháp (see Barrier 22).

### Thực tiễn tốt

Thụy Sĩ đã xây dựng một website về tương trợ tư pháp. Tại đó, để tìm kiếm thông tin về thực trạng xử lý yêu cầu tương trợ, các nhà hoạt động thực tiễn sau khi điền mã số hồ sơ yêu cầu sẽ biết được thực trạng xử lý của đơn yêu cầu vào bất cứ thời điểm nào trong ngày.

## Khuyến nghị thực thi

- a. Các quốc gia khi gửi văn bản yêu cầu tương trợ cần cung cấp thông tin liên lạc của cán bộ sẽ chịu trách nhiệm về văn bản yêu cầu này, bao gồm thông tin liên quan đến ngôn ngữ mà người đó sử dụng.
- b. Các quốc gia cần ban hành các chính sách và thủ tục để thực hiện các yêu cầu tương trợ. Điều quan trọng là phải quy định việc cung cấp tên và địa chỉ liên lạc của cán bộ đầu mối để cơ quan yêu cầu có thể tiếp cận và được biết về thực trạng xử lý yêu cầu. Thông tin này cần được gửi đi trong vòng 02 tuần kể từ khi nhận được yêu cầu tương trợ.
- c. Quốc gia được yêu cầu cần nhanh chóng phản hồi quốc gia yêu cầu dưới hình thức văn bản khi yêu cầu tương trợ tư pháp bị từ chối, trong đó chỉ rõ căn cứ từ chối và sự biện minh đầy đủ.

### ***Rào cản 26: Những trì hoãn không hợp lý trong tương trợ tư pháp***

Các nhà hoạt động thực tiễn cho rằng trì hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp là một rào cản quan trọng trong quá trình THTS. Nếu quá trình trì hoãn kéo dài trong khi tài sản chưa bị phong tỏa hoặc thu giữ, chúng có thể bị tẩu tán hoặc chuyển đi nơi khác. Nếu quá trình trì hoãn kéo dài quá lâu, các bằng chứng có thể mất giá trị và nhân chứng có thể đã chết hoặc mất tích. Trì hoãn kéo dài có thể gây khó khăn cho những nhà hoạt động thực tiễn, làm nản lòng các quốc gia yêu cầu trong những lần yêu cầu hỗ trợ sau và làm giảm quyết tâm xử lý vụ án của các bên liên quan.

Trong rất nhiều trường hợp, trì hoãn trong xử lý yêu cầu tương trợ xuất phát từ việc bảo đảm các quyền tố tụng. Hầu hết các quốc gia đều ghi nhận quyền kháng cáo của bị cáo. Quyền tố tụng là sự bảo đảm quan trọng cho bị cáo và cần được tôn trọng và duy trì.

Tuy nhiên, đôi khi các bị cáo cũng lạm dụng quyền tố tụng của mình. Thông thường, các bị cáo, các thành viên trong gia đình và cộng sự thân thiết của họ, thường cố ý kiện tụng vô căn cứ với mục đích trì hoãn việc thực hiện tương trợ tư pháp dù biết rằng họ không thể thắng kiện. Để giảm thiểu những trì hoãn không cần thiết, các quốc gia cần ban hành các quy định giới hạn các căn cứ cho phép

người nắm giữ tài sản được viện dẫn để yêu cầu các bên tranh tụng phải tranh biện hai lần về cùng một vụ việc, trước tiên ở quốc gia được yêu cầu và sau đó là ở quốc gia yêu cầu. Các quốc gia cần xây dựng cơ chế để đẩy nhanh tiến độ THTS và thi hành hình phạt, ví dụ như quyết định rằng các bên kiện tụng vô căn cứ sẽ phải trả lệ phí tư pháp vì đã gây ra những trì hoãn không đáng có trong quá trình tố tụng.

Việc bảo đảm các quyền tố tụng cũng cần tương xứng với tầm quan trọng của việc bảo vệ chứng cứ trong quá trình điều tra, để không ảnh hưởng đến vụ án và mục tiêu của UNCAC cũng như hệ thống pháp luật quốc gia về chống tham nhũng<sup>89</sup>. Để đảm bảo mục đích cuối cùng của bản án hoặc hình phạt, lệnh tịch thu tài sản được coi là bất lợi cho người nắm giữ tài sản. Vì vậy, người nắm giữ tài sản cần có quyền khiếu nại ra tòa hoặc tự bào chữa trong quá trình tố tụng. Mặt khác, các biện pháp điều tra và bảo quản tài sản (phong tỏa hoặc thu giữ) được áp dụng không ám chỉ tội phạm hoặc mang tính trừng phạt và có nhiều biện pháp khác nhau có thể đảm bảo các biện pháp này không bị lạm dụng. Ví dụ, một số tòa án có thể yêu cầu nguyên đơn chỉ ra những thiệt hại có thể có trước khi tòa án ban hành lệnh phong tỏa tài sản mà không báo trước cho người nắm giữ tài sản; thêm vào đó, tòa án có thể vẫn thông báo cho người nắm giữ tài sản ngay sau khi ban hành lệnh bảo quản tài sản. Nếu không thể thông báo cho người nắm giữ tài sản trong một thời hạn nhất định, lệnh phong tỏa sẽ được gỡ bỏ. Các quốc gia cần cho phép áp dụng các biện pháp điều tra và bảo quản tài sản mà không thông báo cho người nắm giữ tài sản các quyền tố tụng của người nắm giữ tài sản vẫn được bảo đảm ở các giai đoạn khác của quá trình tố tụng.

Việc thực hiện các quyền tố tụng không phải là nguyên nhân duy nhất dẫn đến chậm trễ trong tương trợ tư pháp. Nguyên nhân của những sự chậm trễ có thể chỉ liên quan đến những thủ tục và quy trình nội bộ tại quốc gia được yêu cầu. Các nhà hoạt động thực tiễn

---

<sup>89</sup> Điều 1, UNCAC.

cho biết, đôi khi, một tháng sau khi tiếp nhận văn bản yêu cầu, quốc gia được yêu cầu mới xác nhận với quốc gia yêu cầu về việc tiếp nhận và bắt đầu xử lý văn bản yêu cầu. Thực tiễn cũng cho thấy, có nhiều trường hợp, cả quốc gia yêu cầu và được yêu cầu đều không đặt tương trợ tư pháp là vấn đề ưu tiên. Trong một số trường hợp, quốc gia yêu cầu đã gửi các văn bản yêu cầu liên quan đến những tài sản có giá trị thấp nhưng lại trông đợi quốc gia được yêu cầu phải hành động nhanh chóng. Ngược lại, quốc gia được yêu cầu cũng được cho là đã không ưu tiên xử lý các yêu cầu tương trợ mặc dù đã được thông báo về tính cấp thiết của yêu cầu. Thêm vào đó, có vẻ như các quốc gia luôn ưu tiên các cuộc điều tra trong nước hơn là các yêu cầu tương trợ của nước ngoài.

Để loại bỏ rào cản này, quốc gia yêu cầu cần xác định vị trí ưu tiên của các yêu cầu tương trợ dựa trên mức độ nghiêm trọng của tội phạm, giá trị của tài sản liên quan, quá trình điều tra và tác động của vụ án tới lợi ích quốc gia. Việc đặt thứ tự ưu tiên cho các yêu cầu không chỉ giúp các quốc gia được yêu cầu thực hiện yêu cầu nhanh hơn và có kế hoạch phân bổ nguồn lực có hạn của họ cho những yêu cầu quan trọng nhất. Quốc gia yêu cầu cần thông báo cho quốc gia được yêu cầu về mức độ khẩn cấp của yêu cầu, lý do của sự khẩn cấp để quốc gia được yêu cầu có thể bố trí các nguồn lực thỏa đáng. Cuối cùng, quốc gia yêu cầu chỉ nên yêu cầu tương trợ để thu hồi những tài sản có giá trị lớn nhất định, trừ khi việc THTS có tác động lớn tới lợi ích quốc gia. Việc gửi đi quá nhiều văn bản yêu cầu tương trợ, đặc biệt là những yêu cầu liên quan đến những tài sản có giá trị nhỏ có thể khiến quốc gia yêu cầu bị quá tải và làm giảm cảm kết chính trị đối với các vụ án về THTS.

## Khuyến nghị chính sách

- a) Các quốc gia cần cho phép áp dụng các biện pháp điều tra và bảo quản tài sản mà không thông báo cho người nắm giữ tài sản khi có thể đảm bảo các quyền tố tụng của người nắm giữ tài sản ở các giai đoạn khác của quá trình tố tụng.
- b) Các quốc gia cần quy định về thời hiệu mà trong khoảng thời gian đó, người nắm giữ tài sản có thể khiếu nại quyết định thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp của một quốc gia. Các quốc gia cần nghiêm cấm người nắm giữ tài sản gây khó khăn cho quá trình tố tụng ở quốc gia được yêu cầu. Các quốc gia không được cho phép người nắm giữ tài sản cơ hội được tranh tụng hai lần về cùng một vụ việc, ở quốc gia được yêu cầu và quốc gia yêu cầu.

## Khuyến nghị thực thi

- a) Các quốc gia cần có các hình phạt (ví dụ như lệnh trả lệ phí tư pháp) đối bên tranh tụng không có căn cứ nhằm mục đích trì hoãn quá trình tố tụng một cách không cần thiết.
- b) Để tránh những trì hoãn không cần thiết khi xử lý các yêu cầu tương trợ, các quốc gia cần áp dụng các thủ tục sau đối với các yêu cầu về tương trợ tư pháp:
  - i) thông báo việc đã tiếp nhận văn bản yêu cầu tương trợ trong vòng hai tuần kể từ khi nhận được yêu cầu, cung cấp cho quốc gia yêu cầu thông tin liên lạc của cán bộ chịu trách nhiệm xử lý yêu cầu, bao gồm cả địa chỉ hòm thư điện tử;
  - ii) thiết lập cơ chế trao đổi thông tin rõ ràng giữa quốc gia yêu cầu và được yêu cầu; và
  - iii) cung cấp cho quốc gia yêu cầu thông tin về quá trình, tiến độ, kế hoạch và bất cứ vấn đề gì liên quan đến quá trình tương trợ.
- c) Quốc gia được yêu cầu cần ưu tiên các yêu cầu mang tính khẩn cấp và cho phép áp dụng các thủ tục đặc biệt để thực hiện yêu cầu khi quốc gia yêu cầu cần được hỗ trợ khẩn cấp.
- d) Quốc gia được yêu cầu cần trao đổi với quốc gia yêu cầu để đảm bảo rằng quốc gia yêu cầu đã hiểu các khía cạnh của yêu cầu, đặc biệt khi giá trị tài sản thấp nhưng có ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia.

## ***Rào cản 27: Thiếu hệ thống cơ sở dữ liệu công sẵn có***

Điều 55 của UNCAC quy định, quốc gia yêu cầu cần cung cấp mô tả về tài sản cần tịch thu, bao gồm địa điểm và ước tính giá trị tài sản cũng như bản trình bày về những tình tiết làm căn cứ cho yêu cầu tịch thu. Tuy nhiên, một số quốc gia lại đòi hỏi phải mô tả quá tỉ mỉ về tài sản, gây khó khăn cho quốc gia yêu cầu. Ví dụ, một quốc gia có thể yêu cầu cung cấp mã số đăng ký lô đất thay vì yêu cầu cung cấp địa chỉ của bất động sản hoặc số tài khoản và chi nhánh ngân hàng thay vì cung cấp tên của chủ tài khoản và ngân hàng. Do quốc gia yêu cầu thường không có phương tiện hoặc nguồn lực sẵn có để tìm kiếm các thông tin cần thiết, việc quốc gia được yêu cầu đòi hỏi những thông tin quá mức chi tiết sẽ dẫn đến sự chậm trễ và ảnh hưởng đến khả năng phong tỏa và tịch thu tài sản. Vì vậy, các quốc gia cần loại bỏ các yêu cầu cung cấp thông tin quá tỉ mỉ khi việc mô tả tài sản đã cung cấp đủ thông tin để xác định tài sản cần thu hồi.

Để có thể xác định và cung cấp những thông tin cần thiết trong văn bản yêu cầu phong tỏa hoặc tịch thu tài sản, các quốc gia cần thiết lập và duy trì các hệ thống cơ sở dữ liệu sẵn có, ví dụ như cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, đất đai, cơ sở dữ liệu của các tổ chức phi lợi nhuận và các dữ liệu khác. Nếu có thể, những cơ sở dữ liệu này cần được hệ thống hóa ở cấp độ trung ương và duy trì ở định dạng điện tử hoặc theo thời gian thực để có thể được tìm kiếm và cập nhật vào bất cứ thời điểm nào. Tính sẵn có của các hệ thống dữ liệu này sẽ giảm thiểu những chậm trễ vì sẽ tạo điều kiện cho các quốc gia yêu cầu thu thập được những thông tin cần thiết để xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ đạt chất lượng mà không đòi hỏi quốc gia được yêu cầu phải tiến hành các biện pháp điều tra nằm ngoài khuôn khổ tương trợ tư pháp thông thường. Các cơ sở dữ liệu này cần bao gồm, nhưng không giới hạn, tên, nhận dạng cá nhân, lãnh đạo công ty và cán bộ nhân viên, cổ đông và chủ sở hữu hưởng lợi.



## Khuyến nghị thực thi

- a) Các quốc gia cần thiết lập và duy trì các hệ thống cơ sở dữ liệu công sẵn có, ví dụ như hệ thống cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, đất đai hoặc các tổ chức phi lợi nhuận. Nếu có thể, những cơ sở dữ liệu này cần được hệ thống hóa ở cấp độ trung ương và duy trì ở định dạng điện tử hoặc theo thời gian thực để có thể được tìm kiếm và cập nhật vào bất cứ thời điểm nào.
- b) Các quốc gia cần giảm thiểu các yêu cầu mô tả quá mức chi tiết về tài sản cần được phong tỏa hoặc tịch thu, ví dụ như yêu cầu cung cấp mã số đăng ký khu đất thay vì chỉ cần cung cấp tên thành phố mà tài sản được định vị; các quốc gia cần đảm bảo rằng việc đáp ứng các yêu cầu sẽ không ảnh hưởng đến hiệu quả tương trợ tư pháp.

### ***Rào cản 28: Xác định tài khoản ngân hàng ở nước ngoài***

Một số quốc gia yêu cầu cung cấp những thông tin chi tiết quá mức để có thể thực hiện yêu cầu phong tỏa hoặc tịch thu tài sản và tài khoản ngân hàng (xem Rào cản 27). Lý do của đòi hỏi này là vì các cơ quan chức năng muốn có thông tin cụ thể để trên cơ sở đó tiến hành rà soát từng ngân hàng trong nước. Cần phải nói rằng công việc này tốn rất nhiều thời gian, đặc biệt là đối với những nước phát triển, có khu vực tài chính rộng lớn. Vì vậy, hầu hết các quốc gia đều quy định rằng, các văn bản yêu cầu về phong tỏa hoặc tịch thu tài sản cần xác định rõ các trung tâm tài chính nào được cho là đang nắm giữ tài sản liên quan đến vụ án.

Đối với nhiều yêu cầu tương trợ, việc xác định một tài khoản cụ thể trong đó có tài sản cần thu hồi là một trong những khó khăn lớn nhất ở những giai đoạn đầu của vụ án. Một số nhà hoạt động thực tiễn chỉ ra rằng, các cơ sở dữ liệu trung ương về tài khoản ngân hàng sẽ là công cụ hữu hiệu trong các vụ án về THTS vì chúng cho phép các cơ quan thực thi pháp luật tiến hành khám xét điện tử, sử dụng tên cá nhân hoặc tài sản ngân hàng cụ thể. Vì tội phạm thường nhờ các luật sư và pháp nhân đứng tên để che giấu tài sản nên các hệ thống dữ liệu này sẽ đặc biệt hữu ích nếu có thể giúp xác định chủ sở hữu hưởng lợi của tài khoản và bất cứ sự ủy quyền nào có liên

quan đến tài khoản. Để xác định được các tài khoản, hệ thống dữ liệu về tài khoản cấp trung ương cần xóa bỏ quy định về việc yêu cầu quốc gia muốn THTS cung cấp thông tin quá tỉ mỉ về tài sản cần thu hồi và đẩy nhanh tiến độ THTS của các cơ quan thực thi pháp luật.

Các quốc gia cần sẵn sàng cung cấp thông tin có được từ hệ thống cơ sở dữ liệu sẵn có cho các quốc gia nước ngoài để tiến hành điều tra mà không cần thông qua yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức. Việc này sẽ giảm thiểu những chậm trễ trong THTS do không thông tin cho người nắm giữ tài sản về quá trình điều tra, hạn chế khả năng tài sản sẽ bị chuyển đi hoặc tiêu tán trước khi cuộc điều tra kết thúc.

#### **Khuyến nghị thực thi**

- a. Các quốc gia cần thiết lập cơ sở dữ liệu ngân hàng cấp quốc gia để lưu giữ thông tin về tài khoản, bao gồm thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi và các hoạt động ủy quyền.
- b. Quốc gia được yêu cầu cần ban hành các quy định hoặc xây dựng các chính sách và quy trình trong đó cho phép các quốc gia nước ngoài, thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu ngân hàng quốc gia, tiếp cận những thông tin liên quan đến tài khoản, chủ sở hữu hưởng lợi và các hoạt động ủy quyền mà không cần gửi văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức.

***Rào cản 29: Sử dụng tài sản phong tỏa để trả lệ phí tư pháp; tài sản được thu hồi bị tiêu tán do việc chi trả chi phí không nằm trong kế hoạch; quản lý tài sản yếu kém.***

Ở nhiều quốc gia, người sở hữu tài sản bị phong tỏa có quyền và có thể yêu cầu được trả các chi phí pháp lý có liên quan trong quá trình tố tụng. Các nhà hoạt động thực tiễn cho rằng, đây là một khó khăn có thể dẫn đến tài sản phong tỏa bị tiêu tán đáng kể, đặc biệt là khi lệ phí tư pháp quá cao. Ngoài ra các tài sản bị phong tỏa cũng có thể bị sử dụng sai mục đích. Một quốc gia không thành công trong một vụ án THTS có thể sẽ không còn mặn mà với các nỗ lực THTS trong tương lai, đặc biệt là khi đó là những tài sản có giá trị không đáng

kể. Thất bại trong THTS cũng làm giảm quyết tâm chính trị chống tham nhũng trong tương lai (xem Rào cản 2).

Để tránh việc lạm dụng tài sản bị phong tỏa, các quốc gia cần giới hạn số tiền có thể được sử dụng từ tài sản phong tỏa để trả lệ phí tư pháp hoặc yêu cầu người nắm giữ tài sản chứng minh rằng họ không còn tài sản nào khác để chi trả lệ phí này. Ví dụ, một quốc gia có thể quy định về việc tách bạch lệ phí tư pháp cần phải nộp với tài sản phong tỏa. Trong trường hợp này, các quy định cũng cần tính đến quyền khiếu nại của bị cáo.

Lệ phí tư pháp mà quốc gia yêu cầu THTS phải trả có thể làm giảm đáng kể giá trị tài sản sau khi được thu hồi<sup>90</sup>. THTS là một quá trình tốn kém về tiền bạc và thời gian. Quá trình này đòi hỏi sự tham gia của các luật sư, các nhà điều tra tài chính, kế toán thẩm tra, các chuyên gia, các nhà cung cấp dịch vụ dịch thuật và vận tải quốc tế. Pháp luật tại các quốc gia phát triển thường phức tạp, đặt ra nhiều hạn chế hơn, và đòi hỏi nhiều yêu cầu về thủ tục và chứng cứ hơn những nước đang phát triển. Các yêu cầu vẫn được đặt ra mặc dù khó có thể thực hiện.

Nhiều quốc gia đang phát triển không đủ năng lực để thực hiện các yêu cầu này và phải sử dụng các dịch vụ của các hãng luật tư nhân đại diện cho họ trong các vụ kiện về THTS. Nhiều hãng luật tư nhân có chuyên môn và kinh nghiệm trong các vụ án lớn. Lệ phí tư pháp cho các vụ kiện này có thể rất lớn và làm giảm đáng kể giá trị tài sản sau khi được thu hồi và trả lại cho quốc gia nạn nhân. Hơn nữa, nếu việc thu hồi không thành công, quốc gia nạn nhân thường phải trả lệ phí tư pháp. Việc này có thể làm nản lòng các quốc gia đang phát triển trong THTS.

Để hỗ trợ các quốc gia đang phát triển, các quốc gia cần khuyến khích các hãng luật hỗ trợ pháp lý cho các quốc gia không đủ năng

---

<sup>90</sup> Điều 57 khoản 4 của UNCAC quy định rằng, khi thích hợp, từ trường hợp các quốc gia thành viên quyết định khác, quốc gia được yêu cầu có thể khấu trừ các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử để dẫn đến việc trả lại hay định đoạt tài sản bị tịch thu.

lực hoặc nguồn lực tài chính để theo đuổi các vụ kiện tốn kém thời gian và tiền bạc. Để có thể khuyến khích các hãng luật, các chính phủ cần có các hình thức khen thưởng công khai và ghi nhận năng lực của các hãng luật thường xuyên hỗ trợ pháp lý trong tương trợ tư pháp. Thêm vào đó, nếu một quốc gia phát triển nhận được yêu cầu tương trợ tư pháp về THTS từ một quốc gia đang phát triển, quốc gia được yêu cầu cần hỗ trợ quốc gia yêu cầu chi trả lệ phí tư pháp. Ví dụ, một số nhà hoạt động thực tiễn khuyến khích rằng, các quốc gia cần có một quỹ sẵn có đặc biệt để hỗ trợ các quốc gia đang phát triển trong những tình huống như trên.

Các quỹ dự phòng có thể được sử dụng để hỗ trợ các quốc gia nạn nhân chi trả dịch vụ pháp lý nếu quốc gia này không thể chi trả. Thêm vào đó, sự hỗ trợ này cũng giúp các quốc gia đang phát triển tiết kiệm được nguồn lực và có cơ hội thắng kiện cao hơn. Quỹ dự phòng có thể giúp một số quốc gia vượt qua khó khăn về mặt kinh phí nhưng không được quy định ở tất cả các quốc gia. Có quốc gia lo ngại rằng lệ phí tư pháp trong các vụ kiện có thể khiến tài sản tịch thu bị hao mòn không thỏa đáng. Để tránh việc lạm dụng quỹ dự phòng này, việc sử dụng chúng phải minh bạch, công bằng và vì lợi ích của quốc gia nạn nhân.

UNCAC yêu cầu các quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép các cơ quan có thẩm quyền phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản và áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp khác để điều chỉnh hoạt động của các cơ quan chức năng quản lý tài sản bị phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu<sup>91</sup>. Người quản lý tài sản có trách nhiệm đảm bảo an ninh và giá trị của tài sản sẽ bị tịch thu. Những thiếu sót trong quản lý tài sản sẽ khiến tài sản thu hồi không còn giữ được toàn vẹn giá trị ban đầu. Nếu tài sản không được quản lý tốt khi bị phong tỏa, giá trị của tài sản có thể giảm đáng kể theo thời gian. Một quốc gia yêu cầu khi nhận thấy tài sản sau thu hồi đã giảm giá trị quá nhiều so với ban đầu có thể không còn quyết tâm THTS nữa. Bên cạnh đó, quốc gia yêu cầu có thể bất mãn khi cho rằng

---

<sup>91</sup> Điều 54 (2) và 31 (3) của UNCAC.

quốc gia được yêu cầu đã không bảo quản tài sản thỏa đáng, từ đó tạo nên mối quan hệ căng thẳng giữa hai quốc gia.

Khi tài sản tham nhũng được phát hiện trong một tài khoản ngân hàng, việc quản lý tài sản tương đối đơn giản. Ngược lại, tài sản có thể có được từ hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tác phẩm nghệ thuật hoặc các tài sản khác, đòi hỏi sự bảo quản đặc biệt hoặc quản lý chủ động. Trong những trường hợp này, quản lý tài sản đòi hỏi phải có kiến thức và sự bảo quản cẩn thận. Thêm vào đó, đối với những tài sản nhanh bị hỏng hoặc hao mòn, người quản lý tài sản cần có những biện pháp cần thiết để bảo đảm giá trị tài sản.

Để bảo quản tài sản bị thu giữ hoặc phong tỏa, các quốc gia cần tính đến khả năng phải định đoạt tài sản kịp thời hoặc bán tài sản bị phong tỏa khi thấy cần thiết. Quá trình quản lý tài sản có thể sẽ liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau, ví dụ như các chủ thể thuộc khu vực tư nhân, người nắm giữ tài sản, người quản lý do tòa chỉ định hoặc một văn phòng dịch vụ công được thành lập riêng vì mục đích này. Nhiều quốc gia đã xây dựng văn phòng chuyên trách để quản lý tài sản được phong tỏa hoặc thu giữ theo pháp luật quốc gia. Văn phòng này sẽ xây dựng kế hoạch và tiến hành phân tích giá trị tài sản trước khi tài sản bị tịch thu, phong tỏa, quản lý và định đoạt sau thu hồi.

Trước khi phong tỏa tài sản, người quản lý tài sản cần xác định chi phí quản lý tài sản và ước tính giá trị tài sản còn lại sau thu hồi. Thêm vào đó, người quản lý tài sản cần giữ bản mô tả chi tiết về tài sản, tình trạng tài sản và nếu có thể, các bức ảnh và cảnh quay tài sản. Trong một số trường hợp, việc định giá tài sản cũng rất quan trọng.

FATF đã khuyến nghị một thực tiễn tốt rằng, các chiến lược lý tưởng để quản lý tài sản bị thu giữ và phong tỏa cần bao gồm các nội dung sau:

- Một khuôn khổ để quản lý hiệu quả tài sản bị phong tỏa hoặc thu hồi, bao gồm việc chỉ định cơ quan chịu trách nhiệm quản lý tài sản;
- Cung cấp đủ nguồn lực để quản lý tài sản;
- Sự tham gia của cơ quan chức năng trước khi tài sản bị thu giữ hoặc phong tỏa;
- Chuẩn bị các giải pháp làm việc với chủ sở hữu tài sản và xử lý quyền lợi của bên thứ ba;
- Đảm bảo việc lưu giữ hồ sơ;
- Quy định cơ quan phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại hoặc mất mát của tài sản khi xảy ra kiện tụng; và
- Quyền ban hành lệnh bán tài sản khi tài sản có dấu hiệu bị hỏng hoặc xuống giá nhanh chóng.

Để có thêm thông tin, xem thêm ấn phẩm của StAR *Cẩm nang Thu hồi tài sản: Hướng dẫn cho những nhà hoạt động thực tiễn*

### Khuyến nghị thực thi

- Các quốc gia cần ban hành các chính sách và thủ tục quy định nhằm đảm bảo hạn chế sử dụng tài sản bị phong tỏa, ví dụ như quy định về lệ phí tư pháp và yêu cầu bị cáo chứng minh việc không thể chi trả lệ phí tư pháp. Những chính sách và quy trình này cần đảm bảo sự cân bằng giữa quyền biện hộ của bị cáo và quyền của nạn nhân trong THTS.
- Các quốc gia phát triển cần lập một quỹ đặc biệt để hỗ trợ tài chính cho các quốc gia đang phát triển muộn THTS tại quốc gia phát triển.
- Các quốc gia cần khuyến khích các hãng luật cung cấp dịch vụ pháp lý cho những quốc gia không có đủ năng lực hoặc nguồn lực tài chính để theo đuổi những vụ kiện tốn kém thời gian và tiền bạc. Thay vào đó, các quốc gia phát triển khi nhận được yêu cầu tương trợ từ quốc gia đang phát triển để trả lại tài sản bị thất thoát, cần hỗ trợ tài chính cho các quốc gia đang phát triển để chi trả lệ phí tư pháp.

- d. Các quốc gia phát triển có thể sử dụng chi phí dự phòng để thanh toán chi phí dịch vụ pháp lý của các hãng luật tư nhân giúp các quốc gia đang phát triển hoặc sử dụng tài sản bị tịch thu cho mục đích đó, với điều kiện rằng, những thỏa thuận này được công khai, bình đẳng, phù hợp với thực tiễn và vì lợi ích của quốc gia nạn nhân.
- e. Các quốc gia, cụ thể là các cơ quan trung ương hoặc cơ quan tư pháp, cần đảm bảo rằng, việc chi trả lệ phí tư pháp không bị lạm dụng.
- f. Các quốc gia cần có các biện pháp quản lý tài sản hiệu quả để chống lại việc tài sản bị thu giữ hoặc phong tỏa bị hao mòn, theo quy định của UNCAC.
- g. Các quốc gia, khi cần thiết, cần cho phép việc định đoạt những tài sản bị phong tỏa có khả năng mất giá nhanh chóng để bảo toàn giá trị tài sản.

## Phụ lục A. Danh mục các khuyến nghị

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Rào cản | Loại       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Quốc gia được yêu cầu không nên từ chối thực hiện tương trợ tư pháp vì những lý do liên quan đến thủ tục tố tụng trừ khi có bằng chứng cụ thể và chắc chắn để cho rằng quốc gia yêu cầu đã không đảm bảo quyền tố tụng của bị cáo.                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1       | Chính sách |
| Các quốc gia phát triển cần cân nhắc việc hỗ trợ chi phí liên lạc cho các quốc gia đang phát triển khi nhận được yêu cầu về tương trợ tư pháp trong THTS; các quốc gia phát triển cũng có thể hỗ trợ công nghệ thông tin và thiết bị liên lạc cho các quốc gia đang phát triển.                                                                                                                                                                                                                                     | 1       | Chính sách |
| Các quốc gia được yêu cầu cần thực hiện các chính sách và quy định nhằm đảm bảo tính minh bạch trong quá trình hợp tác với quốc gia yêu cầu và phải thông báo cho quốc gia yêu cầu về căn cứ từ chối thực hiện tương trợ tư pháp; quốc gia yêu cầu cần có cơ hội để chứng minh rằng các quyền tố tụng của bị cáo đã được bảo đảm.                                                                                                                                                                                   | 1       | Thực thi   |
| Để củng cố lòng tin, các quốc gia phát triển cần xây dựng những chính sách và thủ tục nhằm tạo điều kiện cho việc thiết lập những đầu mối liên lạc giữa cơ quan yêu cầu và cơ quan được yêu cầu. Cụ thể, các quốc gia cần bố trí các thẩm phán, cán bộ thuộc đơn vị tình báo tài chính, tùy viên an ninh <sup>a</sup> làm việc biệt phái tại quốc gia yêu cầu để tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trung ương và cơ chế liên lạc trực tiếp giữa các công tố viên, thẩm phán và cán bộ thực thi pháp luật. | 1       | Thực thi   |



| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                        | Rào cản | Loại       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần bố trí nguồn lực cho phép cán bộ của mình tham gia các cuộc họp và các diễn đàn, mạng lưới quốc tế có liên quan trong khuôn khổ hợp tác song phương.                                                              | 1       | Thực thi   |
| Các quốc gia cần tham gia và tận dụng triệt để các mạng lưới và nhóm công tác như CARIN, ARINSA và IBERRED để xây dựng mối quan hệ hợp tác với các nhà hoạt động thực tiễn trên thế giới.                                          | 1       | Thực thi   |
| Các quốc gia cần xây dựng các chính sách và thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ chế trao đổi thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm việc duy trì và cập nhật các đầu mối thông tin liên lạc cụ thể.             | 1       | Thực thi   |
| Các quốc gia cần xây dựng và thực thi một chính sách minh bạch và toàn diện về THTS trong đó xác định rõ và hạn chế quy định các căn cứ từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp.                                               | 2       | Chính sách |
| Các quốc gia cần thành lập các cơ quan chuyên trách về THTS hoặc các đơn vị chuyên trách về THTS trong các cơ quan nhà nước, trong đó xác định rõ nhiệm vụ hỗ trợ công tác THTS                                                    | 2       | Chính sách |
| Các quốc gia cần đảm bảo rằng, các công chức, bao gồm các thẩm phán, công tố viên được đào tạo bài bản về THTS.                                                                                                                    | 2       | Chính sách |
| Những quốc gia hiện chưa quy định về cơ chế THTS không dựa trên phán quyết của tòa án cần thông qua và thực thi những điều khoản cho phép thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp nhằm THTS được cho là có nguồn gốc bất hợp pháp. | 2       | Chính sách |
| Các quốc gia cần xác định rõ và hạn chế quy định các căn cứ từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp                                                                                                                            | 2       | Chính sách |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Rào cản | Loại       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần tận dụng các nguồn lực hợp pháp sẵn có (các đơn vị tình báo tài chính, đơn thư khiếu nại hoặc phương tiện truyền thông) để tự tiến hành các cuộc điều tra về THTS; xây dựng các chương trình hỗ trợ kỹ thuật trong khuôn khổ hợp tác song phương; cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho từng vụ án; thành lập và phân bổ nguồn lực hợp lý cho các đơn vị điều tra-truy tố chuyên trách về THTS; hỗ trợ các tổ chức quốc tế có khả năng cung cấp hỗ trợ kỹ thuật (như quy định tại Điều 60 (2) (3) của UNCAC). | 2       | Thực thi   |
| Đối với các yêu cầu liên quan đến nguyên tắc cùng hình sự hóa, các quốc gia cần giải thích thuật ngữ chỉ tội phạm của quốc gia yêu cầu theo nghĩa rộng, để có thể mở rộng tối đa khả năng tương trợ, và khi cần thiết, cần áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên hành vi khi xác định một hành vi có phải là tội phạm ở cả hai quốc gia hay không                                                                                                                                                                     | 2       | Thực thi   |
| Các quốc gia cần có chính sách ưu tiên để đảm bảo có được các điều tra viên tài chính, công tố viên và thẩm phán được đào tạo bài bản về pháp luật trong nước cũng như các công ước và chuẩn mực quốc tế về THTS.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3       | Chính sách |
| Các quốc gia cần thông qua những quy định để đảm bảo rằng, một quốc gia không bị buộc phải trả chi phí tổ tụng cho một quốc gia khác khi nghĩa vụ quốc tế của họ chỉ là thực hiện tương trợ tư pháp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3       | Chính sách |
| Các quốc gia cần đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền được cung cấp đầy đủ nhân sự, được đào tạo phù hợp và có kinh nghiệm và hiểu biết về pháp luật quốc gia, cũng như những chuẩn mực, công ước quốc tế về THTS.                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3       | Chính sách |
| Quốc gia yêu cầu và quốc gia được yêu cầu cần trao đổi thẳng thắn với nhau để giải quyết những khó khăn về nguồn lực, bao gồm những vấn đề liên quan đến chia sẻ chi phí và chia sẻ tài sản sau thu hồi nếu có thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3       | Thực thi   |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Rào cản | Loại       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| FATF cần tuân thủ định nghĩa về PEPs của UNCAC. Các quốc gia và những chủ thể có liên quan cũng cần thông qua định nghĩa này <sup>a</sup> .                                                                                                                                                              | 4       | Chính sách |
| Các quốc gia cần yêu cầu các định chế tài chính tiên hành rà soát thông tin về khách hàng là PEPs ít nhất mỗi năm một lần, với phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro và cần lưu trữ các kết quả rà soát.                                                                                                  | 4       | Chính sách |
| Vì các PEPs có thể duy trì ảnh hưởng của mình trong nhiều năm, thậm chí sau khi bị truy tố về hành vi tham nhũng, các quốc gia cần yêu cầu các định chế tài chính lưu giữ các hồ sơ ngân hàng có liên quan đến các PEPs trong một thời hạn dài hơn thông thường, khoảng từ 8 đến 10 năm.                 | 4       | Chính sách |
| Các quốc gia cần đảm bảo thực thi các khoản của Điều 14 và 52 của UNCAC, các khuyến nghị của FATF và các khuyến nghị trong Báo cáo của StAR về <b>Những người có thể lực chính trị: Nghiên cứu chính sách nhằm tăng cường các biện pháp phòng ngừa trong ngành ngân hàng.</b>                            | 4       | Thực thi   |
| Khi một báo cáo giao dịch đáng ngờ (STR) có liên quan đến một PEPs là người nước ngoài, các cơ quan có thẩm quyền sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng cần chia sẻ thông tin này với cơ quan có thẩm quyền ở quốc gia mà PEPs có quốc tịch và các quốc gia có liên quan.                                          | 4       | Thực thi   |
| Các quốc gia cần thông báo về các hành vi tội phạm và những thông tin đáng ngờ được phát hiện trong báo cáo rà soát hàng năm về PEPs nước ngoài cho cơ quan tình báo quốc gia thông qua các báo cáo về giao dịch đáng ngờ, hoặc thông tin tới một cơ quan có thẩm quyền thông qua một thủ tục thích hợp. | 4       | Thực thi   |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Rào cản | Loại     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|
| <p>Các quốc gia cần cân nhắc triển khai hệ thống đánh giá rủi ro trong việc nhận dạng các PEPs. Các hệ thống này có thể bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các tiêu chí chung và nguồn thông tin, ví dụ như những rủi ro liên quan đến các quốc gia nhất định, thâm niên công tác cũng như loại hình kinh doanh của một người được cho là PEPs.</li> <li>• Thu thập những thông tin liên quan đến khách hàng, thẩm tra, xác minh thông tin khách hàng trước khi cho phép đăng ký tài khoản.</li> <li>• Yêu cầu kê khai tài sản bằng văn bản về quyền sở hữu hưởng lợi và áp dụng chế tài hình sự trong trường hợp vi phạm.</li> <li>• Chia sẻ thông tin giữa các định chế tài chính;</li> <li>• Kê khai thu nhập và tài sản.</li> <li>• Các phương tiện truyền thông có thể giúp các ngân hàng nhận dạng PEPs và cập nhật thông tin khách hàng.</li> <li>• Những thông tin có liên quan đến quốc gia mà khách hàng có quốc tịch;</li> <li>• Công cụ tìm kiếm trên internet, bao gồm các công cụ lớn và nhỏ.</li> <li>• Sử dụng cơ sở dữ liệu về PEPs của các nhà cung cấp dữ liệu.</li> </ul> | 4       | Thực thi |
| <p>Các quốc gia cần đảm bảo rằng, các cá nhân chịu trách nhiệm giám sát PEPs thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp thông tin, báo cáo và vận hành hệ thống quản lý rủi ro liên quan đến PEPs.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4       | Thực thi |
| <p>Để tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế, các quốc gia có liên quan cần tham gia vào các lực lượng đặc nhiệm quốc tế hoặc các cuộc họp quốc tế được tổ chức định kỳ, khi có từ hai quốc gia trở lên có liên quan đến một vụ án THTS quan trọng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5       | Thực thi |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Rào cản | Loại       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần rà soát các thỏa thuận về tương trợ tư pháp đã ký kết và có những biện pháp nhằm đảm bảo một cơ chế phối hợp và hợp tác hiệu quả. Các quốc gia có thể thành lập các lực lượng đặc nhiệm liên ngành hoặc các nhóm công tác chung, được nhóm họp định kỳ để trao đổi về chiến lược hành động.                                                                                                                                               | 5       | Thực thi   |
| Khi một cơ quan trung ương được chỉ định là đơn vị đầu tiên tiếp nhận yêu cầu tương trợ, hệ thống pháp luật quốc gia cần cho phép, khuyến khích và tạo điều kiện cho cơ chế liên lạc cấp chuyên viên; khi cần thiết, có thể báo cáo thông tin về tiến độ xử lý vụ việc cho cơ quan đầu mối. Tuy nhiên, các quốc gia cần ban hành các chính sách và thủ tục nhằm tránh sự tham gia không cần thiết của quá nhiều cơ quan trong quá trình tương trợ tư pháp. | 5       | Thực thi   |
| Các quốc gia cần xây dựng và thực thi những chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo khả năng thực hiện các hỗ trợ không chính thức cho các đối tác nước ngoài thông qua việc áp dụng những biện pháp không phải sử dụng cưỡng chế nhà nước hoặc phong tỏa tài sản tạm thời trong vòng 72 tiếng hoặc ít hơn, với những điều kiện hợp lý và thỏa đáng.                                                                                                            | 6       | Chính sách |
| Các quốc gia cần xây dựng các chính sách và thủ tục để cung cấp hỗ trợ không chính thức ở tất cả các giai đoạn: trước, trong và sau khi hoàn thiện văn bản yêu cầu tương trợ chính thức.                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6       | Chính sách |
| Quốc gia yêu cầu cần tận dụng triệt để các kênh hỗ trợ không chính thức trước khi gửi đi văn bản yêu cầu tương trợ chính thức.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6       | Thực thi   |
| Quốc gia được yêu cầu cần sớm thông báo cho quốc gia yêu cầu về những thông tin được phép cung cấp mà không phải thông qua yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức. Những hướng dẫn cụ thể cần được công khai trên trang web của chính phủ quốc gia đó (xem Rào cản 23).                                                                                                                                                                                      | 6       | Thực thi   |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Rào cản | Loại     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|
| Các quốc gia không nên đòi hỏi phải nhận được văn bản yêu cầu tương trợ chính thức khi hệ thống cơ sở dữ liệu công của họ chưa được công khai, ví dụ như hồ sơ đăng ký sở hữu nhà đất, hồ sơ đăng ký công ty, thông tin về lãnh đạo doanh nghiệp và cổ đông. Các quốc gia cần cung cấp bản sao báo cáo năm và các văn bản có liên quan mà không cần phải có văn bản yêu cầu chính thức.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6       | Thực thi |
| Khi được yêu cầu, các quốc gia cần sẵn sàng liên lạc với các nhân chứng tiềm năng mà không cần phải có văn bản yêu cầu chính thức, để xác định khả năng tự nguyện hợp tác của nhân chứng với quốc gia yêu cầu. Các quốc gia cần lấy lời khai của nhân chứng tự nguyện mà không cần văn bản yêu cầu chính thức, với điều kiện rằng việc liên lạc với nhân chứng được pháp luật nước này cho phép.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6       | Thực thi |
| Để tăng cường nhận thức của các quốc gia về các truyền thống pháp luật, các quốc gia cần công khai những quy định của họ về THTS; bao gồm những quy định về tiêu chuẩn bằng chứng, năng lực hành vi, các kỹ thuật điều tra được chấp nhận và những kỹ thuật điều tra không được cho phép. Một số hình thức công khai thông tin:<br>iii) Một website cung cấp những thông tin kể trên và thông qua những vụ án thực tế về THTS để hướng dẫn về những kỹ thuật điều tra hợp pháp và cách áp dụng chúng.<br>iv) Các hội thảo với sự tham dự của các nhà hoạt động thực tiễn trong nước và quốc tế để cung cấp thông tin về phương thức gửi văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp, năng lực hành vi, các loại kỹ thuật điều tra được pháp luật cho phép và không cho phép. | 7       | Thực thi |
| Các quốc gia nên sử dụng những thuật ngữ rõ ràng, chính xác và phổ biến khi xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp theo quy định tại Điều 2 của UNCAC và UNTOC và giải thích cụ thể về ý nghĩa của mỗi thuật ngữ sử dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7       | Thực thi |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Rào cản | Loại       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần thực thi các chính sách và thủ tục để chủ động thông báo cho quốc gia yêu cầu về những vấn đề liên quan đến sử dụng thuật ngữ và những nội dung khác trong văn bản yêu cầu.                                                                                                                                                                                                                        | 7       | Thực thi   |
| Quốc gia được yêu cầu cần cân nhắc việc xây dựng và thực hiện các chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo rằng, họ có thể sử dụng bất kỳ hoặc tất cả những thủ tục cần thiết để đáp ứng một cách tích cực yêu cầu tương trợ tư pháp, bao gồm cả những thủ tục theo yêu cầu của quốc gia họ cũng như những thủ tục được chỉ rõ trong văn bản yêu cầu.                                                                     | 7       | Thực thi   |
| Các quốc gia nên gia nhập hoặc phê chuẩn và thực hiện UNCAC, UNTOC và các công ước khu vực và quốc tế khác nhằm tạo điều kiện cho hoạt động tương trợ tư pháp.                                                                                                                                                                                                                                                      | 8       | Chính sách |
| Các quốc gia khi nội luật hóa các công ước quốc tế cần đảm bảo rằng hệ thống pháp luật quốc gia đã tuân thủ đầy đủ và toàn diện chương IV và V của UNCAC và Điều 18 của UNTOC.                                                                                                                                                                                                                                      | 8       | Chính sách |
| Các quốc gia được áp dụng trực tiếp các công ước quốc tế cần đảm bảo cho đội ngũ cán bộ của mình nhận thức được rằng, các công ước quốc tế như UNCAC và UNTOC có thể được sử dụng làm cơ sở pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và cần nắm vững các điều khoản của công ước. Các quốc gia cũng cần cân nhắc thông qua pháp luật về tương trợ tư pháp đối với những vấn đề mà công ước quốc tế không điều chỉnh. | 8       | Chính sách |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Rào cản | Loại       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần cân nhắc việc ký kết các hiệp định song phương về tương trợ tư pháp hoặc các thỏa thuận hợp tác với các quốc gia khác mà hệ thống pháp luật nội địa của họ cũng như quy định của các công ước như UNCAC, UNTOC chỉ cho phép cung cấp có giới hạn một số hình thức tương trợ tư pháp, hoặc các quốc gia mà sự hợp tác với họ sẽ trở nên rất phức tạp nếu không có các thỏa thuận song phương. Cần ưu tiên hợp tác song phương với các nước có chủ trương và đặt thu hồi tài sản là vấn đề ưu tiên trong chính sách của họ. | 8       | Chính sách |
| Các hiệp định song phương về tương trợ tư pháp hiện tại cần được rà soát, và khi được yêu cầu, cần rà soát định kỳ để đảm bảo tính đúng đắn của nó.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8       | Chính sách |
| Các quốc gia nên tiến hành rà soát hệ thống pháp luật hình sự quốc gia về phong tỏa và tịch thu tài sản để đảm bảo rằng, khuôn khổ pháp luật này đủ rộng để điều chỉnh tất cả các tội phạm được quy định trong UNCAC và UNTOC.                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9       | Chính sách |
| Các quốc gia cần áp dụng các điều khoản trong hệ thống pháp luật nội địa về phong tỏa và tịch thu mọi loại tài sản được quy định trong UNCAC.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9       | Chính sách |
| Các quốc gia cần thực hiện tương trợ tư pháp ngay cả khi quá trình điều tra một hành vi được cho là phạm tội mới chỉ bắt đầu, hoặc khi vụ án chưa được khởi tố.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 10      | Chính sách |
| Các quốc gia cần xây dựng các cơ chế cho phép truy tìm nhanh chóng và phong tỏa tạm thời tài sản trước khi nhận được văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức được gửi đi sau đó để duy trì lệnh phong tỏa.                                                                                                                                                                                                                                                                              | 10      | Chính sách |



| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Rào cản | Loại       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần cho phép thực hiện tương trợ tư pháp mà không yêu cầu phải thông tin tới người nắm giữ tài sản trong quá trình điều tra và khi các biện pháp bảo quản tài sản đã được bảo đảm, với điều kiện cần đảm bảo cho người nắm giữ tài sản được hưởng các quyền tố tụng cần thiết ở những giai đoạn tố tụng có liên quan đến các biện pháp cưỡng chế hoặc các biện pháp mang tính xâm nhập.                    | 11      | Chính sách |
| Các quốc gia không nên buộc các định chế tài chính phải thông báo cho các khách hàng của họ về việc trao đổi những thông tin được cơ quan nước ngoài yêu cầu trong quá trình điều tra. Tối thiểu, các quốc gia cần trì hoãn việc thông báo này tới một thời điểm thích hợp khác trong quá trình điều tra (thông thường đó là khi cơ quan điều tra nhận thấy rủi ro của việc công khai thông tin không còn).             | 11      | Chính sách |
| Các quốc gia có quy định phải công khai thông tin cho người nắm giữ tài sản cần trao đổi với quốc gia yêu cầu trước khi thực hiện yêu cầu, để chắc chắn rằng liệu quốc gia yêu cầu vẫn mong muốn nhận được thông tin hay sẽ lựa chọn biện pháp khác để tránh tiết lộ thông tin tới người nắm giữ tài sản. Theo đó, các quốc gia cần công khai yêu cầu này trên cổng thông tin chính phủ hoặc trên các diễn đàn quốc tế. | 11      | Thực thi   |
| Các quốc gia yêu cầu công khai thông tin khi thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức cần cho phép tạm thời phong tỏa tài sản trong quá trình điều tra mà không cần thông báo cho người nắm giữ tài sản.                                                                                                                                                                                                      | 11      | Thực thi   |
| a. Các quốc gia không được coi những quy định về bí mật ngân hàng là căn cứ để từ chối hợp tác (không chính thức và chính thức) với các quốc gia khác trong những vụ án quốc tế có liên quan đến những tội phạm được quy định trong UNCAC và UNTOC.                                                                                                                                                                     | 12      | Chính sách |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Rào cản | Loại       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần ban hành những quy định nhằm giới hạn và xác định rõ “những thông tin cần được bảo vệ”. Cần hạn chế phạm vi của những thông tin này. Trong trường hợp các điều tra viên hoặc công tố viên ở quốc gia yêu cầu có căn cứ xác đáng về sự cần thiết phải kiểm tra những thông tin kể trên, các quy định quốc gia về bí mật ngân hàng cần có phạm vi đủ rộng để có thể đáp ứng những yêu cầu đó. | 12      | Chính sách |
| Quy định quốc gia về bí mật ngân hàng không nên ngăn cản nỗ lực thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp mở rộng của quốc gia đó trong những trường hợp việc điều tra những giao dịch đáng ngờ của những tài khoản theo yêu cầu ban đầu lại cho thấy có sự liên quan đến những tài khoản khác chưa được yêu cầu điều tra.                                                                                         | 12      | Chính sách |
| Các quốc gia cần ban hành các quy định pháp luật cho phép có các suy đoán (có thể bác bỏ) để đáp ứng các tiêu chuẩn về chứng cứ cho việc tịch thu tài sản dựa trên phán quyết của tòa án, đặc biệt là đối với những tội phạm được quy định trong UNCAC và UNTOC.                                                                                                                                             | 13      | Chính sách |
| Các quốc gia cần đảm bảo rằng, các tiêu chuẩn chứng cứ trong những vụ án đòi hỏi phải có lệnh phong tỏa tài sản tạm thời sẽ ít khắt khe hơn những chứng cứ cần có trong những vụ án sử dụng các biện pháp có hiệu lực chính thức hoặc những biện pháp được tiến hành khi chính thức THTS.                                                                                                                    | 13      | Chính sách |
| Trên cơ sở bảo đảm các quyền hiến định và quyền tố tụng, các quốc gia cần ban hành những quy định để tạo điều kiện đáp ứng các yêu cầu về bằng chứng, ví dụ như xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về các tài khoản ngân hàng (xem Rào cản 27), qua đó tạo điều kiện thúc đẩy việc xử lý các yêu cầu về tương trợ tư pháp có liên quan đến các biện pháp điều tra.                                              | 13      | Chính sách |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Rào cản | Loại       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Ở cả những quốc gia theo cơ chế thu hồi tài sản dựa trên hoặc không dựa trên phán quyết của tòa án, cần đảm bảo rằng, các tiêu chuẩn về bằng chứng để chứng minh mối liên hệ giữa tài sản và hành vi phạm tội không được quá khắt khe và được quy định rõ ràng trong pháp luật quốc gia. Các quốc gia cần tiếp tục đảm bảo rằng các công tố viên chỉ cần chỉ ra mối liên hệ giữa tài sản và hành vi phạm tội nói chung, chứ không nhất thiết là mối liên hệ giữa tài sản với một tội phạm cụ thể nào. | 13      | Chính sách |
| Các quốc gia cần quy định rõ về những nội dung cần phải có trong văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp và cung cấp các mẫu văn bản yêu cầu trên cổng thông tin điều kiện, trong đó cung cấp những căn cứ thỏa đáng để yêu cầu tương trợ.                                                                                                                                                                                                                                                                  | 13      | Thực thi   |
| Các văn bản yêu cầu tương trợ dù không đầy đủ thông tin nhưng chỉ ra được mối liên hệ rõ ràng giữa kẻ phạm tội và tài sản, cần được chấp nhận nếu quốc gia được yêu cầu có khả năng định vị được tài sản dựa trên những thông tin nhận được hoặc những thông tin hiện có.                                                                                                                                                                                                                             | 13      | Thực thi   |
| Các quốc gia cần xác định những vấn đề cần ưu tiên và giới hạn số lượng các văn bản yêu cầu bằng cách tập trung vào những vấn đề thật cần thiết và cụ thể để đảm bảo yêu cầu tương trợ có thể được thực hiện.                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 13      | Thực thi   |
| Các quốc gia cần ban hành những quy định cho phép phong tỏa và thu hồi tài sản thay thế hoặc tài sản có giá trị tương đương. Tối thiểu, pháp luật cần cho phép tịch thu những tài sản đã được trộn lẫn với tài sản hợp pháp theo yêu cầu của UNCAC.                                                                                                                                                                                                                                                   | 14      | Chính sách |
| Các quốc gia cần ban hành các quy định cho phép THTS không dựa trên phán quyết. Về mặt tối thiểu, cơ chế này cần được phép áp dụng trong trường hợp người phạm tội đã chết, chạy trốn, vắng mặt hoặc được hưởng quyền miễn trừ hoặc trong các trường hợp thích hợp khác. .                                                                                                                                                                                                                            | 15      | Chính sách |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Rào cản | Loại       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần cho phép thực thi lệnh THTS không dựa trên phán quyết của tòa án nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 15      | Chính sách |
| Các quốc gia cần ban hành các quy định tạo điều kiện cho sự hợp tác tương xứng của bị cáo trong các vụ án về THTS.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 16      | Chính sách |
| Trước khi ký kết một thỏa thuận nhận tội hoặc một thỏa thuận tương tự, các quốc gia cần nỗ lực phối hợp với các quốc gia liên quan khác có quan tâm tới quá trình điều tra để tránh ảnh hưởng tới cuộc điều tra đang diễn ra tại quốc gia đó.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 16      | Thực thi   |
| Các quốc gia, khi cần thiết, cần ban hành các quy định đảm bảo rằng phạm vi của quyền miễn trừ quốc tế được quy định trong hệ thống pháp luật quốc gia không rộng hơn phạm vi được quy định theo pháp luật và thông lệ quốc tế. Quy định pháp luật cần cho phép việc truy cứu trách nhiệm hình sự, tịch thu tài sản và tương trợ tư pháp khi:<br>iv) Hành vi có liên quan được thực hiện với tư cách cá nhân;<br>v) Những công chức nước ngoài đang bị truy tố tại quốc gia mà họ có quốc tịch; hoặc<br>vi) Những công chức nước ngoài là chủ sở hữu hưởng lợi của khối tài sản hiện đang được quản lý bởi các công ty tư nhân hoặc dưới tên của các thành viên gia đình hoặc cộng sự của họ. | 17      | Chính sách |
| Các quốc gia cần ban hành các quy định cho phép tạm đình chỉ thời hiệu khởi kiện cho đến khi các công chức nước ngoài được hưởng quyền miễn trừ rời khỏi vị trí công tác hoặc bị tước bỏ quyền miễn trừ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 17      | Chính sách |
| Các quốc gia không nên coi các quyền miễn trừ là một rào cản khi các quyền này bị quốc gia mà công chức có quốc tịch tước bỏ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 17      | Thực thi   |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Rào cản | Loại       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần thận trọng kiểm tra tình tiết của từng vụ án có liên quan đến tội phạm tham nhũng để xác định xem có thể áp dụng quyền miễn trừ hay tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu có thể áp dụng quyền miễn trừ và quyền này không thể bị tước bỏ, các công tố viên cần cân nhắc thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm công lý, bao gồm việc khởi kiện dân sự, thu hồi không dựa trên phán quyết hoặc buộc tội đối với những người hoặc cá nhân liên quan đến tội phạm. | 17      | Thực thi   |
| Khi có thể, các quốc gia cần cân nhắc hủy bỏ các quy định liên quan đến thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm tham nhũng quy mô lớn. Ví dụ, thời hiệu khởi kiện có thể bị hủy bỏ đối với những tội phạm liên quan đến khối tài sản có giá trị quá lớn.                                                                                                                                                                                                                | 18      | Chính sách |
| Nếu không thể hủy bỏ quy định về thời hiệu, các quốc gia cần kéo dài thời hiệu truy tố các tội phạm được UNCAC quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 18      | Chính sách |
| Các quốc gia cần ban hành hoặc áp dụng những quy định cho phép trì hoãn thời điểm tính thời hiệu cho đến khi quyền miễn trừ không còn cản trở việc truy tố.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 18      | Chính sách |
| Các quốc gia cần ban hành hoặc áp dụng những quy định trì hoãn thời điểm bắt đầu tính thời hiệu cho đến khi phát hiện ra tội phạm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 18      | Chính sách |
| Đối với những vụ án mà thời hiệu khởi kiện là một rào cản đối với THTS, các quốc gia cần khuyến khích các công tố viên xác định những tội danh có thể buộc tội (ví dụ như tham ô, rửa tiền và chiếm hữu tài sản) hoặc các cơ chế thu hồi - bao gồm khởi kiện dân sự và thu hồi không dựa trên kết án - để có thể áp dụng một thời hiệu có lợi nhất.                                                                                                                                           | 19      | Thực thi   |
| Quốc gia được yêu cầu cần thực hiện tương trợ tư pháp mà không cần cân nhắc tới thời hiệu theo quy định pháp luật của quốc gia họ vì thời hiệu theo quy định trong pháp luật của quốc gia yêu cầu sẽ được áp dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                            | 19      | Thực thi   |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Rào cản | Loại       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần công nhận hiệu lực của bản án nước ngoài yêu cầu phong tỏa, thu giữ và tịch thu tài sản, bao gồm cả những tài sản có giá trị tương đương trong bối cảnh hình sự. Cần xóa bỏ các quy định hạn chế việc thực thi trực tiếp bản án của tòa án nước ngoài. Pháp luật phải cho phép việc tịch thu tài sản thay thế hoặc có giá trị tương đương.                                                                                                                                                                                                                         | 19      | Chính sách |
| Đối với những tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của UNCAC, các quốc gia cần ban hành các quy định về việc trả lại tất cả các tài sản bị tịch thu theo yêu cầu của quốc gia nước ngoài (sau khi khấu trừ các chi phí phát sinh) theo Điều 57 của UNCAC.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 20      | Chính sách |
| Đối với những tội phạm khác, bao gồm cả những tội phạm được UNTOC quy định, trong trường hợp hai quốc gia không có thỏa thuận song phương về chia sẻ tài sản, các quốc gia cần ban hành các quy định cho phép cơ chế chia sẻ tài sản này. Các hiệp định song phương về chia sẻ tài sản có thể quy định rằng, phương thức chia sẻ và định đoạt tài sản sẽ được hai bên thông nhất theo từng vụ án.                                                                                                                                                                                   | 20      | Chính sách |
| Các quốc gia cần chỉ định một đầu mối chính và đầu mối phụ trong cơ quan trung ương, chịu trách nhiệm cung cấp những hỗ trợ ban đầu trong xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ. Các quốc gia cũng cần xác định các cơ quan có thẩm quyền liên quan khác làm đầu mối chịu trách nhiệm xử lý các yêu cầu không chính thức. Các thông tin liên quan đến đầu mối cần được cập nhật, bao gồm tên và địa chỉ của cơ quan trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền, vị trí hoặc chức danh của đầu mối, thông tin về cán bộ đầu mối (địa chỉ e-mail, số điện thoại, số fax) và ngôn ngữ sử dụng. | 21      | Thực thi   |
| Các quốc gia cần thực thi các chính sách và thủ tục để đảm bảo rằng các đầu mối tại cơ quan trung ương có đủ năng lực và kiến thức để cung cấp thông tin cho quốc gia nước ngoài về cách thức xây dựng văn bản yêu cầu tương trợ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 21      | Thực thi   |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Rào cản | Loại       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần sử dụng các cách thức khác nhau để cung cấp thông tin về các đầu mối quốc gia và đảm bảo rằng những thông tin chi tiết đều được cập nhật; những thông tin này có thể được đăng tải trên các trang web của chính phủ, INTERPOL và các mạng lưới quốc tế hoặc khu vực như CARIN, ARINSA và IBERRED. | 21      | Thực thi   |
| Các quốc gia cần củng cố các mạng lưới THTS hiện tại hoặc lồng ghép vấn đề THTS vào chương trình hoạt động của các mạng lưới khu vực hiện có. Nếu chưa có một mạng lưới như vậy, các quốc gia cần hỗ trợ xây dựng mạng lưới, yêu cầu các tổ chức quốc tế hỗ trợ khi cần thiết.                                     | 21      | Thực thi   |
| Khi đặt ra điều kiện có đi có lại, các quốc gia cần giả định rằng điều kiện này mặc định được đáp ứng trừ khi pháp luật có quy định khác.                                                                                                                                                                          | 22      | Chính sách |
| Các quốc gia không được từ chối tương trợ chỉ vì không thỏa mãn điều kiện cùng hình sự hóa do thời hiệu đã kết thúc tại quốc gia được yêu cầu.                                                                                                                                                                     | 22      | Chính sách |
| Khi đặt ra yêu cầu cùng hình sự hóa, các quốc gia cần sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên hành vi khi xác định liệu yêu cầu có được đáp ứng hay không.                                                                                                                                                           | 22      | Chính sách |
| Khi có quan ngại về hình phạt tử hình, quốc gia được yêu cầu cần được đảm bảo rằng sau khi thực hiện tương trợ tư pháp, quốc gia yêu cầu sẽ không áp dụng hình phạt tử hình trong vụ án.                                                                                                                           | 22      | Chính sách |
| Các quốc gia cần tránh giới hạn phạm vi cung cấp tương trợ tư pháp cho một số quốc gia cụ thể.                                                                                                                                                                                                                     | 22      | Chính sách |
| Các quốc gia cần giới hạn các căn cứ để từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp theo quy định của UNCAC và UNTOC, và khi được yêu cầu, các quốc gia cần xác định rõ từng căn cứ từ chối, trên cơ sở xem xét bản chất của yêu cầu.                                                                              | 22      | Chính sách |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Rào cản | Loại       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia không nên quy định những căn cứ từ chối tương trợ mang tính bắt buộc, thay vào đó cần làm rõ các tiêu chí để cân nhắc và quyết định tương trợ phụ thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 22      | Chính sách |
| Các quốc gia cần đảm bảo rằng các yêu cầu tương trợ tư pháp không thể bị từ chối vì tội phạm có liên quan đến các vấn đề về thuế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 22      | Chính sách |
| Các quốc gia cần đảm bảo rằng các yêu cầu tương trợ tư pháp không thể bị từ chối chỉ vì những lý do liên quan đến lợi ích kinh tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 22      | Chính sách |
| Các quốc gia và tổ chức cần sử dụng các cổng thông tin điện tử của chính phủ, các đầu mối tương trợ tư pháp và hệ thống cơ sở dữ liệu của bên thứ ba để công khai các quy định pháp luật và công cụ tương trợ tư pháp, các hướng dẫn thực hiện và các văn bản mẫu yêu cầu tương trợ, bằng ít nhất một ngôn ngữ được quốc tế thừa nhận. Ví dụ như cổng thông tin của UNODC IMOLIN, Thư viện Pháp luật của UNCAC, Sáng kiến StAR và ICAR (Trung tâm quốc tế về THTS).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 23      | Thực thi   |
| <p>Các cơ quan được chỉ định làm đầu mối tương trợ tư pháp cần phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền liên quan để:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>v) cho phép tiếp cận với các đạo luật và quy định liên quan đến tương trợ tư pháp trên mạng internet;</li> <li>vi) ban hành và thường xuyên cập nhật các hướng dẫn dành cho các cơ quan nước ngoài về những yêu cầu đặt ra đối với các yêu cầu tương trợ tư pháp hoặc các yêu cầu khác, trong đó bao gồm các văn bản yêu cầu mẫu được cập nhật thường xuyên;</li> <li>vii) ban hành những chính sách và thủ tục tương trợ tư pháp để hỗ trợ xây dựng văn bản yêu cầu, chuyển tiếp đơn yêu cầu tương trợ tư pháp và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xử lý yêu cầu tương trợ của các quốc gia nước ngoài; và</li> <li>iv) tiến hành các khóa đào tạo chính thức và đào tạo tại chỗ cho đội ngũ cán bộ về các quy định liên quan đến tương trợ tư pháp, các chính sách và thủ tục xây dựng và xử lý văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp nhận được.</li> </ul> | 23      | Thực thi   |



| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Rào cản | Loại       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia yêu cầu và được yêu cầu cần có thỏa thuận về hỗ trợ đào tạo và tăng cường năng lực thông qua việc cử cán bộ là thẩm phán, công tố viên, tùy viên hoặc chuyên gia pháp luật làm việc biệt phái tại các quốc gia yêu cầu, đặc biệt là đối với những yêu cầu liên quan đến các vấn đề quan trọng. Các quốc gia phát triển cần cân nhắc hỗ trợ tài chính, trực tiếp hoặc thông qua các hỗ trợ của các tổ chức đa phương, cho các quốc gia đang phát triển, thông qua việc cử các cán bộ làm việc biệt phái tại quốc gia được yêu cầu. | 24      | Chính sách |
| Các quốc gia cần xây dựng các chính sách và thủ tục để cung cấp và công bố công khai những nguồn lực có thể dành cho các quốc gia yêu cầu để hỗ trợ họ xây dựng yêu cầu có chất lượng. Các nguồn lực này có thể là những thông tin trực tuyến, tên và thông tin của cán bộ đầu mối sẽ giúp rà soát dự thảo của văn bản yêu cầu.                                                                                                                                                                                                                | 24      | Chính sách |
| Quốc gia yêu cầu cần sử dụng dịch vụ dịch thuật chuyên nghiệp để tăng cường chất lượng bản dịch và tránh việc lạm dụng những biệt ngữ pháp lý trong văn bản yêu cầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 24      | Thực thi   |
| Nếu văn bản yêu cầu phải được xây dựng bằng tiếng nước ngoài, các quốc gia yêu cầu cần hỗ trợ chi trả phí dịch thuật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 24      | Thực thi   |
| Nếu có khả năng cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, căn cứ đề nghị của quốc gia yêu cầu, và trên cơ sở từng vụ án, quốc gia được yêu cầu có thể cung cấp các cán bộ đào tạo cho các quốc gia yêu cầu nhằm tăng cường năng lực và chuyển giao kiến thức về tương trợ tư pháp và hợp tác quốc tế.                                                                                                                                                                                                                                                          | 24      | Thực thi   |
| Các quốc gia khi gửi văn bản yêu cầu tương trợ cần cung cấp thông tin liên lạc của cán bộ sẽ chịu trách nhiệm về văn bản yêu cầu này, bao gồm thông tin liên quan đến ngôn ngữ mà người đó sử dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 25      | Thực thi   |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Rào cản | Loại       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|
| Các quốc gia cần ban hành các chính sách và thủ tục để thực hiện các yêu cầu tương trợ. Điều quan trọng là phải quy định việc cung cấp tên và địa chỉ liên lạc của cán bộ đầu mối để cơ quan yêu cầu có thể tiếp cận và được biết về thực trạng xử lý yêu cầu. Thông tin này cần được gửi đi trong vòng 02 tuần kể từ khi nhận được yêu cầu tương trợ.                                                                                             | 25      | Thực thi   |
| Quốc gia được yêu cầu cần nhanh chóng phản hồi quốc gia yêu cầu dưới hình thức văn bản khi yêu cầu tương trợ tư pháp bị từ chối, trong đó chỉ rõ căn cứ từ chối và sự biện minh đầy đủ.                                                                                                                                                                                                                                                            | 25      | Thực thi   |
| Các quốc gia cần cho phép áp dụng các biện pháp điều tra và bảo quản tài sản mà không thông báo cho người nắm giữ tài sản khi có thể đảm bảo các quyền tố tụng của người nắm giữ tài sản ở các giai đoạn khác của quá trình tố tụng.                                                                                                                                                                                                               | 26      | Chính sách |
| Các quốc gia cần quy định về thời hiệu mà trong khoảng thời gian đó, người nắm giữ tài sản có thể khiếu nại quyết định thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp của một quốc gia. Các quốc gia cần nghiêm cấm người nắm giữ tài sản gây khó khăn cho quá trình tố tụng ở quốc gia được yêu cầu. Các quốc gia không được cho phép người nắm giữ tài sản cơ hội được tranh tụng hai lần về cùng một vụ việc, ở quốc gia được yêu cầu và quốc gia yêu cầu. | 26      | Chính sách |
| Các quốc gia cần có các hình phạt (ví dụ như lệnh trả lệ phí tư pháp) đối bên tranh tụng không có căn cứ nhằm mục đích trì hoãn quá trình tố tụng một cách không cần thiết.                                                                                                                                                                                                                                                                        | 26      | Thực thi   |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Rào cản | Loại     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|
| <p>Để tránh những trì hoãn không cần thiết khi xử lý các yêu cầu tương trợ, các quốc gia cần áp dụng các thủ tục sau đối với các yêu cầu về tương trợ tư pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>iv) thông báo việc đã tiếp nhận văn bản yêu cầu tương trợ trong vòng hai tuần kể từ khi nhận được yêu cầu, cung cấp cho quốc gia yêu cầu thông tin liên lạc của cán bộ chịu trách nhiệm xử lý yêu cầu, bao gồm cả địa chỉ hòm thư điện tử;</li> <li>v) thiết lập cơ chế trao đổi thông tin rõ ràng giữa quốc gia yêu cầu và được yêu cầu; và</li> <li>vi) cung cấp cho quốc gia yêu cầu thông tin về quá trình, tiến độ, kế hoạch và bất cứ vấn đề gì liên quan đến quá trình tương trợ.</li> </ul> | 26      | Thực thi |
| Quốc gia được yêu cầu cần ưu tiên các yêu cầu mang tính khẩn cấp và cho phép áp dụng các thủ tục đặc biệt để thực hiện yêu cầu khi quốc gia yêu cầu cần được hỗ trợ khẩn cấp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 26      | Thực thi |
| Quốc gia được yêu cầu cần trao đổi với quốc gia yêu cầu để đảm bảo rằng quốc gia yêu cầu đã hiểu các khía cạnh của yêu cầu, đặc biệt khi giá trị tài sản thấp nhưng có ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 26      | Thực thi |
| Các quốc gia cần thiết lập và duy trì các hệ thống cơ sở dữ liệu công sẵn có, ví dụ như hệ thống cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, đất đai hoặc các tổ chức phi lợi nhuận. Nếu có thể, những cơ sở dữ liệu này cần được hệ thống hóa ở cấp độ trung ương và duy trì ở định dạng điện tử hoặc theo thời gian thực để có thể được tìm kiếm và cập nhật vào bất cứ thời điểm nào.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 27      | Thực thi |
| Các quốc gia cần giảm thiểu các yêu cầu mô tả quá mức chi tiết về tài sản cần được phong tỏa hoặc tịch thu, ví dụ như yêu cầu cung cấp mã số đăng ký khu đất thay vì chỉ cần cung cấp tên thành phố mà tài sản được định vị; các quốc gia cần đảm bảo rằng việc đáp ứng các yêu cầu sẽ không ảnh hưởng đến hiệu quả tương trợ tư pháp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 27      | Thực thi |

| Khuyến nghị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Rào cản | Loại     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|
| Các quốc gia cần ban hành các chính sách và thủ tục quy định nhằm đảm bảo hạn chế sử dụng tài sản bị phong tỏa, ví dụ như quy định về lệ phí tư pháp và yêu cầu bị cáo chứng minh việc không thể chi trả lệ phí tư pháp. Những chính sách và quy trình này cần đảm bảo sự cân bằng giữa quyền biện hộ của bị cáo và quyền của nạn nhân trong THTS.                                                                  | 28      | Thực thi |
| Các quốc gia phát triển cần lập một quỹ đặc biệt để hỗ trợ tài chính cho các quốc gia đang phát triển muốn THTS tại quốc gia phát triển.                                                                                                                                                                                                                                                                            | 28      | Thực thi |
| Các quốc gia cần khuyến khích các hãng luật cung cấp dịch vụ pháp lý cho những quốc gia không có đủ năng lực hoặc nguồn lực tài chính để theo đuổi những vụ kiện tốn kém thời gian và tiền bạc. Thay vào đó, các quốc gia phát triển khi nhận được yêu cầu tương trợ từ quốc gia đang phát triển để trả lại tài sản bị thất thoát, cần hỗ trợ tài chính cho các quốc gia đang phát triển để chi trả lệ phí tư pháp. | 28      | Thực thi |
| Các quốc gia phát triển có thể sử dụng chi phí dự phòng để thanh toán chi phí dịch vụ pháp lý của các hãng luật tư nhân giúp các quốc gia đang phát triển hoặc sử dụng tài sản bị tịch thu cho mục đích đó, với điều kiện rằng, những thỏa thuận này được công khai, bình đẳng, phù hợp với thực tiễn và vì lợi ích của quốc gia nạn nhân.                                                                          | 28      | Thực thi |
| Các quốc gia, cụ thể là các cơ quan trung ương hoặc cơ quan tư pháp, cần đảm bảo rằng, việc chi trả lệ phí tư pháp không bị lạm dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                               | 28      | Thực thi |
| Các quốc gia cần có các biện pháp quản lý tài sản hiệu quả để chống lại việc tài sản bị thu giữ hoặc phong tỏa bị hao mòn, theo quy định của UNCAC.                                                                                                                                                                                                                                                                 | 28      | Thực thi |
| Các quốc gia, khi cần thiết, cần cho phép việc định đoạt những tài sản bị phong tỏa có khả năng mất giá nhanh chóng để bảo toàn giá trị tài sản.                                                                                                                                                                                                                                                                    | 28      | Thực thi |

### CANADA

#### ***A. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

##### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- *Luật tương trợ tư pháp về hình sự* (MLACMA) (<http://laws.justice.gc.ca/eng/M-13.6/index.html>) cho phép thực hiện tương trợ tư pháp. Canada có thể không căn cứ trực tiếp vào các công ước đa phương để tương trợ tư pháp mà chỉ dựa theo các quy định của MLACMA.
- Mục 46 của Đạo luật chứng cứ Canada (EA) (<http://laws.justice.gc.ca/eng/C-5/index.html>) cho phép thực hiện một số hình thức tương trợ tư pháp, bao gồm những biện pháp cưỡng chế nhất định, dựa trên các đơn thỉnh cầu trong trường hợp quá trình tố tụng hình sự đang được tòa án nước ngoài xem xét.
- Canada đã ký hiệp định song phương với 33 quốc gia: Argentina; Áo; Úc; Bahamas; Bỉ; Trung Quốc; Cộng hòa Séc; Pháp; Hy Lạp; Hồng Kông SAR, TQ; Hungary; Ấn Độ; Israel; Ý; Hàn Quốc; Mexico; Hà Lan; Na Uy; Peru; Ba Lan; Romania; Liên bang Nga; Nam Phi; Tây Ban Nha; Thụy Điển; Thụy Sĩ; Thái Lan; Trinidad và Tobago; Ukraine; Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland; Hoa Kỳ; và Uruguay.
- Canada đã phê chuẩn Công ước Merida, Công ước liên Mỹ về Tương trợ Tư pháp về Các vấn đề Hình sự, Công ước Viên và Palermo, Công ước liên Mỹ về Tương trợ Tư pháp về Vấn đề Hình sự của Tổ chức các quốc gia Châu Mỹ, và Công ước về

chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế.

## **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp**

- Các yêu cầu tương trợ dựa trên các hiệp định song phương hoặc đa phương nhìn chung không đòi hỏi đáp ứng điều kiện cùng hình sự hóa. Các thỏa thuận hành chính giữa những quốc gia không ký hiệp định chỉ được áp dụng đối với những hành vi phạm tội có thể bị truy tố theo luật pháp Canada, vì vậy yêu cầu điều kiện cùng hình sự hóa.
- Lệnh thu giữ và tạm giữ tài sản ở nước ngoài chỉ có thể được thực thi trực tiếp tại Canada nếu có liên quan đến một hành vi phạm tội có thể bị truy tố theo luật pháp Canada.
- Các quốc gia đã ký kết một hiệp định, công ước ước hay thỏa thuận hành chính với Canada, cần đáp ứng điều kiện có đi có lại để được tương trợ. Các thỏa thuận hành chính có thể được ký kết cho các trường hợp cụ thể và khi không có một hiệp định nào được áp dụng.

## **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

Căn cứ Mục 9.4 của MLACMA, Bộ trưởng Tư pháp từ chối thực hiện các yêu cầu tương trợ khi:

- Có đủ căn cứ hợp lý cho rằng yêu cầu tương trợ đó được đề xuất với mục đích trừng phạt một cá nhân vì lý do chủng tộc, giới tính, khuynh hướng tình dục, tôn giáo, quốc tịch, dân tộc, ngôn ngữ, màu da, độ tuổi, khuyết tật về trí tuệ hoặc thể chất, hoặc quan điểm chính trị của người đó.
- Việc thực hiện yêu cầu đó cản trở quá trình điều tra hoặc truy tố đang được tiến hành.
- Việc thực hiện yêu cầu đó sẽ gây khó khăn cho nguồn lực của chính quyền liên bang, tỉnh và lãnh thổ.

- Việc thực hiện yêu cầu đó phương hại đến an ninh, lợi ích quốc gia hoặc chủ quyền của Canada.
- Việc từ chối yêu cầu là vì lợi ích công.
- Những căn cứ từ chối thực hiện tương trợ tư pháp khác được quy định trong các hiệp định, thỏa thuận hành chính, song phương và đa phương.

## ***B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp***

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương chịu trách nhiệm tiếp nhận mọi yêu cầu thực hiện tương trợ tư pháp.
- Trên thực tế, Bộ thực hiện chức năng là cơ quan trung ương thông qua Nhóm Hỗ trợ Quốc tế (IAG), chịu trách nhiệm kiểm tra và điều phối việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp. IAG cũng có thể tiếp nhận yêu cầu thông qua các kênh ngoại giao hoặc trực tiếp từ cơ quan trung ương của tổ chức hoặc quốc gia yêu cầu tương trợ tư pháp.

### **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Mọi văn bản yêu cầu phải được lập bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

## ***C. Thu hồi tài sản***

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Các biện pháp truy tìm theo MLACM được thực hiện ngay khi quốc gia yêu cầu tương trợ tư pháp tiến hành điều tra hình sự.
- Các biện pháp theo quy định của EA bao gồm việc trực tiếp thi hành lệnh phong tỏa và thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài ngay sau khi có những cáo buộc chính thức được đệ trình trước

tòa án nước ngoài. Pháp luật không yêu cầu phải có phán quyết của tòa án trong trường hợp này.

### ***Truy nguyên***

#### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

- Căn cứ theo Mục 11 và 12 của MLACMA, tòa án Canada có thể ban hành lệnh khám xét nếu có căn cứ cho rằng, căn cứ theo luật của quốc gia yêu cầu, hành vi phạm tội đã được thực hiện, chứng cứ về hành vi phạm tội hoặc thông tin về nơi cư trú của người bị tình nghi sẽ được tìm thấy ở địa điểm khám xét và việc ban hành lệnh cung cấp chứng cứ là không phù hợp. Người thi hành lệnh khám xét có thể thu giữ những gì được cho là chứng cứ, có được nhờ hành vi phạm tội, hay những gì được chủ định sẽ sử dụng hoặc đã được sử dụng khi phạm tội.
- Căn cứ theo Mục 18 của MACMA, thẩm phán Canada có thể ban hành lệnh cung cấp chứng cứ nếu có đủ căn cứ cho rằng, hành vi phạm tội đã được thực hiện, căn cứ theo luật của quốc gia yêu cầu, chứng cứ về hành vi phạm tội hoặc thông tin về nơi cư trú của người bị tình nghi sẽ được tìm thấy ở Canada. Tài liệu đặc quyền hoặc không được tiết lộ theo luật pháp Canada không bị bắt buộc cung cấp. Mục 46 của EA cũng cho phép tòa án Canada ban hành lệnh cung cấp chứng cứ và lấy lời khai bắt buộc của nhân chứng nếu cáo buộc hình sự được đệ trình ở quốc gia yêu cầu.
- Những biện pháp khác được quy định trong MLACMA và EA bao gồm đoạn băng hoặc đường dẫn bản thu âm tiếng của một nhân chứng ở Canada để phục vụ quá trình tố tụng ở nước ngoài, lệnh yêu cầu cung cấp tang vật được đề xuất trong quá trình tố tụng của tòa án Canada, lệnh khám xét nơi ở hoặc hiện trường ở Canada, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù để đứng ra làm chứng hoặc hỗ trợ điều tra, tổng đạt giấy tờ và lệnh giám sát tài khoản.



### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Theo Hiệp định tương trợ tư pháp, thông tin bảo mật có thể được tiếp cận trong quá trình khám xét, nếu những thông tin này cần được niêm phong và nộp lại cho tòa.

#### ***Các biện pháp tạm thời (Lệnh Phong tỏa, Tạm giữ, tịch thu tài sản)***

### **C.4. Thực thi trực tiếp bản án phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài**

- Mục 9.3 MLACMA cho phép thi hành trực tiếp lệnh phong tỏa và tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài nếu một người bị cáo buộc có hành vi phạm tội theo luật của quốc gia yêu cầu hoặc nếu hành vi phạm tội có thể bị truy tố ở Canada.
- Sau khi được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chấp thuận, tổng chương lý sẽ chuyển lệnh này tới Tòa Thượng thẩm hình sự có thẩm quyền. Lệnh của tòa án nước ngoài sau đó được coi như lệnh của tòa án này và được thực thi tại Canada.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Không có điều khoản nào trong Bộ luật Hình sự cho phép áp dụng các biện pháp tạm thời trong nước cho quốc gia nước ngoài.
- **Thủ tục:**
- **Yêu cầu về chứng cứ:**
- **Thời hạn:**

#### ***Tịch thu tài sản***

### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Mục 9 của MLACMA.

- **Thủ tục:** Tùy thuộc vào quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Mục 9 MLACMA cho phép thực thi trực tiếp các bản án tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài tại Canada. Sau khi được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chấp thuận, tổng chưởng lý sẽ chuyển lệnh này tới Tòa Thượng thẩm hình sự có thẩm quyền. Lệnh của tòa án nước ngoài sau đó được coi như lệnh của tòa án này và được thực thi tại Canada theo pháp luật quốc gia.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Các phán quyết tịch thu của tòa án nước ngoài có thể được thi hành tại Canada nếu bị cáo đã bị quốc gia yêu cầu buộc tội; nếu đó là một hành vi phạm tội có thể bị truy tố theo luật pháp Canada và nếu đó là phán quyết cuối cùng. Hiệu lực của phán quyết này có thể được mở rộng tới bất cứ tài sản nào liên quan đến hành vi phạm tội hoặc do phạm tội mà có.

### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

- Một vài nhưng không phải tất cả các thành phố ở Canada có thể thực thi các lệnh tịch thu tài sản dân sự.

### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

Một lệnh tịch thu của tòa án nước ngoài có thể có hiệu lực theo Mục 9 của MLACMA (xem phần C.6.).

### **D. Các hình thức tương trợ không chính thức**

- Hỗ trợ không chính thức có thể được cung cấp bởi FINTRAC (đơn vị tình báo tài chính FIU và giám sát tình báo tài chính) (<http://www.fintrac.gc.ca/>), Cơ quan Giám sát các Tổ chức tài chính (<http://www.infosource.gc.ca/inst/sif/fed04-eng.asp>), các lực lượng đảm bảo an ninh và cảnh sát thành phố.

- Chỉ duy nhất FINTRAC (vừa là người giám sát vừa là đơn vị tình báo tài chính) yêu cầu phải có Biên bản ghi nhớ. Tất cả các cơ quan khác được trao quyền hành để cung cấp các hình thức tương trợ phân quyền cũng như trong trường hợp không có biên bản ghi nhớ.
- Canada vẫn duy trì và sử dụng các văn phòng tùy viên<sup>92</sup>.

---

<sup>92</sup> Các nhà hoạt động thực tiễn có thể liên lạc với đại sứ quán Canada nơi gần nhất để xác định văn phòng tùy viên phù hợp.

## QUẦN ĐẢO CAYMAN

### ***A. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- Luật Hợp tác quốc tế về Tư pháp Hình sự (CJICL) cho phép thực hiện tương trợ tư pháp đối với tất cả các tội phạm nghiêm trọng theo pháp luật của quần đảo Cayman nếu có yêu cầu tương trợ của bất kỳ quốc gia được liệt kê trong phụ lục của CJICL (danh sách các quốc gia này giống với danh sách các quốc gia ký kết Công ước Viên).
- Luật về Tài sản từ Hành vi Tội phạm (PCCL) sau này đã bị bãi bỏ và thay thế bởi Luật về Tài sản do phạm tội mà có năm 2008<sup>93</sup> và Luật phòng, chống lạm dụng ma túy (MDL)) quy định việc đăng ký và/hoặc thực thi các lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài. Chỉ các quốc gia được nêu trong phần mục lục của luật PCCL mới được yêu cầu thực thi các lệnh này (danh sách các quốc gia này giống với danh sách các quốc gia ký kết Công ước Viên).
- Lệnh cung cấp chứng cứ (trong quá trình tố tụng ở các quốc gia khác) (đảo Cayman) (EO) cho phép Tòa án tối cao hỗ trợ các tòa án nước ngoài thu thập chứng cứ trong các vụ án hình sự và dân sự khi đã buộc tội bị cáo. Các yêu cầu phải được thực hiện thông qua đơn thỉnh cầu. Biện pháp này có thể được yêu cầu bởi bất cứ quốc gia nào.
- Quần đảo Cayman có thể không cung cấp tương trợ tư pháp trực tiếp dựa trên các hiệp định quốc tế mà chỉ dựa trên các luật CJICL, PCCL, MDL hoặc EO.

---

<sup>93</sup> PCCL vẫn được áp dụng đối với những tội phạm được thực hiện trước tháng 9/2008.

- Quần đảo Cayman đã ký Hiệp định tương trợ tư pháp song phương với Hoa Kỳ. Công ước Viên đã được Vương quốc Anh phê chuẩn và có hiệu lực mở rộng tới quần đảo Cayman. Công ước Menda đã được Vương quốc Anh phê chuẩn nhưng chưa có hiệu lực mở rộng tới quần đảo Cayman.

## **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp**

- Điều kiện cùng hình sự hóa được yêu cầu trong mọi trường hợp, nhưng sự khác biệt mang tính kỹ thuật trong phân loại hành vi phạm tội không gây trở ngại nào đối với hoạt động tương trợ tư pháp.
- Nguyên tắc có đi có lại cũng được yêu cầu trong mọi trường hợp.

## **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

Một yêu cầu tương trợ tư pháp có thể bị từ chối nếu:

- Không đáp ứng các yêu cầu về mặt thể thức theo quy định của pháp luật.
- Yêu cầu không đưa ra được căn cứ hợp lý để tin rằng một tội phạm hình sự đã được thực hiện.
- Yêu cầu không đưa ra được căn cứ hợp lý cho rằng các thông tin được tìm kiếm có liên quan đến hành vi phạm tội và có thể tìm kiếm tại quần đảo Cayman.
- Yêu cầu có thể sẽ phương hại đến an ninh, trật tự công cộng, hoặc những lợi ích thiết yếu khác của quần đảo Cayman.
- Chính quyền ở quần đảo Cayman sẽ bị cấm tiến hành các hoạt động tương trợ theo yêu cầu nếu tội phạm được thực hiện trên quần đảo.
- Việc thực hiện tương trợ tư pháp theo yêu cầu là trái với pháp luật của quần đảo Cayman.

- Yêu cầu nhận được từ một tổ chức nước ngoài mà không phải một cơ quan tư pháp (tòa án có thẩm quyền) hoặc các cơ quan thực thi pháp luật (tổng chưởng lý, cơ quan truy tố và điều tra).

## ***B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp***

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Cơ quan trung ương chịu trách nhiệm về các yêu cầu căn cứ theo CJICL, MDL và PCCL là Tổng chưởng lý; các luật sư trong Văn phòng Tổng chưởng lý sẽ được hướng dẫn để thực hiện các yêu cầu.
- Cơ quan trung ương chịu trách nhiệm về các yêu cầu thông qua đơn thỉnh cầu dựa trên EO là Tòa án tối cao của quần đảo Cayman. Trên thực tế, tất cả các đơn thỉnh cầu sẽ được xem xét bởi tổng chưởng lý, người hướng dẫn các luật sư của mình để nghị Tòa án tối cao chấp thuận yêu cầu. Nếu Tòa án tối cao chấp thuận yêu cầu, bằng chứng sẽ được chuyển tới tòa án của quốc gia yêu cầu bởi thư ký của Tòa án tối cao.
- Cơ quan trung ương chịu trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu tương trợ tư pháp dựa trên hiệp ước song phương với Hoa Kỳ là Chánh án Tòa án tối cao Hoa Kỳ.

### **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp phải được lập bằng tiếng Anh.

## ***C. Thu hồi tài sản***

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Hoạt động tương trợ dựa trên CJICL có thể được thực hiện trong giai đoạn điều tra nếu có căn cứ hợp lý nghi ngờ một người nào đó phạm tội hoặc được hưởng lợi từ một hành vi phạm tội.

- Hoạt động tương trợ dựa trên Luật MDL và PCCL chỉ có thể được thực hiện sau khi khởi tố vụ án nhưng trước khi khởi tố bị can và lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài đã được ban hành hoặc có khả năng sẽ được ban hành hoặc nếu Tòa án tối cao tin rằng, bị can sẽ bị khởi tố trong vòng 21 ngày.
- Hoạt động tương trợ dựa trên EO chỉ có thể được thực hiện sau khi khởi tố bị can.

## ***Truy nguyên***

### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

Căn cứ khoản 3 của CJICL, các biện pháp sẵn có đáp ứng yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức bao gồm:

- Thu thập chứng cứ hoặc lấy lời khai của người có liên quan.
- Lệnh cung cấp chứng cứ yêu cầu đưa ra các thông tin và tài liệu làm chứng cứ bao gồm các bản chính hoặc bản sao có công chứng các hồ sơ ngân hàng, hồ sơ tài chính, hồ sơ kinh doanh hoặc hồ sơ của các doanh nghiệp có liên quan, có thể được ban hành nếu có các căn cứ hợp lý nghi ngờ một người cụ thể nào đó đã thực hiện hoặc đã được hưởng lợi từ hành vi phạm tội nghiêm trọng, trong đó các tài liệu liên quan có giá trị quan trọng đối với yêu cầu và không phải tài liệu cần bảo mật, và việc quốc gia được yêu cầu cung cấp hoặc tiếp cận các tài liệu là vì lợi ích quốc gia.
- Lệnh khám xét và thu giữ với mục đích làm chứng cứ có thể được Tòa án tối cao ban hành trong trường hợp Lệnh cung cấp chứng cứ không được tuân thủ; hoặc nếu có các căn cứ hợp lý nghi ngờ một người cụ thể nào đó thực hiện hoặc đã được hưởng lợi từ hành vi phạm tội nghiêm trọng và việc ban hành lệnh cung cấp các tài liệu liên quan là không thực tế, hoặc cuộc điều tra có thể bị cản trở nếu không thể kịp thời tiếp cận tài liệu; hoặc nếu có các căn cứ hợp lý để tin rằng một người cụ thể đã thực hiện hoặc đã được hưởng lợi từ việc thực hiện một hành

vi phạm tội nghiêm trọng và những tài liệu liên quan đến người đó hoặc một hành vi phạm tội nghiêm trọng nào đó có thể tìm thấy ngay tại chỗ và có vai trò quan trọng trong thực hiện yêu cầu này. Bất kỳ tài liệu nào, ngoại trừ các tài liệu cần bảo mật, được cho là có lợi cho quá trình điều tra và là đối tượng của lệnh khám xét và thu giữ đều có thể bị thu giữ.

- Tiền, tài sản, các công cụ phạm tội và các vật có liên quan khác có thể được xác định và truy tìm để làm chứng cứ.
- Tài sản thu được trong quá trình phạm tội có thể bị cấm lưu hành.
- Có thể thực hiện tương trợ trong quá trình tịch thu và trả lại tài sản.
- Căn cứ theo mục 10 của CJICL, dựa theo yêu cầu của quốc gia nước ngoài, cơ quan trung ương có thể yêu cầu tòa án cho phép lấy lời khai.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Các tài liệu mật có thể được tiếp cận khi lệnh cung cấp chứng cứ, lệnh khám xét và thu giữ được ban hành. Các thông tin mật chỉ được cung cấp nếu thông tin này cần thiết cho công tác điều tra hoặc truy tố tội phạm hình sự ở nước ngoài và nếu thống đốc cho phép việc tiết lộ các thông tin mật đó. Đối với những yêu cầu thông qua văn kiện thỉnh cầu, Tòa án Tối cao, mà không phải thống đốc, có thẩm quyền cho phép và xác định mức độ chia sẻ thông tin.

### ***Các biện pháp tạm thời (Lệnh phong tỏa, tạm giữ, tịch thu tài sản)***

### **C.4. Thực thi trực tiếp bản án phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài**

- Các lệnh phong tỏa, thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài có thể không được thực thi trực tiếp tại quần đảo Cayman. Bất cứ hình



thức tương trợ việc phong tỏa hay tạm giữ tài sản nào đều phải tuân theo các điều khoản của MDL và PCCL hoặc CJICL như được chỉ ra dưới đây.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** MDL hoặc PCCL (tùy thuộc vào tội phạm liên quan).
- **Thủ tục:** Tòa án của quần đảo Cayman có thể ban hành lệnh tạm giữ trong nước theo yêu cầu của quốc gia nước ngoài.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Tòa án quần đảo Cayman có thể ban hành lệnh tạm giữ nếu quốc gia yêu cầu đã tiến hành khởi tố bị can; quá trình tố tụng vẫn đang được tiến hành, hoặc một lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài đã được ban hành hoặc có căn cứ hợp lý để tin rằng lệnh đó có thể được ban hành; hoặc có nhiều khả năng rằng việc khởi tố bị can sẽ được tiến hành và có căn cứ hợp lý để tin rằng lệnh tịch thu tài sản sẽ được ban hành trong quá trình tố tụng. Lệnh tạm giữ có thể được áp dụng cho tất cả tài sản có thể bị đóng băng, được nắm giữ bởi một cá nhân cụ thể, bao gồm cả tài sản được chuyển nhượng cho người này sau khi có lệnh tạm giữ hoặc tài sản được xác định trong lệnh tạm giữ.
- **Thời hạn:** Sau 21 ngày kể từ khi tòa án quần đảo Cayman tiến hành lệnh tạm giữ, nếu quốc gia yêu cầu chưa tiến hành khởi tố bị can, những biện pháp tạm thời sẽ được dỡ bỏ. Quốc gia nước ngoài được cho là đã khởi tố bị can khi người đó bị buộc tội hoặc lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài đã được thi hành.

### ***Tịch thu tài sản***

### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Khoản 43-48 của PCCL hoặc các điều khoản liên quan của MDL.

- **Thủ tục:** Lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài có thể được đăng ký tại Tòa án tối cao và thực thi trực tiếp sau đó tại quần đảo Cayman theo đề nghị của Tổng chưởng lý.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Các lệnh tịch thu của tòa án nước ngoài có thể được đăng ký tại tòa nếu khoản phải trả theo lệnh này tối thiểu là 30.000 đô-la Mỹ hoặc việc đăng ký lệnh này là vì lợi ích công cộng; nếu tại thời điểm đăng ký thực hiện, lệnh này vẫn có hiệu lực và không bị khiếu nại; trong trường hợp có người khiếu nại việc thực thi lệnh này không xuất hiện trong quá trình tố tụng, và bị cáo đã nhận được thông báo về quá trình tố tụng và có đủ thời gian để khiếu nại; và khi việc thực thi lệnh này tại quần đảo Cayman không đi ngược lại lợi ích của công lý.

### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

Luật pháp không quy định rõ trong trường hợp nào các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết của tòa án nước ngoài có thể được thực thi đối với những quỹ hoặc tài sản trên lãnh thổ của quần đảo Cayman. Trong một số vụ án nhất định (*Montesinos-Torres, Re Codelco, Công ty tài chính Á Rập Canada và các công ty khác với Player*), Tòa án đã cho phép thực thi lệnh tịch thu tài sản mà không dựa trên phán quyết của tòa án; trong khi đối với vụ án liên quan đến *Falcone*, tòa án đã không giải thích pháp luật quốc gia theo hướng cho phép thực thi lệnh thu hồi tài sản mà không dựa trên phán quyết của tòa án.

### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

Như đã trình bày tại Mục 16, 18, 19, 44 (a) - 45, 133 - 135, 70 - 71, 78 - 79 và 45(2) của Luật về tài sản do phạm tội mà có (2008), tương tự như luật pháp Vương quốc Anh, trong quá trình điều tra hình sự, tòa án quần đảo Cayman có thể tạm giữ toàn bộ tài sản của bị cáo, thậm chí nhiều hơn số tài sản bị cáo buộc, bởi vì bằng cách này, quần đảo Cayman không chỉ có thể thu hồi tài sản hợp pháp và

trong một số trường hợp, có thể yêu cầu bị cáo chứng minh tất cả tài sản có được trong vòng 6 năm gần nhất là tài sản có nguồn gốc hợp pháp; nếu không chứng minh được, số tài sản này sẽ được cho là tài sản do phạm tội mà có. Ngay cả những món quà hợp pháp cũng có thể bị tịch thu hay tạm giữ trong một số trường hợp nhất định.

Sau cùng, toà án tổ chức tiến hành xác định “tài sản có thể thu hồi” (số tài sản do phạm tội mà có) và “tài sản hiện có” (tài sản có được hợp pháp hay bất hợp pháp của đối tượng bị thu hồi tài sản).

#### ***D. Các hình thức tương trợ không chính thức***

- Các cơ quan, tổ chức như CAYFIN (FIU) (<http://www.fra.gov.ky/>), Cơ quan quản lý tiền tệ đảo Cayman (CIMA) (<http://www.cimoney.com.ky/>) cũng như các cơ quan công an, thuế, hải quan có thể đưa ra những biện pháp tương trợ không chính thức.

## PHÁP

### ***A. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các Công ước, Hiệp định và Luật đề cập đến hoặc bao gồm các nội dung liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- Căn cứ vào Điều 694 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Pháp có thể cung cấp tương trợ tư pháp một cách trực tiếp dựa trên các công ước và thỏa thuận quốc tế. Pháp đã phê chuẩn Công ước Merida, Viên, Palermo và Công ước chống tài trợ khủng bố cũng như Công ước Châu Âu về tương trợ lẫn nhau trong các vấn đề về hình sự và các nghị định thư bổ sung, Công ước của Hội đồng Châu Âu về chống tẩy rửa, khám xét, thu giữ và tịch thu tài sản do phạm tội mà có và Công ước của Tổ chức hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) về chống hối lộ các công chức nước ngoài trong các giao dịch kinh doanh quốc tế.
- Trong trường hợp không có công ước quốc tế nào được ký kết, Pháp có thể tương trợ tư pháp dựa trên đơn thỉnh cầu và căn cứ vào quy định tại chương X, Điều 694 tới 696-47 của Bộ luật Tố tụng Hình sự ([http://www.legifrance.gouv.fr/html/codes\\_traduits/code\\_penal\\_textan.htm](http://www.legifrance.gouv.fr/html/codes_traduits/code_penal_textan.htm)).
- Pháp đã ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp song phương với Brazil và Nam Phi.

#### **A.2. Điều luật pháp lý tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp**

- Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng Hình sự, hoạt động tương trợ tư pháp không đòi hỏi đáp ứng yêu cầu cùng hình sự hóa. Tuy nhiên, các điều khoản của các hiệp định và thỏa thuận có thể yêu cầu điều kiện cùng hình sự hóa.

- Nguyên tắc có đi có lại được coi như một điều kiện tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp khi không có công ước nào được áp dụng. Các quốc gia yêu cầu cần thể hiện nguyên tắc có đi có lại trong văn bản yêu cầu tương trợ của mình và có thể tham chiếu tới những vụ án trước đây mà Pháp đã từng được tương trợ.

### **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

- Căn cứ theo Điều 694-4 Bộ Luật Tố tụng Hình sự, đối với những yêu cầu đe dọa tới trật tự công cộng hoặc những lợi ích cơ bản của nhà nước, Pháp có thể từ chối thực hiện một phần hoặc toàn bộ yêu cầu.

## **B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp**

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp phải được gửi tới Bộ Tư pháp xem xét thông qua các kênh ngoại giao và do công tố viên quận hoặc thẩm phán điều tra của tòa án có thẩm quyền lãnh thổ tiến hành. Trong trường hợp khẩn cấp, có thể gửi các yêu cầu trực tiếp tới các cơ quan có thẩm quyền. Những yêu cầu của các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu có thể được gửi trực tiếp tới cơ quan tư pháp có thẩm quyền của Pháp.
- Theo nguyên tắc chung, tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp được thi hành bởi công tố viên quận. Tuy nhiên, những hành vi tố tụng không được yêu cầu hoặc thực hiện trong quá trình chuẩn bị điều tra sẽ được thực hiện bởi thẩm phán điều tra.

### **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Đơn thỉnh cầu phải được lập bằng tiếng Pháp.
- Việc dịch sang ngôn ngữ của quốc gia được yêu cầu là đòi hỏi của hầu hết các hiệp định tương trợ tư pháp mà Pháp là thành viên.

## **C. Thu hồi tài sản**

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

Tương trợ tư pháp có thể được thực hiện ngay sau khi quốc gia yêu cầu tiến hành điều tra một tội phạm cụ thể.

#### **Truy nguyên**

### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

- Điều 78 và 101-121 Bộ Luật Tố tụng Hình sự cho phép thẩm vấn nhân chứng và buộc nhân chứng không đáp lại giấy triệu tập của tòa án phải có mặt tại tòa.
- Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự cho phép tòa án ban hành lệnh khám xét chỗ ở trong quá trình điều tra và thu giữ tang vật và tài liệu nếu thẩm phán coi đó là biện pháp cần thiết phục vụ quá trình điều tra ở nước ngoài.
- Điều 92-99-4 Bộ luật Tố tụng Hình sự cho phép khám xét và thu giữ ngay tại nơi được nghi ngờ là có thể tìm thấy tang vật hoặc dữ liệu điện tử phục vụ điều tra. Cả hai biện pháp này đều yêu cầu phải có lệnh của tòa án
- Điều 77-1-1 cho phép áp dụng lệnh cung cấp chứng cứ đối với bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào và với bất kỳ loại tài liệu, dữ liệu nào liên quan tới cuộc điều tra ở nước ngoài. Lệnh cung cấp chứng cứ có thể mở rộng tới các tài liệu và thông tin bảo mật do các trung tâm tài chính nắm giữ.
- Điều 100-1-100-7 Bộ luật Tố tụng Hình sự cho phép nghe lén thông tin nếu việc điều tra có liên quan đến tội phạm có thể chịu hình phạt từ hai năm tù trở lên và nếu cuộc điều tra cần tới biện pháp này. Các yêu cầu nghe lén phải chỉ rõ kết nối cần can thiệp, sự cần thiết phải áp dụng biện pháp này và thời gian yêu cầu nghe lén.

- Đối với các nước là thành viên của Liên minh châu Âu, có thể thiết lập Nhóm Điều tra Chung căn cứ theo Điều 695-2 và 693-4 Bộ luật Tố tụng Hình sự và đóng băng tài sản hoặc chứng cứ trong khuôn khổ Nghị định Khung Châu Âu căn cứ theo Điều 695-9-1-695-9-9 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quy định này cũng được thực hiện đối với các yêu cầu tương trợ trợ giúp thông qua Eurojust.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Lệnh cung cấp chứng cứ căn cứ theo Điều 77-1-1 Bộ luật Tố tụng Hình sự và lệnh thu giữ căn cứ theo Điều 92-94 Bộ luật Tố tụng Hình sự có thể mở rộng tới các vật chứng thuộc bí mật nghề nghiệp. Những tài liệu mật do ngân hàng lưu trữ có thể bị tịch thu hoặc thu giữ bởi các cơ quan tư pháp.

#### ***Các biện pháp tạm thời (Lệnh Phong tỏa, Tạm giữ, Tịch thu tài sản)***

### **C.4. Thực thi trực tiếp bản án phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài**

- Lệnh “ngăn chặn việc phá hoại, chuyển đổi, thay thế, chuyển giao hoặc chuyển nhượng những tài sản cần tịch thu” được các quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu ban hành có thể được thực thi trực tiếp tại Pháp căn cứ theo Điều 695-9-1 Bộ luật Tố tụng Hình sự và thông qua lệnh thu giữ căn cứ theo Điều 92-94-4 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Trong trường hợp không có hiệp định tương trợ tư pháp nào cho phép tiến hành những biện pháp như vậy, Điều 694-1 Bộ luật Tố tụng Hình sự cho phép thu giữ bất kỳ tài sản nào thuộc bất kỳ hình thức nào có liên quan trực tiếp hoặc gián

tiếp tới tài sản do phạm tội mà có và bất kỳ tài sản nào có giá trị tương ứng với tài sản do phạm tội mà có.

- **Thủ tục:**
- **Yêu cầu về chứng cứ:**
- **Thời hạn:** Bộ luật Tố tụng Hình sự không quy định thời hạn đối với lệnh thu giữ tài sản.

### ***Tịch thu tài sản***

#### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 659-9-1 Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định về lệnh tịch thu do các tòa án của Liên minh Châu Âu ban hành. Lệnh tịch thu này có hiệu lực trực tiếp đối với các quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu.
- **Thủ tục:**
- **Yêu cầu về chứng cứ:**

#### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

Mặc dù Pháp không quy định về tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết nhưng Tòa án Tối cao vẫn thi hành lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết của nước ngoài nếu việc tịch thu này có thể thực hiện được theo pháp luật Pháp trong những trường hợp tương tự.

#### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

- Điều 131-21 Bộ luật Tố tụng Hình sự cho phép tịch thu tài sản dựa trên giá trị trong trường hợp không thể định vị được tài sản hoặc tài sản không còn nữa.



#### ***D. Các hình thức tương trợ không chính thức***

- Tương trợ có thể được TRACFIN (Cơ quan tình báo tài chính) thực hiện.
- Pháp vẫn duy trì và sử dụng các văn phòng tùy viên tại Canada, Cộng hòa Séc, Ý, Morocco, Phần Lan, Tây Ban Nha, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ<sup>94</sup>.

---

94 Các nhà hoạt động thực tiễn có thể liên lạc với đại sứ quán Pháp nơi gần nhất để xác định văn phòng tùy viên phù hợp.

## **ĐỨC**

### ***A. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- Đức có thể thực hiện tương trợ tư pháp căn cứ theo Luật Tương trợ quốc tế về Hình sự (LIACM) (<http://www.gesetze-im-internet.de/irg/index.html>) cũng như trên cơ sở các hiệp định song phương và đa phương. Trong trường hợp đã có hiệp định quốc tế thì LIACM chỉ được áp dụng đối với các trường hợp không có hoặc không được quy định trong các điều khoản của hiệp định.
- Đức đã phê chuẩn Công ước Viên, Công ước Palermo, Công ước chống tài trợ cho khủng bố và Công ước của Hội đồng Châu Âu về chống Tẩy rửa, Khám xét, Thu giữ và Tịch thu tài sản do phạm tội mà có. Đức cũng đã ký kết nhưng chưa phê chuẩn Công ước Merida.

#### **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp**

- Chỉ những yêu cầu đòi hỏi việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế, bao gồm các biện pháp khám xét và thu giữ là phải đảm bảo nguyên tắc cùng hình sự hóa. Các hình thức tương trợ khác có thể được thực hiện mà không đòi hỏi điều kiện cùng hình sự hóa.

#### **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

Tương trợ tư pháp có thể bị từ chối nếu:

- Các yêu cầu tương trợ được đưa ra trong bối cảnh các tòa án hoặc cơ quan của Đức không thể tiến hành tương trợ cho nhau.
- Việc thực hiện yêu cầu sẽ gây ra xung đột với các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật Đức.

- Việc thực hiện các yêu cầu này sẽ trái với các nguyên tắc được quy định trong Điều 6, Hiệp ước Liên minh châu Âu.

## ***B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp***

B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

- Bộ Tư pháp Liên bang thông qua Văn phòng Tư pháp Liên bang tại Bonn là cơ quan trung ương chịu trách nhiệm tiếp nhận và quyết định đối với các yêu cầu của nước ngoài về tương trợ tư pháp.
- Trên thực tế, Văn phòng Tư pháp Liên bang thực hiện yêu cầu tương trợ thông qua việc ủy quyền cho công tố viên địa phương tại các tòa án theo khu vực. Các yêu cầu liên quan đến *laender* (các tiểu bang) có thể được ủy quyền cho các cơ quan của tiểu bang thực hiện trên cơ sở thỏa thuận.

## ***B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ***

- Các yêu cầu phải được lập bằng tiếng Đức, Anh hoặc Pháp.

## ***C. Thu hồi tài sản***

### ***C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp***

Tương trợ tư pháp có thể được thực hiện ngay sau khi quốc gia yêu cầu tương trợ tiến hành điều tra tội phạm.

### ***Truy nguyên***

### ***C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành***

- Tiểu mục 2, mục 67 của Luật Tương trợ quốc tế về vấn đề hình sự (LIACM) cho phép thực hiện các lệnh khám xét và thu giữ để thu thập chứng cứ nếu đáp ứng được yêu cầu cùng hình sự hóa. Nhìn chung, lệnh khám xét và thu giữ chỉ có thể được ban hành bởi các tòa án. Trong những trường hợp đặc biệt, các công tố

viên có thể yêu cầu các biện pháp khám xét và thu giữ mà không có sự can thiệp của tòa án.

- Mục 66 khoản 1 LIACM cho phép giao nộp lại tài sản và tài liệu có thể dùng làm bằng chứng phục vụ quá trình tố tụng ở nước ngoài; những tài sản, tài liệu này đã được thu thập nhằm hoặc từ hành vi phạm tội là căn cứ của đề nghị tương trợ tư pháp hoặc là kết quả của việc bán vật thu được từ hành vi phạm tội làm căn cứ của đề nghị tương trợ tư pháp; hoặc tài sản thu được như khoản bồi thường cho hành vi phá hủy, làm tổn hại hoặc hủy bỏ tài sản; hoặc phát sinh ra từ hoặc được sử dụng hoặc dự định sử dụng để thực hiện hoặc chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội là căn cứ của đề nghị tương trợ tư pháp. Các biện pháp này đòi hỏi đáp ứng được yêu cầu cùng hình sự hóa và chỉ có thể được thực hiện nếu quốc gia đã gửi lệnh thu giữ tài sản hoặc tuyên bố chứng minh rằng yêu cầu thu giữ là phù hợp với pháp luật của quốc gia yêu cầu và nếu tòa án nước ngoài chưa có phán quyết cuối cùng, có thể thực thi liên quan đến tài sản.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Theo pháp luật Đức, “bí mật ngân hàng” không cản trở việc thực hiện các quy định liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự.

#### ***Các biện pháp tạm thời (Lệnh Phong tỏa, Tạm giữ, Tịch thu tài sản)***

### **C.4. Thực thi trực tiếp bản án phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài**

- Căn cứ theo Điều 66 khoản 1 LIACM, các lệnh thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài có thể được thực thi trực tiếp tại Đức nếu đáp ứng được yêu cầu cùng hình sự hóa.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Tiểu mục 1 mục 66 của AIMC; mục 58 của LI-ACM và mục 111b tới 111d của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- **Thủ tục:** Các quốc gia nước ngoài có thể yêu cầu Đức tiến hành các biện pháp đảm bảo (như bảo vệ tài sản bằng việc thu giữ và tịch biên tài sản) để chuẩn bị tiến hành tịch thu tại sản tại quốc gia yêu cầu.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Các yêu cầu có thể được chấp thuận nếu đáp ứng được điều kiện cùng hình sự hóa và nếu yêu cầu thu giữ được coi là phù hợp với pháp luật của quốc gia yêu cầu.

### ***Tịch thu***

#### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Mục 48 LIACM.
- **Thủ tục:** LIACM cho phép trực tiếp thực thi lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài thông qua quyết định công nhận hiệu lực của bản án của tòa án nước ngoài. Một khi yêu cầu được chấp thuận, lệnh của tòa án nước ngoài được thực thi như một lệnh của tòa án trong nước theo quy định của các điều khoản có liên quan của Bộ luật Tố tụng Hình sự.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Các lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài chỉ có thể được thực thi trực tiếp nếu phán quyết của tòa án, là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực pháp lý và có thể được thực thi được gửi kèm với văn bản yêu cầu tương trợ; nếu người bị kết án đã có cơ hội được biện hộ và tự bào chữa; và nếu các hình phạt được đưa ra bởi một tòa án độc lập; khi lệnh tịch thu đã có thể được ban hành theo Bộ luật Tố tụng Hình sự của Đức nếu việc xét xử được tiến hành tại Đức; và nếu thời hiệu khởi kiện chưa kết thúc.

#### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

- Mục 48 LIACM cho phép thực thi cả lệnh thu giữ và tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài (tòa hình sự hoặc tòa khác) của quốc

gia yêu cầu; với điều kiện lệnh này được áp dụng đối với hành vi phạm tội có thể bị trừng phạt.

### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

- Căn cứ Mục 49 LIACM, lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài có thể được thực thi nếu một lệnh như thế này có thể đã được ban hành theo pháp luật Đức, không phụ thuộc vào quy định tại câu thứ hai, tiểu mục 1 mục 73 của Bộ luật Hình sự. Pháp luật Đức cho phép tịch thu tài sản có giá trị tương đương.

### ***D. Các hình thức tương trợ không chính thức***

- Hình thức tương trợ không chính thức có thể do BaFin, cảnh sát phòng chống tội phạm liên bang và đơn vị tình báo tài chính (<http://www.bka.de/>) thực hiện. BKA (Bundeskriminal- Amt) có văn phòng đại diện ở một số đại sứ quán<sup>95</sup>.

---

<sup>95</sup> Các nhà hoạt động thực tiễn có thể liên lạc với đại sứ quán Đức nơi gần nhất để xác định văn phòng tùy viên phù hợp.

## ĐỊA HẠT GUERNSEY

### ***A. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- Luật Hợp tác quốc tế về Tư pháp Hình sự thuộc địa hạt Guernsey (CJICL), Luật Tư pháp Hình sự (Tài sản do phạm tội mà có) (Địa hạt Guernsey), Luật phòng chống buôn bán trái phép chất ma túy (Địa hạt Guernsey) (DTL), Luật phòng chống khủng bố và tội phạm (Thuộc địa hạt Guernsey) (DTL) và Luật tịch thu tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự (Địa hạt Guernsey) (FOML) (<http://www.guernseylegalresources.gg/ccm/navigation/orders-in-council/guernsey---bailiwick/c/crime-and-criminal-justice/>) cho phép thực hiện nhiều hình thức tương trợ tư pháp đối với bất kỳ quốc gia nào.
- Luật Tư pháp hình sự (Điều tra hành vi gian lận) (Địa hạt Guernsey) (FIL) là cơ sở pháp lý để tương trợ tư pháp trong các vụ án liên quan đến các hành vi gian lận nghiêm trọng hoặc phức tạp (nguồn:<http://www.guernseylegalresources.gg/ccm/navigation/orders-in-council/guernsey---bailiwick/c/crime-and-criminal-justice/>).
- Luật Chứng khoán Công ty (Xử lý nội bộ) (Địa hạt Guernsey) (IDL) (<http://www.guernseylegalresources.gg/ccm/navigation/orders-in-council/guernsey---bailiwick/c/crime-and-criminal-justice/>) là cơ sở pháp lý để tương trợ tư pháp trong các trường hợp liên quan đến xử lý nội bộ.
- Luật về tài sản do phạm tội mà có (*Thực thi lệnh tịch thu của tòa án nước ngoài*) (PCLOCO), Pháp lệnh về phòng chống buôn bán trái phép chất ma túy (Các Quốc gia và Vùng lãnh thổ được

chỉ định) (DTDCTO), Pháp lệnh phòng chống khủng bố và tội phạm (thực thi các lệnh của tòa án nước ngoài) (TLEO) (<http://www.guernseylegalresources.gg/ccm/navigation/ordinances/guernsey---bailiwick/c/crime-and-criminal-justice/>) và Quy định về tịch thu tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự (Sự chỉ định của các quốc gia) (Địa hạt Guernsey) (FOMR) (<http://www.guernseylegalresources.gg/ccm/navigation/statutory-instruments/2008/2009/guernsey---bailiwick/c/crime-and-criminal-justice/>) điều chỉnh việc ban hành các lệnh thu giữ, đăng ký và thực thi lệnh tịch thu của nước ngoài liên quan đến tài sản do phạm tội và tài trợ cho khủng bố mà có. Các đạo luật này được áp dụng đối với tài sản do phạm tội mà có, có thể «xét xử dựa trên cáo trạng» theo luật pháp Guernsey và theo yêu cầu của “quốc gia được chỉ định”. Tất cả các tội phạm không được coi là khinh tội đều có thể bị truy tố. Chỉ có rất ít tội được coi là khinh tội và hầu hết đều là tội gây mất trật tự công cộng và vi phạm luật giao thông.

- Guernsey đã ký Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần (DTAs) với Vương quốc Anh và đảo Jersey, cả hai hiệp định này đều có các quy định về trao đổi thông tin về các vấn đề liên quan đến thuế. Guernsey dự kiến sẽ sớm đàm phán DTAs với 6 quốc gia khác. Ngoài ra, Guernsey đã ký kết 15 Hiệp định trao đổi thông tin về thuế (TIEAs). Tính đến thời điểm hiện tại, TIEA đang được đàm phán với hơn 20 quốc gia.

## **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp**

- Tương trợ tư pháp theo FOML yêu cầu đáp ứng nguyên tắc có đi có lại.
- Căn cứ vào Mục 7 CJICL, các lệnh khám xét và thu giữ tài sản chỉ có thể được ban hành đối với hành vi phạm tội hình sự có thể phạt tù theo pháp luật Guernsey.
- Các biện pháp được thực hiện theo Mục 2 của FIL hoặc Mục 10 của IDL đều yêu cầu điều kiện cùng hình sự hóa.



- Các biện pháp thu giữ và tịch thu căn cứ theo POCL, DTL, TL, FOML và các pháp lệnh và quy định được liệt kê dưới đây yêu cầu hành vi sẽ cấu thành một “tội phạm có thể xét xử theo cáo trạng” theo pháp luật Guernsey.
- Các biện pháp theo quy định của POCL, DTL, TL và FOML (ngoại trừ tịch thu dân sự) chỉ có thể áp dụng đối với danh sách “các quốc gia được chỉ định” theo PCLOCO, DTDCTO, TLEO và FOMR.

### **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

- Nếu yêu cầu về cùng hình sự hoá, yêu cầu chỉ định hoặc yêu cầu có đi có lại được đáp ứng, thì sẽ không có điều khoản pháp lý nào cho phép từ chối tương trợ tư pháp.
- Trên thực tế, Tổng chương lý sẽ luôn sử dụng quyền hạn của mình để đảm bảo tuân thủ pháp luật Guernsey về quyền con người. Yêu cầu tương trợ tư pháp của một quốc gia sẽ không được đáp ứng nếu người phạm tội có thể bị kết án tử hình, trừ khi quốc gia yêu cầu cam kết sẽ không đưa ra hình phạt này.
- Trên thực tế, yêu cầu tương trợ tư pháp có thể không được đáp ứng trong các trường hợp chứng minh được rằng các yêu cầu đó có động cơ chính trị. Trong các trường hợp này, Tổng chương lý sẽ tham vấn các cơ quan chức năng của Vương quốc Anh.

## **B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp**

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Văn phòng Tổng Chương lý là cơ quan trung ương chịu trách nhiệm về tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp.
- Trên thực tế, các yêu cầu mà Tổng chương lý tiếp nhận được xử lý bởi một thành viên của nhóm hình sự thuộc các Phòng của Cơ quan Pháp luật quốc gia. Nhóm công tác này sẽ lựa chọn

thời điểm cung cấp chứng cứ ra tòa án, thông tin cho quốc gia yêu cầu, triệu tập nhân chứng, hoặc thực hiện bất kỳ biện pháp cần thiết nào để thực hiện yêu cầu. Cuối cùng, công việc sẽ được báo cáo lên Tổng chương lý, người sẽ phê duyệt các đề xuất hành động, ban hành những thông báo thực hiện và chỉ định chuyển vụ án tới một trong các tòa án của Địa hạt.

## **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Tất cả các yêu cầu phải được lập bằng tiếng Anh hoặc dịch sang tiếng Anh.

## **C. Thu hồi tài sản**

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Hầu hết các biện pháp được quy định trong CJICL, FIL, POCL, DTL, TL và IDL đều có thể được thực hiện ngay sau khi quốc gia yêu cầu tiến hành điều tra hành vi phạm tội. Có thể thực hiện tương trợ theo quy định tại FOML ngay sau khi cuộc điều tra nhằm tịch thu dân sự được khởi xướng tại quốc gia yêu cầu.

Căn cứ theo CJICL, lệnh khám xét và thu giữ có thể được ban hành nếu quốc gia yêu cầu đã tiến hành khởi tố vụ án. Vụ án được coi là đã được khởi tố tại quốc gia yêu cầu khi bị cáo được thông báo bằng văn bản rằng quá trình tố tụng liên quan đến một tội phạm cụ thể đã bắt đầu.

### **Truy nguyên**

### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

- Theo Mục POCL, Mục 63 DTL và Mục 20 FOML, một cá nhân có thể đơn phương đề nghị tòa án ban hành một lệnh yêu cầu một người được chỉ định cung cấp các tài liệu cụ thể. Theo Mục 46 POCL, Mục 64 DTL, Phụ lục 5 TL, Mục 1 FIL và Mục 22 FOML, tòa án có thể ra lệnh khám xét những địa điểm cụ thể và thu giữ những vật được tìm thấy ở đó. Mục 7 CJICL đảm bảo

những quyền hạn tương tự có thể được thực hiện nếu đã tiến hành khởi tố vụ án hoặc đã ban hành lệnh; nếu hành vi nghi vấn cấu thành tội phạm có thể phạt tù nếu được thực hiện tại Guernsey; và nếu có căn cứ hợp lý để nghi ngờ bằng chứng liên quan đến hành vi phạm tội đang ở Guernsey.

- Theo Mục 48A POCL, Mục 67A DTL, Phụ lục 6 TL và Mục 28 FOML, tòa án có thể ban hành lệnh yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng, yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tài chính cung cấp thông tin chi tiết liên quan đến các tài sản và nhận dạng của một khách hàng cụ thể nếu người đó là chủ thể của cuộc điều tra về hoạt động rửa tiền hoặc khủng bố tài chính, hoặc các vấn đề liên quan như điều tra nguồn gốc tài sản do phạm tội hay tài trợ cho khủng bố mà có.
- Tòa án cũng có thể thi hành lệnh giám sát tài khoản theo Mục 48H POCL, Mục 67H DTL, Phụ lục 7 TL và Mục 35 FOML. Các lệnh này yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính doanh nghiệp cung cấp thông tin về bất kỳ giao dịch liên quan đến các tài khoản hoặc nhóm tài khoản liệt kê theo thứ tự, trong thời gian không quá 90 ngày. Một lần nữa, pháp luật yêu cầu phải có một cuộc điều tra liên quan đến tội rửa tiền và các vấn đề liên quan khác.
- Theo Mục 1 FIL, Tổng chương lý có thể yêu cầu đối tượng bị điều tra hoặc bất kỳ người nào khác phải trả lời câu hỏi hay cung cấp các thông tin liên quan đến cuộc điều tra; yêu cầu đưa ra bất kỳ tài liệu nào mà Tổng chương lý cho rằng có liên quan đến hoạt động điều tra và sao chép tài liệu hoặc yêu cầu người cung cấp giải thích các tài liệu đó.
- Theo Mục 4 CJICL, Tổng chương lý có thể yêu cầu bất cứ cá nhân nào tham dự và cung cấp bằng chứng có liên quan đến yêu cầu trước tòa, cung cấp cho Tổng chương lý hoặc tòa án bất kỳ tài liệu hoặc vật phẩm nào như đã chỉ ra trong thông báo và đến tham dự và đưa ra bằng chứng trước tòa án. Pháp luật

cũng cho phép đưa ra chứng cứ và các tài liệu được ngân hàng bảo mật.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Ngoài đặc quyền theo luật định (được liệt kê dưới đây) thì không có gì được coi là bí mật ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp ở địa hạt Guernsey. Một nguyên tắc pháp luật phổ biến về bảo mật đã được áp dụng cho các thể chế tài chính, tuy nhiên nguyên tắc này không thể ngăn cản các cơ quan nhà nước Guernsey thực hiện tương trợ tư pháp vì pháp luật cho phép thu thập chứng cứ hoặc thông tin và thừa nhận ưu tiên các quy định này hơn nghĩa vụ bảo mật trong một số trường hợp theo quy định tại:
- Mục 45 (9) (b), 48(10), 48F và 48 L của POCL).
- Mục 63(9) (b), 67(10), 67F và 67L của DTL.
- Phụ lục 5 Mục 5(4) (b), Phụ lục 6 Mục 1(3), và Phụ lục 7 Mục 5 (2) của TL.
- Mục 23 (2), 33, 39, 45(5), 47(5) và 52(4) của FOML.
- Phụ lục 1, đoạn 5 của CJICL áp dụng cho Luật Chứng từ Ngân hàng.
- FIL Mục 2 của FIL.
- Mục 11(5) của IDL.
- Pháp luật Guernsey không cho phép ép buộc cung cấp các tài liệu hoặc bằng chứng thuộc phạm vi bảo vệ của các đặc quyền pháp lý, trừ khi có một nghi ngờ cho rằng bản thân luật sư đã phạm tội hình sự.

## *Các biện pháp tạm thời (Lệnh Phong tỏa, Tạm giữ, Tịch thu tài sản)*

### **C.4. Thực thi trực tiếp bản án phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài**

- Các lệnh phong tỏa và thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài không thể được thi hành trực tiếp trên địa hạt Guernsey.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Các luật cơ bản: Mục 35 POCL, Mục 35 DTL và Mục 18/Phụ lục 2 TL. Các văn bản dưới luật: PCLOCO, DTDC-TO, TLEO.
- **Thủ tục:** Các văn bản dưới luật có các quy định tạo điều kiện cho việc chấp nhận các tài liệu và chứng cứ nước ngoài và có các quy định sửa đổi quyền hạn trong nước có liên quan trong các đạo luật cơ bản để có thể ban hành lệnh thu giữ theo yêu cầu của các quốc gia được chỉ định. Để thực thi hiệu quả, các lệnh của tòa án nước ngoài có thể đối chiếu thực hiện với các lệnh trong nước. Việc thực thi hiệu quả lệnh của tòa án nước ngoài phản ánh hiệu quả thực thi các lệnh của tòa án trong nước. Đối với các cơ quan có thẩm quyền không được chỉ định, tịch thu theo thủ tục dân sự liên quan đến tiền mặt được quy định tại Mục 19/Phụ lục 3 TL và việc thu giữ tiền mặt và phong tỏa tài khoản ngân hàng chiếu theo quy định tại Mục 6, 10 và 13 của FOML, có thể được áp dụng mà không cần tiến hành tố tụng hình sự, theo yêu cầu của quốc gia khác, giống như đối với các vụ án trong nước.
- **Yêu cầu về bằng chứng:** Các lệnh theo quy định trong POCL, DTL và TL có thể được ban hành nếu yêu cầu của quốc gia nước ngoài có liên quan tới “hành vi phạm tội có thể xét xử dựa trên cáo trạng” theo luật pháp Guernsey, tội buôn lậu ma túy theo định nghĩa của Công ước Viên, tội khủng bố theo định nghĩa của TL phù hợp với định nghĩa của Công ước Liên Hợp Quốc

về chống tài trợ cho khủng bố; nếu vụ án đã được khởi tố hoặc sẽ được khởi tố tại quốc gia yêu cầu; và nếu một lệnh tịch thu của tòa án nước ngoài đã được ban hành hoặc khi có đủ các căn cứ hợp lý để tin rằng lệnh tịch thu sẽ được ban hành trong quá trình tố tụng và yêu cầu được thực hiện bởi một quốc gia đã được chỉ định. Lệnh tạm giữ tài sản có thể được mở rộng áp dụng đối với bất kỳ tài sản nào được nêu cụ thể trong lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài hoặc ở những quốc gia chưa ban hành lệnh tạm giữ tài sản, với bất kỳ tài sản nào do bị cáo nắm giữ, hoặc do một người mà bị cáo đã từng gián tiếp hay trực tiếp tặng quà nắm giữ, hoặc với bất kỳ tài sản nào bị cáo đã được hưởng lợi. Biện pháp thu giữ và phong tỏa tài sản theo thủ tục được quy định trong TL có thể được áp dụng theo yêu cầu của quốc gia nước ngoài nếu tài sản có liên quan tới hành vi khủng bố đã được mô tả ở trên. Biện pháp thu giữ và phong tỏa tài sản theo thủ tục dân sự trong FOML có thể được áp dụng theo yêu cầu của quốc gia nước ngoài nếu tài sản có liên quan tới hành vi trái pháp luật theo luật hình sự của cả địa hạt Guernsey và quốc gia yêu cầu.

- **Thời hạn:** Căn cứ theo POCL, DTL và TL, lệnh tạm giữ tài sản không có thời hạn. Căn cứ theo Luật TL và FOML, các lệnh ban hành theo thủ tục dân sự có thời hạn khởi đầu là 48 giờ, có thể được tòa án ra hạn tối đa 2 năm.

### ***Tịch thu tài sản***

#### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Các đạo luật cơ bản: Mục 35 và 36 POCL, Mục 18/Phụ lục 2 TL. Các văn bản dưới luật: PCLOCO, DTDCTO và TLEO.
- **Thủ tục:** Các văn bản dưới luật có các quy định tạo điều kiện cho việc chấp nhận các tài liệu và chứng cứ nước ngoài và có các quy định sửa đổi quyền hạn trong nước có liên quan trong các

đạo luật cơ bản để có thể ban hành lệnh thu giữ theo yêu cầu của các quốc gia được chỉ định định. Lệnh có hiệu lực khi cơ chế thực thi các lệnh của tòa án nước ngoài tương tự các cơ chế thực thi các lệnh trong nước. Điều này có nghĩa là khi lệnh tịch thu của tòa án nước ngoài được đăng ký, tòa án có thể ban hành lệnh tạm giữ tài sản và được sự cho phép của Tổng trưởng lý, cơ quan có thẩm quyền thực thi lệnh tịch thu của tòa án nước ngoài.

- **Yêu cầu về bằng chứng:** Lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài có thể được thực thi vào thời điểm đã được đăng ký tại tòa án và không có khiếu nại; trong trường hợp đối tượng mà lệnh hướng tới không có mặt trong quá trình tố tụng và đã nhận được thông báo về hoạt động tố tụng trong thời gian vừa đủ để có thể tự biện hộ cho mình; việc thực thi lệnh tịch thu của tòa án nước ngoài tại địa hạt Guernsey sẽ không trái với lợi ích công cộng và vụ án có liên quan tới “hành vi phạm tội có thể xét xử theo cáo trạng” theo luật pháp của địa hạt Guernsey, tội buôn lậu ma túy theo định nghĩa của Công ước Viên, tội khủng bố theo định nghĩa của TL phù hợp với định nghĩa của Công ước Liên Hợp Quốc về chống tài trợ cho khủng bố.

### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

Căn cứ theo Mục 49 của Luật tịch thu dân sự, các lệnh tịch thu của tòa án tại quốc gia được chỉ định được công nhận hiệu lực.

### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

- Dựa theo khái niệm “tịch thu” và “tài sản hữu hình” của luật pháp Guernsey, các quy định của POCL và DTL cũng cho phép thu giữ các tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp.

#### ***D. Các hình thức tương trợ không chính thức***

- Hoạt động tương trợ không chính thức có thể được thực hiện bởi Ủy ban Dịch vụ Tài chính địa hạt Guernsey (GFSC) (<http://www.gfsc.gg/AML-CFT/Pages/Home.aspx>); và các cơ quan hải quan, lực lượng cảnh sát, bao gồm đơn vị điều tra tài chính, đơn vị của Sở Quan thuế (<http://guernsey-live-fiu.runtime-collective.com/ccm/portal/>).
- Không cơ quan nào yêu cầu phải có MOUs để thực hiện tương trợ tư pháp theo phân quyền, ngoại trừ những thông tin nhất định liên quan đến thuế. Các thông tin này có thể được chia sẻ với các quốc gia khác theo DTAs và TEIAs.



## HỒNG KÔNG, TRUNG QUỐC

### ***A. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- *Pháp lệnh về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự (MLAO)* điều chỉnh việc thực hiện và tiếp nhận yêu cầu tương trợ có liên quan đến các vấn đề về hình sự (không áp dụng đối với các phần lãnh thổ khác của Trung Quốc) và thừa nhận hiệu lực cho các thỏa thuận song phương và đa phương về tương trợ tư pháp ([http:// www.hklii.org/hk/legis/ord/525/index.html#s26](http://www.hklii.org/hk/legis/ord/525/index.html#s26)).[http:// www.hklii.org/hk/legis/ord/525/index.html](http://www.hklii.org/hk/legis/ord/525/index.html) - /h
- *Pháp lệnh chống buôn bán trái phép ma túy (Thu hồi tài sản) (DTROP)* tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp trong việc tạm giữ và tịch thu các tài sản và công cụ phạm tội có liên quan đến hoạt động buôn bán trái phép ma túy. Theo *Sắc lệnh về chống buôn bán trái phép ma túy (Thu hồi tài sản) (Các Quốc gia và Vùng lãnh thổ được chỉ định) (DTROP Or)*, các lệnh tịch thu tài sản có liên quan đến hoạt động buôn bán trái phép chất ma túy tại những Quốc gia và Vùng lãnh thổ được chỉ định có thể được đăng ký và đảm bảo thực thi tại Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc ([http://www.hklii.hk/ hk/legis/ en/ord/405/](http://www.hklii.hk/hk/legis/en/ord/405/)).
- Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc chỉ có thể cung cấp tương trợ tư pháp một cách trực tiếp dựa trên MLAO, DTROP hoặc *Pháp lệnh về Chứng cứ*, mà không thể dựa trên các thỏa thuận quốc tế.
- *Pháp lệnh về Chứng cứ (EO)* cho phép các tòa án cung cấp tương trợ tư pháp cho các tòa án nước ngoài trong việc thu thập chứng

cứ của các vụ án hình sự đã được hoặc có thể được khởi tố. (<http://www.hklii.org/hk/legis/ord/8/index.html#s77c>). Một số loại hình tương trợ có giới hạn được quy định trong EO và căn cứ trên đơn thỉnh cầu

- Tính đến tháng 9 năm 2009, Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc đã có thỏa thuận song phương về tương trợ tư pháp (MLA) với Úc, Bỉ, Canada, Đan Mạch, Pháp, Đức, Israel, Nhật, Cộng Hòa Triều Tiên, Malaysia, Hà Lan, New Zealand, Philippines, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Singapore, Thụy Sĩ, Ukraina, Liên hiệp Vương quốc Anh, và Hoa Kỳ. Các thỏa thuận đã được ký nhưng chưa bắt đầu có hiệu lực là các thỏa thuận với các nước Phần Lan, Indonesia, Ấn Độ, Ireland, Ý, Nam Phi, và Sri Lanka. Ngoài ra, các Công ước Merida, Vienna, Palermo, và Công ước về chống tài trợ cho khủng bố cũng áp dụng cho Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc.

## **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để triển khai hoạt động tương trợ tư pháp**

- Tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp theo quy định của MLAO đều phải đáp ứng điều kiện cùng hình sự hóa. Một số hình thức tương trợ tư pháp (như các lệnh khám xét và thu giữ tài sản, lệnh yêu cầu bắt buộc cung cấp chứng cứ, việc ban hành lệnh phong tỏa tài sản và thực thi hay đăng ký các lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài) không chỉ đòi hỏi đáp ứng điều kiện cùng hình sự hóa mà còn đòi hỏi yêu cầu tương trợ đó phải liên quan đến một “tội phạm nghiêm trọng” (một hành vi phạm tội có thể bị xử phạt theo luật của nước yêu cầu với hình phạt tù không ít hơn 24 tháng).
- Các hoạt động tương trợ liên quan đến việc tìm kiếm các thông tin, dữ liệu công khai, lấy lời khai của nhân chứng, hoặc cung cấp các thông tin trên cơ sở có sự đồng ý của nguồn tin, có thể được thực hiện ngoài khuôn khổ tương trợ tư pháp và vì vậy, không đòi hỏi phải đáp ứng điều kiện cùng hình sự hóa.

- Nguyên tắc có đi có lại được yêu cầu trong mọi trường hợp, dù trong khuôn khổ các thỏa thuận song phương hay đa phương về tương trợ tư pháp, hay thông qua một thỏa thuận đặc biệt dành cho một yêu cầu cụ thể.

### A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp

Căn cứ vào Mục 5 của MLAO, yêu cầu tương trợ tư pháp *phải bị* từ chối nếu:

- Việc đáp ứng yêu cầu đó có thể xâm hại đến chủ quyền, an ninh hay trật tự công cộng của Trung Quốc (Để biết thêm chi tiết, xem Mục B.2. và B.3.).
- Yêu cầu đó liên quan đến việc truy tố một cá nhân về một hành vi phạm tội có tính chất chính trị hoặc cá nhân đó, vì lý do trong những bối cảnh nào đó, đã bị quy kết là đã hoặc đang thực hiện một hành vi phạm tội có tính chất chính trị.
- Yêu cầu đó liên quan đến việc truy tố hay trừng phạt một cá nhân về một hành động hay không hành động mà nếu xảy ra trên lãnh thổ của Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc thì sẽ cấu thành một hành vi phạm tội theo luật quân sự áp dụng trên lãnh thổ Hồng Kông nhưng không cấu thành một hành vi phạm tội như vậy nếu chiếu theo luật hình sự thông thường.
- Có những căn cứ xác đáng để tin rằng yêu cầu tương trợ này được thực hiện nhằm truy tố, trừng phạt hoặc bằng cách khác nhằm gây hại cho một cá nhân bởi lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch hay chính kiến chính trị của cá nhân đó.
- Yêu cầu có liên quan đến việc truy tố một cá nhân về một hành vi phạm tội mà cá nhân đó đã bị buộc tội, hoặc đã được thả tự do hoặc đã được ân xá bởi một tòa án hoặc một cơ quan khác có thẩm quyền tại lãnh thổ đó, hoặc đã chấp hành xong hình phạt theo quy định của pháp luật của nơi đó, đối với hành vi phạm tội đó hoặc hành vi phạm tội khác cùng cấu thành một tội phạm.

- Việc đáp ứng yêu cầu có thể phương hại nghiêm trọng đến những lợi ích thiết yếu của Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc.
- Yêu cầu đó liên quan đến một hành động hoặc không hành động mà, nếu xảy ra trên lãnh thổ Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc, sẽ không cấu thành một tội phạm theo luật của Hồng Kông.
- Nơi đưa ra yêu cầu không phải là nơi đã được quy định và không đáp ứng việc thực hiện nguyên tắc có đi có lại trong tương lai đối với các yêu cầu tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự của Đặc khu hành chính Hồng Kông.
- Nơi đưa ra yêu cầu không phải là nơi đã được quy định và yêu cầu đó liên quan đến việc điều tra hành vi phạm tội về thuế, trừ khi mục đích chính của yêu cầu đó không phải là để định giá thuế hay thu thuế.

Căn cứ vào Mục 5 (43) của MLAO, một yêu cầu tương trợ tư pháp *có thể bị từ chối nếu*:

- Cơ quan đưa ra yêu cầu không phải là cơ quan theo quy định.
- Cơ quan đưa ra yêu cầu là một cơ quan được quy định trong thỏa thuận có liên quan.
- Yêu cầu đó liên quan đến một hành vi phạm tội có thể bị trừng phạt với mức án tử hình và, nếu xảy ra trên lãnh thổ Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc, hành vi này sẽ không cấu thành một hành vi phạm tội nghiêm trọng đến mức chịu mức án tử hình hoặc sẽ cấu thành một hành vi phạm tội nghiêm trọng đến mức chịu mức án tử hình nhưng hình phạt đó không thể được thi hành và nước yêu cầu không đảm bảo được rằng hình phạt tử hình sẽ không được áp dụng hoặc sẽ không được thi hành.

## ***B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp***

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương chịu trách nhiệm thực hiện và tiếp nhận tất cả yêu cầu liên quan đến tương trợ tư pháp. Các yêu cầu tương trợ không cần thiết phải được gửi qua con đường lãnh sự hoặc ngoại giao, mà có thể được gửi trực tiếp đến cơ quan trung ương.
- Trong thực tế, các yêu cầu tương trợ tư pháp được xử lý bởi một vụ chuyên trách về tương trợ tư pháp thuộc Bộ tư pháp. Vụ tương trợ tư pháp hoạt động như một đầu mối kết nối giữa với các cơ quan liên quan và quốc gia yêu cầu tương trợ.
- Đầu mối trung ương tiếp nhận các yêu cầu tương trợ tư pháp thông qua các đơn thỉnh cầu căn cứ theo EO là Chánh văn phòng Đặc khu hành chính, người sẽ chuyển tiếp các đơn thỉnh cầu tới Tòa án tối cao.

### **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Yêu cầu tương trợ và các tài liệu đi kèm phải được lập bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung.

## ***C. Thu hồi tài sản***

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Hầu hết các biện pháp tương trợ chiếu theo quy định của MLAO có thể được thực hiện trong giai đoạn điều tra. Tuy nhiên, việc yêu cầu áp dụng các biện pháp tạm thời chỉ có thể được thực hiện khi các quy trình tố tụng (mà trong đó “lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài” có thể được ban hành) đã hoặc đang được thực hiện tại quốc gia yêu cầu, đồng thời hành vi để cập trong lệnh tịch thu tài sản được ban hành có liên quan đến một “tội phạm nghiêm trọng”.

- Căn cứ quy định của DTROP, hoạt động tương trợ tư pháp có thể được thực hiện nhằm tạm giữ tài sản có được do buôn bán trái phép các chất ma túy, và để đăng ký hay thực thi các lệnh về tịch thu tài sản liên quan đến các hành vi phạm tội về buôn bán trái phép ma túy.
- Biện pháp tương trợ chiếu theo EO được giới hạn áp dụng đối với việc lấy lời khai hoặc thu thập các chứng cứ, văn bản và chỉ được áp dụng nhằm hỗ trợ việc khởi tố hoặc sẽ khởi tố vụ án và chứng cứ được thu thập sẽ hỗ trợ khởi tố vụ án.

## *Truy nguyên*

### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

- Giai đoạn thẩm phán lấy lời khai (Mục 10, MLAO): Mục này quy định về việc lấy lời khai dưới hình thức tuyên thệ hoặc thông qua truyền hình trực tuyến và việc chuyển chứng cứ cho quốc gia yêu cầu tương trợ.
- Thu thập chứng cứ (Mục 76, EO): Chứng cứ có thể có được thu thập thông qua việc lấy lời khai của nhân chứng và thu thập các tài liệu.
- Khám xét và thu giữ vì mục đích thu thập chứng cứ (Mục 12, MLAO): Các lệnh khám xét liên quan đến các cá nhân, đất đai, hay bất cứ tài sản nào, bao gồm cả việc thu giữ bất cứ vật gì tìm được trong quá trình điều tra được cho là có liên quan, có thể được ban hành nếu yêu cầu tương trợ liên quan đến một hành vi phạm tội nghiêm trọng và có những cơ sở hợp lý để tin rằng vụ án có liên quan đến lãnh thổ Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc. Lệnh khám xét và thu giữ được ban hành có thể liên quan đến bất cứ “vật” nào bao gồm sách, tài liệu, các hồ sơ hay bất cứ một bài viết hay tài liệu nào khác. Tuy nhiên, các “vật” ở đây không bao gồm bất kỳ tài liệu nào được bảo vệ bởi đặc quyền pháp lý, hoặc nếu yêu cầu tương trợ có liên quan đến hoạt động điều tra hành vi phạm tội về thuế, bất kỳ “tài liệu về thuế” nào thuộc về tư vấn viên hoặc kiểm toán viên về thuế và có liên

quan (một cách cụ thể) đến việc cung cấp và sử dụng tư vấn liên quan đến thuế của khách hàng.

- Các Lệnh cung cấp chứng cứ (Mục 15, MLAO): Hoạt động tương trợ có thể được thực hiện nếu yêu cầu tương trợ liên quan đến một tội nghiêm trọng và nếu có đủ các căn cứ hợp lý để tin rằng chứng cứ mà lệnh này đề cập đến hiện đang hoặc có khả năng tìm thấy trên lãnh thổ của Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc. Tuy nhiên, các “vật” ở đây không bao gồm bất kỳ tài liệu nào thuộc phạm vi bảo vệ của đặc quyền pháp lý, hoặc nếu yêu cầu tương trợ có liên quan đến hoạt động điều tra hành vi phạm tội về thuế, bất kỳ “tài liệu về thuế” nào thuộc về tư vấn viên hoặc kiểm toán viên về thuế và có liên quan (một cách cụ thể) đến việc cung cấp và sử dụng tư vấn liên quan đến thuế của khách hàng.
- Tổng đặt tài liệu (Mục 31, MLAO): Việc một cá nhân không tuân thủ một thủ tục tố tụng nước ngoài nào đã được tổng đặt cho cá nhân đó thì không bị coi là phạm tội theo luật của Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc.
- Các lệnh về giám sát không được quy định trong DTROP.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Căn cứ Mục 15 của MLAO, việc cung cấp các tài liệu hay thông tin được bảo mật (bao gồm cả các bí mật ngân hàng) có thể bị buộc phải thực hiện nếu có cơ sở để Bộ trưởng Tư pháp nhận định rằng việc làm này là vì lợi ích công cộng của Hồng Kông; các tài liệu sẽ không được cung cấp nếu thuộc phạm vi bảo vệ của đặc quyền pháp lý, hoặc nếu yêu cầu tương trợ có liên quan đến hoạt động điều tra hành vi phạm tội về thuế, bất kỳ “tài liệu về thuế” nào thuộc về tư vấn viên hoặc kiểm toán viên về thuế và có liên quan (một cách cụ thể) đến việc cung cấp và sử dụng tư vấn liên quan đến thuế của khách hàng.

## *Các biện pháp tạm thời (Lệnh Phong tỏa, Tạm giữ, Tịch thu tài sản)*

### **C.4. Thực thi trực tiếp bản án phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài**

- MLAO và DTROP không cho phép thực thi trực tiếp các lệnh của tòa án nước ngoài về tạm giữ hay thu giữ tài sản. Thay vào đó, các nước có yêu cầu tương trợ tư pháp, thông qua Bộ trưởng Tư pháp, phải tiến hành các thủ tục xin ban hành lệnh thu giữ tài sản trong nước chiếu theo Mục 27, MLAO, hoặc Mục 10 DTROP (được sửa đổi bởi DTROP Or) như quy định dưới đây. DTROP được áp dụng đối với các tài sản liên quan đến hành vi tội phạm về buôn bán trái phép chất ma túy.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Mục 27 MLAO và Mục 6 và 7 của Phụ lục 2; Mục 10 P DTROP (được sửa đổi bởi DTROP Or). DTROP chỉ áp dụng đối với các tài sản liên quan đến hành vi tội phạm về buôn bán trái phép chất ma túy.
- **Thủ tục:** Một quốc gia nước ngoài, thông qua Bộ trưởng Tư pháp, có thể yêu cầu Tòa sơ thẩm ban hành một lệnh tạm giữ tài sản nếu vụ án (mà theo đó một lệnh tịch thu tài sản của tòa nước ngoài có thể được ban hành) đã được khởi tố hoặc có thể được khởi tố tại quốc gia yêu cầu tương trợ và nếu hành vi phạm tội được đề cập trong lệnh thu giữ tài sản là một “tội phạm nghiêm trọng”.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Lệnh tạm giữ tài sản có thể được ban hành nếu một lệnh tịch thu tài sản từ nước ngoài đã được ban hành trong quá trình tố tụng hoặc nếu có các căn cứ hợp lý để tin rằng một lệnh thu giữ như vậy có thể được ban hành trong quá trình tố tụng, khi quá trình tố tụng chưa kết thúc và có cơ sở để tin rằng tài sản đang hiện hữu trên lãnh thổ của Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc; nếu tòa án nhận định rằng quá



trình tố tụng sẽ được thực hiện tại một quốc gia khác và có những căn cứ hợp lý để tin rằng một lệnh của tòa án nước ngoài về thu giữ tài sản có thể được ban hành. Các lệnh tạm giữ tài sản có thể áp dụng đối với mọi loại tài sản hữu hình hiện đang được nắm giữ hoặc quản lý bởi bị đơn, bao gồm cả tài sản mà quyền sở hữu được chuyển giao cho người đó sau khi lệnh tạm giữ tài sản đã được ban hành, cũng như những tài sản được nắm giữ bởi một cá nhân khác do nguyên đơn chuyển giao dưới hình thức cho tặng.

- **Thời hạn:** Nếu sau một khoảng thời gian được coi là “hợp lý” theo quan điểm của Tòa sơ thẩm mà quá trình tố tụng vẫn chưa được bắt đầu tại quốc gia yêu cầu tương trợ, tòa án sẽ hủy bỏ lệnh tạm giữ tài sản. Quá trình tố tụng sẽ được coi là bắt đầu tại quốc gia yêu cầu tương trợ nếu vụ việc đang được tòa án giải quyết.

### ***Tịch thu tài sản***

#### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Mục 28 MLAO và Mục 28 DTROP. DTROP chỉ áp dụng đối với các hành vi phạm tội buôn bán trái phép các chất ma túy.
- **Thủ tục:** Lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài có liên quan tới các “tội phạm nghiêm trọng” có thể được đăng ký và sau đó được thực thi trực tiếp tại Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc bởi tòa án sơ thẩm. Lệnh thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài sau khi được đăng ký thụ lý tại tòa án sẽ được tòa án tiến hành thực thi.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Tòa án sơ thẩm có thể thực thi lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài nếu lệnh đó vẫn còn hiệu lực và không bị kháng cáo tại nơi lệnh đó được ban hành; những người bị ảnh hưởng vắng mặt tại phiên tòa đã phải được thông báo về phiên tòa và có đủ thời gian hợp lý để tự biện hộ cho mình; đồng thời

việc thực thi lệnh tịch thu tài sản đó tại Đặc khu hành chính Hồng Kông không được trái với lợi ích công.

### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

- Khái niệm “lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài” bao gồm cả lệnh tịch thu tài sản theo thủ tục dân sự và lệnh tịch thu tài sản dựa trên phán quyết của tòa án. Như vậy, lệnh tịch thu tài sản theo thủ tục dân sự của tòa án nước ngoài có thể được thực thi tại Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc.

### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

- Những tài sản có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp và các phương tiện phạm tội có thể bị tịch thu theo pháp luật của Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc.

### ***D. Các hình thức tương trợ không chính thức***

- Hoạt động tương trợ có thể được thực hiện bởi Cơ quan tình báo tài chính liên hợp (<http://www.jfiu.gov.hk/>), cảnh sát, cơ quan hải quan, Cơ quan tiền tệ Hồng Kông (HKMA) (<http://www.info.gov.hk/hkma/>), phải tuân thủ các điều kiện quy định tại Pháp lệnh về ngân hàng, Chương 155, Các đạo luật của Đặc khu Hồng Kông, Trung Quốc.
- Các cơ quan trên đây thực hiện tương trợ tư pháp theo phân quyền mà không đòi hỏi phải có MOUs.

## NHẬT BẢN

### ***A. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- *Luật Tương trợ Quốc tế trong Điều tra và các Vấn đề Liên quan khác (LIAI)* (<http://www.moj.go.jp/ENGLISH/information/liai-01.html>) điều chỉnh hoạt động tương trợ tư pháp cho mọi hành vi phạm tội theo luật pháp Nhật Bản.
- *Luật Xử phạt Tội phạm có tổ chức, Kiểm soát Tài sản có được do Phạm tội mà có và các Vấn đề khác (APOC)* và *Luật Quy định Đặc biệt về Phòng chống Ma túy (ADSPL)* bao gồm các quy định về nhận dạng, thu giữ và bảo quản tài sản hoặc phương tiện phạm tội và về thực hiện lệnh tịch thu tài sản từ nước ngoài theo yêu cầu của một quốc gia khác đối với tất cả các tội phạm nghiêm trọng.
- *Luật Tương trợ Tư pháp ở Nước ngoài* quy định việc tổng đạt giấy tờ pháp lý từ nước ngoài và tương trợ của tòa án Nhật Bản trong quá trình thu thập chứng cứ.
- Nhật Bản đã chấm dứt các hiệp định tương trợ tư pháp song phương với Trung Quốc; Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc; Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Các hiệp định quốc tế với Liên bang Nga và Liên minh Châu Âu đã được ký kết và đang được quốc hội Nhật Bản xem xét việc phê chuẩn.
- Nhật Bản đã ký nhưng chưa phê chuẩn Công ước Merida. Quốc gia này hiện là thành viên của Công ước Viên, Công ước chống tài trợ khủng bố, Công ước về trừng trị hành vi tài trợ khủng bố và Công ước về chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh

tế (OECD). Nhật Bản cung cấp tương trợ tư pháp dựa trên pháp luật quốc gia, trong khi đó, những hiệp định tương trợ tư pháp lại sửa đổi những điều kiện cụ thể theo các quy định của pháp luật trong nước.

## **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để triển khai hoạt động tương trợ tư pháp**

- Nguyên tắc có đi có lại cần phải được đảm bảo trong mọi trường hợp (Điều 4/LIAI) khi yêu cầu đưa ra không thuộc phạm vi điều chỉnh của một hiệp định nhất định. Nếu hiệp định đa phương có quy định cụ thể về nguyên tắc có đi có lại, các quốc gia thành viên của hiệp định đa phương đó cần tuân thủ nguyên tắc này. Trong các trường hợp khác, quốc gia yêu cầu cần cam kết đảm bảo nguyên tắc có đi có lại mỗi khi gửi đi một yêu cầu tương trợ.
- Trừ trường hợp hiệp định có quy định khác, nguyên tắc cùng hình sự hóa phải được đảm bảo trong mọi trường hợp và đối với mọi biện pháp tương trợ căn cứ theo Điều 2.2/LIAI.
- Nhật Bản có quyền yêu cầu thêm những điều kiện cụ thể liên quan đến việc sử dụng thông tin hoặc bằng chứng được cung cấp dựa trên cơ sở của yêu cầu tương trợ tư pháp (nguyên tắc chuyên biệt hóa).

## **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

Theo Điều 2/LIAI, Nhật Bản có quyền từ chối các yêu cầu tương trợ tư pháp trong trường hợp:

- Yêu cầu tương trợ đó áp dụng cho tội phạm chính trị, hoặc được coi là được thực hiện với mục đích điều tra tội phạm chính trị.
- Hành vi phạm tội thuộc thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự của Nhật Bản, trừ trường hợp có một hiệp định quy định khác, khi yêu cầu tương trợ tư pháp được thực hiện đối với hành vi phạm tội không cấu thành tội phạm theo pháp luật, quy định hoặc pháp luật của Nhật Bản.

- Yêu cầu thẩm tra nhân chứng hoặc giao nộp tang vật được đưa ra nhưng quốc gia yêu cầu không giải thích rõ trong văn bản rằng các chứng cứ đó đóng vai trò quan trọng trong quá trình điều tra, trừ trường hợp có một hiệp định quy định khác.
- Không đáp ứng điều kiện về cùng hình sự hóa là căn cứ từ chối tương trợ trong các các hiệp định tương trợ tư pháp. Điều kiện này chỉ được yêu cầu đối với các biện pháp cưỡng chế quy định tại Hiệp định tương trợ tư pháp Nhật Bản-Hoa Kỳ.

## ***B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp***

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Trường hợp không có Hiệp định tương trợ tư pháp: Theo Điều 3/LIAI, Bộ Ngoại giao (MOFA) là cơ quan trung ương tiếp nhận mọi yêu cầu tương trợ tư pháp, và chuyển tiếp các yêu cầu này tới Bộ Tư pháp (MOJ). Vụ Quan hệ quốc tế trực thuộc Bộ Tư pháp sau đó sẽ quyết định chấp nhận hoặc từ chối yêu cầu gửi tới, trong trường hợp chấp nhận, yêu cầu này sẽ được chuyển tiếp tới cơ quan có thẩm quyền để thi hành.
- Trường hợp có Hiệp định tương trợ tư pháp: Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương tiếp nhận mọi yêu cầu tương trợ tư pháp.

### **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Yêu cầu tương trợ phải được lập thành văn bản và gửi kèm với bản dịch sang tiếng Nhật (bao gồm cả các tài liệu bổ sung).

## ***C. Thu hồi tài sản***

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Mọi biện pháp quy định tại LIAI đều có thể được áp dụng trong quá trình điều tra.

### C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành

Tổng đạt giấy tờ lên tòa án theo Luật Tương trợ tư pháp.

- Điều 8(1)/LIAI quy định việc thu thập chứng cứ cần thiết cho việc điều tra ở nước ngoài được thực hiện bởi một kiểm sát viên hoặc một cán bộ tư pháp bằng cách yêu cầu triệu tập bất kỳ cá nhân nào đến các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thẩm vấn và bằng cách yêu cầu chủ sở hữu, người dành được quyền sở hữu hoặc người nhận ủy thác của một tài liệu hoặc một đồ vật khác giao nộp tài liệu hoặc đồ vật đó. Ngoài ra, các biện pháp sau đây cũng được áp dụng: xin ý kiến chuyên gia; tiến hành thanh tra và yêu cầu cơ quan nhà nước hoặc tổ chức công hoặc tư đệ trình báo cáo về những vấn đề cần thiết. Không có bất kỳ chuẩn mực cụ thể nào về thu thập chứng cứ và mọi yêu cầu đều được xem xét cẩn thận đối với từng vụ việc.
- Trường hợp cá nhân không tuân thủ yêu cầu của Điều 8(1) (quy định về các biện pháp không bắt buộc), kiểm sát viên hoặc cán bộ tư pháp cần yêu cầu tòa án để có biện pháp giải quyết.
- Điều 8(2)/LIAI đề cập đến việc tiến hành các biện pháp bắt buộc theo lệnh của tòa án của cơ quan có thẩm quyền như khám xét và thu giữ hoặc giám định chứng cứ bắt buộc. Không có bất kỳ chuẩn mực cụ thể nào về thu thập chứng cứ.
- Điều 10/LIAI quy định rằng trong trường hợp một cá nhân từ chối cung cấp lời khai theo Điều 8(1) hoặc trường hợp yêu cầu tương trợ tư pháp được áp dụng cho việc thẩm tra bắt buộc một nhân chứng trước tòa, kiểm sát viên cần phải nộp đơn đề nghị thẩm phán tiến hành thẩm tra bắt buộc đối với nhân chứng đó. Trong những trường hợp đó, quốc gia yêu cầu cần phải lập văn bản giải thích chi tiết rằng những chứng cứ đó đóng vai trò quan trọng trong quá trình điều tra, trừ khi có một hiệp định quy định khác. Nhật Bản không thể tiến hành việc nghe lời thông tin từ xa theo quy định của LIAI.

- Nhật Bản không thể tiến hành việc kiểm soát tài khoản theo quy định của LIAI.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Pháp luật Nhật Bản không cho phép quy định về bảo mật ngân hàng cản trở việc thực hiện tương trợ tư pháp. Do đó các cơ quan có thẩm quyền có thể thu thập hay chia sẻ bất kỳ thông tin nào của các tổ chức tài chính cho các quốc gia yêu cầu. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cũng có thể đặt ra những giới hạn cho việc sử dụng những thông tin này của các quốc gia yêu cầu chiếu theo Điều 14.5 và 14.6/LIAI.
- Điều 105 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đã có những sửa đổi đối với các yêu cầu tương trợ tư pháp, theo đó các thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bảo vệ của đặc quyền pháp lý không thể được tiết lộ hoặc bị thu giữ. Tuy nhiên, trong một số điều kiện nhất định, cũng như các vụ án trong nước, lệnh của tòa án theo Điều 13/LIAI có thể tước bỏ đặc quyền pháp lý để thực hiện tương trợ tư pháp.

### ***Các biện pháp tạm thời (Lệnh Phong tỏa, Tạm giữ, Tịch thu tài sản)***

### **C.4. Thực thi trực tiếp bản án phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài**

- Lệnh phong tỏa và thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài không thể được thực thi trực tiếp ở Nhật Bản. Thay vào đó, các quốc gia có thể yêu cầu tương trợ thông qua việc đảm bảo an toàn tài sản theo Điều 66-73/APOC và Điều 21-23/ADSPL.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 59-74 APOC và Điều 21 và 22 ADSPL.
- **Thủ tục:** Trường hợp không có hiệp định tương trợ tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao tiếp nhận vụ việc và chuyển tiếp sang Bộ

trưởng Bộ Tư pháp để xem xét. Trường hợp có hiệp định tương trợ tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp trực tiếp tiếp nhận vụ việc và chuyển giao cho Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao để chỉ định một kiểm sát viên chịu trách nhiệm xử lý vụ việc. Kiểm sát viên phụ trách sẽ nộp đơn lên Tòa án quận để nghị xem xét và một khi lệnh của tòa được ban hành thì số tài sản do phạm tội mà có có thể bị thu giữ.

- **Yêu cầu về chứng cứ:** Tương trợ có thể được thực hiện nếu đáp ứng điều kiện cùng hình sự hóa, khi các hành vi phạm tội mà có biện pháp được yêu cầu thuộc Điều 59/APOC hoặc ADSPL như được nêu dưới đây, khi trường hợp yêu cầu tương trợ không đang trong giai đoạn chờ xét xử tại tòa án Nhật Bản, khi có những căn cứ hợp lý để nghi ngờ rằng hành vi phạm tội trong yêu cầu đã được thực hiện và tài sản là đối tượng tịch thu theo pháp luật Nhật Bản.
- **Thời hạn:** Không quy định.

### *Tịch thu tài sản*

#### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 59-74 APOC và Điều 21 và 22 ADSPL.
- **Thủ tục:** Trường hợp không có hiệp định nào về tương trợ tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao tiếp nhận vụ việc và chuyển tiếp sang Bộ trưởng Bộ Tư pháp để xem xét. Trường hợp có hiệp định về tương trợ tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp trực tiếp tiếp nhận vụ việc và chuyển giao cho Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao để chỉ định một kiểm sát viên chịu trách nhiệm xử lý vụ việc. Kiểm sát viên phụ trách sẽ yêu cầu Tòa án quận xem xét và một khi lệnh của tòa được ban hành, số tài sản có được do phạm tội mà có có thể bị tịch thu.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Tương trợ chỉ có thể được thực hiện khi đáp ứng điều kiện về cùng hình sự hóa, khi hành vi phạm tội mà có biện pháp được yêu cầu thuộc Điều 59/APOC hoặc Điều 21-



23/ADSPL, khi vụ việc yêu cầu tương trợ đang không trong giai đoạn chờ xét xử trước tòa án Nhật Bản, khi lệnh tịch thu là bản án cuối cùng và có hiệu lực tại quốc gia yêu cầu, khi tài sản là đối tượng có thể bị tịch thu theo pháp luật Nhật Bản và khi nghi phạm đã có cơ hội được bào chữa cho mình trong quá trình tố tụng tại quốc gia yêu cầu.

### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

- Lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết không được thực thi tại Nhật Bản.

### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

- Điều 59-74/APOC và Điều 21 và 22/ADSPL quy định việc tịch thu và thu hồi tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với giá trị của tài sản hoặc phương tiện có được do phạm tội.

### **D. Các hình thức tương trợ không chính thức**

- Tương trợ không chính thức có thể được thực hiện bởi Trung tâm tình báo tài chính Nhật Bản (JFIC) ([http://www.npa.go.jp/sosikihanzai/jafic/jaficenglish\\_page/jaficenglish.html](http://www.npa.go.jp/sosikihanzai/jafic/jaficenglish_page/jaficenglish.html)), Cơ quan quản lý dịch vụ tài chính (cơ quan giám sát) (<http://www.fsa.go.jp/en/index.html>) cũng như cảnh sát và các cơ quan hải quan.
- Các tuyên bố hợp tác hoặc thỏa thuận ghi nhớ là không cần thiết trong trường hợp các cơ quan nói trên thực hiện hoạt động tương trợ không chính thức. Tuy nhiên, các cơ quan này cũng có các quy định và điều kiện nhất định để tạo thuận lợi cho việc hợp tác và trao đổi thông tin.
- Nhật Bản duy trì và sử dụng các văn phòng tùy viên và các sỹ quan liên lạc Intepol tại một số quốc gia nhất định<sup>96</sup>.

---

<sup>96</sup> Các nhà hoạt động thực tiễn có thể liên lạc với đại sứ quán Nhật Bản nơi gần nhất để xác định văn phòng tùy viên phù hợp.

## ĐỊA HẠT JERSEY

### ***A. Khung pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và các điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản.**

- Luật Hợp tác quốc tế về tư pháp hình sự (CJICL) (Jersey) (<http://www.jerseylaw.je/Law/LawsInForce/default.aspx>) cho phép thực hiện tương trợ tư pháp rộng rãi tới mọi quốc gia.
- Luật Điều tra hành vi gian dối (Jersey) là cơ sở pháp lý để thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp trong những vụ án liên quan đến hành vi gian dối nghiêm trọng.
- Quy định về việc Thực thi lệnh tịch thu tài sản có được do phạm tội (POCR) (Jersey) và quy định về việc thực thi lệnh tịch thu tài sản có được do buôn bán trái phép chất ma túy (DTOR) (<http://www.jerseylaw.je/Law/LawsInForce/default.aspx>) điều chỉnh việc ban hành lệnh thu giữ, đăng ký thụ lý và thi hành lệnh tịch thu tài sản từ nước ngoài liên quan đến các hành vi phạm tội nghiêm trọng.
- Lệnh về Chứng cứ trong quá trình tố tụng ở các khu vực pháp lý khác (EO) (Jersey) (<http://www.jerseylaw.je/Law/LawsInForce/default.aspx>) cho phép Tòa án Hoàng gia hỗ trợ các tòa án quốc gia khác thu thập chứng cứ các vụ án hình sự hoặc dân sự.
- Công ước Merida do Vương quốc Anh phê chuẩn vẫn chưa có hiệu lực mở rộng tới địa hạt Jersey. Công ước Viên, Công ước chống tài trợ khủng bố và Công ước Châu Âu 1959 về tương trợ tư pháp hình sự đã có hiệu lực mở rộng tới địa hạt Jersey. Mặc dù không tham gia ký kết các hiệp định quốc tế nhưng Jersey vẫn có thể thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp.

## **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để triển khai hoạt động tương trợ tư pháp**

- Không cần thiết phải đáp ứng nguyên tắc có đi có lại để thực hiện tương trợ tư pháp. Tổng chương lý có quyền quyết định việc thực hiện tương trợ tư pháp.
- Căn cứ Điều 6 của CJICL, việc đột nhập, khám xét và thu giữ chỉ được áp dụng trong trường hợp điều kiện cùng hình sự hóa được đáp ứng. Trong khi đó, quy định tại Điều 2 của Luật Điều tra hành vi gian dối (Jersey) không đề cập đến quy định này (không yêu cầu điều kiện cùng hình sự hóa).
- Căn cứ theo POOCR, để tiến hành các biện pháp thu giữ và tịch thu, ngoài điều kiện cùng hình sự hóa, hành vi được đề cập đến trong yêu cầu tương trợ phải cấu thành “tội phạm nghiêm trọng” theo quy định pháp luật địa hạt Jersey (đó là một hành vi phạm tội - không phải buôn bán trái phép chất ma túy, người đó sẽ phải lãnh án tù từ một năm trở lên). Quy định về việc thực thi lệnh tịch thu tài sản có được do phạm tội buôn lậu ma túy (DTOR) không yêu cầu điều kiện cùng hình sự hóa hoặc các hành vi cấu thành “tội phạm nghiêm trọng” trên địa hạt Jersey.

## **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

- Tổng chương lý có quyền quyết định việc tiến hành các hoạt động tương trợ. Không có quy định bắt buộc về các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp, tuy nhiên, chính sách tương trợ tư pháp của địa hạt Jersey là chấp thuận tất cả các yêu cầu tương trợ trừ trường hợp những yêu cầu không tương đồng hoặc không phù hợp với khuôn khổ pháp lý làm cơ sở để Tổng chương lý quyết định tương trợ. Về mặt chính sách, Jersey sẽ không thực hiện tương trợ nếu chính địa hạt này không yêu cầu tương trợ từ một quốc gia khác trong cùng trường hợp tương tự do chi phí hoặc mức độ nghiêm trọng của tội phạm. Chính quyền sẽ phải cân nhắc cung cấp hoạt động tương trợ nếu giá trị tài sản thấp hơn 10.000 bảng (hoặc tương đương); hoặc đối với những trường

hợp có hành vi lừa đảo nghiêm trọng hoặc phức tạp mà giá trị thấp hơn 2.000.000 bảng (hoặc tương đương). Tuy nhiên, ngay cả trong những trường hợp giá trị tài sản dưới mức này, chính sách của Jersey là không ngăn cản việc thực hiện tương trợ tư pháp trên cơ sở chính sách công. Nguyên tắc có đi có lại không phải là yêu cầu tuyệt đối nhưng sẽ được xem xét khi cân nhắc có tương trợ tư pháp hay không.

- Bộ Ngoại giao Anh không nhất thiết phải tham gia vào bất kỳ yêu cầu tương trợ tư pháp nào đối với địa hạt Jersey; tuy nhiên, trong quá trình thu thập thông tin, trong một số trường hợp, Tổng chương lý sẽ tham khảo quan điểm của Bộ Ngoại giao và các cơ quan chức năng khác trước khi quyết định.
- Quyền con người và tính chất của quá trình xét xử ở quốc gia yêu cầu cũng là các yếu tố được đưa vào xem xét khi quyết định chấp thuận hay từ chối yêu cầu.

## ***B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp***

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực thi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Văn phòng Tổng chương lý là cơ quan trung ương chịu trách nhiệm về tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp.
- Trên thực tế, mọi yêu cầu tương trợ trong giai đoạn đầu tiên sẽ do trợ lý của cố vấn pháp luật xem xét, sau đó sẽ báo cáo hoặc tiếp nhận ý kiến tham vấn của cố vấn pháp luật hoặc cố vấn pháp luật cao cấp về cách thức xử lý một yêu cầu cụ thể.

### **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Mọi văn bản yêu cầu phải được lập bằng tiếng Anh hoặc được dịch sang tiếng Anh.

## **C. Thu hồi tài sản**

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Căn cứ theo CJICL và Luật Điều tra hành vi lừa đảo (Jersey), hầu hết các biện pháp phải được tiến hành ngay khi bắt đầu quá trình điều tra hành vi phạm tội ở quốc gia yêu cầu.
- Các biện pháp cưỡng chế như đột nhập, khám xét và thu giữ được quy định trong CJICL cũng như POCR và DTOR chỉ được áp dụng khi đã khởi tố vụ án hoặc có những căn cứ hợp lý cho rằng những thủ tục tố tụng đó sẽ được tiến hành ở quốc gia yêu cầu (hoặc trong trường hợp được nêu ở CJICL, nếu một người đã bị bắt có liên quan đến quá trình điều tra hoặc sẽ bị bắt). Được coi là đã khởi tố vụ án khi bị cáo được thông báo bằng văn bản về quá trình tố tụng có liên quan tới một hành vi phạm tội cụ thể hoặc trong một đơn kiện gửi tới tòa án ở các quốc gia liên quan để nghị thực thi lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài.

### **Truy nguyên**

### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

- Điều 5 CJICL: Tổng chương lý, sau khi nhận được yêu cầu tương trợ của nước ngoài, có thể triệu tập và yêu cầu bất kỳ cá nhân nào cung cấp bằng chứng có liên quan đến yêu cầu, cung cấp cho Tổng chương lý, tòa án bất kỳ văn bản hoặc các vật chứng nào, ngoài những văn bản, vật chất được ngân hàng bảo mật.
- Điều 6 CJICL: Theo yêu cầu của Tổng chương lý, chấp hành viên có thể tiến hành các lệnh khám xét tài sản sau khi đã vụ án đã được khởi tố hoặc việc bắt giữ đã được thực hiện nhằm mục đích tìm kiếm chứng cứ và thu giữ bằng chứng tìm thấy tại nơi khám xét hoặc nếu có những căn cứ hợp lý cho rằng thủ tục tố tụng hoặc việc bắt giữ sẽ được tiến hành ở quốc gia yêu cầu; hành vi đang trong quá trình xem xét cấu thành “tội phạm nghiêm trọng” đã được thực hiện trên địa hạt Jersey; và có những căn cứ hợp lý cho rằng có bằng chứng về tài sản liên quan đến hành vi

phạm tội trên địa hạt Jersey. Mọi bằng chứng được cảnh sát thu giữ phải được Tổng Chương lý chuyển tới quốc gia yêu cầu.

- Điều 2 của Luật điều tra hành vi lừa đảo (Jersey): Tổng chương lý có thể tiến hành điều tra khi nghi ngờ có hành vi phạm tội liên quan đến “hành vi gian dối nghiêm trọng hoặc phức tạp”. Theo quy định của pháp luật, Tổng chương lý có quyền ra thông báo yêu cầu người đang bị điều tra hoặc những người khác phải trả lời câu hỏi hoặc cung cấp thông tin phục vụ điều tra hoặc yêu cầu giao nộp bất kỳ tài liệu nào mà theo Tổng chương lý có liên quan đến cuộc điều tra. Tổng chương lý có thể sao chép những văn bản đó hoặc yêu cầu những người giao nộp phải cung cấp hoặc giải thích về những tài liệu đó.
- Lệnh Chứng cứ trong quá trình tố tụng ở các khu vực pháp lý khác (EO): Sau khi khởi tố vụ án, Tổng chương lý có thể thay mặt tòa án hoặc hệ thống tòa án của quốc gia yêu cầu đề nghị tòa án hoàng gia ban hành lệnh giao nộp tài liệu và lấy lời khai của nhân chứng trên địa hạt Jersey.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Điều 6 của Luật Chứng cứ về chứng từ ngân hàng (Jersey) năm 1986 cho phép tiếp cận thông tin và tài liệu khác thuộc bí mật ngân hàng theo lệnh của tòa án.
- Để thực hiện tương trợ tư pháp theo Luật điều tra hành vi gian dối (Jersey) năm 1991, Điều 2(9) quy định rằng, Tổng chương lý có thể yêu cầu tiết lộ thông tin được ngân hàng bảo mật.
- Pháp luật địa hạt Jersey không bắt buộc giao nộp tài liệu hoặc chứng cứ thuộc đặc quyền pháp lý trừ khi có nghi ngờ rằng chính luật sư đã thực hiện hành vi phạm tội hình sự.

### ***Lệnh phong tỏa, thu giữ, tạm giữ tài sản***

### **C.4. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- **Lệnh phong tỏa và thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài** không được thi hành trực tiếp trên địa hạt Jersey.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu tương trợ của tòa án nước ngoài.**

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 15, 16 của POCR và Điều 15, 16 của DOTR.
- **Thủ tục:** Tổng chương lý có thể thay mặt cho quốc gia yêu cầu đề nghị Tòa án Hoàng gia ban hành lệnh thu giữ tài sản (*saisie judiciaire*).
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Có thể ban hành lệnh nếu yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước ngoài có liên quan đến “hành vi phạm tội nghiêm trọng” theo pháp luật Jersey; thủ tục tố tụng đã được tiến hành hoặc chuẩn bị được tiến hành ở quốc gia yêu cầu; đã ban hành lệnh tịch thu tài sản từ nước ngoài hoặc có những căn cứ hợp lý cho rằng những lệnh đó sẽ được ban hành trong quá trình tố tụng. Theo quy định của POCR, lệnh thu giữ có thể được áp dụng mở rộng tới bất kỳ tài sản nào được đề cập trong lệnh tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài hoặc bất kỳ tài sản hữu hình nào của bị cáo. Quy định về việc thực thi lệnh tịch thu tài sản có được do phạm tội buôn lậu ma túy cũng cho phép các hành động tương tự với người mà bị cáo đã trực tiếp hoặc gián tiếp tặng quà hoặc bất kỳ tài sản nào mà bị cáo được hưởng lợi.
- **Thời hạn:** Khi chưa tiến hành thủ tục tố tụng, tòa án có thể bãi bỏ lệnh thu giữ nếu thủ tục tố tụng không được tiến hành trong khoảng thời gian tòa án cho là hợp lý.

#### ***Tịch thu tài sản***

### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản từ nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Mục 39 của POCR và Mục 39 của DOTR.
- **Thủ tục:** Sau khi tiếp nhận lệnh thu giữ, Tổng chương lý có thể đề nghị tòa án (theo yêu cầu của tòa án nước ngoài) thụ lý và thực thi lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài. Khi lệnh

này đã được đăng ký thụ lý, tòa án sẽ tiến hành nhận diện tài sản cần bị tịch thu để thực hiện đúng lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài và trao trả toàn bộ tài sản bị tịch thu vào Quỹ tịch thu tài sản có được do phạm tội hình sự hoặc Quỹ tịch thu tài sản có được do buôn bán trái phép chất ma túy (theo thỏa thuận chia sẻ tài sản).

- **Yêu cầu về chứng cứ:** Lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài có thể được thi hành nếu vào thời điểm đăng ký thụ lý, lệnh này vẫn còn hiệu lực và không bị khiếu nại; người khiếu nại lệnh này không trình diện trong quá trình tố tụng và người được thông báo về quá trình tố tụng đã có đủ thời gian để tự biện hộ cho mình; và việc thực thi lệnh này trên địa hạt Jersey không trái với lợi ích công.

### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

Luật thu hồi tài sản theo thủ tục dân sự (hợp tác quốc tế) năm 2007 cho phép tiến hành thu thập chứng cứ và ban hành lệnh tạm giữ tài sản cũng như việc đăng ký thụ lý các lệnh thu hồi tài sản dân sự của tòa án nước ngoài.

### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

- Dựa theo định nghĩa về “tịch thu” và “tài sản hữu hình” theo pháp luật Jersey, các quy định của POCR và DTOR cũng cho phép thu giữ tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp hoặc các công cụ phạm tội.

### **D. Các hình thức tương trợ không chính thức**

- Các hoạt động tương trợ không chính thức có thể được tiến hành bởi Vụ phòng chống tội phạm tài chính có liên kết (JFCU) (FIU) (<http://www.jersey.police.uk/about/departments/JFCU/index.html>), Ủy ban dịch vụ tài chính (FSC) (<http://www.jerseyfsc.org/>), lực lượng cảnh sát và các cơ quan hải quan.



## **CÔNG QUỐC LIECHTENSTEIN**

### ***A. Khung pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và các điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- Công quốc Liechtenstein có thể tiến hành tương trợ tư pháp căn cứ trực tiếp vào các công ước quốc tế, bao gồm Công ước Châu Âu về tương trợ tư pháp trong các vấn đề hình sự (ECMA), Công ước của Hội đồng Châu Âu về hành vi rửa tiền, khám xét, tạm giữ và tịch thu tài sản do phạm tội mà có, Công ước Palermo, Công ước Viên, Công ước chống khủng bố tài chính (SFT) và Hiệp định tương trợ tư pháp song phương với Hoa Kỳ. Công quốc Liechtenstein cũng đã phê chuẩn Công ước Merida.
- Đối với các nước không ký kết hiệp định tương trợ với Công quốc Liechtenstein, tương trợ tư pháp có thể được thực hiện dựa trên Luật tương trợ tư pháp quốc tế về các vấn đề hình sự (RHG) (<http://www.gesetze.li/Seite1.jsp?LGBIm=2000215>). Luật RHG quy định tất cả các loại hình tương trợ liên quan đến vấn đề hình sự, bao gồm cả các biện pháp tạm thời như phong tỏa, thu giữ tài sản và thi hành các phán quyết của tòa án nước ngoài, bao gồm cả các lệnh tịch thu (phán quyết về tài sản).

#### **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp**

- Tất cả các yêu cầu phải đáp ứng điều kiện có đi có lại, điều kiện này được mặc định là đáp ứng đối với các quốc gia đã ký kết hiệp định với nhau.
- Ngoại trừ việc chấp hành các quyết định của tòa án nước ngoài, tất cả các yêu cầu dựa trên RHG phải đáp ứng điều kiện cùng hình sự hóa. Mọi trường hợp khác được giải quyết dựa trên các quy định của hiệp định hiện hành có liên quan.

### **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

Căn cứ vào Điều 51 của RHG, tương trợ tư pháp sẽ không được chấp thuận nếu:

- Yêu cầu tương trợ tư pháp gây tổn hại đến trật tự công cộng hoặc lợi ích thiết yếu của Công quốc Liechtenstein.
- Không thể đảm bảo rằng quốc gia yêu cầu sẽ đồng ý tương trợ nếu Công quốc Liechtenstein đưa ra một yêu cầu tương trợ tương tự.
- Các hành vi phạm tội được đề cập trong yêu cầu không bị xử phạt theo pháp luật của Công quốc Liechtenstein.
- Không đáp ứng các yêu cầu đặc biệt của Bộ luật Tố tụng Hình sự đối với việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế như nghe trộm, khám xét và thu giữ.
- Các yêu cầu liên quan đến thông tin mật nhưng nghĩa vụ bảo mật không thể được gỡ bỏ ngay cả khi có quyết định của tòa án Công quốc Liechtenstein (ví dụ như đặc quyền pháp lý). Bí mật ngân hàng không nằm trong trường hợp này.
- Bí mật ngân hàng không được xếp vào các trường hợp kể trên. Nếu các điều kiện chung để tiến hành tương trợ tư pháp được đáp ứng, thông tin về tài khoản ngân hàng có thể được thu thập và trao đổi với cơ quan yêu cầu.

### **B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp**

#### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Cơ quan trung ương tiếp nhận và xử lý tất cả các yêu cầu liên quan đến tương trợ tư pháp là Bộ Tư pháp. Chỉ những yêu cầu dựa trên RHG mới cần phải gửi qua các kênh ngoại giao. Các yêu cầu dựa trên các Hiệp định tương trợ tư pháp có thể được gửi trực tiếp tới Bộ Tư pháp.

- Bộ Tư pháp sẽ chuyển giao các yêu cầu cho thẩm phán của Tòa án - người có thẩm quyền quyết định việc thực hiện tương trợ. Tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp được sao ra và gửi cho Văn phòng Công tố viên (OPP) để lấy ý kiến. OPP có thể tiến hành điều tra nội bộ dựa trên những thông tin có trong yêu cầu. Trong quá trình thực hiện tương trợ tư pháp, OPP là một trong những cơ quan tham gia và có ảnh hưởng tới việc đưa ra quyết định của toà án. Tòa án xem xét các yêu cầu để xác định xem các điều kiện pháp lý cơ bản đã được đáp ứng chưa, có căn cứ nào để từ chối và liệu các yêu cầu cung cấp thông tin đã được thực thi đầy đủ hay chưa.
- Tương trợ tư pháp sẽ được thực thi ngay sau khi yêu cầu được toà án chấp thuận. Khi các thủ tục tố tụng được hoàn thành, các tài liệu được chuyển giao đến Bộ Tư pháp và từ đó được chuyển trực tiếp, hoặc thông qua các kênh ngoại giao, đến cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu.

## **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Các yêu cầu phải được lập bằng tiếng Đức hoặc kèm theo bản dịch sang tiếng Đức. Các yêu cầu dựa trên Công ước Palermo và Công ước Merida có thể được lập bằng tiếng Anh.

## **C. Thu hồi tài sản**

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Tất cả các biện pháp nêu dưới đây có hiệu lực kể từ khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra hoặc truy tố, với điều kiện luật pháp và chính sách của quốc gia yêu cầu cho phép việc tiến hành các cuộc điều tra dạng này. Cán bộ có thẩm quyền đề cập ở đây có thể là thẩm phán, công tố viên hoặc cảnh sát và những cuộc điều tra này sẽ trở thành điều tra tư pháp. Các thủ tục tố tụng không nhất thiết phải ở tình trạng đang được thực hiện trước khi phiên tòa diễn ra.

## *Truy nguyên*

### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

Cộng quốc Liechtenstein có thể thực hiện bất kỳ biện pháp nào, thay mặt cho một quốc gia nước ngoài, nếu các biện pháp đó có hiệu lực trong bối cảnh các vụ án trong nước (Điều 9 RHG), cụ thể là:

- Các điều 105-124 StPO (Bộ luật Tổ tụng Hình sự) về việc thẩm vấn các nhân chứng tại tòa án.
- Điều 92 StPO cho phép khám xét nhà ở hoặc cá nhân nếu nghi ngờ rằng vật chứng quan trọng cho quá trình điều tra hình sự có tại nhà riêng hoặc nơi ở của người đó. Điều 96 StPO quy định việc thu giữ vật chứng và tài liệu được tìm thấy trong quá trình khám xét như được nêu dưới đây.
- Căn cứ vào Điều 98a StPO, tòa án có thể ban hành lệnh yêu cầu các ngân hàng và công ty tài chính cung cấp dữ liệu của khách hàng và thông tin, tài liệu về các mối quan hệ kinh doanh hiện tại và trước đó nếu các dữ liệu này được cho là “cần thiết để xử lý” một vụ án hình sự hoặc nếu có nghi ngờ rằng các tài liệu, thông tin này chứa manh mối về các tài sản do phạm tội mà có.
- Khi có lệnh của tòa án, Điều 103 StPO cho phép giám sát thông tin liên lạc điện tử trong trường hợp hành vi vi phạm liên quan tới cuộc điều tra có nguy cơ bị phạt tù một năm tù trở lên.
- Không có quy định pháp luật cụ thể về lệnh theo dõi, giám sát tài khoản ngân hàng. Trên thực tế, thông thường các thẩm phán chỉ ra lệnh cho ngân hàng theo dõi tài khoản và báo cáo về hoặc thực hiện một số giao dịch nhất định sau khi có sự đồng ý của tòa án.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Quy định về bí mật ngân hàng không được áp dụng trong các cuộc điều tra hình sự trong nước hay các thủ tục tố tụng để

tương trợ tư pháp. Trên cơ sở yêu cầu tương trợ tư pháp đã cung cấp các căn cứ minh chứng cho việc nghi ngờ rằng một hành vi phạm tội đã diễn ra tại quốc gia yêu cầu cũng như đã nêu rõ hành vi đó thuộc phạm vi xử lý theo luật pháp của Công quốc Liechtenstein, thẩm phán sẽ yêu cầu ngân hàng giao nộp các tài liệu hoặc thông tin liên quan. Nếu ngân hàng không thực hiện yêu cầu này thì toà án sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Chỉ cần có yếu tố “nghi ngờ” là đã đủ cơ sở cho việc tiến hành điều tra. Yêu cầu tương trợ tư pháp phải được gửi kèm cùng lệnh thu giữ tài liệu ngân hàng do toà án có thẩm quyền tại nước yêu cầu ban hành. Nếu pháp luật của quốc gia yêu cầu tương trợ không cho phép thực hiện một lệnh như vậy (ví dụ như các tài liệu ngân hàng nằm ngoài thẩm quyền pháp lý của quốc gia yêu cầu tương trợ), văn bản yêu cầu tương trợ phải đính kèm một thông báo khẳng định rõ điều này.

### ***Các biện pháp tạm thời (Lệnh phong tỏa, thu giữ và tạm giữ tài sản)***

#### **C.4. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 56 RHG và Mục 97 StPO.
- **Thủ tục:** Không thực thi trực tiếp các lệnh phong tỏa, thu giữ và tạm giữ tài sản do các nước khác ban hành. Các quốc gia này phải gửi một yêu cầu tương trợ tư pháp tới Công quốc Liechtenstein. Trên cơ sở đó, Tòa án có thẩm quyền sẽ ban hành lệnh phong tỏa, thu giữ hoặc tạm giữ tài sản. Xem Mục C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Chỉ cần có một nghi ngờ “đơn giản” ban đầu đã được coi là có đủ căn cứ. Đối với những yêu cầu bổ sung thêm, xem Mục C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp

## C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu tương trợ của tòa án nước ngoài

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 97a StPO.
- **Thủ tục:** Không thực thi trực tiếp các lệnh phong tỏa, thu giữ và tịch thu tài sản do các nước khác ban hành. Các quốc gia này phải gửi một yêu cầu tương trợ tư pháp tới Công quốc Liechtenstein. Trên cơ sở đó, Tòa án có thẩm quyền sẽ ban hành lệnh phong tỏa, thu giữ hoặc tạm giữ tài sản. Xem Mục C.4: Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp. Thủ tục tương tự với các yêu cầu tương trợ tư pháp nêu trong Mục B.1: Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Lệnh thu giữ tài sản có được do phạm tội được ban hành trong trường hợp có nghi ngờ về hành vi làm giàu bất chính hoặc về nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản và trong điều kiện giả định là các tài sản này là đối tượng của lệnh thu giữ. Mọi tài sản là đối tượng của lệnh tịch thu theo quy định của Điều 97a StPO đều có thể bị thu giữ. Một nghi ngờ “đơn giản” (ban đầu) được coi là có đủ cơ sở để mở một cuộc điều tra sơ bộ.
- **Thời hạn:** Lệnh thu giữ chỉ được ban hành trong một khoảng thời gian nhất định nhưng có thể được gia hạn. Sau hai năm, việc gia hạn có thể được chấp nhận nếu có sự đồng ý của Tòa phúc thẩm. Trên thực tế, các lệnh tạm thời thường có hiệu lực trong vòng một năm. Thời hạn này có thể được kéo dài thêm 1 năm nữa và lâu hơn trong một số trường hợp ngoại lệ nhất định. Tuy nhiên, các quốc gia yêu cầu phải cung cấp cho tòa án, trong thời gian trước khi hết thời hạn, các thông tin về chiều hướng của các vụ kiện và những lý do tại sao các vụ án này không được hoàn thành. Nếu không, lệnh tạm thời sẽ hết hiệu lực.

## *Tịch thu tài sản*

### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 64 RHG.
- **Thủ tục:** Các yêu cầu thực thi các quyết định của tòa án hình sự nước ngoài được Bộ Tư pháp tiếp nhận và chuyển giao tới Tòa án tư pháp, nơi xác định xem có thuộc trường hợp cấm thi hành lệnh hay không. Công quốc Liechtenstein có thể đề nghị quốc gia yêu cầu tương trợ cung cấp các tài liệu bổ sung nếu tài liệu đó cần thiết cho việc thực thi lệnh. Nếu Tòa án cho rằng tất cả các yêu cầu của RHG đã được đáp ứng, Tòa sẽ đưa ra quyết định phù hợp với lệnh tịch thu tài sản nước ngoài và lệnh đó sẽ bắt đầu có hiệu lực tại Công quốc Liechtenstein.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài có thể được thi hành nếu quyết định đưa ra ở phiên xét xử tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của Điều 6 Công ước về bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản; đáp ứng yêu cầu cùng hình sự hóa và hành vi phạm tội không liên quan đến chính trị, quân sự, hay tội phạm hình sự về thuế; quyết định vẫn còn hiệu lực; và cá nhân hiện không bị truy tố với cùng một tội danh ở Công quốc Liechtenstein hoặc đã được Tòa án Công quốc Liechtenstein tuyên bố trắng án hay bị kết án với cùng tội danh. Lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài chỉ được thực thi nếu lệnh trong nước tương ứng chưa được ban hành và nếu tài sản hoặc đối tượng của lệnh đang hiện hữu trên lãnh thổ của Công quốc Liechtenstein.

### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

- Các lệnh thu hồi tài sản không dựa trên phán quyết phải nằm trong phạm vi điều chỉnh của Điều 64 RHG và có thể được thực hiện. Luật Tố tụng Hình sự của Công quốc Liechtenstein cho phép thu hồi tài sản không dựa trên phán quyết trong các thủ tục tố tụng trong nước. Điều này được quy định rõ ràng trong luật pháp và thực tiễn ở Công quốc Liechtenstein. Các vấn đề

có thể phát sinh khi thi hành lệnh tịch thu “dân sự” của các quốc gia theo hệ thống thông luật. Việc lệnh tịch thu “dân sự” tương ứng trong thủ tục tố tụng của quốc gia đề nghị tương trợ có được coi là có yếu tố “hình sự” theo quy định của RHG hay không sẽ được xem xét trong từng vụ việc cụ thể.

### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

- Luật pháp của Công quốc Liechtenstein nhìn chung cho phép thực hiện việc tịch thu thông qua lệnh của tòa án yêu cầu nộp một số tiền tương đương với số tiền thu được từ hành vi phạm tội, đó cũng là cơ sở để thực hiện các lệnh của tòa án nước ngoài về tịch thu tài sản có giá trị tương đương.
- Toàn bộ tài sản, dù ở tình trạng bình thường hoặc hỏng hóc, đều bị tịch thu trên nguyên tắc rằng bất cứ vật gì đáp ứng điều kiện là đối tượng tịch thu đều sẽ bị thu giữ (Điều 96 StPO).

### ***D. Các hình thức tương trợ không chính thức***

- Hoạt động tương trợ không chính thức có thể được thực hiện bởi Đơn vị tình báo tài chính Công quốc Liechtenstein FIU (<http://www.llv.li/LLV-sfiu-home.htm>), Cơ quan thị trường tài chính ([http://www.fma-li.li/?l=2&page\\_id=8](http://www.fma-li.li/?l=2&page_id=8)), Cơ quan thuế Công quốc Liechtenstein và lực lượng cảnh sát.
- Các cơ quan nói trên không nhất thiết phải có biên bản ghi nhớ để có thể hỗ trợ không chính thức cho nhau. Hỗ trợ được thực hiện dựa trên các hiệp định đã được ký kết hoặc dựa trên cơ sở luật pháp và nguyên tắc có đi có lại.
- Công quốc Liechtenstein không duy trì văn phòng tùy viên ở nước ngoài và các quốc gia khác cũng không duy trì các văn phòng như vậy tại Công quốc Liechtenstein. Công quốc Liechtenstein sử dụng các văn phòng tùy viên của các quốc gia nước ngoài có trụ sở tại Thụy Sĩ hoặc Đức, những nước có thẩm quyền với Công quốc Liechtenstein.



## SINGAPORE

### ***A. Khung pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và các điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- Luật tương trợ lẫn nhau về vấn đề hình sự MACMA ([http://statues.agc.gov.sg/non\\_version/cgi-bin/cgi\\_retrieve.pl?actno=REVED-190A&doctitle=MUTUAL%20ASSISTANCE%20IN%20CRIMINAL%20MATTERS%20ACT&date=latest&method=part](http://statues.agc.gov.sg/non_version/cgi-bin/cgi_retrieve.pl?actno=REVED-190A&doctitle=MUTUAL%20ASSISTANCE%20IN%20CRIMINAL%20MATTERS%20ACT&date=latest&method=part)).
- Các hiệp định tương trợ tư pháp song phương với Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc và Ấn Độ.
- Hiệp định tương trợ tư pháp song phương về tội phạm ma túy với Hoa Kỳ.
- Hiệp định tương trợ tư pháp đa phương với 10 quốc gia thuộc Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).
- Singapore đã thông qua các Công ước Viên, Công ước Palermo, Công ước về khủng bố tài chính và Công ước Merida. Yêu cầu tương trợ tư pháp có thể không căn cứ trực tiếp vào các Công ước nhưng sẽ căn cứ theo các quy định của MACMA hoặc một hiệp định tương trợ tư pháp song phương hoặc đa phương thích hợp.

#### **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp**

- Tất cả các yêu cầu tương trợ căn cứ theo MACMA phải đáp ứng nguyên tắc cùng hình sự hóa. Những khác biệt trong phân loại tội phạm không phải là rào cản đối với công tác tương trợ tư pháp bởi yếu tố được đem ra cân nhắc là bản chất của hành vi phạm tội chứ không phải tên gọi của các tội phạm.

- Nguyên tắc có đi có lại phải được đảm bảo và có thể được thực hiện trên cơ sở một thỏa thuận căn cứ theo Mục 16(2) của Luật MACMA về thỏa thuận đặc biệt dành cho một yêu cầu cụ thể liên quan đến một tội phạm cụ thể (thỏa thuận này có thể được đưa vào trong yêu cầu hoặc một văn bản riêng), hoặc là thông qua một thỏa thuận song phương hoặc đa phương ký kết với Singapore.

### **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

Căn cứ theo Điều 20 MACMA, các yêu cầu tương trợ tư pháp phải bị từ chối nếu Tổng chưởng lý cho rằng:

- Quốc gia yêu cầu tương trợ tư pháp không thực hiện đúng các quy định của biên bản ghi nhớ hay các thỏa thuận song phương hoặc đa phương đang được áp dụng.
- Yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến công tác điều tra, khởi tố, xử phạt người có hành vi phạm tội có liên quan tới chính trị.
- Yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến công tác điều tra, khởi tố, trừng phạt người phạm tội vi phạm quân luật.
- Có những căn cứ quan trọng giúp đảm bảo rằng yêu cầu tương trợ tư pháp được thực hiện với mục đích điều tra, khởi tố, trừng phạt hoặc tạo ra thành kiến với một cá nhân vì những lý do liên quan tới chủng tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc dân tộc, quốc tịch hay quan điểm chính trị của cá nhân đó.
- Các yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến việc điều tra, truy tố, hoặc trừng phạt một cá nhân có hành vi phạm tội có thể bị kết án, trắng án, hoặc ân xá bởi một tòa án hoặc cơ quan khác có thẩm quyền ở nước đó; hoặc đã chấp hành các hình phạt quy định của pháp luật của nước đó áp dụng đối với hành vi phạm tội này hay với một hành vi phạm tội khác được cấu thành bởi hành động tương tự như hành vi phạm tội được đề cập ban đầu.
- Không đáp ứng điều kiện cùng hình sự hóa.

- Hành vi phạm tội được đề cập trong yêu cầu chưa đủ mức độ nghiêm trọng.
- Các bằng chứng được yêu cầu không đủ quan trọng cho quá trình điều tra hoặc có thể thu thập được bằng các cách khác.
- Việc thực hiện tương trợ có thể đi ngược với các lợi ích chung của cộng đồng.
- Các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia yêu cầu tương trợ tư pháp không đảm bảo rằng các vật chứng hoặc thông tin yêu cầu sẽ không được sử dụng cho một mục đích khác ngoài mục đích đã được chỉ ra trong văn bản yêu cầu, trừ trường hợp có sự chấp thuận của Tổng chưởng lý.
- Các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia yêu cầu tương trợ tư pháp không đảm bảo rằng họ sẽ hoàn trả lại mọi thông tin, tài liệu được thu thập làm bằng chứng hoặc dùng cho việc khám xét và thu giữ theo yêu cầu tương trợ tư pháp đưa ra sau khi vấn đề hình sự liên quan đã được giải quyết tại quốc gia yêu cầu.
- Quy định về tương trợ có thể làm phương hại đến việc thực thi pháp luật hình sự ở Singapore.

Một yêu cầu tương trợ tư pháp *có thể* bị Tổng chưởng lý từ chối nếu, căn cứ theo các điều khoản của một biên bản ghi nhớ hay các thỏa thuận khác giữa Singapore và quốc gia yêu cầu tương trợ,

- Việc thực hiện tương trợ sẽ hoặc có khả năng sẽ ảnh hưởng đến sự an toàn của bất cứ cá nhân nào.
- Việc thực hiện tương trợ sẽ tạo ra gánh nặng đối với các nguồn lực của Singapore.
- Quốc gia yêu cầu tương trợ không được coi là quốc gia nước ngoài theo Mục 17 Luật MACMA, và quốc gia được coi là có thẩm quyền đã không đáp ứng được điều kiện có đi có lại căn cứ theo Mục 16(2) của Luật MACMA.

## **B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp**

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Văn phòng Tổng Chương lý là cơ quan trung ương chịu trách nhiệm về tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự. Tổng Chương lý căn cứ trên một bộ quy trình chuẩn, bao gồm các văn bản mẫu, để xử lý và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các yêu cầu trên. Các tài liệu có thể được cung cấp trực tuyến cho các quốc gia khác ([http:// www.agc.gov.sg/criminal / mutual\\_legal\\_asst.htm](http://www.agc.gov.sg/criminal/mutual_legal_asst.htm)).
- Các yêu cầu không nhất thiết phải gửi qua con đường ngoại giao hoặc lãnh sự mà có thể được gửi trực tiếp đến cơ quan trung ương của quốc gia yêu cầu.

### **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Tất cả các yêu cầu tương trợ và các tài liệu đính kèm phải được lập bằng tiếng Quan thoại (tiếng phổ thông Trung Quốc), Mã Lai (Malaysia), Ta-min (Ấn Độ), hoặc tiếng Anh hoặc là phải kèm theo một bản dịch. Tất cả yêu cầu phải lập thành văn bản.

## **C. Thu hồi tài sản**

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Hầu hết các hình thức tương trợ hỗ trợ căn cứ theo Luật MACMA có thể được cung cấp trong giai đoạn điều tra.
- Lệnh tạm giữ tài sản chỉ được ban hành nếu vụ án đã và đang bị khởi tố. Thủ tục tố tụng được coi là đã được thực hiện tại quốc gia yêu cầu sau khi bị cáo bị kết tội. Nếu sau ba tháng ban hành lệnh tạm giữ tài sản, thủ tục tố tụng chưa được thực hiện tại quốc gia yêu cầu, lệnh này sẽ được gỡ bỏ.

## ***Truy nguyên***

### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

- Bằng chứng phải được đưa ra trước tòa án sơ thẩm của Singapore để sử dụng trong giai đoạn tố tụng chờ xét xử căn cứ theo Mục 21 Luật MACMA.
- Các lệnh yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu hoặc chứng cứ (bao gồm các báo cáo tài chính) từ tổ chức tài chính, các tổ chức khác, hoặc cá nhân (Mục 22 Luật MACMA) có thể được ban hành nếu có căn cứ hợp lý cho rằng một cá nhân cụ thể đã tiến hành hoặc được hưởng lợi từ một tội phạm nước ngoài; thông tin, tài liệu hay bằng chứng đề cập ở đây là những vật có giá trị quan trọng (bản thân vật này hoặc khi kết hợp với một vật khác) có yếu tố hình sự mà theo đó lệnh này được ban hành và không bao gồm các vật chứng hoặc thông tin được phép bảo mật; và lệnh này không đi ngược lại lợi ích công khi các thông tin, bằng chứng hay tài liệu liên quan được đưa ra hoặc được cho phép tiếp cận.
- Việc tiến hành khám xét và thu giữ tài sản để làm chứng cứ (theo Mục 33 Luật MACMA) có thể được thực hiện nếu yêu cầu có liên quan đến vấn đề hình sự và có cơ sở hợp lý cho rằng các chứng cứ được yêu cầu cấp có yếu tố hình sự và đang nằm trên lãnh thổ Singapore.
- Lấy lời khai tự nguyện của các nhân chứng.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Thông tin tài chính chỉ có thể được cung cấp cho các cơ quan nước ngoài khi có lệnh của tòa án tối cao căn cứ theo Mục 22 (2) và 33 Luật MACMA.
- Căn cứ theo Luật MACMA, các vật chứng được quyền bảo mật như một đặc quyền pháp lý, bao gồm sự trao đổi thông tin giữa

một người biện hộ hoặc luật sư với khách hàng trong quá trình tư vấn pháp luật hoặc liên quan đến quá trình xét xử, sẽ không được phép tiếp cận,

### ***Các biện pháp tạm thời (Lệnh phong tỏa, thu giữ, tạm giữ tài sản)***

#### **C.4. Thực thi trực tiếp các lệnh phong tỏa và thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài**

- Luật MACMA không cho phép thực thi trực tiếp các lệnh tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài. Cụ thể là, các quốc gia yêu cầu tương trợ tư pháp phải thông qua Bộ trưởng Bộ Tư pháp để nghị ban hành lệnh thu giữ tài sản trong nước, căn cứ vào Mục 29 trong Luật MACMA như được nêu dưới đây.

#### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu tương trợ của tòa án nước ngoài.**

- **Cơ sở pháp lý:** Mục 29 Luật MACMA
- **Thủ tục:** Tổng chương lý - đại diện cho quốc gia yêu cầu tương trợ tư pháp - sẽ đề nghị Tòa án tối cao ban hành một lệnh thu giữ tài sản. Các lệnh thu giữ chỉ có thể được áp dụng đối với toàn bộ tài sản có thể xác định được của một đối tượng cụ thể, bao gồm tài sản được chuyển nhượng cho người đó sau khi ban hành lệnh thu giữ.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Tòa án tối cao có thể ban hành các lệnh này nếu như lệnh tịch thu tài sản của tòa nước ngoài đã được ban hành trong quá trình tố tụng hoặc có cơ sở hợp lý cho rằng các lệnh này sẽ được ban hành theo thủ tục tố tụng, các thủ tục tố tụng chưa kết thúc và có căn cứ cho rằng tài sản hiện đang ở trên lãnh thổ Singapore; hoặc nếu như vụ án sẽ bị khởi tố bởi một cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nước ngoài và có căn cứ hợp lý để tin rằng quốc gia này có thể ban hành lệnh tịch thu tài sản.

- **Thời hạn:** Nếu sau 3 tháng mà vụ án vẫn chưa được khởi tố tại quốc gia yêu cầu, Tòa án tối cao sẽ gỡ bỏ lệnh thu giữ tài sản. Được coi như đã khởi tố bị can tại quốc gia yêu cầu khi bị cáo đã bị buộc tội tại tòa.

## ***Tịch thu***

### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Mục 30 Luật MACMA.
- **Thủ tục pháp lý:** Các lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài có thể được đăng ký thụ lý và thực thi bởi Tòa án tối cao theo yêu cầu của Tổng chương lý đối với những tài sản mà có căn cứ hợp lý để tin rằng hiện đang nằm trên lãnh thổ Singapore. Lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài được định nghĩa là một quyết định của tòa án tại các quốc gia nước ngoài nhằm thu hồi, tịch biên hoặc tịch thu những tài sản (hoặc giá trị tài sản) hay số tiền có liên quan tới hành vi phạm tội theo quy định pháp luật; hoặc tài sản có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc giá trị thu được, trực tiếp hay gián tiếp, từ hành vi phạm tội.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Tòa án tối cao có thể phê duyệt lệnh tịch thu của tòa án nước ngoài nếu lệnh này vẫn có hiệu lực và không bị kháng cáo ở quốc gia yêu cầu tương trợ; nếu cá nhân bị ảnh hưởng bởi lệnh này không tham gia vào quá trình tố tụng mặc dù đã nhận được thông báo về thủ tục tố tụng trong một thời gian đủ để họ có thể biện hộ; và việc thi hành lệnh tịch thu của tòa án nước ngoài tại Singapore không phương hại đến các lợi ích công.

### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

- Định nghĩa về “lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài” theo quy định tại Mục 2(1) của Luật MACMA có phạm vi đủ rộng để bao gồm các lệnh tịch thu tài sản dân sự và lệnh tịch thu tài

sản dựa trên phán quyết của tòa án. Do đó, lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết của tòa án nước ngoài có thể được thực thi tại Singapore căn cứ theo Mục 29 Luật MACMA.

### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

- Như đã quy định ở trên, lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài được quy định trong Mục 2(1) Luật MACMA hướng tới các tài sản hoặc khoản tiền có được trực tiếp và gián tiếp từ hành vi tội phạm hoặc là giá trị của các tài sản đó. Như vậy, việc tịch thu tài sản có giá trị tương đương có thể áp dụng cho các tài sản nhưng không thể áp dụng đối các công cụ được sử dụng hay có ý định sử dụng để thực hiện tội phạm liên quan.

### ***D. Các hình thức tương trợ không chính thức***

- Hoạt động tương trợ chính thức có thể được thực hiện bởi Văn phòng báo cáo về các giao dịch đáng ngờ thuộc đơn vị tình báo tài chính (FIU) (nguồn: <http://www.cad.gov.sg/amlcft/STRO.htm/>), Cơ quan quản lý tiền tệ Singapore (MAS) (nguồn: <http://www.cad.gov.sg/>) và cảnh sát cùng các cơ quan hải quan.
- Chỉ Văn phòng Báo cáo về các Giao dịch Đáng ngờ (STRO) yêu cầu phải có biên bản ghi nhớ khi thực hiện tương trợ không chính thức. Cơ quan Quản lý Tiền tệ Singapore, cảnh sát và các cơ quan hải quan có thể cung cấp các loại hỗ trợ ngay cả trong trường hợp không có biên bản ghi nhớ.



## **TÂY BAN NHA**

### ***A. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

Tây Ban Nha thực hiện tương trợ tư pháp dựa trên:

- Các thoả thuận đa phương: Công ước Merida, Công ước Palermo, Công ước Viên, Công ước Schengen, Công ước năm 1990 của Hội đồng Châu Âu về tương trợ tư pháp về lĩnh vực hình sự, Công ước của Hội đồng Châu Âu về chống rửa tiền năm 1990 và Công ước của Liên minh châu Âu về tương trợ tư pháp cùng các nghị định thư đi kèm.
- Các thoả thuận song phương với các quốc gia ở Châu Mỹ, Bắc Phi và Châu Á (An-giê-ri, Ác-hen-ti-na, Úc, Bô-li-vi-a, Bra-xin, Cộng hoà Cabo Verde, Ca-na-đa, Cộng hoà Chi-lê, Trung Quốc, Cô-lôm-bi-a, Cu-ba, Cộng hoà Đô-mi-ni-ca, Cộng hoà En Xa-va-đo, Goa-tê-ma-la, Ấn Độ, Nhật Bản, Cộng hoà Liberia, Cộng hoà Hồi giáo Mauritanie, Ma-rốc, Mê-xi-cô, Cộng hoà Panama, Paraguay, Pê-ru, Phi-líp-pin, Tuy-ni-di, Hoa Kỳ, Uruguay và Cộng hoà Vê-nê-zuê-la).
- Đáp ứng nguyên tắc có đi có lại và thông qua các đơn thỉnh cầu theo quy định tại Điều 278, Luật Tổ chức Tư pháp.

#### **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để triển khai hoạt động tương trợ tư pháp**

- Tương trợ tư pháp có thể được cung cấp căn cứ vào một hiệp định hay tuân theo các nguyên tắc có đi có lại mà không cần biện pháp bảo lãnh.

- Điều kiện cùng hình sự hóa cần phải được đáp ứng trước khi tiến hành khám xét và thu giữ tài sản. Các biện pháp khác vẫn có thể được thi hành trong trường hợp không có điều kiện cùng hình sự hóa. Trong phạm vi Liên minh châu Âu, các thẩm phán Tây Ban Nha có thể ban hành lệnh phong tỏa tài sản hoặc chứng cứ và lệnh tịch thu trong một số trường hợp mà không yêu cầu xác minh điều kiện cùng hình sự hóa; nếu lệnh đó do một thẩm phán của quốc gia thành viên ban hành và vụ án có liên quan đến các loại tội phạm đặc thù được nêu trong Luật 18/2006, ngày 5 tháng 6 (về việc thu giữ) và Luật 4/2010, ngày 10 tháng 3 (về việc tịch thu). Tội phạm bị trừng phạt tại nước ban hành lệnh với án tù tối đa từ 3 năm trở lên.
- Khi có yêu cầu về cùng hình sự hóa, các cơ quan tư pháp đánh giá bản chất hành vi phạm tội, mà không căn cứ vào tên gọi tội phạm.

### **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

- Các yêu cầu dựa trên hiệp định có thể bị từ chối, căn cứ theo các hiệp định đang được áp dụng, chẳng hạn như Điều 18 (21) của Công ước Parlemo hay Điều 7 (15) trong Công ước Viên.
- Căn cứ theo Điều 278 của Luật Tổ chức Tư pháp (Nguyên tắc có đi có lại), yêu cầu trong các đơn thỉnh cầu có thể bị từ chối khi yêu cầu đó liên quan đến các vụ án thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tây Ban Nha; các hành động được yêu cầu không thuộc thẩm quyền của cơ quan tư pháp; yêu cầu không được lập bằng tiếng Tây Ban Nha hoặc không đáp ứng được tất cả yêu cầu về tính hợp pháp; hoặc yêu cầu tương trợ làm phương hại đến trật tự công cộng của Tây Ban Nha.

## ***B.Thủ tục chung về tương trợ tư pháp***

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực thi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Tây Ban Nha không có cơ quan trung ương chuyên trách tiếp nhận và xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp. Thay vào đó, cả công tố viên và thẩm phán đều tham gia vào quá trình này và có thẩm quyền đưa ra quyết định thi hành yêu cầu tương trợ tư pháp. Tuy nhiên, chỉ thẩm phán mới có quyền yêu cầu các biện pháp có ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền cơ bản, chẳng hạn như các biện pháp tạm thời liên quan đến tài sản.
- Khi ký kết hay phê chuẩn các hiệp định tương trợ tư pháp, Tây Ban Nha đều chỉ định Bộ Tư pháp (Ministerio de Justicia, Dirección General de Cooperación Jurídica Internacional. C/ San Bernardo nº 45, Madrid, España) là cơ quan trung ương cho việc tương trợ. Bộ Tư pháp sẽ chuyển văn bản yêu cầu tới thẩm phán hoặc công tố viên. Trong một số trường hợp ngoại lệ, văn bản yêu cầu sẽ được gửi trực tiếp tới thẩm phán hoặc công tố viên mà không cần thông qua Bộ Tư Pháp – theo nguyên tắc nêu tại Công ước Schengen và Hiệp định tương trợ tư pháp của Liên minh châu Âu (2000). Căn cứ theo Công ước về Tương trợ Tư pháp trong Lĩnh vực Hình sự của Hội đồng châu Âu năm 1959, trong trường hợp khẩn cấp, yêu cầu tương trợ tư pháp có thể được gửi trực tiếp tới thẩm phán (mặc dù sau đó vẫn phải gửi lại qua cơ quan trung ương).

## **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Theo nguyên tắc, các yêu cầu tương trợ tư pháp phải được lập bằng tiếng Tây Ban Nha. Riêng thoả thuận song phương ký kết với Bồ Đào Nha (1997) cho phép yêu cầu có thể được lập bằng tiếng Bồ Đào Nha.

## **C. Thu hồi tài sản**

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Tất cả các hình thức tương trợ tư pháp có thể được thực hiện khi nước yêu cầu bắt đầu quá trình điều tra hình sự.

## *Truy nguyên*

### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

- Tây Ban Nha cung cấp hoạt động tương trợ dưới bất kỳ hình thức nào được quy định trong các thoả thuận song phương và đa phương đối với các trường hợp cụ thể, bao gồm các cơ chế truy nguyên được nêu trong Điều 46 của Công ước Merida, Điều 7 Công ước Viên và Điều 18 Công ước Palermo.
- Trong trường hợp không có hiệp định hiện hành nào được áp dụng, Tây Ban Nha có thể cung cấp tương trợ tư pháp dựa trên Điều 276 và 278 Bộ luật Tố tụng Hình sự (Luật Tổ chức Tư pháp) với điều kiện là các biện pháp tương trợ không đi ngược lại pháp luật và án lệ của Tây Ban Nha. Căn cứ theo quy định, thẩm phán thẩm tra có quyền yêu cầu cung cấp tất cả thông tin và thực hiện (theo quyết định của cơ quan này hoặc theo yêu cầu của các bên liên quan) tất cả các biện pháp được cho là phù hợp và cần thiết đối với một cuộc điều tra diễn ra tại một nước khác và ở mức độ tối đa như vẫn được thực hiện trong quá trình tố tụng trong nước.
- Đối với “tài sản thuộc diện cần truy nguyên”, thẩm phán có thể sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu công (hồ sơ đăng ký đất đai, đăng ký doanh nghiệp, đăng ký bất động sản), cơ sở dữ liệu tài khoản ngân hàng của cơ quan thuế và cơ quan công chứng. Nếu có các căn cứ xác đáng, thẩm phán có thẩm quyền ban hành lệnh khám xét và thu giữ tài sản cũng như cho phép thực hiện nghe lén điện thoại đối với những tội phạm nghiêm trọng. Dù không có ngưỡng chứng cứ cụ thể được đặt ra nhưng mọi biện pháp có ảnh hưởng đến các quyền cơ bản đều phải được chứng minh là phù hợp và cần thiết.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hay nghề nghiệp**

- Theo luật pháp Tây Ban Nha, bí mật ngân hàng hay bí mật nghề nghiệp không được phép cản trở hoạt động tương trợ tư pháp theo pháp luật Tây Ban Nha. Tại Tây Ban Nha, các đối tượng

tiếp nhận lệnh từ toà án, bao gồm các tổ chức tài chính, không có ngoại lệ, đều có trách nhiệm cung cấp cho toà án bất cứ dữ liệu nào được yêu cầu trong lệnh nếu tổ chức đó đang nắm giữ. Không có điều khoản bảo mật nào được lấy làm lý do để từ chối một lệnh như vậy.

- Từ chối cung cấp thông tin cho thẩm phán hoặc toà án trong phạm vi trách nhiệm bị coi là một hành vi phạm tội hình sự căn cứ theo Điều 410 Luật Hình sự (công chức) hay Điều 556 (những cá nhân cụ thể, chẳng hạn như nhân viên ngân hàng).
- Ngoài ra, một số hiệp định, chẳng hạn như Công ước của Liên minh Châu Âu chỉ ra rằng trong bối cảnh tương trợ quốc tế, các quốc gia sẽ trao quyền cho toà án ban hành lệnh yêu cầu giao nộp hoặc thu giữ hồ sơ ngân hàng, tài chính và thương mại, bắt chấp các quy định về bí mật ngân hàng. Các quy định tương tự có trong Điều 46 (8) Công ước Merida, Điều 4.1 trong Công ước của Liên minh Châu Âu về chống rửa tiền năm 1990, Điều 7 trong nghị định thư của Công ước về tương trợ tư pháp của Liên minh Châu Âu, Điều 12 (6) Công ước Palermo và Điều 5 Công ước Viên.

### ***Các biện pháp tạm thời (Phong toả, Thu giữ và Tạm giữ tài sản)***

#### **C.4. Thực thi trực tiếp lệnh phong toả và thu giữ tài sản ở nước ngoài**

- Luật pháp Tây Ban Nha không cho phép việc trực tiếp thi hành lệnh tạm giữ hay lệnh thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài. Tạm giữ tài sản chỉ có thể được tiến hành bằng các biện pháp trong nước. Trong khu vực Liên minh Châu Âu, Tây Ban Nha chấp nhận việc trực tiếp thi hành lệnh từ các quốc gia thành viên, tuy nhiên yêu cầu đó phải được thực hiện theo luật pháp Tây Ban Nha. Tham khảo Luật 18/2006 ngày 05 tháng 6 (về thu giữ tài sản) và Luật 4/2010 ngày 10 tháng 3 (về tịch thu tài sản).

### C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu tương trợ của toà án nước ngoài

- **Cơ sở pháp lý:** Bộ luật Tố tụng Hình sự (quy định chính) và Bộ luật Tố tụng Dân sự (quy định bổ sung)
- **Thủ tục:** Luật pháp Tây Ban Nha cho phép áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm đảm bảo hiệu lực của phán quyết sau này. Quy định áp dụng đối với bất kỳ phương tiện phạm tội nào được sử dụng hoặc dự định sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, và trực tiếp hay gián tiếp hưởng lợi từ hành vi phạm tội.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Không có yêu cầu cụ thể nào về chứng cứ để thực hiện các yêu cầu ngoại trừ các hiệp định, công ước và pháp luật Tây Ban Nha. Bất cứ biện pháp tạm thời nào có ảnh hưởng tới quyền cơ bản phải được biện minh thỏa đáng.
- **Thời hạn:** Lệnh tạm giữ tài sản liên quan đến các công trình xây dựng (bao gồm đất đai, căn hộ, lô đất) phải được đăng ký theo quy định đăng ký đất đai để có hiệu lực và phải được gia hạn 4 năm một lần, hoặc lệnh đó sẽ hết hạn.

### *Tịch thu*

### C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài

- **Cơ sở pháp lý:** Luật pháp Tây Ban Nha không cho phép trực tiếp thực thi lệnh tịch thu tài sản ở nước ngoài trừ trường hợp đề cập dưới đây. Lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài có thể được thi hành thông qua việc áp dụng biện pháp thu giữ tài sản trong nước như đã đề cập ở phần trước. Trong khu vực Liên minh Châu Âu, Tây Ban Nha đồng ý trực tiếp thi hành yêu cầu của các nước thành viên, tuy nhiên yêu cầu đó phải được thực hiện theo luật pháp Tây Ban Nha. Tham khảo Luật 4/2010 ngày 10 tháng 3 (về tịch thu tài sản).

- **Thủ tục:**
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Không có yêu cầu cụ thể nào về chứng cứ.

#### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

- Hiện không được quy định.

#### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

- Áp dụng theo Điều 127 Bộ luật Hình sự.

#### ***D. Các hình thức tương trợ không chính thức***

- Các cơ quan, tổ chức như SEPBLAC - Ủy ban điều hành Phòng chống rửa tiền và tội phạm tiền tệ (Ejecutivo de la Comisión de Prevención del Blanqueo de Capitales e Infracciones Monetarias) (FIU), Ngân hàng Tây Ban Nha, CNMV – Cơ quan giám sát và điều tra thị trường chứng khoán (Comisión Nacional del Mercado de Valores), DGFSF - Tổng cục bảo hiểm và trợ cấp xã hội (các cơ quan giám sát) và lực lượng cảnh sát có thể cung cấp những các biện pháp tương trợ tư pháp không chính thức.

## THỤY SỸ

### ***A. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- Tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp đều được thực hiện theo quy định của Đạo luật Liên bang về tương trợ tư pháp quốc tế trong các vấn đề hình sự (IMAC) (<http://www.rhf.admin.ch/etc/medialib/data/RHF/recht.Par.0016.File.tmp/sr351-1-e.pdf>) và Pháp lệnh tương trợ tư pháp trong các vấn đề hình sự (O-IMAC) (<http://www.rhf.admin.ch/etc/medialib/data/rhf/recht.Par.0012.File.tmp/sr351-11-e.pdf>).
- Thụy Sĩ đã ký kết hiệp định tương trợ tư pháp song phương và đa phương với rất nhiều quốc gia đồng thời đã phê chuẩn nhiều hiệp định quốc tế bao gồm các hiệp định tương trợ tư pháp (bao gồm cả UNCAC). Danh sách đầy đủ của các hiệp định liên quan về tương trợ tư pháp có thể tìm được trên trang web <http://www.rhf.admin.ch/rhf/fr/home/straf/recht/multilateral.html>.

#### **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp**

- Nguyên tắc có đi có lại áp dụng cho tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp (Điều 8 Luật IMAC). Nguyên tắc có đi có lại sẽ được đáp ứng trong trường hợp có một hiệp định liên quan hoặc một thỏa thuận đặc biệt với một quốc gia yêu cầu. Các trường hợp khác yêu cầu đảm bảo thực hiện nguyên tắc có đi có lại. Nguyên tắc có đi có lại có thể được miễn đối với việc cung cấp các tài liệu hoặc trong trường hợp việc thực hiện yêu cầu được cho là cần thiết khi cân nhắc tới loại hình tội phạm liên quan.
- Yêu cầu cùng hình sự hóa là đòi hỏi bắt buộc để áp dụng các biện pháp cưỡng chế, bao gồm việc thu thập chứng cứ, khám xét, thu



giữ hoặc tịch thu tài sản. Trong trường hợp không đáp ứng yêu cầu cùng hình sự hóa, các biện pháp tương trợ không cưỡng chế có thể được áp dụng. Điều kiện cùng hình sự hóa được đáp ứng phụ thuộc vào pháp luật tại thời điểm đưa ra yêu cầu tương trợ, không phải thời điểm kết tội hay thời điểm tiếp nhận yêu cầu tương trợ.

- Điều 67 Luật IMAC quy định về nguyên tắc chuyên biệt hóa, theo đó tương trợ tư pháp chỉ có thể được thực hiện với điều kiện các tài liệu và thông tin được cung cấp không được sử dụng cho mục đích điều tra hoặc làm bằng chứng tại tòa án đối với các tội phạm chính trị, quân sự và các tội phạm về thuế trừ việc gian lận thuế. Trong trường hợp yêu cầu tương trợ tư pháp có liên quan đến bất kỳ hành vi phạm tội nào đã nêu trên, các thông tin hoặc tài liệu được tiếp nhận từ Thụy Sĩ chỉ có thể được sử dụng để điều tra và truy tố các hành vi phạm tội “thông thường” mà không phải các hành vi phạm tội được quy định tại Điều 3.

### **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

Căn cứ theo Điều 2, Điều 3 và Điều 4 của IMAC, các yêu cầu có thể bị từ chối nếu:

- Quy trình tố tụng của quốc gia nước ngoài không đáp ứng các yêu cầu về tố tụng của Công ước Châu Âu về quyền con người và Quyền tự do cơ bản hoặc Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.
- Quy trình tố tụng của quốc gia nước ngoài được tiến hành để truy tố hoặc trừng phạt một cá nhân vì quan điểm chính trị của người đó hay vì người đó thuộc một nhóm xã hội, một chủng tộc, tôn giáo hoặc một quốc tịch cụ thể nào đó.
- Quy trình tố tụng của quốc gia nước ngoài có thể làm trầm trọng hơn tình trạng của cá nhân liên quan vì bất kỳ lý do nào nêu trên.
- Quy trình tố tụng của quốc gia nước ngoài bị ảnh hưởng bởi những thiếu sót nghiêm trọng khác.

- Đối tượng của quy trình tố tụng là một hành động có liên quan chủ yếu tới chính trị, vi phạm các quy định quân sự hoặc tương tự, hoặc có khả năng chống lại an ninh quốc phòng hoặc quân sự của quốc gia yêu cầu.
- Đối tượng của quá trình tố tụng là một tội phạm mà có khả năng được thực hiện nhằm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm về thuế hoặc vi phạm các quy định liên quan đến chính sách tiền tệ, thương mại hay kinh tế.
- Hành vi vi phạm không đủ nghiêm trọng để tiến hành truy tố.
- Một thẩm phán ở Thụy Sĩ hay ở quốc gia yêu cầu đã tuyên bố trắng án cho bị cáo hoặc hình phạt đã được thực thi hoặc không thể được thực thi.
- Quốc gia yêu cầu không đồng ý thực hiện nguyên tắc có đi có lại.

## ***B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp***

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực thi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Văn phòng tư pháp liên bang Thụy Sĩ là cơ quan trung ương tiếp nhận, và chuyển tiếp thông tin của phần lớn các yêu cầu tương trợ tư pháp chính thức. Sau khi tiến hành kiểm tra tổng thể, căn cứ theo Điều 78 Luật IMAC, (xem xét liệu yêu cầu đã đáp ứng quy định) các yêu cầu thường sẽ được chuyển tiếp đến thẩm phán tòa sơ thẩm của một bang tại Thụy Sĩ, nơi yêu cầu sẽ được thẩm định sơ bộ căn cứ theo Điều 80 Luật IMAC và thực thi.
- Áo, Pháp, Đức và Ý có thể gửi yêu cầu tương trợ tư pháp trực tiếp đến cơ quan thực thi của bang hoặc liên bang ở Thụy Sĩ dựa trên các thỏa thuận song phương; các quốc gia Schengen có thể làm việc trực tiếp với nhau.
- Đối với các yêu cầu tương trợ được tiếp nhận từ Ý hay Hoa Kỳ, hoặc nếu một yêu cầu có liên quan đến nhiều hơn một tiểu bang,

yêu cầu liên quan tới các vụ án phức tạp, hoặc tiểu bang có thẩm quyền không thể thực hiện các yêu cầu trong thời gian thích hợp thì Văn phòng Tư pháp liên bang chứ không phải các cơ quan tư pháp tiểu bang có thẩm quyền xử lý và thực hiện các yêu cầu.

## **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Các yêu cầu của quốc gia nước ngoài phải được lập bằng tiếng Đức, tiếng Pháp hoặc tiếng Ý hoặc kèm theo một bản dịch được chứng thực của một trong những ngôn ngữ này (Điều 28.5 Luật IMAC). Các yêu cầu phải được lập thành văn bản (Điều 28.1 Luật IMAC).

## **C. Thu hồi tài sản**

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Các biện pháp theo quy định tại Luật IMAC nhìn chung có thể được thực hiện sau khi bắt đầu tiến hành điều tra hình sự tại quốc gia yêu cầu. Đối với các thủ tục hành chính nhằm xác định sự cần thiết phải tiến hành một cuộc điều tra hình sự (Điều 63 Luật IMAC), có thể tương trợ tư pháp ngay cả khi chưa tiến hành một cuộc điều tra.

### **Truy nguyên**

### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

Căn cứ vào Điều 63 Luật IMAC, việc truyền tải thông tin cũng như các hành vi tố tụng được pháp luật Thụy Sĩ cho phép có thể được thực hiện nếu xét thấy cần thiết cho hoạt động tố tụng ở nước ngoài. Các biện pháp được liệt kê dưới đây không yêu cầu lệnh của tòa án nhưng có thể được một thẩm phán xem xét cấp lệnh:

- Tổng đạt tài liệu hoặc giấy triệu tập tới người nhận hoặc gửi qua bưu điện (Điều 68 Luật IMAC).
- Việc thu thập chứng cứ, cụ thể là việc khám xét người và địa điểm

cụ thể, thu giữ, ra lệnh cung cấp chứng cứ, lấy ý kiến chuyên gia, điều trần và đối chất các cá nhân (Điều 18 Luật IMAC).

- Cung cấp các tài liệu và giấy tờ.
- Việc trao trả hay giao nộp lại vật chứng hoặc tài sản là đối tượng của việc thu giữ để phòng với mục đích tịch thu hoặc trả lại cho người có quyền lợi liên quan (Điều 74, 74a Luật IMAC).
- Điều 18a Luật IMAC cho phép xâm nhập tạm thời thư tín và điện thoại.
- Điều 64 Luật IMAC quy định rằng nếu bất kỳ biện pháp nào nêu trên yêu cầu sử dụng cưỡng chế nhà nước (khám xét nhà, nghe lén điện thoại, khám xét tài liệu, hoặc phong tỏa tài khoản), yêu cầu cùng hình sự hóa phải được đáp ứng và biện pháp được yêu cầu cần tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm. Tội phạm được liệt kê trong Điều 3 IMAC, chẳng hạn như tội phạm chính trị và thuế, có thể không phải là căn cứ để yêu cầu áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Quy định về bí mật ngân hàng của Thụy Sĩ được ghi nhận trong Điều 47 của Luật liên bang về ngân hàng và các ngân hàng tiết kiệm. Tuy nhiên, quy định về bí mật ngân hàng có thể được bảo đảm nếu có lệnh của tòa án nhằm tương trợ tư pháp về hình sự. Trong trường hợp một luật sư đồng thời là người quản lý tài sản, một nhà môi giới tài chính, một người được ủy quyền, hoặc một người được chỉ định thì đặc quyền pháp lý không được áp dụng.

*Các biện pháp tạm thời (Lệnh phong tỏa, Thu giữ và Tạm giữ tài sản)*

### **C.4. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Luật IMAC không có quy định liên quan đến việc thực thi trực tiếp các lệnh thu giữ và phong tỏa tài sản của tòa án nước ngoài.

Các quốc gia có thể kêu gọi hỗ trợ tạm giữ tài sản ở Thụy Sĩ thông qua việc gửi văn bản yêu cầu quốc gia này ban hành nội lệnh liên quan, căn cứ theo Điều 18 Luật IMAC được nêu dưới đây.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 18 IMAC.
- **Thủ tục:** Yêu cầu tương trợ của cơ quan nước ngoài gửi phải xác định ra các biện pháp tạm thời được yêu cầu thực hiện và bối cảnh của vụ án trong đó yêu cầu được thực hiện. Dựa trên thông tin này, các cơ quan Thụy Sĩ có thể có được lệnh từ thẩm phán tòa sơ thẩm.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Theo yêu cầu của quốc gia nước ngoài, các cơ quan của Thụy Sĩ, dựa vào tiêu chuẩn về căn cứ hợp lý để nghi ngờ một tội phạm hình sự, có thể áp dụng các biện pháp để đảm bảo hiện trường, bảo vệ lợi ích hợp pháp, hay bảo vệ chứng cứ có khả năng bị xâm phạm. Điều 18 không quy định cụ thể các loại tài sản thuộc phạm vi áp dụng của các biện pháp này. Tuy nhiên, Điều 74 có quy định cụ thể rằng các công cụ được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, các sản phẩm hoặc lợi ích có được từ hành vi phạm tội, giá trị tương đương của chúng và bất kỳ lợi ích bất hợp pháp, quà biếu hay hành vi khác góp phần xúi giục hành vi phạm tội hoặc khoản thù lao dành cho kẻ phạm tội đều có thể là đối tượng của biện pháp tạm thời.
- **Thời hạn:** Theo quy định, các biện pháp phòng ngừa có hiệu lực cho đến khi kết thúc tương trợ tư pháp.

### ***Tịch thu tài sản***

### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 74a Luật IMAC
- **Thủ tục:** Tài sản do phạm tội mà có (nghĩa là, giá trị hoặc lợi ích thu được từ hành vi phạm tội, các món quà và các đóng góp

khác để xúi giục hoặc trả thù lao cho người phạm tội) có thể được chuyển giao cho quốc gia yêu cầu, nếu quốc gia yêu cầu cung cấp lệnh tịch thu có hiệu lực cuối cùng và có thể được thực thi.

- **Yêu cầu về chứng cứ:** Cần có lệnh tịch thu có hiệu lực cuối cùng và có thể thực thi đã được chứng nhận, cùng với kết luận rằng tài sản đang hiện hữu trên lãnh thổ Thụy Sĩ. Chính quyền Thụy Sĩ cũng sẽ kiểm tra tính hợp lệ của quá trình tố tụng ban hành lệnh tịch thu.

### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

- Hệ thống pháp luật Thụy Sĩ cho phép thu hồi tài sản không dựa trên phán quyết của tòa án (Điều 70 Bộ luật Hình sự Thụy Sĩ) và thi hành các lệnh thu giữ tài sản không dựa trên phán quyết của tòa án nước ngoài.

### **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

Pháp luật Thụy Sĩ cho phép tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản do phạm tội mà có căn cứ theo Điều 74a Luật IMAC khi lệnh này được áp dụng với những người không cư trú chính thức tại Thụy Sĩ. Đối với các cư dân Thụy Sĩ, việc thực thi lệnh này có thể được thực hiện theo Điều 94ss Luật IMAC (thừa nhận hiệu lực của bản án nước ngoài tại một tòa án Thụy Sĩ).

### **D. Các hình thức tương trợ không chính thức**

- Hoạt động tương trợ có thể được thực hiện bởi Văn phòng chống rửa tiền Thụy Sĩ (FIU) (nguồn: [www.fedpol.admin.ch/fedpol/en/home/themen/kriminali-taet/geldwaescherei.html](http://www.fedpol.admin.ch/fedpol/en/home/themen/kriminali-taet/geldwaescherei.html)), Cơ quan Giám sát thị trường tài chính Thụy Sĩ (<http://www.finma.ch/e/Pages/default.aspx>) và các cơ quan thực thi pháp luật Thụy Sĩ.

## VƯƠNG QUỐC ANH

### ***A. Khung pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và các điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- *Luật hợp tác quốc tế về phòng chống tội phạm (CICA)* (<http://www.statutelaw.gov.uk/SearchResults.aspx?TYPE=QS&Title=Crime&Year=&Number=&LegType=Act+%28UK+Public+General%29>) cho phép thực hiện tương trợ tư pháp cho tất cả các quốc gia.
- *Luật về Tài sản có nguồn gốc tội phạm 2005 (POC)* ([http://www.opsi.gov.uk/si/si2008/uksi\\_20080302\\_en\\_1](http://www.opsi.gov.uk/si/si2008/uksi_20080302_en_1)) cho phép ban hành lệnh tạm giữ và tịch thu tài sản theo yêu cầu hoặc dựa trên lệnh được ban hành bởi một quốc gia khác trong cả hai trường hợp thu hồi dựa trên và không dựa trên phán quyết của tòa án.
- *Luật (Hợp tác Quốc tế) Tư pháp hình sự 1990 (CRIJICA)* ([http://www.opsi.gov.uk/si/si2008/uksi\\_20080302\\_en\\_1](http://www.opsi.gov.uk/si/si2008/uksi_20080302_en_1)) điều chỉnh hoạt động tạm giữ và tịch thu phương tiện phạm tội theo yêu cầu hoặc căn cứ trên một lệnh được ban hành bởi một quốc gia khác.
- Vương quốc Anh đã ký kết 32 thỏa thuận tương trợ tư pháp song phương với các quốc gia: Antigua và Barbuda; Argentina; Úc; Bahamas; Bahrain; Barbados; Bolivia; Canada; Chile; Colombia; Ecuador; Grenada; Guyana; Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc; Ấn Độ, Ai-len; Ý; Malaysia; Mexico; Hà Lan; Nigeria; Panama; Paraguay; Romania; Saudi Arabia; Tây Ban Nha; Thụy Điển; Thái Lan, Trinidad và Tobago; Ukraine; Hoa Kỳ; và Uruguay.

- Vương quốc Anh đã ký kết của các thỏa thuận đa phương về tương trợ tư pháp sau: Công ước Merida, Công ước Viên, Công ước Palermo, Công ước Châu Âu về tương trợ tư pháp về vấn đề hình sự và nghị định thư bổ sung, Công ước của Ủy ban Châu Âu về chống rửa tiền, khám xét, thu giữ và tịch thu tài sản do phạm tội mà có, Công ước về tương trợ trong vấn đề hình sự giữa các nước thành viên của Liên minh Châu Âu và Nghị định thư của Công ước về tương trợ trong vấn đề hình sự giữa các nước thành viên của Liên minh Châu Âu và Đề án Harare. Tuy nhiên, Vương quốc Anh có thể cung cấp tương trợ tư pháp trực tiếp dựa trên pháp luật quốc gia mà không cần thông qua các hiệp ước quốc tế.

## **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp**

- Nhìn chung, việc thực hiện tương trợ tư pháp không đòi hỏi phải đáp ứng điều kiện có đi có lại.
- Hầu hết các biện pháp được quy định trong CICA không yêu cầu đáp ứng nguyên tắc cùng hình sự hóa. Tuy nhiên, các yêu cầu về khám xét và thu giữ phục vụ mục đích thu thập chứng cứ cũng như tạm giữ và tịch thu tài sản cần áp dụng nguyên tắc cùng hình sự hóa; điều này có nghĩa là các yêu cầu này sẽ không thể được thực hiện trừ khi hành vi phạm tội cũng được quy định là tội phạm hình sự theo luật pháp của Vương quốc Anh.

## **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

- Các yêu cầu liên quan đến các trường hợp có nguy cơ phải gánh chịu trách nhiệm hình sự hai lần về cùng một hành vi phạm tội sẽ không được thực hiện.
- Các yêu cầu liên quan đến hành vi phạm tội bị xử phạt với mức án tử hình hoặc liên quan đến các hành vi phạm tội thông thường có thể bị từ chối.
- Yêu cầu có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia hoặc các lợi ích cốt lõi khác của Vương quốc Anh có thể bị từ chối.



## ***B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp***

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực thi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Đối với hoạt động tương trợ tư pháp ở Anh, xứ Wales và Bắc Ai-len, Vụ Hợp tác Tư pháp thuộc Bộ Nội vụ Anh là cơ quan đầu mối tiếp nhận mọi yêu cầu tương trợ tư pháp.
- Đối với hoạt động tương trợ tư pháp ở Scotland, Vụ Hợp tác quốc tế thuộc Cơ quan Công tố Hoàng gia là cơ quan đầu mối tiếp nhận mọi yêu cầu tương trợ tư pháp.
- Các cơ quan trung ương có nhiệm vụ đảm bảo các yêu cầu đáp ứng được đòi hỏi về thể thức, pháp luật Vương quốc Anh và sau đó chuyển tiếp các yêu cầu đó tới các cơ quan trong nước có liên quan để thực hiện.

### **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Yêu cầu tương trợ phải được lập bằng văn bản bằng tiếng Anh hoặc được nộp kèm theo một bản dịch tiếng Anh. Cơ quan chức năng sẽ yêu cầu bản dịch nếu thiếu và các yêu cầu chỉ được thực thi khi có bản dịch.

## ***C. Thu hồi tài sản***

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Các biện pháp theo quy định tại Mục 13-15/CICA cũng như các lệnh yêu cầu cung cấp thông tin về tài khoản hoặc khách hàng có thể được ban hành ngay sau khi quốc gia yêu cầu bắt đầu điều tra về hành vi phạm tội.
- Ở Scotland, lệnh khám xét và thu giữ có thể được ban hành ngay sau khi có căn cứ về hành vi phạm tội theo pháp luật của quốc gia yêu cầu.

- Lệnh khám xét và thu giữ ở Anh, xứ Wales và Bắc Ai-len (Mục 17/CICA) chỉ có thể được tiến hành khi thủ tục tố tụng hình sự đã được thực hiện hoặc lệnh bắt giữ đã được thực thi tại quốc gia yêu cầu.

### *Truy nguyên*

#### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

- Thu thập chứng cứ (Mục 13-15 CICA): Lệnh thu thập chứng cứ có thể được ban hành nếu yêu cầu được đưa ra có liên quan đến thủ tục tố tụng hình sự hoặc một quá trình điều tra hình sự ở quốc gia yêu cầu. Tại Anh, xứ Wales và Bắc Ai-len, nghi phạm không thể bị bắt hoặc cưỡng chế hầu tòa để cung cấp bằng chứng nhằm phục vụ cho hoạt động tương trợ tư pháp. Tại Scotland, cả nghi phạm và người làm chứng có thể bị ép buộc phải tham dự phiên tòa, nhưng nghi phạm không bị bắt buộc phải cung cấp chứng cứ.
- Mục 17/CICA: Lệnh khám xét và thu giữ tại Anh, xứ Wales và Bắc Ai-len có thể được ban hành nếu thủ tục tố tụng hình sự đã được thực hiện hoặc một lệnh bắt giữ đã được thực thi tại quốc gia yêu cầu; nếu hành vi đang bị điều tra có thể cấu thành tội phạm được phép bắt giữ nếu như phạm tội ở Vương quốc Anh; và nếu có căn cứ cho thấy các chứng cứ được tìm thấy ở Vương quốc Anh có liên quan đến hành vi phạm tội. Tại Scotland, những lệnh này có thể được ban hành nếu có những căn cứ cho thấy đã có một hành vi phạm tội được thực hiện căn cứ theo pháp luật của quốc gia yêu cầu và nếu hành vi phạm tội đó được thực hiện tại Scotland và sẽ có thể bị phạt tù căn cứ theo pháp luật quốc gia này. Các lệnh này có thể không được ban hành đối với các tài sản và tài liệu được bảo mật nhờ các đặc quyền pháp lý.
- Sắc lệnh cung cấp thông tin khách hàng (Mục 32 và 37 của Đạo luật hợp tác quốc tế về hình sự (CICA)): Lệnh được ban hành sẽ

yêu cầu tổ chức tài chính cung cấp bất kỳ thông tin nào về khách hàng có liên quan đến cá nhân được đề cập trong sắc lệnh nếu cá nhân đó đang trong quá trình điều tra ở quốc gia yêu cầu, hoặc nếu quá trình điều tra có liên quan tới tội phạm nghiêm trọng, hoặc nếu hành vi đáp ứng được điều kiện cùng hình sự hóa và nếu lệnh được ban hành với mục đích phục vụ quá trình điều tra. Sắc Lệnh cung cấp thông tin khách hàng có hiệu lực không hạn chế đối với các thông tin thuộc diện phải bảo mật.

- Sắc lệnh giám sát tài khoản (Mục 35 và 40 của Đạo luật hợp tác quốc tế về hình sự (CICA): Lệnh được ban hành nhằm yêu cầu tổ chức tài chính cụ thể cung cấp thông tin về tài khoản theo mô tả trong lệnh của tòa án, vào thời điểm quốc gia yêu cầu đang tiến hành điều tra hình sự và nếu lệnh được ban hành nhằm phục vụ cho quá trình điều tra. Việc tổ chức tài chính thông báo cho khách hàng biết về lệnh giám sát tài khoản được coi là hành vi phạm tội căn cứ theo pháp luật Vương quốc Anh. Thời gian giám sát tài khoản không được vượt quá 90 ngày.
- Nghe lén thông tin từ xa: Biện pháp này chỉ được áp dụng đối với các quốc gia ký kết Công ước Châu Âu về tương trợ tư pháp về các vấn đề hình sự.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Căn cứ theo Mục 32, 37, 35 và 40 của Đạo luật hợp tác quốc tế về hình sự (CICA), Sắc lệnh cung cấp thông tin khách hàng và tài khoản không giới hạn phạm vi áp dụng. Vì vậy, các lệnh này có thể được ban hành để thu thập thông tin được ngân hàng bảo mật.
- Những thông tin được bảo vệ bởi đặc quyền pháp lý có thể được bảo đảm và không bị áp dụng lệnh khám xét và thu giữ.

## *Các biện pháp tạm thời (Lệnh phong tỏa, thu giữ, tạm giữ tài sản)*

### **C.4. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- **Cơ sở pháp lý:** Lệnh phong tỏa của tòa án nước ngoài được thực thi theo Mục 17 và 18 của Đạo luật hợp tác quốc tế về hình sự (CICA).
- **Thủ tục:** Áp dụng trực tiếp lệnh phong tỏa của tòa án nước ngoài thông qua một quyết định theo thẩm quyền lãnh thổ đối với một phần lãnh thổ của Vương quốc Anh nơi có thể tìm thấy chứng cứ liên quan. Chỉ những lệnh có liên quan đến thủ tục tố tụng hình sự hoặc quá trình điều tra hành vi tội phạm được liệt kê trong Đạo luật hợp tác quốc tế về hình sự (CICA) mới có thể được trực tiếp áp dụng. Tòa án sẽ quyết định không thi hành lệnh phong tỏa của tòa án nước ngoài nếu lệnh đó không tương thích với các quyền được quy định trong Đạo luật Nhân quyền năm 1998 hoặc nếu hành vi của cá nhân đó đang được điều tra hoặc nếu cá nhân đó đã bị kết tội căn cứ theo pháp luật của quốc gia yêu cầu hoặc của Vương quốc Anh hoặc được thả tự do nhờ được tuyên bố trắng án.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 8, 85 và 95 Luật POC.
- **Thủ tục:** Các quốc gia có thể yêu cầu Tòa hình sự ban hành lệnh tạm giữ tài sản.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Lệnh có thể được ban hành nếu quốc gia yêu cầu đã tiến hành điều tra hình sự hoặc đã khởi tố vụ án nhưng chưa kết thúc quy trình tố tụng, và nếu có căn cứ cho rằng tội phạm bị cáo buộc được đề cập trong yêu cầu đã thu lợi từ hành vi phạm tội của mình. Luật POC ban hành lệnh thu giữ có thể áp dụng với bất kỳ “tài sản hữu hình” nào, bao gồm bất kỳ

tài sản tự do nào được bị cáo nắm giữ hoặc những món quà bất chính đang được nắm giữ.

- **Thời hạn:** Một lệnh tạm giữ tài sản có hiệu lực cho tới khi bị bãi bỏ bởi một lệnh khác của tòa án. Tòa án phải bãi bỏ lệnh này nếu kết thúc quá trình tố tụng ở nước ngoài mà không có lệnh tịch thu tài sản nào được ban hành hoặc nếu lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài không được đăng ký để thi hành trong khoảng thời gian hợp lý.

### *Tịch thu*

#### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Điều 21, 68 và 107 của Luật POC
- **Thủ tục:** Lệnh tịch thu tài sản dựa trên phán quyết của tòa án nước ngoài có thể được đăng ký thực thi và sau đó được thực thi trực tiếp ở Vương quốc Anh nếu Tòa án Hình sự nhận thấy các điều kiện của POC đã được đáp ứng.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài có thể được tiến hành nếu lệnh đó được ban hành dựa trên một phán quyết, hoặc nếu lệnh đó vẫn còn hiệu lực và là phán quyết cuối cùng, hoặc nếu việc thực thi lệnh sẽ không vi phạm bất cứ quyền lợi nào được quy định trong Đạo luật Nhân quyền năm 1998 và nếu tài sản được đề cập trong lệnh không bị tranh chấp theo pháp luật Vương quốc Anh.

#### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

- Điều 143 ff. của POC đề cập đến việc đăng ký và thi hành lệnh tịch thu (dân sự) tài sản của tòa án nước ngoài. Điều 147 cho phép việc áp dụng lệnh phong tỏa để bảo quản tài sản, phục vụ cho việc thực thi lệnh của tòa án nước ngoài nhằm thu hồi tài sản theo thủ tục dân sự.

## **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

- Ở Vương quốc Anh, tịch thu theo thủ tục tố tụng hình sự là tịch thu dựa trên cơ sở giá trị, đó là, tài sản của bị cáo có được do phạm tội sẽ được định giá và bị cáo được yêu cầu phải trả lại số tiền tương ứng. Vì thế, việc tịch thu tài sản có giá trị tương đương hoàn toàn có thể thực hiện được.

## ***D. Các hình thức tương trợ không chính thức***

- Các hoạt động tương trợ không chính thức có thể được cung cấp bởi cảnh sát, Cơ quan chống tội phạm nghiêm trọng có tổ chức (FIU) (<http://www.soca.gov.uk/>) và Cơ quan cung cấp dịch vụ tài chính (<http://www.fsa.gov.uk/>).
- Vương quốc Anh có các cơ quan tùy viên ở Pháp, ý, Pa-ki-xtan và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ<sup>97</sup>.

---

<sup>97</sup> Các nhà hoạt động thực tiễn có thể liên lạc với Văn phòng Cao ủy Vương quốc Anh nơi gần nhất để tìm hiểu thông tin về văn phòng tùy viên.

## HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ

### ***A. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tương trợ tư pháp và điều kiện tiên quyết để hợp tác (Khái quát)***

#### **A.1. Các quy định pháp luật, hiệp định và công ước về hoặc có những quy định liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản**

- Hoa Kỳ cung cấp tương trợ tư pháp một cách trực tiếp dựa trên các hiệp định song phương và đa phương, văn bản yêu cầu và đơn thỉnh cầu. Các biện pháp hỗ trợ hiện có rất đa dạng, tuy nhiên, liên quan đến việc thu hồi tài sản còn phụ thuộc vào các quy định trong hiệp định hay công ước hiện hành trong những trường hợp cụ thể.
- Hoa Kỳ đã ký hiệp định tương trợ tư pháp song phương với hơn 70 nền tài phán, bao gồm: Anguila, Antigua và Barbuda; Ác-hen-ti-na; Aruba; Úc; Áo; Quần đảo Ba-ha-mát; Barbados; Bỉ; Belize; Bra-xin; Quần đảo British Virgin; Bun-ga-ry; Ca-na-đa; Đảo Cayman; Trung Quốc; Cô-lôm-bia-a; Síp; Cộng hoà Séc; Đan Mạch; Cộng hoà Đô-mi-ni-ca; Cộng hoà A-rập Ai Cập; Estonia; Phần Lan; Pháp; Đức; Hi Lạp; Grenada; Guadelope; Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc; Hung-ga-ry; Ấn Độ; Ai-len; Isarel; Ý; Jamaica; Nhật Bản; Hàn Quốc; Latvia; Liechtenstein; Litnua; Luxembourg; Ma-lay-xi-a; Malta; Martinique; Montserrat; Mê-xi-cô; Ma-Rốc; Hà Lan; Antille thuộc Hà Lan; Ni-giê-ri-a; Panama; Phi-líp-pin; Ba Lan; Rumani; Liên bang Nga; Singapore; Cộng hoà Slovak; St. Kitts and Nevis; St. Lucia; St. Vincent and the Grenadines; Slovenia, Nam Phi; Tây Ban Nha ; Thụy Điển; Thụy Sĩ; Thái Lan; Trinidad và Tobago; Thổ Nhĩ Kỳ; Quần đảo Turks and Caicos; Ukraine; Vương quốc Anh; Uruguay; Cộng hoà Vê-nê-zuê-la. Một thoả thuận cũng đã được ký kết vào ngày 25 tháng 6 năm 2003 giữa Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu về đến tương trợ tư pháp, trong đó có các điều khoản quy định về cơ chế trao đổi thông tin liên quan đến tài khoản ngân hàng của đối tượng tình nghi một cách nhanh chóng trong quá trình điều tra tội phạm.

- Hoa Kỳ đã phê chuẩn Công ước Merida và do đó có thể cung cấp tương trợ tư pháp một cách trực tiếp căn cứ theo các quy định của Công ước. Hoa Kỳ cũng đã phê chuẩn Công ước Liên Mỹ về Tương trợ tư pháp của Tổ chức các quốc gia Châu Mỹ; Công ước Liên Mỹ về chống khủng bố; Công ước Viên; Parlemo và các công ước về chống tài trợ khủng bố; Công ước liên Mỹ về Thỉnh cầu thẩm vấn và các nghị định thư bổ sung của công ước; Công ước của Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế (OECD) về Chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế và Công ước liên Mỹ về chống tham nhũng.
- Căn cứ theo Bộ luật Hoa Kỳ, chương 28 Mục 1782 và chương 18 điều 3512, Hoa Kỳ thực hiện tương trợ tư pháp theo văn bản yêu cầu và đơn thỉnh cầu ngay cả trong trường hợp không có hiệp định. Đáp lại những yêu cầu của cơ quan chức năng nước ngoài, Hoa Kỳ có thể cung cấp nhiều hoạt động tương trợ tư pháp.

## **A.2. Điều kiện pháp lý tiên quyết để thực hiện tương trợ tư pháp**

- Hầu hết các hiệp định song phương về tương trợ tư pháp đều không yêu cầu nguyên tắc cùng hình sự hoá. Không phải là tất cả mà chỉ trong một số trường hợp áp dụng biện pháp cưỡng chế mới có yêu cầu về cùng hình sự hoá. Khi có yêu cầu phải đáp ứng nguyên tắc cùng hình sự hoá, những khác biệt về mặt kỹ thuật trong việc định danh tội phạm ở Hoa Kỳ và quốc gia yêu cầu không làm ảnh hưởng đến yêu cầu tương trợ bởi tính chất của hành vi vi phạm là không giống nhau, chỉ cần các hành vi vi phạm đều phải bị trừng phạt ở cả hai quốc gia.
- Các phương thức hỗ trợ dựa trên các văn bản yêu cầu hay các đơn thỉnh cầu thẩm vấn, bao gồm đảm bảo thực hiện các biện pháp bắt buộc, không yêu cầu nguyên tắc cùng hình sự hoá.

## **A.3. Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp**

- Các căn cứ từ chối tương trợ tư pháp được quy định trong các thoả thuận song phương và đa phương, ví dụ Điều 7 Công ước Viên, Điều 8 Công ước Parlemo và Điều 46 Công ước Merida.



## **B. Các thủ tục chung về tương trợ tư pháp**

### **B.1. Cơ quan trung ương có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và thực thi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự**

- Phòng Quan hệ quốc tế (OIA) trực thuộc Bộ Tư pháp Hoa Kỳ là cơ quan trung ương chịu trách nhiệm về tất cả các yêu cầu tương trợ tư pháp và phối hợp với các cơ quan nước ngoài thu thập các bằng chứng cần thiết.
- Luật sư và nhân viên hỗ trợ của Phòng Quan hệ quốc tế có trách nhiệm và chuyên môn trong các lĩnh vực khác nhau. Phòng quan hệ quốc tế thi hành yêu cầu tương trợ tư pháp thông qua các cơ quan thực thi pháp luật có thẩm quyền, ví dụ như Văn phòng Hành chính Biện lý Hoa Kỳ, Cục xuất nhập cảnh và hải quan Mỹ (ICE), Cơ quan mật vụ Hoa Kỳ (USSS), Cục điều tra liên bang (FBI), Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol) và các cơ quan, tổ chức khác. Yêu cầu phong toả, thu giữ hay tạm giữ tài sản được thi hành với sự hợp tác chặt chẽ của Ban thu hồi tài sản và chống rửa tiền trực thuộc Bộ Tư pháp.

### **B.2. Các yêu cầu về ngôn ngữ**

- Hoa Kỳ đề nghị các yêu cầu phải lập bằng Tiếng Anh. Nếu yêu cầu đưa ra được viết bằng các ngôn ngữ khác, quốc gia yêu cầu phải chịu chi phí dịch thuật.

## **C. Thu hồi tài sản**

### **C.1. Giai đoạn tố tụng có thể đề nghị tương trợ tư pháp**

- Hầu hết các hiệp định song phương cho phép cung cấp tương trợ tư pháp trong giai đoạn điều tra. Phòng Quan Hệ Quốc Tế (OIA) có thể yêu cầu tòa án cấp lệnh cung cấp chứng cứ hoặc lệnh khám xét, phong tỏa và thu giữ tài sản khi quốc gia yêu cầu tiến hành quá trình điều tra, căn cứ theo các quy định của hiệp định hoặc công ước về tương trợ tư pháp được áp dụng.

## *Truy nguyên*

### **C.2. Các cơ chế truy nguyên tài sản hiện hành**

- Các biện pháp có thể áp dụng để thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp của từng quốc gia cụ thể và đối với một tội phạm cụ thể phụ thuộc vào quy định của các hiệp định song phương và đa phương. Nhìn chung, các hiệp định song phương cho phép áp dụng phạm vi tương trợ rộng rãi, bao gồm việc lấy lời khai và bản tường trình; cung cấp tài liệu, hồ sơ và các vật chứng khác; xác định hoặc định vị tang vật hoặc tội phạm; tổng đạt giấy tờ; chuyển giao người bị tạm giữ để lấy lời khai hoặc nhằm mục đích khác; thực hiện khám xét và thu giữ; hỗ trợ thủ tục tố tụng liên quan đến tịch thu tài sản cố định và hoàn trả tài sản; thu tiền phạt; và bất cứ hình thức tương trợ nào khác mà không bị pháp luật của quốc gia được yêu cầu nghiêm cấm.
- Với các yêu cầu trong văn bản yêu cầu của hoặc đơn thỉnh cầu, Phòng Quan hệ quốc tế căn cứ theo Bộ luật Hoa Kỳ, Tiêu đề 18 Mục 1782, có thể yêu cầu tòa án bang lấy lời khai hoặc tuyên thệ của bất cứ người nào hoặc yêu cầu họ cung cấp tài liệu hoặc tài liệu liên quan phục vụ quá trình tố tụng hình sự ở nước ngoài, bao gồm quá trình điều tra hình sự được tiến hành trước khi có cáo buộc chính thức. Hơn nữa, Phòng Quan hệ quốc tế có thể yêu cầu tòa án liên bang ban hành lệnh khám xét và các biện pháp bắt buộc khác.

### **C.3. Tiếp cận thông tin bảo mật của ngân hàng hoặc bí mật nghề nghiệp**

- Các thông tin mật về tài chính có thể được cung cấp theo lệnh của tòa án nếu cần thiết.
- Các thông tin thuộc đặc quyền pháp lý được bảo mật.

### ***Các biện pháp tạm thời (Lệnh phong tỏa, thu giữ, tạm giữ tài sản)***

### **C.4. Thực thi trực tiếp các lệnh phong tỏa và thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài**

- Đối với các yêu cầu dựa trên một hiệp định hoặc thỏa thuận cho phép cung cấp tương trợ trong quá trình tịch thu (như Công ước Merida), Bộ luật Hoa Kỳ (Điều 28 Mục 2467) cho phép đăng ký và thực thi trực tiếp lệnh tạm giữ tài sản của tòa án nước ngoài để bảo toàn tài sản phải tịch thu hoặc có thể bị tịch thu. Các án lệ gần đây đã đẩy lên những nghi ngờ về việc phán quyết được ra trước khi xét xử vụ án, vì vậy, Bộ Tư pháp đang cân nhắc sự cần thiết phải sửa đổi bổ sung pháp luật để làm rõ mục đích của nghị viện nhằm thực thi các lệnh thu giữ tài sản của tòa án nước ngoài.
- Yêu cầu thực thi lệnh tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài cùng một bản sao có xác nhận về lệnh tịch thu đó phải được gửi tới Bộ trưởng Tư pháp Hoa Kỳ, người sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về việc có chấp nhận yêu cầu đó hay không.

### **C.5. Quyết định đưa ra biện pháp tạm thời trong nước theo yêu cầu của tòa án nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Bộ luật Hoa Kỳ (Điều 28 Mục 2467).
- **Thủ tục:** Phòng Quan hệ quốc tế hợp tác, đại diện cho quốc gia yêu cầu, phối hợp với Ban chống rửa tiền và phong tỏa tài sản có thể yêu cầu tòa án ban hành lệnh tạm giữ tài sản.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Hoa Kỳ có thể tiến hành các hoạt động thu giữ tài sản nếu quốc gia yêu cầu, thông qua bản khai tuyên thệ, xác nhận rằng vụ án đang được điều tra hoặc khởi tố tại quốc gia yêu cầu và có căn cứ hợp lý để tin rằng tài sản cần được tạm giữ đó sẽ được tịch thu khi quá trình tố tụng kết thúc. Yêu cầu này được xây dựng theo một hiệp định hoặc thỏa thuận trong tương trợ tư pháp về vấn đề tịch thu và các căn cứ dẫn tịch thu tài sản của tội phạm nước ngoài phải phù hợp với căn cứ để tịch thu tài sản theo quy định của pháp luật liên bang Mỹ.
- **Thời hạn:** Thời hạn áp dụng lệnh tạm giữ tài sản được ban hành bởi tòa án nước ngoài không bị giới hạn. Nếu quốc gia yêu cầu đã bắt giữ hoặc buộc tội ai đó thì tài sản là đối tượng của lệnh tịch thu có thể bị tạm giữ trong vòng 30 ngày mà không cần phải

có căn cứ xác đáng. Nhưng Hoa Kỳ cũng sẽ tự tiến hành thủ tục tịch thu tài sản hoặc phương tiện phạm tội của tội phạm nước ngoài dựa trên chứng cứ xác đáng mà quốc gia yêu cầu sẽ cung cấp tại một thời điểm sau đó. Lệnh thu giữ tài sản trong vòng 30 ngày có thể được gia hạn nếu có căn cứ xác đáng, ví dụ như chậm trễ trong thu thập chứng cứ hoặc dịch thuật tài liệu, hồ sơ.

### *Tịch thu tài sản*

#### **C.6. Thực thi các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài**

- **Cơ sở pháp lý:** Bộ Luật Hoa Kỳ, Điều 28 Mục 2467.
- **Thủ tục:** Đối với các văn bản yêu cầu thực thi lệnh của tòa án nước ngoài, bao gồm một bản sao lệnh tịch thu, phải được gửi tới Tổng chưởng lý Hoa Kỳ để đưa ra quyết định cuối cùng về việc có chấp thuận yêu cầu hay không. Nếu yêu cầu này được chấp thuận thì Tổng chưởng lý có thể yêu cầu tòa án bang thực hiện tương trợ.
- **Yêu cầu về chứng cứ:** Quốc gia yêu cầu tương trợ cần cung cấp 01 bản sao có chứng thực phán quyết của tòa án và một bản khai tuyên thệ của các cá nhân liên quan trong quá trình tố tụng, bản tóm tắt tình tiết và diễn biến vụ án dẫn đến phán quyết tịch thu, cũng như chứng minh rằng các quyền tố tụng của bị cáo đã được đảm bảo; các cá nhân có quyền lợi liên quan đến tài sản đã được thông báo về quá trình tố tụng và có đủ thời gian khiếu nại quyết định tịch thu tài sản của tòa án và phán quyết có hiệu lực và là phán quyết cuối cùng.

#### **C.7. Phạm vi áp dụng các lệnh tịch thu tài sản không dựa trên phán quyết**

- Hoa Kỳ có thể thụ lý và thực thi phán quyết tịch thu tài sản của tòa án nước ngoài cho dù đó là tài sản cụ thể hoặc hay là yêu cầu chi trả một khoản tiền, dựa trên hoặc không dựa trên cơ sở phán quyết của tòa án.

## **C.8. Tịch thu tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với tài sản bất hợp pháp**

Lệnh tịch thu tài sản trong nước và nước ngoài có thể được áp dụng đối với các tài sản hợp pháp có giá trị tương đương với giá trị tài sản do phạm tội mà có hoặc công cụ phạm tội.

### ***D. Các hình thức tương trợ không chính thức***

- Tương trợ tư pháp có thể được thực hiện bởi Mạng lưới thi hành luật pháp về Tội phạm tài chính (FinCEN) (<http://www.fincen.gov/>) cũng như các cơ quan thực thi pháp luật, giám sát và quản lý của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Tuy nhiên tất cả các yêu cầu tương trợ phải được chuyển qua mạng lưới FinCEN, mạng lưới này hoạt động như một cổng thông tin chính tiếp nhận các thông tin được chia sẻ.
- Hợp chủng quốc Hoa Kỳ vẫn duy trì hoạt động và sử dụng các Văn phòng Tùy viên thực thi pháp luật trong quyền hạn thực thi pháp lý ở nước ngoài của mình, chủ yếu là các Cục điều tra liên bang (FBI), Cục xuất nhập cảnh và hải quan Mỹ (ICE) và Lực lượng chống ma túy (DEA). FBI có hơn 75 văn phòng đặt tại 200 quốc gia. Chi tiết có tại trang web: <http://www.fbi.gov/contact/legat/legat.htm>. Cục xuất nhập cảnh và hải quan Mỹ (ICE) đã có các văn phòng đặt trên 40 quốc gia: Ác-hen-ti-na; Áo; Bra-xin; Quần đảo Ca-ri-bê Ca-na-đa; Trung Quốc; Cô-lôm-bia-a;; Đan Mạch; Cộng hoà Đô-mi-ni-ca; Ê-cu-a-đo Cộng hoà A-rập Ai Cập; El Salvador; Pháp; Đức; Hi Lạp; Guatemala; Honduras; Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc; Ấn Độ; Ý; Ja-mai-ca; Nhật Bản; Jordan; Đại Hàn Dân Quốc; Mê-xi-cô; Vương quốc Maroc; Hà Lan; Paskitan; Panama; Vương quốc Philipin; Cộng hòa Liên bang Nga; Ả-rập Xê-út; Singapore; Nam Phi; Tây Ban Nha; Thụy Sĩ; Thái Lan; Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất; Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland; Cộng hòa Bô-li-va Vê-nê-xu-ê-la; và Việt Nam. Chi tiết có tại trang web:<http://www.ice.gov/international-affairs/><sup>98</sup>.

---

<sup>98</sup> Các nhà hoạt động thực tiễn có thể liên hệ với đại sứ quán Hoa Kỳ gần nhất để xác định văn phòng tùy viên thích hợp.

**Tịch thu tài sản:** Sự tước đoạt vĩnh viễn tài sản thông qua quyết định của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác. Thuật ngữ được sử dụng để thay thế cho thuật ngữ sung công. Việc tịch thu được tiến hành thông qua một thủ tục tư pháp hoặc hành chính nhằm chuyển quyền sở hữu những khoản tiền hoặc tài sản cụ thể để sung quỹ nhà nước. Về nguyên tắc, những cá nhân hoặc tổ chức có lợi ích liên quan trong khoản tiền hoặc tài sản vào thời điểm tịch thu hoặc sung công sẽ mất hết các quyền lợi liên quan<sup>99</sup>.

**(Các) chủ sở hữu hưởng lợi.** (Những) cá nhân nắm quyền sở hữu hoặc kiểm soát sau cùng đối với một khách hàng và/hoặc là người mà thay mặt người đó giao dịch được tiến hành. Thuật ngữ cũng chỉ những người có sự kiểm soát hiệu quả cuối cùng đối với một pháp nhân (như một doanh nghiệp) hoặc một thỏa thuận.

**Cơ quan trung ương.** Đơn vị pháp lý độc lập được một quốc gia thành lập để tiếp nhận các yêu cầu tương trợ tư pháp từ các quốc gia khác. Cơ quan trung ương có thể tự thực hiện các yêu cầu này hoặc chuyển chúng tới cơ quan có thẩm quyền.

**Nhóm các đơn vị tình báo tài chính Egmont.** Sự hợp tác không chính thức của các đơn vị tình báo tài chính vào năm 1995. Ngày nay nhóm này được gọi là Nhóm các đơn vị tình báo tài chính Egmont và các đơn vị tình báo tài chính này gặp gỡ định kỳ để tìm kiếm các giải pháp hợp tác, đặc biệt trong trao đổi thông tin, đào tạo và chia sẻ kinh nghiệm<sup>100</sup>.

**Phán quyết thực thi** (Exequatur ruling). Phán quyết của tòa án trong nước rằng quyết định của tòa án nước ngoài có thể được thực thi tại quốc gia nơi mà tòa án hoạt động.

---

<sup>99</sup> FATF Interpretive Note to Special Recommendation III: Freezing and Confiscating Terrorist Assets, para. 7(c), <http://www.fatf-gafi.org/dataoecd/53/32/34262136.pdf>.

<sup>100</sup> <http://www.egmontgroup.org/about>

**Trình tự tố tụng tư pháp khi chỉ có một bên** (*Ex parte* proceedings). Trình tự tố tụng được tiến hành khi chỉ có một bên và vắng mặt và không có đại diện hoặc sự thông báo của các bên khác.

**Đơn vị tình báo tài chính (FIU).** “Một cơ quan trung ương quốc gia chịu trách nhiệm tiếp nhận (và theo quy định, được yêu cầu), phân tích và phổ biến tới các cơ quan có thẩm quyền, công khai các thông tin tài chính: (i) liên quan đến tài sản được cho là do phạm tội mà có và nhằm tài trợ cho khủng bố, hoặc (ii) theo yêu cầu của pháp luật hoặc quy định trong nước nhằm chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố”<sup>101</sup>.

**Đầu mối.** Một văn phòng hoặc cán bộ chuyên trách được giao nhiệm vụ liên lạc với các quốc gia khác về các yêu cầu tương trợ tư pháp và các vấn đề có liên quan khác và chi tiết liên hệ được thông báo trên mạng internet và/hoặc các phương tiện truyền thông khác.

**Đóng băng tài sản.** Sự ngăn cấm tạm thời việc chuyển nhượng, hoán đổi, định đoạt hoặc di dời tài sản hoặc giả định tạm thời về sự nắm giữ hoặc kiểm soát tài sản dựa trên quyết định của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác<sup>102</sup>. Thuật ngữ này tương đương với phong tỏa và thu giữ.

**Đối nhân.** Có nguồn gốc Latin với ý nghĩa “hướng tới một người cụ thể”. Trong bối cảnh về tịch thu tài sản hay một vụ kiện, thuật ngữ chỉ một vụ kiện chống lại một người cụ thể.

**Đối vật.** Có nguồn gốc Latin với nghĩa “chống lại một vật”. Trong bối cảnh về tịch thu tài sản, thuật ngữ chỉ một vụ kiện để đòi lại một vật hoặc tài sản cụ thể.

**Pháp nhân.** Là các tổ chức công ty, các quỹ tài trợ, các công ty tín thác, công ty hợp danh hoặc các hiệp hội hoặc bất kỳ các tổ chức tương tự nào có thể thiết lập mối quan hệ khách hàng thường xuyên với một tổ chức tài chính hoặc có sở hữu tài sản.

---

<sup>101</sup> Định nghĩa thông qua tại phiên họp toàn thể của nhóm Egmont tại Rome vào tháng 11 năm 1996 đã được sửa đổi tại phiên họp toàn thể của nhóm Egmont tại Guernsey tháng 6/2004.

<sup>102</sup> Điều 2(d) UNCAC.

**Đơn thỉnh cầu.** Một yêu cầu chính thức của tòa **án** gửi một tòa án nước ngoài để được tương trợ tư pháp. Hình thức này cho phép cơ chế liên lạc chính thức giữa một thẩm phán, công tố viên hoặc cán bộ thực thi pháp luật của một quốc gia với các cán bộ đồng cấp với họ ở một quốc gia khác. Đây là một hình thức đặc biệt của tương trợ tư pháp.

**Hiệp định Merida.** Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

**Tương trợ tư pháp.** Hỗ trợ của một quốc gia dành cho một quốc gia khác nhằm thực thi pháp luật, bao gồm việc xác định những cá nhân và tài sản cũng như hỗ trợ phong tỏa, thu giữ hoặc sung công tài sản hoặc công cụ tội phạm.

**Hiệp định về tương trợ tư pháp (MLAT).** Một hiệp định song phương thiết lập những nghĩa vụ rõ ràng và bắt buộc giữa hai quốc gia trong hợp tác về tương trợ tư pháp và xây dựng các thủ tục hiệu quả và toàn diện để áp dụng. Các hiệp định này thường không bị giới hạn về nội dung đối với các loại hình tội phạm mà được áp dụng đối với bất cứ hoạt động tội phạm nào trong phạm vi điều chỉnh của nó. MLAT thường tăng cường mối quan hệ giữa các quốc gia ký kết hơn là các hiệp định đa phương và thường được xây dựng trên cơ sở phù hợp với mối quan hệ giữa các quốc gia.

**Quốc gia yêu cầu.** Quốc gia yêu cầu được một quốc gia khác tương trợ tư pháp nhằm hỗ trợ quá trình điều tra hoặc truy tố hoặc thực thi một phán quyết.

**Công ước Palermo.** Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

**“Những người có ảnh hưởng chính trị” (PEPs).** Là những cá nhân được hoặc đã được giao phó các chức năng công đặc biệt, ví dụ như những người đứng đầu nhà nước hoặc chính phủ, các nhà chính trị cao cấp, các quan chức cao cấp trong chính phủ, tòa án hoặc quân sự, cán bộ cao cấp trong các doanh nghiệp quốc doanh, quan chức quan trọng của đảng phái chính trị. Mối quan hệ kinh doanh với



các thành viên gia đình hoặc cộng sự thân thiết của PEPs cũng hàm chứa những rủi ro liên quan đến uy tín tương tự như khi quan hệ với chính các PEPs. Định nghĩa này không có ý bao hàm những người giữ chức vụ trung bình hoặc thấp hơn trong các cơ quan nêu ở trên<sup>103</sup>.

**Quốc gia được yêu cầu.** Quốc gia được yêu cầu cung cấp tương trợ cho một quốc gia khác với mục đích hỗ trợ một cuộc điều tra hoặc truy tố hoặc thực thi một phán quyết.

**Phong tỏa tài sản.** Xem thuật ngữ Đóng băng tài sản.

**Các quốc gia thành viên.** Một quốc gia đã phê chuẩn hoặc gia nhập một hiệp định cụ thể và chịu ràng buộc bởi các quy định của hiệp định.

**Báo cáo giao dịch đáng ngờ (STR).** Một báo cáo được xây dựng bởi một tổ chức tài chính hoặc một tổ chức có nghĩa vụ báo cáo khác về một giao dịch đáng ngờ hoặc một hành vi đáng ngờ. Báo cáo được gửi tới đơn vị tình báo tài chính của quốc gia; còn được gọi là Báo cáo hoạt động đáng ngờ (SAR).

**Hiệp định Vienna.** Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp ma túy và các chất hướng thần.

<sup>103</sup> FATF Forty Recommendations, Glossary. <http://www.fatf-gafi.org/glossary/0,3414,en,322503079,32236889,35433764,1,1,!,,00.html#34285860>.

# **NHỮNG RÀO CẢN TRONG CÔNG TÁC THU HỒI TÀI SẢN**

---

Biên dịch:  
**Vụ hợp tác Quốc tế - Thanh tra Chính phủ**

**NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG**  
Số 175 Giảng Võ - Hà Nội  
Điện thoại: 04 38515380; Fax: 04 38515381  
Email: nxblaodong@fpt.vn  
Website: www.nxblaodong.com.vn

**Chi nhánh phái Nam**  
Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: 08 38390970; Fax: 08 39257205

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**  
Võ Thị Kim Thanh

**Biên tập:** Thu Nga - Lan Anh

**SÁCH KHÔNG BÁN**





**T**heo ước tính, hằng năm, các quốc gia đang phát triển thất thoát từ 20 đến 40 tỷ đô-la Mỹ vì nạn hối lộ, biển thủ công quỹ và tham nhũng. Vì thế, chỉ trong vòng 15 năm, khoảng 300 đến 600 tỷ đô-la Mỹ đã bị thất thoát. Hầu hết những tài sản bị đánh cắp từ các quốc gia đang phát triển đã được chuyển đi và cất giấu ở nước ngoài. Đáng tiếc là, trong vòng 15 năm trở lại đây, các quốc gia mới chỉ thu hồi được 5 tỷ đô-la Mỹ.

Khoảng cách quá lớn giữa tỷ lệ tài sản được thu hồi với số tài sản thực sự thất thoát cho thấy những khó khăn nghiêm trọng đang cản trở quá trình thu hồi tài sản. Để giải quyết vấn đề này, Sáng kiến Thu hồi Tài sản thất thoát (StAR) đã công bố ấn phẩm *Những rào cản trong công tác thu hồi tài sản*, một công trình nghiên cứu được xây dựng công phu, phân tích những rào cản cũng như tác động tiêu cực của chúng.

Hợp tác quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc truy tìm và thu hồi tài sản thất thoát. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng đã xây dựng một nền tảng vững chắc để tăng cường những hành động tập thể - như đã được cam kết mạnh mẽ bởi các chính phủ, tổ chức xã hội dân sự và khu vực tư nhân - nhưng không thể là liều thuốc chữa bách bệnh, bởi có những rào cản không thể được vượt qua chỉ bằng việc phê chuẩn công ước này.

Được xây dựng bởi những nhà hoạt động thực tiễn có nhiều kinh nghiệm, mục đích của nghiên cứu này là nhằm cung cấp thông tin cho các nhà làm luật về những thách thức trong thu hồi tài sản và những khuyến nghị mang tính thực tiễn để hỗ trợ các quốc gia xây dựng những chính sách hiệu quả để thu hồi tài sản hiệu quả hơn. Nhóm G-20, các tổ chức quốc tế, các tổ chức tài chính, các cơ quan phát triển và tổ chức xã hội dân sự đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả thực thi các khuyến nghị này.

StAR - Sáng kiến thu hồi tài sản bị đánh cắp - là kết quả của sự hợp tác giữa Nhóm Ngân hàng Thế giới và Cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc (UNODC) nhằm hỗ trợ các nỗ lực quốc tế nhằm xóa bỏ nơi ẩn náu an toàn của tài sản tham nhũng. StAR làm việc với các quốc gia đang phát triển và trung tâm tài chính để phòng ngừa tẩy rửa tài sản tham nhũng và tạo điều kiện để công tác thu hồi tài sản thất thoát được thực hiện có hệ thống và kịp thời hơn.



Sáng kiến Thu hồi tài sản thất thoát  
Ngân hàng Thế giới • UNODC

